



Tập-San

ĐẠI-ĐẠO TAM KỲ PHỔ-ĐỘ
(Bát thập tứ niên)
Tòa-Thánh Tây-Ninh

THẾ ĐẠO



* Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống

(Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc thuyết giảng)

(Bản dịch Đào Công Tâm & Chris Harney)

* Bí Pháp dâng Tam Bửu :Luận giải lời dạy
của Đức Hộ Pháp (tiếp theo) (HT Lê Văn Thân)

* Quan niệm Tu Thân theo Nho Gia”

(Bác Sĩ Nguyễn Văn Thọ)

Tập mới

số 42

10-2009



NORTH JACKSON DENTAL GROUP

NGUYỄN HỮU TUỜNG, D.D.S. & TÔ MỸ HUỆ, D.D.S



Tel. 408. 923. 8272

125 N. Jackson Ave, Ste 104 San Jose, CA 95116

(Cạnh Alexian Brothers Hospital, giữa Alum Rock Ave và McKee Ave.)

- Tốt nghiệp bác sĩ Nha khoa tại University of the Pacific, San Francisco.
- Tốt nghiệp ưu hạng và được tuyển chọn vào hội danh dự Nha khoa toàn quốc.
- Được giải thưởng xuất sắc về làm răng giả các loại.
- Được giải thưởng xuất sắc về chăm sóc nha khoa toàn diện.
- Được giải thưởng về "Need, character, and scholarship"
- Tẩy trắng răng (In Office Bleaching) tại chỗ, hiệu quả nhanh chóng
- Có máy Laser trị ê răng rất hiệu quả và trám răng không cần gây tê.
- Có máy Digital X-Ray, chụp bằng computer, giảm tia quang tuyến
- Có Intra Oral, chụp hình màu trong miệng thấy rõ những gì cần phải làm
- Niềng răng bằng Invisalign trong suốt không cần đeo Braces
- Làm răng giả loại mềm (Flexible Denture) không thấy kim loại
- Có máy CEREC, làm Crown tại chỗ, chỉ trong 1 lần hẹn

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Hai - Thứ Bảy

9AM - 6 PM

TẬP SAN THẾ ĐẠO

Quartly Magazine

Issue 42, October 2009



Published by

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

A Religious Nonprofit Organization

3076 Oakbridge Dr

San Jose, CA 95121-1716

Phone # 408-238-6547

Fax # 408-440-1372

Mục Lục



- 01 Con đường Thiêng Liêng Hằng Sống
(Đức Hộ Pháp thuyết giảng) ----- 003
- 02 The Divine Path to Eternal Life
(Đào Công Tâm & Chris Harney dịch) --- 017
- 03 Thử tìm hiểu Con Đường Thiêng Liêng
Hằng Sống (HT Hồ Văn Hoàng & HT
Nguyễn Kim Minh) ----- 038
- 04 Bí Pháp dâng Tam Bửu: Luận giải
lời dạy của Đức Hộ Pháp (tiếp theo)
(HT Lê Văn Thêm) ----- 053
- 05 Liên Lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại ----- 080
- 06 Phân Ưu ----- 082
- 07 Danh sách đồng đạo/Thân hữu/Cơ Sở
yểm trợ Tập San Thế Đạo ----- 087
- 08 Đối thoại giữa Kim Dung & Vương Mông
(Anh Tú) ----- 090
- 09 Thông Báo/Tin Tức Tóm Lược ----- 095
*Thông Báo Đại Hội Hiền Tài
bang Texas ----- 096
- 10 Tin tức tóm lược - Xây cất Thánh Thất --- 100
- 11 Lược sử khai đạo-Hội Thánh Ngoại Giao
(HT Nguyễn Trung Đạo) ----- 109
- 12 Nguồn gốc & ý nghĩa các Cổ Pháp
Đạo Cao-Đài (HT Mai Văn Tìm) 118
- 13 Quan niệm tu thân theo Nho gia
(Bác Sĩ Nguyễn Văn Thọ) ----- 127
- 14 Nho giáo đại cương (tiếp theo)
(Nguyễn Ước) ----- 156
- 15 Giáo hội tiên khởi: Một biểu tượng chói
lòa nhất về ý nghĩa của tôn giáo trong
xã hội con người (Nguyễn Anh Tuấn) ---- 181

(tiếp theo từ các TSTĐ trước)

26.- Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Đền Thánh đêm 8 tháng 2 năm Kỷ-Sửu (07-03-1949).

**PHƯƠNG-PHÁP TỰ-TRỊ CỦA CÀN-KHÔN VŨ-TRỤ
LÀ TA TỰ-TRỊ LẤY TA**

Hôm nay chúng ta rủ nhau đục-tấn trên con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống.

Thưa cùng chư Chức-Sắc Thiên-Phong Cửu-Trùng-Đài và Hiệp-Thiên-Đài, Nam Nữ và mấy vị Lão thành. Bản-Đạo từ khi giảng Đục-Tấn trên con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống, cốt ý giảng cho mấy anh mấy chị để vào cân não. Từ hôm nào tới nay lấp-

Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống
(Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc thuyết giảng)

giáp, nói nhiều quá cho anh chị được mở tinh-thần, dám chắc rằng sự nguy-ngập chưa đến nước đó.

Bản-Đạo chỉ có nắm tay các người dẫn đi vào cảnh ấy cho mấy người quan-sát tự mình hiểu lấy mình dễ hơn, thuyết-giáo e sợ mấy người không trọn thấu được, mình thấy để nhớ nhập trong cảnh ấy rồi mới có sự thật, mà Đức Chí-Tôn muốn cả con cái của Ngài thấy cả sự thật mà thôi, không muốn cho thấy ảo-ảnh, Chơn-Truyền của Đức-Chí-Tôn đại kỳ điều ấy. Nếu thoảng như nhà tịnh-thất chưa mở ra đặng, lối ấy không phải nơi Bản-Đạo, lo nội Thể-Pháp mà 24 năm trường nhọc-nhần không biết bao nhiêu khổ tâm, khổ trí, từ tuổi xanh đến bạc đầu mà chưa rồi sáu bảy phần mười. Bản-Đạo xin thú thật rằng không có cái nạn làm nô-lệ nào một cách vô lối như Bản-Đạo đã làm.

Hỏi ra không phải phận-sự của Bản-Đạo mà Bản-Đạo phải làm nhiều khi ngồi buồn muốn phế hủy, ngặt dìm lại thấy con

cái của Đức Chí-Tôn không người diu-dắt, phế bỏ mà không phế bỏ được. Mặt đời là kiếp sanh tức nhiên phần xác còn chịu nhọc-nhăn không lẽ phân hồn mà phế bỏ.

Bần-Đạo xin giảng tiếp và dắt chúng ta ra khỏi Nam-Tào Bắc-Đẩu, khi thấy quyển Vô-Tự-Kinh rồi thì mình đã hiểu căn phần quả-kiếp của mình, mạng căn kiếp số đều hiểu nơi Cung ấy. Ngày nay Bần-Đạo giảng tiếp cái chánh-trị của Càn-Khôn Vũ-Trụ, từ trước Bần-Đạo đã có nói cái quyền của họ do nơi đâu mà có? Phương-pháp trị Càn-Khôn Vũ-Trụ xét ra là phương-pháp tự-trị, ta trị ta, cả nhưn-loại tự-trị lấy mình. Càn-Khôn Vũ-Trụ mình-mong đại hải, vô biên, vô giới nếu lập luật, định quyền, thì không có quyền nào cầm nổi. Cả sự sanh-hoạt của Càn-Khôn Vũ-Trụ cái hay hơn hết là cái bí-mật huyền-vi của mỗi cá-nhân đều tự-trị lấy mình, ấy là chúng ta đoạt được huyền-bí vô biên xử đoán của Đức Chí-Tôn đó vậy, là chính mình tự-trị lấy mình.

Bần-Đạo đã nói cái án không có chối, cái tội không có cãi, vì chính mình trị lấy mình, chính mình xử-đoán cho mình và chính mình định hình-phạt cho mình, thì ai đâu chối nữa được, còn miệng lưỡi nào mà chối cho mình, đó là quyền đã vững chắc đó vậy.

Cá-nhân tự-trị, chánh-trị của Càn-Khôn Vũ-Trụ không có gì khác, chỉ khác cái đó. Duy có huyền-bí vô biên của Đức Chí-Tôn là trường Quan-Lại của Ngài, đặt định cho Càn-Khôn Vũ-Trụ sanh-hoạt mà thôi, không có giá-trị gì hết, mỗi Chơn-Linh đều có quyền tự-trị lấy mình, bây giờ nền chánh-trị đã vững-vàng chắc-chắn vậy (trong phương-pháp Thiêng-Liêng kia nó đã chắc-chắn không có gì ộp (?) được), chắc-chắn mạnh-mẽ oai-quyền làm sao! Bây giờ ta xét thấy nền chánh-trị đã vững chắc, cả tinh-thần của Càn-Khôn Vũ-Trụ hiệp làm một đặt mình trị lấy mình.

Bần-Đạo có nói rằng: Chúng ta chỉ sợ tội lung hơn hết, khổ não hơn hết, là mình thấy Tông-Đường mình bị tội nơi cảnh Thiêng-

Liêng Hằng-Sống, trụ số Tông-Tộc Thiêng-Liêng của mình trên cảnh Thiêng-Liêng Hằng-Sống kia họ chịu nhục-nhã về mình, chịu chê bai biếm nhẽ, vì mình mà bị từ bỏ, dọa nạt trên cảnh Thiêng-Liêng Hằng-Sống và mất giá-trị. Cái đó mới đáng sợ. Vì cơ cho nên Bần-Đạo chỉ vẽ cái thiệt-tướng của Càn-Khôn Vũ-Trụ, tức nhiên cái chơn-lý của Càn-Khôn Vũ-Trụ, chơn-lý ấy hỏi nơi thế-gian này có đoạt được chăng? Có chứ!

Bần-Đạo chỉ nói cho cả thầy đều ngó thấy Việt-Chủng của chúng ta, tức nhiên văn-minh của Trung-Hoa đoạt được trước hết, đoạt được cơ-quan võ-khí. Bần-Đạo đã nói trái địa-câu này chuyển kiếp lụng lại, nó đi đã ba chuyển kiếp rồi. Kiếp trước nó đi đến Thất-Chuyển, đã bị tiêu-diệt cái hình-hài của nó, nó biến hình của nó, trái địa-câu này nó đã đi đến Tam-Chuyển của nó rồi, chừng tới Thất-Chuyển nó sẽ tiêu-diệt nữa, hay biến-tướng trở lại Tam Chuyển nữa. Bốn chuyển đầu tạo-đoan ra Dã-nhơn và Hắc-chủng.

Nhứt-Chuyển thì họ duy có tự-vệ mà thôi, hoặc rủ một vài người với phương-pháp tự-vệ mà thôi, vì buổi ấy thú mạnh hơn người, cho nên xã-hội thời-kỳ ấy tự-vệ mà thôi. Tới Đệ Nhị-Chuyển là thời-kỳ nghệ-thuật, tức nhiên kiếm phương-thế để tự-lập mình, bày ra binh khí hiệp nhau. Mương Mán này hiệp với Mương Mán khác, đặng chống-chọi với thú dữ, cơ trời buổi ấy không được hiền từ như bây giờ. Đệ Nhị-Chuyển thiên-hạ bất định nhiều bịnh chướng, nhiều cơ-quan tiêu diệt loài người nên phải tự-vệ. Muốn tự-vệ được mạnh-mẽ thì họ phải tự kiếm ra cho có binh khí, thứ này thứ kia đặng họ tự-vệ họ kêu là nghệ-thuật. Đệ Tam-Chuyển xã-hội hiệp chủng, khởi có chủng-tộc và xã-hội, mà xã-hội là gì? Là hình ảnh chánh-trị Thiêng-Liêng kia, suy xét chơn-lý kiếm lại coi, giờ phút này đã mãn Tam-Chuyển bắt đầu Thượng-Ngươn Tứ-Chuyển là hồi nhơn-loại tương hợp với nhau, cả thầy nơi mặt địa-câu này, tức là thuyết Đại-Đồng. Nhơn-loại đem để nơi mặt địa-câu này một nền chánh-trị cho vững chắc mới hiệp đặng, tức nhiên khởi mầm để tạo ra chánh-trị Hiệp-Chủng Đại-Đồng cho nhơn-loại. Ấy vậy nước Tàu đã đoạt được Bí-Pháp ấy, các Tông-Đường như họ này qua họ kia:

Họ Lưu, họ Trần, họ Lê, họ Lý mỗi họ đều có Tông-Đường để trị lấy họ, bởi cơ cho nên nhà Vua không bao giờ khó trị, phần tử trong Tông-Đường nào mà phạm vào tội gì, thì cả Tông-Đường phải chịu trách-nhiệm với Triều-Chánh. Vì cơ cho nên, nên chánh-trị của nước Trung-Hoa tối cổ vững chắc mạnh-mẽ phi thường, nếu có nghiêng đổ là tại họ phế cổ từng kim, làm cho hủy-hoại nên chánh-trị tối cổ quý báu mạnh-mẽ xưa kia vậy. Phương-pháp chánh-trị Càn-Khôn Vũ-Trụ cũng vậy. Còn nước Việt-Nam là nòi giống Trung-Hoa, của người Tàu, thì chúng ta đã có nền chánh-trị về Tông-Đường đó muốn cho thiên-hạ hiệp lại đại-đồng thì ít ra các Tông-Đường phải hiệp trước đã, phải đi từ cái nhỏ mà đến cái lớn.

Cái mầm Tông-Đường hiệp nhau là vậy, cho nên Bần-Đạo khuyên nhủ Phước-Thiện tạo dựng Tông-Đường trở lại như xưa vậy là cái Bí-Pháp ấy muốn Đại-Đồng, là cơ-quan chánh-trị của nước Việt-Nam, là bản-nguyên quý hóa, bản-nguyên chấn-chấn hơn xưa vậy./.

27.- Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Đền Thánh đêm 12 tháng 2 năm Kỷ-Sửu (11-03-1949).

BÍ-PHÁP GIẢI THOÁT CHO CHÍNH MÌNH

Hôm nay Bần-Đạo giảng tiếp sự dục-tấn của chúng ta trên con Đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống. Bần-Đạo đã có nói rằng: Khi cúng rồi cả thấy đều mệt vì cơ cho nên giảng Đạo không được dài lắm, vả lại, khi nào thuyết-pháp mà đạo đi đạo lại đã nghe không được còn thêm mệt, nên Bần-Đạo thuyết vừa đủ chừng không cho nhạo tiếng, nếu thuyết dài quá thành ra nhảm-nhí, nói cụt quá thì không đủ đề thuyết không hay, thành thử phải gom-góp thế nào cho vừa chừng, cả thấy con cái của Đức Chí-Tôn không có mệt và vui nghe. Đêm nay Bần-Đạo giảng có hơi dài và lâu chút có mệt xin lỗi, xin tha thứ.

Bần-Đạo giảng kỳ rồi vô Cung Phục-Linh, đêm nay giảng dài dài một chút vì bài giảng hôm nay có Bí-Pháp giải-thoát của

mình, Bản-Đạo cho hiểu trước cái cơ Bí-Pháp huyền vi Đạo-Giáo của Đức Chí-Tôn có cơ giải-thoát. Bài giảng đêm nay rán để ý cho lắm.

Bản-Đạo đã giảng khi vô Cung Phục-Linh thì chúng ta sống lụng lại nhờ Đức Phật Phục-Linh Tánh-Phật gìn-giữ cho nguyên kiếp của chúng ta, phục-linh lụng lại, qui tựu chơn-linh lụng lại. Ở trên Thượng-Nê-Hoàng thì có Hộ-Pháp bắt ấn giữ cả Ngươn-Linh chúng ta cho vững chắc, chúng ta sống nơi Cung ấy có hồi mê-muội đặng cho quên cả kiếp trước của mình.

Linh-hồn chúng ta đi đặng nhập mình chúng ta sống lụng lại, không biết chừng muôn triệu kiếp từ trong vật loại dĩ chí tới phẩm nhơn-loại, biết bao nhiêu kiếp, lâu chừng nào kiếp căn nhiều chừng nấy. Khi chúng ta thác qua sống lại, cơ huyền-bí làm cho chúng ta nhập vô trong Ngươn-Linh của chúng ta. Ngươn-Linh ấy nó đoán xét muôn muôn quả kiếp chẳng khác gì xét đoán tội nhơn kia vậy, vì cơ cho nên Bản-Đạo có nói mỗi đứa sẽ làm Tòa lấy mình, xử lấy mình là vậy. Cái xử mình còn nghiêm-khắc mà xử lấy mình nữa, mình xử cho mình hỏi còn ai bào chữa cho. Bản-Đạo nói rằng: Cái án không cãi, cái tội không có chối, cái hình-luật không có tránh. Tránh thế nào được, chối thế nào được vì mình xử lấy mình chối thế nào được, Ngươn-Linh của mình xử mình, Ngươn-Linh của mình làm chủ cả quả kiếp, quả kiếp của mình, trái lại nó xử tội mình thì còn ai mà bào chữa cho.

Ấy vậy mà có phương-pháp bào chữa chớ, có mà không biết. Mình có thể tự mình làm trạng-sư đặng bào chữa tội cho mình. Vì khi mình đương sống đây muôn triệu kiếp, mình biết cái lỗi của mình, tức nhiên Ngươn-Linh của mình cãi cho mình, cái Ngươn-Linh cãi tội cho các Chơn-Linh, cãi cho mình thì ngày kia không có bắt tội mình nữa. Ấy vậy chơn-pháp chữa tội của các Chơn-Linh cao siêu đoạt Đạo, để lại chơn-pháp rất đơn giản mà nhơn-sanh đương dùng không tìm-tàng cái trọng-hệ của nó, không tìm phương giải-thoát mình. Phải chăng phương-pháp “Nhứt nhứt tam tỉnh ngô thân” không phải một ngày mình thăm Cha Mẹ mình một lần mà còn phải xét mình ba lần nữa.

Hỏi thử tội tình của chúng ta đã làm trong kiếp sanh, Đức Chí-Tôn để trong phương pháp nói rằng: Tội tình các con đầy dẫy nơi mặt địa-cầu này mà đến giờ chót, các con biết kêu danh Thầy thì Thầy đến cứu, Thầy đem Bí-Pháp giải-thoát để trong tay các con đặng các con đoạt chơn-pháp giải-thoát đó vậy. Kêu danh Thầy là: “Nam-Mô Cao-Đài Tiên-Ông Đại-Bồ-Tát Ma-Ha-Tát”.

Chúng ta đã ngộ thấy, Bần-Đạo đã thuyết-minh rằng: Khi Ngươn-Linh của chúng ta đã hiện-tượng của nó, thì nó đồng tánh với Càn-Khôn Vũ-Trụ, đồng tánh với Chí-Linh là đoạt Đạo. Càn-Khôn Vũ-Trụ là nơi sản-xuất Đấng ấy mà Đấng ấy đồng tánh với nhau, tức nhiên Đấng ấy có quyền tự giải-thoát cho mình. Vì cố cho nên kêu danh Đức Chí-Tôn thì đoạt cơ giải-thoát, dầu tội tình bao nhiêu chúng ta đã tạo thành nơi mặt địa-cầu này, dầu có đầy-dẫy đi nữa mà giờ chót chúng ta biết kêu danh Đức Chí-Tôn tức nhiên biết kêu Ngươn-Linh của chúng ta, tức nhiên chúng ta chối cái quyền làm Tòa buổi chung qui của chúng ta. Hễ ta chối cái quyền làm Tòa thì còn ai xử ta đâu? Đấng Chí-Linh duy chủ mà để quả-kiếp trong tay Đấng Chí-Linh thì còn ai xử ta đâu, cơ quan giải-thoát đoạt-pháp là vậy đó.

Bây giờ chúng ta thử, Bần-Đạo nói Chơn-Linh hiện-tượng ra rồi dường như có quyền năng vô tận, biểu Ngươn-Linh phải đến Chí-Linh, bởi vì Càn-Khôn Vũ-Trụ đồng âm-đức của nó, nó hiện-tượng với cơ huyền-vi bí-mật, bởi đồng tánh, đồng Chí-Linh với Đấng tạo Càn-Khôn Vũ-Trụ bởi vậy cho nên nó mới biết.

Bần-Đạo dám chắc rằng và Bần-Đạo biết trái Địa-Cầu này nó có đến ba ngàn triệu, ba ngàn triệu (3.000.000.000) biết bao nhiêu hơn-sanh, Chúng ta tính gộp nội trái địa-cầu 68 này, nhỏ hơn hết mà hơn-loại ở nơi mặt trái địa cầu này có hơn hai ngàn bảy trăm triệu hơn loại (2.700.000.000).

Trong Càn-Khôn Vũ-Trụ có tới ba ngàn triệu quả địa-cầu thì biết bao nhiêu hơn-loại? Tưởng-tượng lại coi Đấng Chí-Linh

cầm quyền trọn vẹn, cầm quyền xử đoán, hễ tác-phước thì xưng danh Ngọc-Hoàng Thượng-Đế, hễ bớt tội thì Đại Thiên-Tôn. Đấng ấy làm chủ có lạ gì đâu? Bởi trái Địa-Cầu từ vật-loại cho đến con người nó có linh-hồn của nó, mà Ông làm Chúa cả sanh mạng của nó, tồn tại chẳng khác nào như thân-thể chúng ta. Thử hỏi sợi lông nheo của chúng ta nó ngứa có động đến thân-thể chúng ta chẳng? Ngón tay nó bị lột phao chúng ta có biết đau không? Trong Càn-Khôn Vũ-Trụ này nhứt động nhứt tĩnh Ông đều biết, các vật loại đâu đâu Ông cũng đều thấu đáo. Bởi vì chính thân-thể của Ông là cơ-quan giải-thoát. Bí-mật là vậy đó.

Bây giờ Bản-Đạo tả hình ảnh Ngọc-Hư-Cung, khi chúng ta có hạnh-phúc được nhập vào cùng các Đấng Thiên-Liêng kia, chúng ta mới biết định-phận của chúng ta như thế nào. Bản-Đạo nói, khi chúng ta đến đứng ngoài, nhứt là Cung Phục-Linh, chúng ta thấy đài các nguy-nga, chớnh-chở, chói lòa như hột ngọc giữa không trung. Khi bước vô rồi thấy chiếu-diệu hào-quang, ngược mặt lên thấy Càn-Khôn Vũ-Trụ xanh biếc trước mặt, cũng như khi chúng ta đứng giữa Bát-Quái-Đài, thấy ngôi-vị đẳng cấp Thiên-Liêng từ mức, có Đức Chí-Tôn ngự nơi Huỳnh-Kim-Khuyết kia vậy, ngó xuống thấy cả triều-đình vô tận vô biên oai-quyền trị thế.

Thiên-hạ muôn trùng vạn điệp cũng không khi nào qua khỏi. Cái nền chánh-trị Càn-Khôn Vũ-Trụ thế nào mà nắm vững chắc nó đặng? Cái nền chánh-trị hữu-vi của chúng ta cũng thế, định quyền của họ là gì? Định quyền, cầm quyền chánh trị Càn-Khôn Vũ-Trụ là gì? Là trị kẻ dữ, mà cái quyền đó nó đơn giản làm sao đâu. Muốn trị kẻ dữ chưa cần Tòa lên án, chưa có ngục để nhốt kẻ tội, muốn thưởng kẻ lành không cần Vương-Đế, không cần phần thưởng, không cần quyền năng phẩm-vị cao thấp, họ không có quyền gì hết, bởi vì cái Ngươn-Linh của chúng ta định án ta, xử lấy ta, tức nhiên nền chánh-trị Càn-Khôn Vũ-Trụ đơn giản quá chừng. Luật khó khăn hơn hết là trị tội và thưởng công, mà hai điều ấy không có cần, thì nền chánh-trị Càn-Khôn Vũ-Trụ để làm gì? Để đặng bảo thủ sanh tồn Càn-Khôn Vũ-Trụ.

Để bảo thủ là gì? Tức nhiên phụng-sự cái quyền cầm-quyền chánh trị Càn-Khôn Vũ-Trụ, tức nhiên để phụng-sự cho Vạn-Loại và Vạn-Linh.

Càn-Khôn Vũ-Trụ ấy để làm tôi của nó để phụng sự cho Vạn-Linh, từ thử tới giờ chưa có quyền nào dị hợm vậy. Không có quyền nào vô đối vô đoán như vậy. Vì cơ cho nên cái bí-mật của nhơn-loại đem hình ảnh hữu-hình này, làm con vật tại thế-gian này có mục đích tối trọng tối Thiêng-Liêng. Đến đặng phụng-sự cho nhơn-loại, Vạn-Linh của mức hữu hình, phụng-sự đặng định-phận cho chúng ta. Vì cơ cho nên mới có cái thuyết định-phận. Hễ phụng-sự đắc lực thì đoạt-vị đặng, còn phụng-sự bất lực thì phạm tội.

Cơ-quan giải thoát Bản-Đạo lập lại một lần nữa và nói quả quyết rằng: Cơ-quan giải-thoát của Đức Chí-Tôn do nơi công-nghiệp của chúng ta phụng-sự cho Vạn-Linh đó vậy ./.

28.- Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Đền Thánh đêm 22 tháng 2 năm Kỷ-Sửu (21-03-1949).

LINH-TIÊU-ĐIỆN (NGỌC-HƯ-CUNG) & TRIỀU-NGHI CỦA ĐỨC CHÍ-TÔN

Đêm nay Bản-Đạo giảng tiếp con đường dục-tấn của chúng ta trên con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống.

Kỳ trước Bản-Đạo đìu-dẫn chư Hiền-Hữu vào Linh-Tiêu-Điện (Ngọc-Hư-Cung). Đêm nay Bản-Đạo giảng tiếp, trước khi tiếp Bản-Đạo có những điều trọng-yếu căn dặn. Từ ngày Bản-Đạo giảng cái Bí-Pháp ấy, Bản-Đạo vẫn câu nguyện với Đức Chí-Tôn luôn, bởi vì nó có nhiều điều khó-khăn, những điều mà mình ngó thấy bằng con mắt Thần, lấy cái nhân-khẩu của mình mà tỏ chẳng hề khi nào đúng chắc đặng. Bản-Đạo thú thật rằng mười phần có lẽ Bản-Đạo tả đặng năm hay bảy phần là nhiều, sợ còn kém hơn nữa, Bản-Đạo chỉ có câu-nguyện với Đức Chí-Tôn cũng như hồi trước Tam-Tạng đi thỉnh kinh nơi Ấn-Độ. Ngài là người Tàu mà kinh viết tiếng Phạn, muốn dịch ra

rất khó lắm, lấy cả Kinh-Luật trong trong tiếng Phạn đem ra rất khó cho Ngài lắm, cho nên Ngài đại nguyện Ngài làm thế nào Ngài rán sức Ngài âm tiếng Phạn ấy ra chữ Nho. Ngài chắc ý Ngài âm tiếng Phạn ấy chưa đúng, Ngài có hứa chùng nào mà tôi qui liễu, nếu trong Kinh-Luật Đạo-Giáo mà tôi không minh tả ra đặng thì khi chết cho cái lưỡi tôi đen, nếu tôi tả trọn vẹn thì cho cái lưỡi tôi đỏ.

May phước Bắc Tông được hưởng một ân-huệ của nhà Phật đã ban ân riêng cho Đức Tam-Tạng, khi Ngài chết người ta vạch lưỡi của Ngài ra coi thì lưỡi của Ngài đỏ, vì cố mà chơn-giáo của nhà Phật là Bắc-Tông có thể nhờ Đức Tam-Tạng đã minh tả ra trọn vẹn.

Ngày nay Bần-Đạo mỗi phen lên giảng về Bí-Pháp thì cầu-nguyện với Đức Chí-Tôn cho sáng-suốt, mà biết vẫn còn thiếu kém không thể gì tả bằng con mắt Thần của mình đã ngó thấy đặng trọn một bài.

Nếu thoảng như Đức Chí-Tôn ban ân riêng trong nền Thánh-Giáo của Ngài có cả Thánh-Thể của Ngài đoạt Pháp đặng, thấy đặng, có lẽ cũng chính thêm, giùm giúp tay với Bần-Đạo mới toàn-thiện toàn-mỹ đặng.

Ngày nay Bần-Đạo giảng tiếp khi vô Linh-Tiêu-Điện lúc mới tới ngoài, chúng ta ngó thấy lầu các nguy-nga, Bần-Đạo có nói dầu cho vị kiến-trúc-sư nào mà ngó thấy nó rồi thì mơ-mơ mộng-mộng hoài, mơ-mộng cái vẽ đẹp ấy, sợ tới điên chết mà thôi, không thể gì tưởng-tượng được cái đẹp cái khéo của nó đặng. Lầu các cất bằng ngọc muôn hình ngàn tượng, hễ chúng ta muốn tưởng-tượng cái gì thì có hiện tượng ra cái ấy, quyền-phép vô biên của Đức Chí-Tôn từ trước đã thành tượng, nó là vạn pháp thành hình, nó huyền-diệu vô biên vô đối, không thể gì tả đặng. Khi chúng ta bước vô dóm lên thấy Càn-Khôn Vũ-Trụ minh-mông đại-hải, chúng ta thấy từ trên dài tới dưới, một triều-chánh không có miệng lưỡi nào tả cho đặng oai-nghiêm huyền-bí làm sao đâu!!! Trên hết chúng ta ngó thấy Đức Chí-Tôn ngự với cái

triều-nghi của Ngài là Huỳnh-Kim-Khuyết (Lát nữa Bần-Đạo sẽ tả cái hình ảnh của Ngài).

Nơi Huỳnh-Kim-Khuyết trên đầu của Ngài nơi xa xa chúng ta thấy vọi vọi, xa nữa chúng ta thấy ba vị Phật mà hiện giờ ta thấy tượng hình trên nóc Bát-Quái-Đài là Brahma Phật, Civa Phật và Christna Phật. Ngự trên nữa xa hơn nữa cao vọi-vọi xa-xăm hơn nữa chúng ta không thể gì tưởng-tượng được, con mắt mình ngó thấy như một đạo hào-quang chớp nhoáng mà không có hình-ảnh gì hết, chiếu-diệu trên cái triều-nghi của Ngài là Huỳnh-Kim-Khuyết, mà dưới Huỳnh-Kim-Khuyết là Cửu-Phẩm Thần-Tiên đương ngự triều với Đức Chí-Tôn, oai nghiêm, chúng ta không thể gì tưởng-tượng được, oai nghiêm huyền-bí làm sao, làm sao!!! Không miệng lưỡi nào tả hình ảnh ra đặng. Nếu may duyên mà chúng ta đoạt Pháp đặng, đoạt-vị đặng, thì đầu chúng ta hàng phẩm dưới cũng không cần gì mơ-mộng tưởng-tượng gì hết, Pháp-Thân của chúng ta cũng đến mức đoạt-vị đặng. Còn nếu chúng ta dòm lên thì thấy địa-vị của chúng ta không thắm vào đâu hết, mà hễ dòm lên cao nữa mà so-sánh thì địa-vị chúng ta không có nghĩa lý gì hết. Còn nếu chúng ta bị đọa thì hại thay, khổ thay, đau-đớn thay, chúng ta thấy cái Triều-Nghi xa tuốt mút khỏi con mắt ta rồi nó biến mất. Chúng ta thấy đứng bơ-thờ, không biết thân hình đến mức nào hay địa-giới nào, hay mình đến đâu, chỉ đứng đó mà chịu một tấn-tuồng thảm khổ vô đối. Hại thay cả tội tình đều hiện ra trước mắt chúng ta không thể gì chối cãi được, đứng chịu một cách thảm khổ, mình xử lấy mình, hễ xử rồi thì từ từ hạ lần xuống cho tới cửa Trần-Gian, ấy là cửa Phong-Đô đó, chúng ta tự-xử chúng ta đó vậy.

Bây giờ luật triều-nghi của Cửu-Phẩm Thần-Tiên chúng ta ngó thấy khi chúng ta may duyên lập được một địa-vị khả quan, đừng suy đoán, chúng ta sẽ thấy các Đấng ấy cao sang vinh-hiến dường đó. Có nhiều Đấng đến gần Đức Chí-Tôn xấp-xỉ cùng Đức Chí-Tôn cao sang vinh-hiến dường ấy, họ đã đoạt đặng huyền-bí mà chúng ta ngó thấy những vinh-quang đều hiện ra một chữ Khổ. Các Đấng ấy lập vinh-quang cao trọng là thắng khổ đó vậy. Họ đoạt được cái quyền-năng vi-chủ của họ mà cái khổ muôn triệu vô số trong kiếp sanh của họ, họ đã chịu mà lập-vị vinh-quang. Chính mình ngó thấy ngay Đức Chí-Tôn thấy

chữ Khổ mà Ông là Càn-Khôn Vũ-Trụ, bởi vì Ông có quyền-năng vi-chủ cái khổ của chúng ta, tưởng-tượng lại coi cái khổ tại sao thặng hơn mình? Tại sao mình không thặng nó nổi? Xét đoán là tại mình không đủ can đảm, không đủ tinh-thần chịu khổ, sợ khổ rồi không biết vi-chủ cái khổ.

À, hồi lúc Bần-Đạo chưa tin nơi huyền-bí Đạo-Giáo của Đức Chí-Tôn, chỉ học-thức theo thường lệ, lấy cái lương-tri, lương-năng của mình mà đoạt định. Bần-Đạo chưa tin phẩm-vị của Đức Thích-Ca hay Đức Chúa Jésus Christ, để dấu hỏi (?) ngờ vực. Chừng đó Đức Chí-Tôn có trách-nhiệm nặng-nề cho thấy đặng đi ngay đến bốn thân của Đức Chí-Tôn.

Bần-Đạo đã ngó thấy một khối an-ủi vô biên, chúng ta đã chịu trong kiếp sanh bao nhiêu thống-khổ về hình-thể và tinh-thần, sanh sanh, tử tử lập vị mình từ bước. Một mức mình được phẩm-vị cao trọng hơn thua một mức thì thấy người ta như con chim còn mình như con cá vậy.

Phẩm-vị đặc-biệt cao siêu mình đã không có còn thua người ta một mức, vì người ta cao sang như con chim còn mình hèn-hạ như con cá vậy, không có liên-quan với nhau chút nào hết. Rồi khi dòm lại hình-thể của Đức Chí-Tôn, thì thấy như Ngài không có nói, không có thỉnh âm, mà tinh-thần của chúng ta và của Ngài dường như có liên-quan cùng nhau vậy. Thấy Ngài còn có nhiều thống-khổ, còn ta, ta chịu có một phần mà ta than-thở thối chí sao? Thống-khổ Thầy đã chịu muôn triệu lần.

Vì cơ cho nên khi ta thấy mặt Ngài thì những sự sầu thảm đau khổ về tâm hồn và xác thịt chúng ta đặng an-ủi.

Hỏi tại sao? Tại khối quyền-năng vĩ-đại kia là khối khổ, hình-ảnh của Ngài là khổ vô tận, kho Bửu-Pháp mà Ngài đã chịu thống-khổ mới đoạt được huyền-vi ấy. Vậy chúng ta được an-ủi là sau khi chúng ta thặng nổi khổ.

Bần-Đạo dám chắc và nói quả quyết rằng: Rất hạnh-phúc cho những kẻ nào đã chịu nhục-nhã về xác-thịt thì linh-hồn họ sẽ

được một hạnh-phúc vô đối, vì kẻ ấy phải chịu một thống-khổ của Đời mới được Đức Chí-Tôn an-ủi.

Rất hữu-hạnh cho những kẻ chịu trong kiếp sanh bị thiên-hạ đè nén, khinh rẻ, chê bai, thì Đức Chí-Tôn đem họ vào một địa-vị phi thường vinh hiển, những kẻ ấy do nơi tay Đức Chí-Tôn nâng đỡ cho họ được vinh-hiến oai-quyền.

Nếu chúng ta đủ can-đảm mà chịu nổi cái khổ của Đức Chí-Tôn là chúng ta được một kho vô tận vinh-hiến đó vậy./.

29.- Đức Hộ Pháp Thuyết Đạo Tại Đền Thánh đêm 8 tháng 3 năm Kỷ-sửu (05-04-1949)

SỰ KHÁC BIỆT GIỮA CẢNH THĂNG & CẢNH ĐẠO

Đêm nay Bần-Đạo giảng tiếp sự dục-tấn của chúng ta trên con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống.

Bần-Đạo giảng gấp-gấp chút cho rồi cái vấn-đề đó, dặng có ngày giờ giảng về Bí-Pháp. Bần-Đạo kỳ rồi dặt cả tinh-thần con cái của Đức Chí-Tôn vào Linh-Tiêu-Điện (Ngọc-Hư-Cung), chúng ta đã gặp Đức Chí-Tôn với Pháp-Thân Ngọc-Đế tức nhiên là Hoàng-Đế của Càn-Khôn Vũ-Trụ. Ngài chưa có phải là Đại-Thánh với chúng ta, còn cái hình-ảnh của Đại-Thiên-Tôn chúng ta không ngó thấy, vì Đức Chí-Tôn không muốn cho chúng ta ngó thấy. Pháp-Thân của Ngài chưa được Đại-Thiên-Tôn chưa thành tại Linh-Tiêu-Điện. Bần-Đạo đã tả một cái oai-quyền vinh-hiến của Tông-Đường những kẻ đã đoạt-vị.

Hại thay! Cảnh thăng vẫn khác, cảnh đọa vẫn khác nếu Bần-Đạo tả ra, dầu một người nào vững tâm thế nào đi nữa cũng phải kinh khủng sợ sệt. Cảnh hạnh-phúc mà chúng ta đoạt được với Tông-Đường Thiêng-Liêng của chúng ta, họ đương sum họp với nhau không sót một người, dặng chứng-kiến định-án của chúng ta. Nếu chúng ta đoạt-vị dặng thì con đường dục- tấn của chúng ta, cả hạnh-phúc đạo-đức cả tinh-thần cảnh thăng của chúng ta có nhiều tay nâng đỡ. Rủi thay, nếu chúng ta bị tội tình phải đọa thì cảnh vinh hiển ấy từ từ xa, xa lần chúng ta đứng một chỗ cảnh tượng vinh-hiến ấy, cảnh tượng hạnh-phúc ấy, nó

dường như thối bước lần lần xa mút chúng ta, chúng ta hết thấy nó, cảnh đi ngược lưng lại, cảnh chạy ta chớ chẳng phải ta chạy cảnh, hạnh-phúc ta sợ ta, chạy ta, lánh ta, rồi thoát nhiên trong con đường đục-tấn của chúng ta đi biết bao nhiêu khó khăn, thường trong miệng thiên-hạ có nói Thiên-Đàng, Địa-Ngục, tức nhiên Ngọc-Hư-Cung với Thập-Điện Diêm-Vương cũng không có gần nhau, mà gần nhau mới lạ lùng.(*)

Nếu chúng ta làm điều gì trọng-hệ, nói tử-thí như chúng oán giận giết người thì đó liền có kẻ đó đứng trước mặt chúng ta tỏ vẻ sâu thăm, thiên-hạ tưởng đâu kẻ đó oán giận giết lại mình. Không! Không khi nào vậy, kẻ ấy buồn thăm cho ta một cách đau-đớn. Vừa ngó thấy kẻ đó rồi linh-hồn chúng ta tức nhiên là đệ-nhi xác thân của chúng ta tùy theo cái tội của nó mà đi lần xuống cảnh Diêm-Cung. Trong cảnh tội tình của chúng ta đã quyết định, liền giờ ấy người tội nhưn ấy đứng nơi cửa Diêm-Cung Địa-Ngục đó vậy, rồi tự mình kết án cho mình.

Thảm thay! Những kẻ nào không biết thương yêu nhau, những kẻ thiếu tình ái thương yêu nhau, những kẻ đó không được lời nào của một chơn-hồn nào an-ủi, chỉ xung quanh mình nghe tiếng than, tiếng trách móc, không biết thời gian nào định tội cho mình, hay tội tình mình mình định cho mình, vì cố tức mình không biết chừng nào án ấy đã hết, khổ não chẳng là điều ấy. Thỉnh-thoảng rồi Bần-Đạo sẽ tỏ. Bởi vì Bần-Đạo chưa đặng phép đi xuống Địa-Ngục Diêm-Cung, Đức Chí-Tôn có hứa, ngày giờ nào Bần-Đạo thoát xác, trước khi về cảnh Thiêng-Liêng Hằng-Sống thì Bần-Đạo sẽ được phép đi, đi ngang qua đó đặng giải-thoát cho các chơn-hồn oan khức tội tình đặng siêu-thăng họ.

Bần-Đạo đã được Đức Chí-Tôn và các Đấng Thiêng-Liêng giải-nghĩa cho biết nơi cảnh ấy thế nào, đặng con đường ấy một ngày kia Bần-Đạo đi không có lạ, không có nhát. Ngày giờ nào nếu chúng ta được hạnh-phúc, đoạt cơ giải-thoát thì gia-tộc Thiêng-Liêng chúng ta mừng rỡ biết bao nhiêu. Trên chín phẩm Thần-Tiên Chư Phật dĩ chí cho tới Tam-Thế họ sẽ hạnh-phúc vui-vẻ không biết làm sao tỏ cho cùng, vui-vẻ vinh-hiến không

có mực nào, miệng lưỡi nào tỏa ra cho hết.

Hễ khi chúng ta đoạt-vị dầu cho một cấp hay là thấp hơn một cấp đều thấy khác nhau xa, Bần-Đạo có tả người ta như con chim, mình là con cá không thể gì so sánh được như một trời với một biển vậy.

Chúng ta thắng một phẩm, ối thôi lẽ tiếp rước ta không thể gì tả được cái vinh-hiến ấy, có liên-hệ với Tông-Đường Thiêng-Liêng của chúng ta kia, họ sẽ làm cho chúng ta một hạnh-phúc vô đối, bởi vì cả thầy trong Tông-Đường đều được nhắc lên một bậc hết thầy, vinh-hiến không biết bao nhiêu.

Ngọc-Hư là cảnh mà Đức Chí-Tôn có nói là đại-nghiệp của mỗi đứa Đức Chí-Tôn đã dành để nơi Cực-Lạc Thế-Giới, khi định-vị được nơi Ngọc-Hư-Cung Linh-Tiêu-Điện rồi, cả gia-tộc Thiêng-Liêng của chúng ta rước chúng ta về đại-nghiệp mà Đức Chí-Tôn đã đào tạo cho ta ở Ngọc-Hư-Cung, Bần-Đạo không có miệng lưỡi nào tả, chỉ cả thầy đều tưởng tượng lẽ tiếp rước đem chúng ta về Tông-Đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống đó, sẽ làm cho chúng ta vinh-hiến như thế nào duy tưởng-tượng thì biết. Ở Cực-Lạc Thế-Giới tùy phẩm-vị của mình đoạt được nơi con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống, cái mức đó không cùng, chúng ta cần phải đi, đi cho đến ngày giờ nào chúng ta có thể ngồi trên Huỳnh-Kim-Khuyết của Đức Chí-Tôn là ngày chúng ta đoạt được mục đích đó vậy, mà còn xa lắm, cho nên về đại-nghiệp của Đức Chí-Tôn chúng ta được hưởng hạnh-phúc tùy theo phẩm-vị của ta đoạt được nơi kiếp sanh.

Phẩm-vị của mình đoạt được cao thấp, trọng hệ hưởng được cùng chăng? Ở yên cùng chăng? Vui hưởng nơi đó gọi là Cực-Lạc Thế-Giới, vui vô cùng tận, cái hạnh-phúc không thể gì tả được, hạnh-phúc không cùng. Ở hưởng tại đó một ngàn hai trăm năm (1.200), hay là hai ngàn bốn trăm năm (2.400), hay là ba ngàn sáu trăm năm (3.600), hay là ba mươi sáu ngàn năm (36.000), rồi lại còn tái kiếp lụng lại đặng đục-tấn trên con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống của mình nữa.

Kỳ tới Bần-Đạo sẽ giảng cảnh Cực-Lạc Thế-Giới./.

(còn tiếp)

The Divine Path to Eternal Life

(Translated by Đào Công Tâm & Chris Harney)

(continued from TSTÑ 41)

**26.- Delivered at the Tây Ninh Holy See 7th of March 1949
(Lunar Calendar 8th Day of the 2nd month, year of the Buffalo)**

**THE METHOD HOW WE GOVERN THE UNIVERSE
LIES IN HOW WE GOVERN OURSELVES.**

Today we invite each other to progress along this Divine Path to Eternal Life.

Dear Celestial Hierarchies of the Hiệp Thiên Đài (Legislative Body), Cửu Trùng Đài (Executive Body), male and female believers and senior officials, since the time I began explaining to you your progress on the Path to Eternal Life it is essential that to put these ideas into your brain and through your nerves, from the time we have started, we have spoke of many things so that you would be able to keep your mind open. Although I am sure we have not yet reached a critical situation.

Know that I am only holding your hands so that I can take you into that realm where you can observe yourself and discover your true self much more easily. I am afraid that these sermons will not help you understand completely. We see and remember so we can enter the realm and in this way it becomes reality. The Supreme Being only wants all his children to see the Truth. He does not want His children to see merely an illusion of His truth. His Truth will never tolerate such illusions. If the meditation hall is not opened yet it is not my fault. Only concerning the exoteric it takes 24 years of a hard life with broken hearts and minds from youth until

grey-headedness and we have still not finished 6 or 7 out of the 10 (stages). Honestly, I can say, that one does not have to slave like this, but this is what I have done.

To find out, to discover this situation, it is not my duty to do this, but I had to and sometimes it made me very sad and I sometimes I would have liked to have given up. But looking back, when I saw the children of the Supreme Being lost without anyone to guide them, though I may have wanted to give up I did not. In a life that can undertake difficulties, how can I abolish that part of me which is spirit.

I would like to continue to explain our progress and guide us to go out of the Nam Tào, Bắc Đẩu. When you come to see that Divine Book Without Words (Vô Tự Kinh) then you will understand the foundation of life and our karmic lives. Our foundation in life and each of our lives are analysed and understood at this place.

And now if we would like to preach correctly and have an appropriate topic, then the sermons must have Kinh (Sacred books), Điển (ancient books) and Luật (law). The Kinh are the Four Books of Confucianism, Điển are the Five Classics and the Luật is the law of governing the world from ancient until modern times. And so we can use these for prosody in order to make our sermon. We must have our own prosody so we have to study hard. It is not an easy thing to do, but we have to do it in order to replace the language of the Supreme Being and put His truth into the spirit of humanity. If we cannot do this then we make the Supreme Being mute!!! We have to do this in order to replace His language, if we cannot do it we cannot speak in His place.

From now on Bần Đạo will be more rigorous, more strict, sit quietly and listen, if you are found to be speaking nonsense then you will suffer the consequences, it is nearly two years [that we have been speaking] so you will not be forgiven if you are found talking nonsense. If you are punished do not say that you were not warned that this part would be difficult or that the punishment would not be carried out.

Today Bần Đạo will continue to explain the politics of the universe. Previously Bần Đạo has already asked where does the power for those who govern the universe come from? The method of governing the universe is in fact the power of self control; we control ourselves. Humanity governs itself. The universe is vast sea, it is boundless, if we make laws and determine our own power, then what sort of power would we be able to hold? Of the whole motion of the universe the most particular is the secret mystery of each individual, that is, the individual who can control the self. In this way, we attain boundless secrets and so the judgement of the Supreme Being, this is the case for the soul that can govern itself.

Bần Đạo has said the sentence cannot be rejected, the guilt cannot be argued, because one governs oneself. One makes, in the end, one's own judgement and determine one's own punishment. Therefore who can refuse or make their words reject their own faults? This is the most abiding power of the universe.

The individual controls the self and the politics of the universe does not sway from this essential point. There is only one point of difference. The infinite mystery of the Supreme Being and his heavenly council exist and do so to determine the motions and events of the universe. But this has no value at all if each individual takes up the opportunity of governing the self. Each soul has the right to govern itself and this is why the political system has become stable and strong (in this divine method it is stable and nothing can challenge it). And now we can see that the governing system is stable, and the whole spirit of the universe is at one so that we are able to govern ourselves.

Bần Đạo has said that the most suffering we worry about is seeing our spiritual family punished. That is, seeing them punished in the realm of eternal life because of what we have done wrong. On the Divine Path to Eternal Life our relatives in this spiritual realm bear our shame and they are mocked and criticized because of us, and because of us they are threatened and abandoned in

the realm of eternal life and so loose their status. This is the thing that most concerns us. Therefore Bần Đạo would like to point out that the true physiognomy of the universe, that is, the truth of the universe. Can we attain that truth? Yes we can.

Bần Đạo only wants to say that all can see is how our Vietnamese race, that is the civilization of China, came first to develop the organization of tools. Bần Đạo has said that this planet earth has reincarnated backward and it has already passed through three transitional periods. Its previous lives have allowed it to reach its seventh transition and its previous physical forms were destroyed and it was transformed, this planet earth has arrived at its third transition, when it arrives at the seventh transition it will be destroyed again. Or the other possibility is that it will be transferred back to its third transition. The first four transitions have created gorillas and the black races.

During the first transition, beings act only to protect themselves or they might gather together in small groups for mutual protection. At this time animals are more powerful than humans therefore mutual protection was the only human concern.

The second transition leads to the period of craft. At this stage humans sought a method of independence. It was a time of gathering together in order to fashion weapons. Tribes would gather with other tribes in their struggle against wild animals. The mechanism of the divine plan at the time was crude. In the second transition, humans were not settled and there were many kinds of pest and plague and there were many things which could have destroyed humanity. To this extent, humans had to strongly defend themselves and in doing this they needed to develop armies, weapons and other things that helped in self defence, this is the period of craft.

In the third transition societies are formed. And these started to develop different races and society, but what is a society? It is a reflection of the spiritual politics. Just think and find the truth, at

this moment the third transition is over and so starts the first part of the fourth transition (which has three parts). This is the period where humanity unites together, all of them on this planet earth, so developing the doctrine of great harmony. Humanity has displayed on this planet earth a stable political system so that there can be unity. This is a beginning that creates a polity of unified harmony for humanity. Thus China has gained this secret law (Bí Pháp), the various great families of China the Lưu, the Trần, the Lý, each of these families have their own (heavenly) family in order to govern themselves. To this extent, the Emperor rarely faced trouble when governing the people because a member of any group who was found guilty discovered that the whole group had to be accountable to the Emperor for his or her actions. Therefore the political system of ancient China was stable, strong and extraordinary, if it has failed it is because the Chinese have disregarded that which is ancient and now turn to the modern. This destroys the precious and durable traditional political system. This is the same for the method of governing the universe. And Vietnam is the race of China, of the Chinese and so we already had the political system that reflected these heavenly families. If we would like the people to unite with suitable harmony then at least our great families must be united starting firstly from the small details and then leading to the bigger picture.

This is the seed of the union of the Tông Đường (or great spiritual family) therefore Bần Đạo advises the Charity Body to re-establish the Tông Đường as it was in ancient times. This is the secret law towards the desire for great harmony, and so it should effect the political organization of Vietnam. This is a fundamental point which is needed now even more than before.

Bí Pháp - Secret Dharma, the esoteric (or occult) teaching/the esoteric doctrine.

Cửu Trùng Đài - literally means the nine-sphere palace. The Executive Body of Caodaism which takes charge of the administration of the Religion and its missionary activities. It also refers to the Temple of Nine Degrees of Evolution or Nine Spheres

Palace. - The palace of nine divine planes, or the Palace of nine degrees of evolution. The Palace of nine degrees of the Episcopal Hierachy.

Diển: ancient books.

Hiệp Thiên Đài - literally means the Temple of the Divine Alliance, The Heavenly-Union Palace. The Legislative Body which has the duty of communicating with the occult/esoteric power to receive divine messages, to preserve the religious laws and listen to the complaints of the unhappy, in order to symbolize equality in the Religion.

Kinh- sacred books.

Luật - law.

Nam Tào & Bắc Đẩu - Nam Tào & Bắc Đẩu are the two Immortals who are in charge the registration of the birth and death of human beings on the earth. Nam Tào who is in charge the registration of birth and Bắc Đẩu who is in charge the registration of death.

Tông Đường - literally ones ancestral temple. The Hộ Pháp also uses this term to refer to our wider spiritual family whom we meet in returning to heaven. It is our Spiritual clan or spiritual extended family or even spiritual lineage.

Vô Tự Kinh - Divine Book Without Words

27.- Delivered at the Tây Ninh Holy See 11th of March 1949 (Lunar Calendar 12th Day of the 2nd month, year of the Buffalo) .

THE SECRET DHARMA THAT LIBERATES THE SELF.

Today Bần Đạo continues to explain about our desire to advance along the Path to Eternal Life. I have noted that after worship all of us are tired. We find it difficult to sustain our concentration for a long sermon. Additionally, when preaching and repeating and emphasizing the same point, it becomes difficult for you to listen properly because listening for long periods can make you equally exhausted. Because of this, you must know that I only preach for

a reasonable amount of time. If I went on, these sermons would descend into nonsense. But if on the other hand I preached too concisely then the topic would not be adequately addressed. This is why I must make these talks an appropriate length. In this way all the children of the Supreme Being will not be tired but remain content to listen. Tonight, however, Bản Đạo might be excused for preaching a little longer and for taking some extra time because of the nature of our topic. Forgive me, if you are tired, I shall excuse you.

Last time I explained how we enter the Cung Phục Linh (Phục Linh Realm). Tonight Bản Đạo will explain this process in a little more depth. This is because today's sermon contains a secret key to the dharma of our liberation. I want to let you understand in advance the mechanism of the mysteries of the secret dharma of the Supreme Being which guides this process of liberation. Because of this, I hope that you will remain attentive.

Bản Đạo has explained on previous occasions that when we enter the Cung Phục Linh we relive in a reverse manner our previous lives. This is because the Phục Linh Buddha maintains and preserves our original soul by ranging back through our previous lives. While this is being done our Pineal Eye / Crown Chakra (Thượng Nê Hườn) [Fontanel] is protected and stabilized by the Hộ Pháp. When he does “Bắt Ẩn”, or stands guard over the forces about us, our souls are stabilized and guarded. When we remain at the Cung Phục Linh we sometimes do reprehensible things as we attempt to shun the memory of our previous lives.

Our souls have travelled in order to enter the Self and experience this rush backwards through this account of previous lives. It could be that we have lived through ten thousand million lives from the rank of the material to that of a human being. We face so many lives, in fact, that the longer the foundation of our soul's time, the more lives we have to pass through. When we die and we are reborn, this mysterious mechanism of the universe drives us to enter our Original Soul.

This soul has examined itself on innumerable instances where the karmic results of the life just finished increases our general karmic account, thus the soul estimates as one might judge a sinner. Therefore Bần Đạo tells you that individuals are their own judges and with the utmost seriousness we make our judgments. When we judge ourselves there is no one who makes excuses for us. I have also told you that the sentence that we pass cannot be ameliorated, our sins cannot be repudiated, and the law cannot be avoided. How can we avoid the law if we are our own judges? This is how our soul judges itself. Our Original Soul owns all the results of all our previous lives. And in this self judgment process, I ask again, who will make excuses for us?

Do not despair, there is a method by which can make appeals on our own behalf, but yet we do not know about this. We can take the role of our own lawyer and try to make an appeal for ourselves but only while we are living through our ten thousands million lives, and only if we recognize the mistakes that we have made now. When we do this our soul is able to make appeal on our own behalf. If this happens then the day will come when we will not need to penalize ourselves perpetually. Therefore, there is a method of expiating punishment for those sublime souls who attain the Way, they passed on the True dharma, a Law which is very simple, and which can be used by humanity but humans do not seek out the essential point of this Law and so they do not find a way towards liberation. This is the method of (Nhứt Nhựt Tam Tỉnh Hộ Thân), just as each day you must make at least one visit to your parents, so you must also examine your conscience three times.

Ask yourself about those sins that you have committed in just one life, the Supreme Being has left for you a method of liberation. He has said, “on this earth your sins are plentiful, but if at the end of your life you know how to call out the name of your Divine Master then He will come to save you.” The Divine Master has brought this Secret Dharma of liberation and placed it in your hands so that the soul can attain the true dharma of liberation. To

call the name of the Divine Master that is “Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”

We have seen, and Bần Đạo has preached to you, that when our soul manifests then it has the same nature of the universe, that is the same nature as the Supreme Being and that is how it attains the Way.

The universe is a place that produces beings within it and these beings have the same nature as each other. This is why each being has the right to liberate itself. Therefore to call the name of the Supreme Being is to access the mechanism of liberation. It does not matter how much sin a soul accumulates on this planet, even if we are full of sin we have this hope; that at the end of our lives we understand we must call on the name of the Supreme Being, that is, we know we must call on our Original Soul. This way we can refuse our right to be our own judge. And that is how the end of our life will come. If we refuse to be our own judge then who is it who stands in to punish us?

The Supreme Being is the great proprietor of all. So if we leave the karmic result of our lives in his hands, now who will judge us? This is the mechanism of liberation and of attaining the Way.

Now let us try. Bần Đạo has said, “...when the soul is manifests it seems that there is an eternal power which directs it to the Supreme Being. This is because the universe has the same hidden virtue and it manifests from out of the mysterious and secret mechanism of the cosmos. Because these two things have the same nature and the same spiritual source, that of the Creator of the Universe, it follows that each knows the other.”

I am sure that, in fact I know that, this planet has up to 3, 000, 000, 000, beings. This figure is so huge, can we really know how many human beings, I am of course calculating this planet 68, it is the smallest, but human beings on this planet, are more than 2, 700, 000, 000!

In the Universe there are up to 3, 000, 000, 000 planets so how many human beings does that make? Just imagine the Supreme Being holding the Complete Power over all this. He holds the power of judgment. When He blesses or increases our merits He is called Ngọc Hoàng Thượng Đế (Jade Emperor). Whenever he diminishes our sins He is called Đại Thiên Tôn (The Most Respectful and Highest Position in Heaven). God is Supreme this is self-evident. Because on our planet from the material level up to the level of humanity are filled with souls then everything in the cosmos has this Being at the centre of their lives. The soul survives just as our physical body strives to live. If our eyelash is irritating us do our senses feel this? Or if our finger is grazed do we feel pain? In the Universe whatever we do, or do not do, this Supreme Being knows wherever we are. He knows our position instantly and completely, because His physical body is the mechanism of liberation. This is the great secret.

Now, I would like to explain to you the site of the Ngọc Hư Cung (The Heavenly Council of the Eternal Law) When we are fortunate enough to enter together with the Divine Beings (in this place) then we will realize our pre-destined role.

I have said, “when we arrive and stand outside (of this palace), especially when we arrive at the Cung Phục Linh (Palace of the returning Souls) we see many magnificent buildings illuminated as are gems in the centre of the sky. When we enter inside we see nothing but halos. Lifting up our heads you will see the Universe, it is so blue as it stretches in front of us. It is like when we stand at the Bát Quái Đài. We then see the Spiritual Beings in their ranks. There is the Supreme Being reigns at the Huỳnh Kim Khuyết (The gate of pure gold, where one enters the Palace of the Supreme Being). When we look down we see that court that governs the world, we see it is a court which is limitless, most powerful, supreme...

The Beings are so innumerable that we could never pass them. So how can the political system of the Universe hold its power

with such stability? It is the same as our visible political system. What are their rights? What are the rights that come from holding power over the universe? It is to govern the bad. And this power is so simple. In order to control the evil, the bad, this court does not need a judge. There is no prison to keep the offenders or lock up the criminals. And in wishing to reward the good it does not need a king. There is no need for rewards. There is no need for power, or for ranks that are higher or lower. They have no power at all because our souls decide their own sentences and punishments. In this way the political system of the universe is quite simple. The most difficult law is the law of punishments and rewards. But these two things are, here, not necessary. So, what is the political system of the universe actually for? It is to protect and preserve the universe by which I mean its duty is to serve those who have the rights of those who hold the political power of the universe - that is to serve all beings.

The universe is for recording each sin and to serve the ten thousand beings. From the beginning of the worlds until now there is no kind of power which is so strange. There is no power which is incompatible with this. Therefore the secret of humanity is this visible image and being an animal on the earthly world which has an important and ultimately spiritual aim. They come in order to serve both humanity and all other beings of the visible realms. To serve in order to predetermine the course of our lives, this is why we have the doctrine of predestination. If we are capable of serving then we will also attain a position in this hierarchy. And if we are unable to serve then we fall to the status of a criminal.

It is an organization of liberation, I stress, surely the organization of liberation of the Supreme Being which depends on our work which we dedicate to the ten thousand beings.

Bần Đạo - His Holiness Hộ Pháp Phạm Công Tắc refers to himself throughout as 'Bần Đạo' or 'poor monk'.

Bất Ẩn - a mystical gesture of the hands.

Bí Pháp - Secret Dharma, the esoteric (or occult) teaching/the

esoteric doctrine.

Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát – the term that the Supreme Being uses to identify Himself in séances and the name that Caodaists use at the end of their prayers. It literally means: High Palace, Immortal, His Honor the Eldest Boddhisattva, the Venerable Saint. Caodaists believe that God the Father has no name. For this reason they prefer such terms as “the Most High”, “the Ultimate Being”, “the Absolute”.

Cung Phục Linh - Phục Linh Realm. Palace of the returning Souls.

Đại Thiên Tôn - The Most Respectful and Highest Position in Heaven.

Hộ Pháp - is the one who unveils the Mystery of the Invisible and is the Maintainer of the Rules and laws of the New Religion / Cao- Đài Religion. He is the one who pronounces judgments on the dignitaries and disciples, elevates the dignity of the fervent through their merit and brings sanctions against those who have committed faults. He is actively involved in assuring that the religious Rules and Laws which have become Divine Laws are carried out in detail, in order to keep the dignitaries and adepts free of the sufferings inflicted by the Lords of Karma.

In so acting, he watches over the positive progress of the disciples in the Way of God, and guides all evolved souls to achieve the Divine Phase of the Great Spirits. He holds control over the Legislative Power both exoterically and esoterically.

Huyệt quang khiếu - celestial eye , sky door, crown chakra, pineal eye.

Huyền Kim Khuyết - The gate of pure gold, where one enters the Palace of the Supreme Being.

Ngọc Hoàng Thượng Đế - Jade Emperor.

Nhứt Nhựt Tam Tỉnh Hộ Thân - (The Confucian idea that each day you must make at least one visit to your parents), or, more generally, you must examine your conscience three times per day.

Phục Linh – to resuscitate your former lives for your soul to examine them.

Phục Linh Tánh Phật – The Buddha who holds the Kim Câu or golden and mystical miter which He uses to manifest each of our former lives and we see them resurrected in front of us. Every time he waves this staff we see another life, eventually we see every life we have been.

Thượng Nhê Hườn - bai hui point (top of your head) , the crown point, pineal Eye , crown chakra.

28.- Delivered at the Tây Ninh Holy See 21st of March 1949 (Lunar Calendar 22nd Day of the 2nd month, year of the Buffalo).

**LINH TIÊU ĐIỆN (Ngọc Hư Cung)&
THE GOVERNING BODY OF THE SUPREME BEING.**

Tonight I will continue to explain our progress on the Divine Path to Eternal Life. Last time I guided you good friends into the Linh Tiêu Điện/Ngọc Hư Cung (The Heavenly Court of God). Tonight I will continue, but before I do so, there are a few essential issues which I need to inform you about. Since the time that I have been preaching about that Esoteric Doctrine, I have always prayed to the Supreme Being. This is because there are many difficult issues that we encounter. These things we have seen by the spiritual eye but we can only explain them with the human tongue and we can never be sure that we are describing them precisely. I confess that for every 10 things I know I need to explain to you, I can only really explain seven, five, or maybe even less. This is why I pray to the Supreme Being as Tripitaka did on his journeys to India seeking Buddhist scriptures. He was Chinese but of course the script was written in Sanskrit, so it was very hard to translate all the sutras from this original language into the Chinese. Therefore he maintained a great vow and he tried his best in order to translate these sutras into Chinese. He was sure that what he translated was not perfectly correct, so he promised that when he passed away if he had not explained the sutras clearly his tongue would be black. But if he had been able to explain the Scriptures perfectly, then when he died his tongue would be red.

How fortunate for Northern Buddhism which was so greatly blessed by the work of Tripitaka. Of course, when he passed away, people opened his mouth and saw that his mouth was red. In this way the true teaching of Buddhism, that is, Northern Buddhism was explained clearly and perfectly by Tripitaka.

Today, every time Bần Đạo ascends to the pulpit and is prepared to preach the Esoteric Doctrine, I pray first with the Supreme Being for clairvoyance. I do this even though I know I lack complete clarity of mind and that I remain unable to explain the visions of my spiritual eye in a perfect sermon.

If the Supreme Being has especially blessed this Divine Faith of His, a faith which includes His spiritual body (The Sacerdotal Council), and grant a special clarity of mind to this body so that it can correct, support and help Bần Đạo, then things would be much more perfect.

So, today I would like to continue to explain about how we enter the Linh Tiêu Điện. When we arrive at the threshold of this palace, we are at first stunned by its magnificence. I have already said that any architect who sees these buildings will continue dreaming about the beauty, magnificence and skill behind their forms and he would fear turning crazy and dying with nothing but these images on his mind.

He would be unable to put their beauty from his mind, their impact would be so strong on his thinking that he would become crazy that they could never hope to rebuild such designs.

The palaces are constructed of gems of 10 000 forms and sizes, whatever we want to imagine that is the image that then appears. The endless power of the Supreme Being has achieved its physiognomy formed by the 10 000 dharmas, it is the mysterious, endless and incomparable doctrine. Of these we are unable to describe them, and when we enter inside we see the Universe, vast like a great sea. We see it from its very top right down to its

lowest depths. It is a court at which no words are able to describe so mysterious and solemn its nature. And at the highest of all we see the Supreme Being raised on his great throne surrounded by courtly attendants that is Huỳnh Kim Khuyết. Later I will describe his image to you.

With the Huỳnh Kim Khuyết on His head, so far into the distance you will see the Three Buddhas. We have their statues here on the top of the Bát Quái Đài (the Eight Trigrams Palace), Brahma Buddha, Krishna Buddha and Shiva Buddha. And even further into the distance, so far we are unable to imagine, it is as though our eyes see a Nimbus flashing but there is no image we can perceive, yet it illuminates His whole court which is the Huỳnh Kim Khuyết. Under the Huỳnh Kim Khuyết is the Cửu Phẩm Thần Tiên (the nine levels of Geniis & Immortals) who attend the court. It is such a solemn and mysterious scene that we cannot imagine it. It is so mysterious that no tongue could tell it. If we have a good affinity with life and come to attain the Way and achieve a position in the heavenly hierarchy, even at a very low rank, we still could not describe this realm. And our Dharmakaya would still come to the level of attaining a Divine Position but if we look up and compare ourselves with the others we can understand that our position is not a great thing at all. If we look further and higher still our position really does look insignificant. And if we are demoted it is so heart breaking, we then see His court so far in the distance that, in fact, it disappears. We then feel so indifferent and unconcerned and unable to know where we are, or to what realm we belong, we stay there and undertake a vast amount of suffering. Nothing compares to this. What a pity it is that we may be demoted, the total of my sins appear in front of me, and I am unable to deny it. I am standing there and suffering and I must judge myself. After one judges the self then slowly, step-by-step one descends to the door of the earthly world. This is the door of hell. This is how we judge ourselves.

And now the law court of the Cửu Phẩm Thần Tiên (nine levels of Genies & Immortals), which we have seen, when we develop an effective affinity with the aim of achieving a good position we

cannot assume anything. We do, however, see those Divine Beings, so noble and so honourable, in fact, some of them come near to the Supreme Being and exist nearly on an equal footing with Him. These are the beings that have attained the mysteries, but we have seen those beings who are so honoured appear with the word “suffering”. Those beings have achieved the highest and most respectable positions because they could win out against suffering. They have attained their power because they have undertaken a vast amount of suffering throughout their innumerable lives. In this way they created their honourable positions. We look at the Supreme Being and we see the word “suffering” but He is also the universe because he has the power to master our suffering. Just image how is it that suffering can conquer us? Why is it that we cannot conquer it? It is because we lack the courage, and we lack the spirit that can undertake suffering. We are afraid of it, and so we do not know how to master suffering.

Some time ago I did not believe in the mysteries of the religion of the Supreme Being. I studied as every normal person did. I used my mind and my understanding in order to decide my thoughts and determine my actions. It took me a long while to understand the spiritual position of Sakyamuni Buddha, or Jesus Christ. It made me question things and left me in doubt. At that time the Supreme Being had great responsibility and this onerous task that He showed to me. He opened my eyes and at last I saw the actual physical presence of the Supreme Being.

I have seen numerous consolations of God, they are boundless. We have undertaken in our lives so much suffering both physical and spiritual, birth upon birth, death upon death, in order to achieve our present position step-by-step. One step and we have obtained a noble position, but we always win and loose, we attain, and yet we see other people like birds we, it seems are but fishes.

We do not have a special nor a sublime position, so we are behind other people by at least one level. Because there are people who are noble like birds while we remain ignoble - fish. These are not

related at all so we look back to the image of the Supreme Being and we realize that our Great God does not say a word, there is no sound, but our spirit and His spirit seem related to each other. We see that He has endured much suffering and that we only undertake a part of it that great whole. How can we lament, how can we be discouraged? It is a suffering which our Divine Master has undertaken a million times. Therefore when we see His face the sadness and the suffering of our physical body and our spirit are offered some consolation.

Why? Because the great power of the Supreme Being is a great mountain of suffering. His image in fact is one of endless suffering, yet because He takes on this suffering it is also a great store of bejewelled dharmas through which He can access this Mystery. In this way we are offered consolations after we are able to conquer our own.

I am certainly sure of this fact: happy are those whose bodies are physically disgraced for their soul will gain an incomparable happiness. It is these people who have undertaken so much suffering in their life, who will be consoled by the Supreme Being.

What happiness! Happiness goes to those who in their lives are oppressed, despised and disapproved of by others. For these people shall be brought by the Supreme Being into the position of extraordinary honour. These people will be helped and offered support by the hand of the Supreme Being. They will be honoured and raised to positions of authority.

If we have enough courage and are able to undertake the suffering of the Supreme Being then we shall be able to source an unending supply of glory.

Bát Quái Đài - the Council of the Great Spirits which heads the Eight States of Soul, the Eight-sided Palace of God's presence, the Eight Trigrams Palace.

Bần Đạo - His Holiness Hộ Pháp Phạm Công Tắc refers to himself throughout as 'Bần Đạo' or 'poor monk'.

Cửu Phẩm Thần Tiên - the nine levels of Genies & Immortals: Guardian Angel, Archangel, Principality, Power, Virtue, Domination, Throne, Cherub, and Seraph.

Huyền Kim Khuyết - The gate of pure gold, where one enters the Palace of the Supreme Being.

Linh Tiêu Điện – The Court of God. The palace where the Supreme Being holds meetings with the Heavenly Council.

Ngọc Hư Cung - belongs to the Hư Vô Heaven. This is the Heavenly Council of the Eternal Law which controls and keeps the Divine Law. It also controls the progress and movement of the universe. Divine Jade Palace.

**29.- Delivered at the Tây Ninh Holy See 5th April 1949
(Lunar Calendar 8th Day of the 3rd month, year of the Buffalo)**

THE DIFFERENCE BETWEEN THE PROCESS OF RISING THROUGH HEAVEN & THE PROCESS OF FALLING INTO DARK REALMS

Tonight I would like to continue to preach about our progress on this Divine Path to Eternal Life.

Bần Đạo will preach a little bit more quickly so that we can finish this matter and have some time left to talk about the Secret Dharma. Last time I guided all the spirits of you the children of the Supreme Being towards the Linh Tiêu Điện (Ngọc Hư Cung). We have also seen that the Supreme Being appears embodied spiritually as the Dharmakaya of the Supreme Being; I mean by this, He takes the role of the Emperor of the Universe. That is not simply a Great Saint to us, but the image of the Greatest and most respectful Being in the Heavens. We can not see this because the Supreme Being does not want us to see Him. His Dharmakaya does not immediately appear to us with the status of Great Supreme Being. We cannot see this at the Linh Tiêu Điện (The Court of God). And I have already explained the status of authority as it is

derived from the honourable nature of our various Tông Đường (or spiritual extended families) for those who attain the Way.

What a pity it is that there is a sharp difference between the realm of ascent and the path of descent. Even those with strong hearts and much courage will still be afraid and nervous when I explain about the path of descent. The happiness which we have gained through our spiritual Tông Đường leaves us united amongst each other and they do not miss a single person. In order to observe our future and the determinations of our judgments, if we are able to obtain a position (in heaven's hierarchy) then the path of our progress towards all happiness and virtue will occur, because the total spirit within the realm of our ascent will offer many hands to support and help us. What a pity! If we are guilty and are demoted then this honourable realm gradually fades away from us although we stand in the same spot. This amazingly happy scene recedes backwards and moves very far away from us until we cannot see it. Finally it flees from us; we do not run from it. Our happiness is thus wary of us, in this way it runs from us and gets away. Suddenly the path of our progress faces too many difficulties. Normally people say that heaven and hell, that is, Ngọc Hư Cung and the Ten Palaces of the Kings of Hell. They are not close to each other, these people say, but they are indeed close, and how strange this is. If we make a serious mistake, for example, if we kill a person in hatred then immediately that person will stand in front of us and look at us mournfully. People think that person might also hate us and want to kill us, but it is never like this, this person will be sad for us and sorrowful, when we see nothing but this person, our soul, which is our perispirit, depending on the crimes we have committed will regress step by step towards hell. In these scenes of our guilt, which we summon right at the very moment of our fall, the offender stands at the door of hell. It is then that we determine the judgment that we must pass upon ourselves.

What sadness! Those who do not love each other, those who lack love, they will have no words of comfort from other souls. They only hear around them the sound of lamentations and accusations. They don't know when they should pass judgment on themselves.

Because we are bound to decide for ourselves, therefore we don't know when our punishment is finished. This is why we suffer.

Now and then I will explain these things to you. Because I am not allowed to go down to hell, the Supreme Being has promised that whenever I disincarnate, before returning to the real of Eternal Life, I will be allowed to go past hell in order to liberate those souls who have been unjustly punished. In order to help them ascend to the heavens.

It has been explained to me by the Supreme Being and the Divine Beings what that realm is like. They have done this so that one day when I walk on that path I will see that there is nothing strange and nothing to fear. Whenever we obtain happiness and attain liberation that is the time that our Spiritual Family (Tông Đường) will be so happy and joyful on our behalf. The nine levels of Geniis, Immortals and Buddhas over three generations will be happy and joyful in a way that we cannot describe. It is a joy and an honour for which there is no ink nor words to describe.

If we obtain a position in the heavenly hierarchy whether it is high or low we will see things very differently. As I have explained one is like a bird but it seems we are fish, so we cannot compare one to the other, this is life, one is in the heavens, and one is in the sea.

When we succeed to a position then we are enabled to describe the honour in which we are welcomed and received. This even is related to our spiritual family. Our family bestows upon us a happiness which is incomparable. This is because the whole of our spiritual family is upgraded a rank and are thus more honoured themselves.

The Ngọc Hư is a realm of which the Supreme Being has said that it is the great work of each of us and He has preserved it for each of us in the Paradise of Extreme Joy. When we have gained a position at the Ngọc Hư Cung and the Linh Tiêu Điện the whole

of our spiritual family will welcome us back to the Great Work which the Supreme Being has created for us at the Ngọc Hư Cung. I do not have any words to describe it. Let us imagine the ceremony that welcomes us back to the Eternal Life of our spiritual family. Oh, how honourable it is, let us imagine and see.

Depending on the rank which we obtain on this Path to Eternal Life, within the Paradise of Extreme Joy our progress does not end, we must keep on and work our way through no matter how high, until we sit on the Huỳnh Kim Khuyết (The Golden Gate) of the Supreme Being. That will be the day we attain our aims! But it is still so far therefore to return to the great work of the Supreme Being we will have a level of happiness depending on the rank in heaven we attain with this life.

Can we attain a rank that is higher or lower, or more important and can we enjoy that position, settle into it or not? The joy we have over there is called the Paradise of Extreme Happiness. It is a joy which is endless, a happiness that cannot be described. A happiness which is endless, we might enjoy it in that place maybe 1200 years, or 2400 years, or 3600 years, then we must reincarnate in order to continue our progress on the Path to Eternal Life.

In the next sermon I will continue to explain about the Paradise of Extreme Happiness / Cực Lạc Thế Giới.

Cực-Lạc Thế Giới - a paradise of extreme joy, a paradise of extreme happiness.

Pháp Thân - Dharmakaya

Tông Đường - literally ones ancestral temple. The Hộ Pháp also uses this term to refer to our wider spiritual family whom we meet in returning to heaven. It is our Spiritual clan or spiritual extended family or even spiritual lineage.

(to be continued)

Thử Tìm hiểu Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống

HT Hồ Văn Hoàng & HT Nguyễn Kim Minh

(tiếp theo từ các số TSTD trước)

- 2830 Hai sương một nắng dãi dầu ,
Đến chừng phản bội càng mâu thuẫn nhiều ...
- Chí Tôn yêu ái bao nhiêu ,
“Nguyên căn” ảnh hưởng ít nhiều quý vương ...!
Nào ai quá đổi phi thường ?
- 2835 Thì ra “bạn tác” thân thương của Trời .
Trời đâu phí sức mỗn hơi ,
Lại đem tánh đức của Người tặng không !
Chẳng qua ân điển bữa đồng ,
Muốn ngừa quỷ dữ khó mong lộng hành ...
- 2840 Ngoại thân cải hóa cho nhanh ,
Làm cho Chí Thiện đạt thành Thánh Tâm .
Chí Tôn lo-lắng âm - thầm ,
Mong sao Tín Hữu tình thâm vững bền .
Ngại - ngừng ác tính váo - vênh ,
- 2845 Gây bao nghiệp chướng thác ghềnh bão dông
...!
- Nên cùng lập Hộ lập Dòng ,
Rèn tâm luyện tính bòn dông mỗi ngày ...
Hiếu sanh phát nguyện ăn chay ,
Tông Đường tại thế , lời Thầy nhớ chẳng ...?
- 2850 Cùng nhau xúm xít hóa hoằng ,
Bể trần gột rửa nói năng chuẩn lời ...
Dọn mình cho thật thánh - thơi ,
Bừng lên đốc huệ rạng ngời lối đi ...
Trang , Tương lại với ông Kỳ ,
- 2855 Được Thầy căn dặn có khi lâu rồi ...

- Năm tàn tháng lụn vèo trôi ,
 Tông Đường tại thế ai người lập xong ?
 Đôi khi vương - vúi bụi hồng ,
 Đôi khi danh lợi long - đong kiếp trần ...
 2860 Mỗi người tự hỏi bản thân ,
 Đường đời vạn nẻo có gần Phật môn ?
 Xôn - xao xạo- xự chân chồn ,
 Gắng tu kéo trễ , dạy khôn do mình .
- Ngoại thân hoàn thiện công minh ,
 2865 Tông Đường hiển đạt mô hình đẹp tươi .
 Riêng phần Hộ Pháp hơn người ,
 Tông Đường cao trọng giữa nơi Cung Triều ...
 Cho rằng kém chẳng bao nhiêu ,
 Chỉ vài Tông Tộc có điều nể nang .
 2870 Nhất là Di Lạc rõ ràng ,
 Quan Âm sáng rực cao sang ngọc ngà.
 Kiểm đi tính lại gần xa ,
 Còn thua Tộc Họ Di Đà nữa thôi ,
 Rũ nhau giục tấn liên hồi ,
 2875 Niết Bàn cảnh giới cái nôi Phật vậy ...
 Kinh đô Cực Lạc là đây ,
 Kim Sa Đại Điện nơi này đâu xa ...!
 Thích Ca an ngự giữa Tòa ,
 Giống Kim Tự Tháp ngàn hoa tươi màu .
 2880 Cây dương vĩ đại trắng phau ,
 Lá như sợi chỉ lâu lâu bữa giăng .
 Tầng de lá phủ lãng quăng ,
 Trùm Kim Tự Tháp cội căn ẩn truyền ...
 Mất phàm khó nổi truy nguyên ,
 2885 Lá đeo trĩu hạt cam tuyền đong đưa ...
 Mỗi người một hạt không thừa ,
 Mạng căn trần thế sớm trưa gắn liền .
 Muôn loài vạn vật tương liên ,
 Cam lồ biểu tượng cho riêng mỗi người .
 2890 Liên đài óng ánh vàng rơi ,
 Toàn Kim Tự Tháp sáng ngời hào quang .

- Phân ra từng bậc từng hàng ,
 An ngôi Phật Vị cao sang vô cùng ...
 Nét ngài mây ngọc ung - dung ,
 2895 Không ai đếm xuể nghìn trùng Phật Gia .
- Quả là con số hằng hà ,
 Chí Tôn đã phải chiết ra thân mình .
 Mỗi người một chút Nguyên Linh ,
 Dựng lên vạn vật quá trình nhiều khê ...!
 2900 Đường tu thử thách ê- chề,
 Liên Quan Nhất Đảnh say mê gắng tìm .
 Rã- rời tới- tả cánh chim
 Đắc thành Phật Vị châu chím cũng cam .
 Vin đường tiến thoái luận đàm ,
 2905 Muốn thăng Nhứt Phẩm Liên Quan để nào ?
 Từ hàng Phật Vị tuyệt cao ,
 Phải đành tái kiếp nhập vào hạ muông .
 Thân làm thú dữ trên nguồn ,
 Chuyển luân muôn kiếp qua “truông” nghiệp
 trần
- 2910 Bao giờ nét hạnh cân phân ,
 Tái thăng Phật Vị phẩm phần mới thăng ...
 Vào nơi Cực Lạc đâu bằng ,
 Kim Bàn xuất hiện Nguyên Thân lờ mờ .
 Pháp Thân trong treo phát phơ ,
 2915 Lung- linh huyền bí khó ngờ được đâu ...!
 “Liên Quan “ chiếu diệu nhiệm mầu
 Càn Khôn Vũ Trụ nơi đâu cũng tưởng ...
 “Pháp Thân” chuyển thế mười phương
 Hòa đồng Vũ Trụ vô thường mông-lung ...
 2920 Bao nhiêu địa giới khắp cùng ,
 Thấy đều thấy rõ như chung một nhà ...
 Quyền năng đặc biệt tài hoa ,
 Năm phần cai quản sơn hà vô biên .
 Cơ Quan Giác Thế tu hiền ,
 2925 Giáo dân qui thiện đường tiên giãm dò ...
 Cơ Quan Trị Thế hằng lo ,

Cửu Thiên Khai Hóa “khuông phò “Vạn Linh .

- Mong sao giục tấn chính mình ,
Liên Đài tạo được quang vinh tuyệt vời .
2930 Nhưng nào ta chịu an nơi ?
Do lòng ước vọng mảnh đời cao hơn .
“Ngũ Tầng Quan” cứ chập-chờn ...
“Thập Tầng Quan” cứ từng cơn giục lòng .
Hỏi rằng ai muốn ai không ?
2935 Nếu cùng ước nguyện xin đồng tiến lên .
Người ơi ! Vững chí tâm bền ,
Gắng theo Từ Phụ chớ quên bước dần ...
Phật còn lận- đận gian-truân ,
Chí Tôn vùi- vùi vô ngần vơi xa ...
2940 Thấy chân vạn dặm quan hà ,
Trên đường “Thiên lý “ chúng ta đừng sờn .
Liên Đài rức- rở đẹp hơn ,
Sanh , sanh , tử , tử giúp hườn nghiệp căn .
Tâm trung giữ được công bằng ,
2945 Một lòng vì Đạo đọa thăng rõ rồi ...!
Ngày nay Di Lạc cao ngôi ,
Nắm quyền chưởng quản tài bồi Cung Sơn .
Để cho mọi việc vương tròn ,
Cao Đài khai mở dò đôn khách trần ...
2950 Chí Tôn Ngài đã định phân ,
Giao quyền Di Lạc thập phần vẻ-vang .
Thiênng Liêng Nhứt Phẩm huy hoàng ,
Khấp miền Cực Lạc tính toan lo lường .
Đó là thể hiện tình thương ,
2955 Từ bi bác ái lẽ thường Phật Gia .
Ngài thay Đức Phật Di Đà ,
Cứu nhơn độ thế trăm hoa rộ mùa ...
Buổi này là buổi ăn thua ,
Thí trường khảo dượt có mua được nào ?

2960 Thầy ban “Nguyên Tử “ thâm cao ,
Chính luồng “Tử Khí “ ánh hào lộng soi .

- Gia tâm cần tín học đòi ,
 Chơn truyền Đạo Pháp gắng noi Thánh Hiền .
 Một đời khó nổi nên Tiên ,
 2965 Rồi muôn triệu kiếp cửa Thiền công phu .
 Liên Đài gột áng sương mù ,
 Sáng trong tỏ rõ ngàn thu hưởng nhờ .
 Bây giờ mới thật nên thơ ,
 Liên Đài lỏng- lỏng vô bờ trắng phau .
 2970 Niết Bàn chữ Khí tươi màu ,
 Sau lưng Hộ Pháp minh châu nan bì .
 Hỏi rằng “Nguyên Tử “ là chi ?
 Khi mình hiển đạt có gì tốt hơn ...?
 Sanh Quang Tử Khí xanh rờn ,
 2975 Tinh ba “Nguyên Tử “ đòi cơn tạo thành .
 Lạc Vương chói rạng thân danh ,
 Ngự vầng “Ngươn Khí “ Trời dành thưởng ban .
 Dẫn trôi thảng lộn năm tàn ,
 Khối sanh “Nguyên Tử “ chói chang Liên Đài .
 2980 Quả là có một không hai ,
 Chí Tôn tạo dựng chốn này tối cao ...
 Chơn Linh thấy thấy muốn vào ,
 Càng ham thích ngự càng ao- ước nhiều ...
 Thèm- thuồng đạt vị bao nhiêu ,
 2985 Phải lo gìn giữ Giáo Điều, Môn Qui .
 Ngồi trên “Tự Tháp “ ai bì ...?
 Ngồi dành Vạn Chúng phải chi riêng mình ...?
 Thiên Đàng rộng mở thình thình ...
 Nếu ai muốn đạt lộ trình đừng lơ .
 2990 Hòa tan trong ánh Đạo Trời ,
 Chí Tôn bủa hóa khắp nơi sông hồ ...
- Tâm thành miệng niệm “Nam Mô “
 Cao Đài cứu rỗi hoàn đồ thế gian ...
 Chậm chân e phải lỡ- làng ,
 2995 Quyết tu sẽ đắc tính toan sao đành ...!
 Tròn tin sẽ được nên danh ,
 Ngồi trên “Tự Tháp “ có dành riêng đâu ...?

Chỉnh e nhân loại cơ cầu ,
 Chọn bề đối trá thay màu đổi tên ...!
 3000 Cái chi thiệt tướng mới bên ,
 Khá tua thấu đáo dựng nên nghiệp nhà .
 Chớ vùi trong cảnh kiêu sa ,
 Tai mê tiếng ngọt mắt lòa kỳ trân ...
 Cho rằng hữu phước hữu phần ,
 3005 Trời ban tận hưởng , bòn cân nhọc-nhần ...!
 Hoặc là hai bữa đủ ăn ,
 Càng tu càng khó , thà rằng không tu ...
 Phải chăng chân lý mật mù ,
 Trước nhiều Tôn Giáo như ru đón mời .
 3010 Thoạt nhìn mỗi vẻ mỗi tươi ,
 Làm sao phân biệt hỏi người thế gian ?
 Nơi đâu tiếng ngọc lời vàng ,
 Nơi đâu cửa Đạo thanh-thang bây giờ .
 Xin đừng hụp lặn trong mơ ,
 3015 Hãy tìm chân lý chân -chờ hoài công .
 Kiếp sanh chớ quên bụi hồng ,
 Loanh-quanh lẩn-quẩn đời không ra gì .
 Cửa trần tay trắng phủ đi ,
 Xác trần hườn thổ, hồn thì vấn vương...!
 3020 Cho nên ở cõi vô thường ,
 Phải chăng chỉ có tình thương mới còn .
 Mấy ai ăn ngủ thật ngon ,
 Tinh thần thơ-thối chu tròn kiếp sanh .

 Trọn dâng Thượng Đế lòng thành ,
 3025 Tu hiền một kiếp đắc danh tức thời ...
 Chí Tôn đâu phải đùa chơi ,
 Cứ theo đường Đạo rạng ngời quả duyên .
 Từ lâu Tôn Giáo thất truyền ,
 Lâm hồi Đạo bế ngửa nghiêng Tông Đồ .
 3030 Bao người muốn nhập “Hư Vô “
 Tu nhiều thành ít cơ hồ như không !
 Gieo nhân cấy quả thìn lòng ,
 Phải khi Đạo bế khó mong vượt tường .

- Ngăn rào là bởi quỉ vương ,
 3035 Chính Kim Quang Sứ chặn đường bế môn .
 Nghe danh cũng đủ chân chồn
 Vì người chỉ nể Chí Tôn thôi mà ...!
- *
- “Cửu Phẩm Thần Tiên nể mặt ta “
 “Thích Ca dù trọng khó giao hòa “
 “Cửa Kinh Bạch Ngọc năng lui tới “
 “Đường Đạo Tây Phương thử chánh tà “.
- *
- Đắc Tiên đắc Phật đâu ngoa ,
 Nhưng Người muốn đoạt cả Tòa Cung Thiên .
 3040 Thích làm bá chủ khắp miền ,
 Càn Khôn Vũ Trụ dành riêng cho Người .
 Sóng lòng khuấy dậy trùng khơi ,
 Phản loạn Kim Sứ loạn Trời buổi xưa .
 Tội nấy phạt mấy cho vừa ,
 3045 Đọa vào quỉ vị sớm trưa sửa mình .
 Qua bao thử thách điều linh ,
 Ngày nay đại xá Cung Đình rộng soi ...
 Thấy đều phân xét rạch-ròi,
 Tội , công tỏ rõ “đòn roi “ giải trừ ...
- 3050 Là “con “ đồng thể nên hư ,
 Chí Tôn yêu ái không từ một ai ...
 Rồi cho mở Đạo Cao Đài ,
 Là tha tất cả kẻ “sai “ người “hiền “
 Kim Quang Sứ vị Đại Tiên ,
 3055 Ý tài cậy sức lộng quyền Thiên Cung .
 Tự kiêu tự đại vô cùng ,
 Muốn cầm vận mạng cả khung địa hoàn .
 Chớ noi đường ấy mưu toan ,
 “Chực làm con giặc tôi loạn hại dân “
 3060 Không lo trọn đạo Quân Thần ,
 Đọa vào quỉ vị tấm thân hóa hèn ...
 Ngày nay thời buổi đua chen ,
 Chí Tôn đại xá song then mở rồi ...

Chơn Hồn chỉ dịp này thôi ,
 3065 Mau lo trả quả cho rồi nghiệp căn .
 Quỉ vương cũng được hóa hồng ,
 Cho làm Giám Khảo đọa thăng mọi người .
 Vậy nên càng khảo càng tươi ,
 Bỏ Phàm theo Thánh cho đời thanh cao .
 3070 Khảo cho ngôn ngữ ngọt-ngào ,
 Dượt cho Thánh Thể dồi trau vững vàng .
 Cổng vào Cực Lạc bế ngang ,
 Bởi Kim Quang Sứ chặn đàng cấm vô .
 Chí Tôn ban lệnh Môn Đồ ,
 3075 Vân xa Hộ Pháp đổ xô tới liền ...
 Kim Quang Sứ vị Đại Tiên ,
 Dương oai diệu võ lộ tiền cự đương .
 Rắp tâm đón ngõ ngăn đường ,
 Bồng đầu Đức Lý Minh Vương đánh nhầu .
 3080 Khó mà phân định thấp cao ,
 Lại dùng bửu bối muôn màu hãm vây .

Biến hình biến tướng tràn đầy ,
 Bên kia mấy phép bên này bấy nhiêu ...
 Đánh thoi cuộn cuộn sóng triều ,
 3085 Quỉ vương bị trúng một chiêu nặng-nề .
 Nhưng Người cũng thật gồm ghê ,
 Hắc quang tua tủa bốn bề hộ thân .
 Dõi theo Hộ Pháp mỗn dần
 Chìm trong giấc ngủ ba lần tỉnh , mơ ...
 3090 Trận tiền loạn rộng vô bờ ,
 Kim Tiên Hộ Pháp vội quơ một vòng .
 Ảo hình ảo ảnh bại vong ,
 Chỉ còn hai Tướng quyết lòng ăn thua ...
 Kẻ qua người lại ‘đánh đùa ‘
 3095 Quỉ vương trúng gậy cay chua chạy dài ...
 Vân xa Hộ Pháp tới ngay ,
 Nhìn đôi cánh cửa quây hoài chẳng ngưng .
 Định thân Hộ Pháp bảo : ‘dừng’
 Cửa ngừng chữ vạn sáng trưng chói lòa

- 3100 Chơn Hồn vội lách chen qua ,
 “Hai bên hai mở “ thật là xôn-xao ...
 Vì chơn Đạo bế khó vào ,
 Bây giờ ân xá Trời cao mở đường ...
 Chơn Hồn , ngạ quỷ đồng thương ,
- 3105 Kim Quang giám khảo khoa trường Long Hoa .
 Không phân sĩ tử chánh, tà
 Đủ tài đủ sức vượt qua kỳ này ...
 Trên đường giục tấn vui thay ,
 Hồn Ngươn Thiên sẽ có ngày đến nơi .
- 3110 Tại đây Di Lạc thay Trời ,
 Nắm quyền vũ trụ tạo đời Thánh Nhân .
 Đại Từ Phụ hết sức gần ,
 Vì người biến tướng hóa thân tài tình .
- Jéovah đức uy linh ,
- 3115 Dạy dân Do Thái gia đình Ky Tô .
 Hồng Quân Lão Tổ phụng thờ ,
 Dạy dân Trung Quốc thấu cơ nhiệm mầu .
 Đến dân Ấn Độ khác đâu ,
 Tùy Dân tùy tánh thay màu đổi tên .
- 3120 Brahma là Đấng Cha hiền ,
 Civa là Mẹ tùy duyên sanh thành ...
 Christna cũng đã lừng danh ,
 Dạy dân Ấn Độ điều lành điều hay .
 Dù người đạt Pháp công dày ,
- 3125 Hay người chẳng đắc về ngay Bửu Tòa .
 Vì cùng một Mẹ một Cha ,
 Qui về một mối một nhà thân thương .
 Chí Tôn Cha cả phi thường ,
 Hết lòng đùm bọc con ươn con hèn .
- 3130 Dạy con mưa chớ bon chen ,
 Đừng vì giọng uyển tiếng kèn hại thân .
 “Làm Cha nuôi nấng ân cần “
 “Làm Thầy lại nhượng Phẩm Thần Ngôi Tiên
 “
 (Hai câu này của Đức Chưởng Đạo dạy .)

Chí Tôn cao cả trọn hiền ,
Tròn thương vạn loại không thiên bên nào ...



X - LÔI ÂM TỰ và BẠCH NGỌC KINH

- Lôi Âm Tự , chớ chần- chờ ,
3135 Vào châu Đức Phật sao ngơ- ngẩn nhìn ...
Chính đây nguồn cội đức tin ,
Vào thời Thượng Cổ mấy nghìn năm qua ...
Do nơi Đức Phật Di Đà ,
Truyền thông triết lý Phật Gia từng lời ...
3140 Nơn sanh mả- miết rong chơi ,
Không tu hoặc giả cứ hời- hợt tu ...
Chén trần say “xỉn” ngật- ngù ,
Cho rằng triết lý lời ru ngọt- ngào ...
Hằng ngày lít- nhít lao- nhao ,
3145 Không trông hái quả thế nào được đây ?
Phật môn tối cổ nơi này ,
Là Tôn Giáo Mẹ có ngay buổi đầu .
Di Đà thuyết pháp từ lâu ,
Chuông rền Cổ Tự vang bầu trời thanh .
3150 Như mời Hộ Pháp tốc hành ,
Pháp xa chực sẵn bao quanh mây hồng .
Có hai Tiên Nữ bên hông ,
Vân xa điều khiển Thần Đồng quen tay .
Xuyên qua vạn dặm đường dài ,
3155 Hồn Ngươn vừa đến mới hay lạ kỳ ...
Vừa đi vừa nghĩ vừa suy ...
Tại sao Di Lạc biên thù một biên ?
Một mình thâu Pháp định Quyền ,
Trội hơn Phật Mẫu là duyên cơ nào ...?
3160 Mơ hồ chẳng biết vì sao ,
Trong lòng bất mãn ghen- ngào khó phân .

- Bồng đầu Mẹ hiện trắng ngần ,
Đứng đằng phía trước hồng vân sáng lừng .
Có người quý thẳng sau lưng ,
3165 Đó là Di Lạc tay dừng chếch mi ...
Quyền cao nhưng vẫn phải quì ,
Bởi quyền làm Mẹ không chi sánh bằng .
Dù cho Di Lạc cao thẳng ,
Vẫn tuân lệnh Mẹ chuẩn thẳng Môn Qui ...
3170 Quyền cao cốt để trị vì ,
Điều hành Cực Lạc uy nghi nơi này .
Vân xa Hộ Pháp nhẹ bay ,
Không sao luận nổi đậm dài thời gian .
Ồ kia Bạch Ngọc rõ-ràng ,
3175 Lung- linh ảo diệu chói- chang rực màu
Vân xa Hộ Pháp bay cao ,
Một vầng thoai khí chiếu vào vân xa .
Hào quang nối tiếp giao hòa ,
Tâm hồn khoan khoái gấp ba bốn lần .
3180 Lâu lâu ngọc các kỳ trân ,
Lâu đài chớn- chở thập phần xinh tươi .
Vật xây sống động như người ,
Biến hình biến tướng trên người khách trần .
Nơi này sống chết khó phân ,
3185 Trần gian là chết muôn phần không sai .
Nhưng đây vật thể sống hoài ,
Thở làn Nguơn Khí thọ dai vô cùng .
Chơn Linh điệp điệp trùng trùng ...
Thời Quân đón chận rợn-rùng Chơn Linh .
3190 Vừa trông Hộ Pháp bực mình ,
Hỏi ra mới biết Quỷ xin ngăn rào ...
Ma Vương hí lộng quyền cao ,
Hộ Pháp ra lệnh : “Cứ vào đi thôi “.
- Chơn Linh ô ạt vô rồi ,
3195 Thời Quân tiếp tục nối đuôi theo Đoàn .
Bạch Ngọc Kinh thật huy hoàng ,
Ba căn lồng-lộng rõ-ràng uy nghiêm ...

Chính giữa Phật ngự im lìm ,
 Hai bên Nam Nữ lặng yên vào ngôi .
 3200 Mỗi người đều sẵn có ngôi ,
 Riêng phần Hộ Pháp biết rồi tọa đâu ?
 Ý vừa mới nghĩ trong đầu ,
 Có người đã chỉ ngai cao kia kia .
 Nỗi mừng muốn được sốt chia ,
 3205 Ngai vàng hực-hỡ như chìa mời trao .
 Trong lòng Hộ Pháp rạt-rào ,
 E chùng bị gạt làm sao như vậy ...?
 Bỗng đâu lời nói bên tai ,
 Ngai kia là chính của Ngài không ngoa .
 3210 Khó lên an ngự “Bửu Tòa “
 Vừa may có bậc thang hoa sẵn rồi .
 Mới vừa yên chỗ an nơi ,
 Rượu đào dọn sẵn rót mời rình-rang .
 Long Hoa Đại Hội rõ-ràng ,
 3215 Dù muôn triệu kiếp trần gian khó tìm ...
 Nhẹ-nhàng dường thể cánh chim ,
 Mênh mang hạnh phúc tựa chìm trong mơ .
 Chơn Linh từ thử đến giờ ,
 Đạt thành chánh quả , có cơ hội này .
 3220 Chứng nhân Hộ Pháp nhìn đây ,
 Để về dương thế tỏ bày khúc nôi ...
 Long Hoa Đại Hội sẵn rồi ,
 Gắng tu giải thoát về ngôi vị mình .
 Dương trần lắm nỗi điêu linh ,
 3225 Mấy ai dưng trọn nghĩa tình mến thương .

 Cả gan làm chuyện phi thường ,
 Suốt đời gồng gánh tai ương kiếp trần .
 Tháng ngày dùa giúp thôn lân ,
 Hiến mình Thượng Đế , ân cần đảm-đang .
 3230 Giúp người cơ-cực nghèo-nàn ,
 Chén cơm manh áo cứu mang việc đời ...
 Chắc rằng rồi sẽ thanh-thời ,
 Vì công có một nhưng Trời trả muôn ...

- Cho nên khổ hạnh đừng buồn ,
 3235 Ai người luyện Đạo phải chuông phải bèo ...
 Mong ngày tuyết đỉnh thanh cao ,
 Vô vàn hạnh phúc dạt-dào trong tay .
 Trần gian báu vật chất đầy ,
 Xem ra giá trị một lai chẳng bằng .
 3240 Nơi này Nam Nữ cách ngăn ,
 Vừa trông tấm vách ngõ rằng sương sa .
 Màn che bóng dáng nhạt nhòa ,
 Khi mình muốn thấy rèm hoa vén hờ .
 Mãi nhìn quang cảnh nên thơ ,
 3245 Quý Bà thoát tục lững-lờ tuyết luân .
 Nam thanh Nữ tú gọi nhuần ,
 Đức ân Từ Phụ định phân thưởng đền .
 Thấy người nôn-nóng sao nên ,
 Muốn mình sung-sướng phải bền vững tâm .
 3250 Tu nhơn , tích đức âm thầm ,
 Chớ đừng giục tốc rồi hãm-hở liều .
 Một đời một kiếp bao nhiêu ,
 Nữ nào tự vận làm điều trái ngang .
 Kiếp sanh sẽ bị lỡ-làng ,
 3255 Đọa “Thành Uổng Tử” đeo mang gông cùm .
 Sao bằng chồi lá một thum ,
 Tu hành nhẫn nhục beo hùm nể kiêng .
- Đừng nên lật-đật leo “triền”,
 Mấy ông “Đạo Núi” lập riêng một “lò”
 3260 Cạo đầu trọc lóc tròn vo ,
 Đừng nên nóng-nảy qua “đò” dễ đâu ?
 Có đuôi ắt phải có đầu ,
 Mùi trần gạt bỏ dài lâu mới thành .
 Ngọc Hoàng , Thượng Đế lừng danh ,
 3265 Làm sao được gặp mới đành dạ mong ...
 Ý vừa chợt nghĩ nơi lòng ,
 Màn che hé mở bên trong diệu kỳ ...
 Có tầng có nấc mê ly ,
 Cung sơn rờn-rợn gan lỳ cũng kinh !

- 3270 Chí Tôn hiển hiện nguyên hình ,
 Phương phi đạo cốt trắng tinh thân ngài .
 Khoan thay đáng- dấp nhần-nha,
 Mặc đồ tiểu phục mượt- mà trắng phau ...
 Hàm râu bạc phếu một màu ,
- 3275 Khấp mình hừng- hực ngọc châu rờ- ràng ...
 Nhìn Người thiện cảm chứa- chan ,
 Dễ thương dễ mến vô vàn đi thôi ...
 Linh Tiêu Điện, đã gặp rồi ,
 Bây giờ chẳng lẽ hai nơi hai người ?
- 3280 Bồng Ngài thay sắc thật tươi ,
 Ngọc Hoàng Thượng Đế nhoẻn cười ngó ngay .
- Quả bầu lủng-lẳng bên ngoài ,
 Vai mang cái bị , cầm tay gậy thần ...
 Cầm ngang gậy , biến “đòn cân “
- 3285 Cái bầu thành “giá “ vô ngần tinh vi .
 Bị kia hóa một quả “bì “
 Thật là huyền diệu không chi sánh bằng .
 Vào tay Thượng Đế toàn năng ,
 Nhìn qua ba món như rằng đơn sơ .
- 3290 Khó tin mà cũng khó ngờ ,
 Thay hình đổi dạng , mình trơ thị- thiên .
 “Cân Trời” ba món Thiêng Liêng,
 Công bình thẩm định mỗi giềng là đây !
 Thế nên hình tướng do Thầy,
- 3295 Thiên biến vạn hóa đủ đầy như mơ ...
 Say nhìn Bạch Ngọc sững- sờ ,
 Như hồi bé- bỏng còn thơ thuở nào ...
 Muốn xem tường tận ra sao ,
 Xin Thầy , Thầy gõ gậy vào chiếc đôn .
- 3300 Thật là một việc kinh hồn ,
 Nào ai thấu được chiếc đôn là người ...?
 Ông già hiện tướng vui tươi ,
 Đưa giùm Hộ Pháp dạo chơi Cung Đình .
 Xem rồi cảnh Bạch Ngọc Kinh,

- 3305 Khuyên người trần thế giữ gìn đạo tâm .
Đường tu lữ-lữ gắng tâm ,
Bạn hiền thỏ- thể tình thâm dặn dò .
Tu hành sớm liệu chiều lo ,
Vun bồi âm chất trảy đò qua sông ...
- 3310 Giúp người khốn khó no lòng ,
Độ người cơ cực long- đong cuộc đời .
Cỏ hoa đừng vội ngắt chơi ,
“Biết đâu sanh mạng Phật Trời khổ tu “
Cần khôn Vũ Trụ mịt mù ,
- 3315 Thiên biến vạn hóa ngàn thu khó lường ...
Xin người góp nhặt tình thương,
Thương muôn vạn loại là đường lập ngôi .
Tông Môn Bạch Ngọc sẵn rồi ,
Chớ lo không chỗ không nơi dự triều ...
- 3320 Miễn lòng trọn vẹn tin yêu ,
Tin Thầy, yêu bạn, giáo điều trọn vâng ...
- Ngày sau khỏi sợ mất phần ,
Nhớ lời Hộ Pháp tỏ phân cạn cùng ...
Cũng đừng học thói buông lung ,
- 3325 Đổ thừa Hộ Pháp chữa dùng lời khuyên ...
Giàu , nghèo , lành lặn, tật nguyên ,
Mong người tích đức vầy duyên tu hành ...!

* * **Hết** * *

**Hiền Tài : NGUYỄN KIM MINH
& Hiền Tài HỒ VĂN HOÀNG**



Bí Pháp dâng Tam bửu Luận Giải Lời dạy của Đức Hộ Pháp

HT Lê Văn Thêm

(Tiếp theo)

PHẦN THỨ HAI.

“Đức Chí Tôn bảo chúng ta không phải là chúng ta, mà chúng ta không phải là chúng ta thì quả kiếp ấy không phải là của chúng ta, tức nhiên ta đã đoạt Cơ giải thoát”.



Đây là lời dạy kế tiếp của Đức Hộ Pháp cũng thật rất khó hiểu.

Làm sao để chúng ta không phải là chúng ta?

Có phải chăng đây là lời dạy phát xuất từ một Hóa Thân, một Ứng Thân thị hiện để dạy Tín Đồ Cao Đài như Đức Phật Thích Ca vào thời Nhị Kỳ đã dạy Phật tử qua Kinh Kim Cang và Bát Nhã Tâm Kinh khi Ngài còn tại thế.

Cả hai lời dạy vì quá cao siêu, vi diệu mà văn tự ngôn ngữ tâm duyên đối đãi của thế gian không làm sao diễn tả nổi, không

làm sao luận giải ngắn gọn hết được, vì thế nên thoạt mới nghe qua cảm thấy khó hiểu là vậy.

Thật vậy, lúc còn tại thế, Đức Phật Thích Ca đã di hành khắp nơi để thuyết Pháp độ sinh suốt 49 năm. Những gì Ngài thuyết, Ngài dạy thì hôm nay còn lại là 12 bộ Kinh được gọi là Phật Pháp. Phật Pháp đó đã có từ lúc Ngài còn sinh tiền cho đến ngày nay, do Ngài thuyết Pháp, do Ngài nói ra, thế mà Ngài lại bảo rằng “trong 49 năm thuyết Pháp ta không nói một lời nào”. Như vậy thì câu nói nầy của Ngài làm sao hiểu được! Như vậy thì 12 bộ Kinh không phải của Ngài nói hay sao? Mà tại sao lại gọi là Kinh Phật? Vậy phải đem đốt hết hay sao? Nhưng không phải vậy!

Những gì Ngài dạy, Ngài thuyết, lập thành Tạng Kinh là có thật.

Phật Pháp cũng có thật. Và sau 49 năm đi thuyết Pháp khắp đó đây nhưng Ngài lại bảo Ngài không nói một lời nào, đó cũng là lời nói có thật do chính Ngài đã nói ra. Tóm lại, tất cả đều thật, đều có, và cũng đều rất khó hiểu.

Tuy nhiên, ở đây không phải là nghiên cứu Phật Pháp, mà là một cố gắng căn cứ vào giáo lý Nho, Thích, Lão để luận giải một giáo Pháp của Đạo Cao-Đài do Đức Hộ Pháp dạy để tìm thấy coi những gì mà Đức Hộ Pháp dạy như đã ghi trên có đúng không? có thể hiểu thấu nổi không?

Để làm sáng tỏ hai câu hỏi nầy, xin được phân chia lời nói của Đức Hộ Pháp ra làm hai phần.

Phần thứ nhất là “Đức Chí Tôn bảo chúng ta không phải là chúng ta” và phần thứ hai “Nếu chúng ta không phải là chúng ta thì quả kiếp ấy không phải là của chúng ta. . .”

I- CHÚNG TA KHÔNG PHẢI LÀ CHÚNG TA.

Tại sao Đức Chí Tôn lại bảo “chúng ta không phải là chúng ta”. Vì lý do nào mà Đức Chí Tôn lại bảo như vậy.

Có ba lý do:

1- LÝ DO THỨ NHẤT:

Là bất cứ ai trong chúng ta hiện giờ đang sống ở cõi thế giới ta

bà này thì cũng đều có mang ít nhiều phàm phu Tánh như mê sắc, tham tài, chạy theo chức quyền danh vọng. v. .v. . Những thứ này, ngoài việc trong hiện đời gây cho chúng ta lấm phiền não, tạo ra không ít khổ đau, lại còn là động cơ tạo nghiệp, mà nghiệp này thì chúng ta phải mang theo để làm nhân quả tử sanh cho số kiếp luân hồi.

Nhưng thử hỏi ta có muốn tử sanh luân hồi quả báo mãi không, hay lại muốn được siêu thăng giải thoát? Ta có muốn làm phàm phu mãi không? hay ta muốn làm Hiền, làm Thánh, làm Tiên, làm Phật?

Chắc là ai cũng muốn siêu thăng giải thoát, ai ai cũng muốn xa lánh kiếp số phàm phu để làm Hiền làm Thánh . .v . .v . . Như vậy thì Đức Chí Tôn bảo chúng ta (phàm phu) không phải là chúng ta (không còn phàm phu nữa), có đúng với ý muốn của chúng ta không? Hoàn toàn đúng! Mà đó cũng là ý muốn của Ngài do Đức Hộ Pháp truyền đạt đến để cho các con Ngài nhớ mà lo tu để trở về nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống với Ngài thì hạnh phúc và vui vẻ biết bao!

Tóm lại, Ngài bảo chúng ta thôi đừng làm phàm phu nữa, vì làm phàm phu, hám danh, mê sắc, tham tài mệt lấm, phiền lấm, khổ lấm. Thôi hãy xa lìa nó đi, hãy bỏ nó đi và hãy trở về với tự thể Hiền, Thánh , Tiên ,Phật . Nói rõ hơn là Ngài muốn dạy cho chúng ta biết rằng kiếp phàm phu là tử tử sanh sanh, nhiều khổ lấm đau, là “Biển trần khổ với với trời nước”, nhưng đã có “ánh Thái Dương gội trước phương đông”, vậy thì chúng ta nên cố gắng lo tu để được siêu thăng giải thoát trở về nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống với Ngài.

Đây là lý do thứ nhất mà Đức Chí Tôn bảo chúng ta không phải là chúng ta, nghĩa là chúng ta phải thay đổi không nên tiếp tục làm phàm phu nữa.

2- LÝ DO THỨ HAI:

Là Ngài muốn với kiếp đời hiện tại ở thế gian, chúng ta phải có

cuộc sống hoàn toàn bình an và hạnh phúc, rồi sau khi rời bỏ cuộc đời giả tạm này thì được thật sự tự do nghĩa là chắc chắn giải thoát, siêu thăng.

Đây là lý do quan trọng mà Ngài nói ra nhằm an ủi và nâng đỡ chúng ta trong cuộc sống phồn ba vật chất, đầy quyến rũ, lắm Chấp nê và nhiều ưu tư cùng lặn độn này.

Thật vậy, để giúp cho chúng ta sống ở hiện đời được bình an và hạnh phúc, xa được phiền não, tránh được khổ đau, nên cũng như Đức Phật Thích Ca vào thời Nhị kỳ Phổ Độ, ngày nay Đức Hộ Pháp muốn chỉ cho chúng ta thấy rõ rằng trên thế gian này không hề có người thật, không hề có Pháp thật, và chúng ta cũng không phải là chúng ta thật. Tất cả đều là giả tạm, huyễn hoá, chẳng vĩnh hằng.

Đã biết là huyễn hoá, giả tạm, hợp rồi tan, có rồi không, còn rồi mất, vậy thì thôi chúng ta còn đam mê làm chi cái xác thân duyên hợp huyễn hoá này, còn bám víu nó nữa để làm gì. Càng cố Chấp, càng bám víu lại càng lắm khổ đau chớ nào có ích lợi gì đâu. Chính do cái bám víu, cố Chấp, Chấp thân này là ta, như là cái ta vĩnh viễn muôn đời, cũng như Chấp tất cả ta có là của ta rồi luyến lưu nó, ôm chặt lấy nó, chính hai cái Chấp ngã (ta) và Chấp Pháp (của cái vật chất) này mà con người phải hứng chịu không biết bao nhiêu là phiền não, và luôn luôn bị đọa lạc vào luân hồi tử tử sinh sinh không làm sao siêu thăng giải thoát được.

Để tránh khỏi luân hồi, cứ tử tử sinh sinh muôn đời không giải thoát, điều quan trọng như Đức Chí Tôn đã dạy là chúng ta phải thấy được tất cả chúng ta đều là những Tướng huyễn hoá duyên hợp không thật, nghĩa là xác thân này của chúng ta chỉ là một giả tướng, không có tự thể tự Tánh cố định. Mà đã là một giả tướng không có tự thể tự tánh cố định vĩnh hằng thì tức nhiên cũng không có tự ngã riêng biệt.

Thấy rõ được chúng ta không có tự ngã riêng biệt mà tất cả đều là hư vọng hợp tan, đó là cái thấy, cái nhìn và cách nhìn đúng

đần nhất, đúng với sự thật, đúng theo Chân Lý mà Đức Chí Tôn cũng như Đức Phật Thích Ca đã cố nói để chỉ dạy chúng ta. Như vậy, nếu chúng ta có cái thấy, cái nhìn và cách nhìn với Chánh kiến, thấu đáo, rõ ràng, chính xác, thấy được Chân lý đúng như những gì mà Đức Chí Tôn đã nói và Đức Hộ Pháp đã dạy thì như thế là chúng ta đã có được cái tri kiến với trí tuệ cũng như của Phật rồi.

Có cái thấy biết, cái tri kiến giống như Phật hay đúng như Phật thì có thể nói rằng trong khoảng thời gian ngắn ngủi tạm thời đó chúng ta đã đặt chân bước vào đất Phật.

Ở đời mà có ai lại không muốn làm Phật. Nhưng để làm được như Phật thì phải chịu khó tu làm sao cố giữ mãi cho được cái nhìn, cái thấy, cái tri kiến như Phật. Chớ còn cứ vẫn có cái nhìn, cái thấy của phàm phu, chưa thể là Hiền, thì biết chừng nào mới làm Thánh, mới trở về quả Phật được.

Nói rõ hơn, với Đạo Cao Đài, nếu chúng ta có cái nhìn, cái thấy đúng như Đức Chí Tôn đã nói và Đức Hộ Pháp đã dạy thì đó là chúng ta đã có cái nhìn cái thấy đúng theo trí tuệ của Phật. Mà với cái nhìn, cái tri kiến như vậy thì mọi việc Chấp Ngã, Chấp Pháp sẽ không còn, mọi cố Chấp đều tan biến, thế thì việc tu hành để chúng ta bớt phàm phu rồi tiếp theo đó chúng ta không còn phải là phàm phu nữa có thể dễ dàng thực hiện được.

Chúng ta có thể chuyển đổi và chúng ta dễ dàng dâng hiến thật sự xác thân này. Đây là một cách thấy để chuyển đổi tâm thức mà có chuyển được tâm thì trong hiện đời chúng ta mới sống bình an và hạnh phúc được.

Thử cứ nhìn xem có không ít người họ cứ Chấp Ngã, Chấp Pháp, thấy thân mình là thật, của cải mình là thật, cái gì cũng là ta, của ta, thế rồi lo tóm râu, tóm góp, tranh danh đoạt lợi, hám sắc tham tài để đi đến đấu tranh giành giật rồi gây khổ đau cho nhau, như thế có thật đáng phải làm không? Nếu sống trên đời mà con người cứ lo tóm râu, tóm góp, đam mê, ái dục, để rồi cái gì cũng Chấp nê, đua chen, giành giật, thì như thế là có đáng hay không đáng nên làm?

Cái gì cũng đến rồi đi. Cuộc vui nào rồi cũng chóng tàn, thử hỏi có nên mãi cứ mê mà chẳng chịu tỉnh không? Cứ chạy theo ngũ dục lạc để làm gì? Có ích lợi gì? Khổ đau sẽ đi theo sau tham ái và nếu người đời cứ mãi mê làm như vậy, mãi mê đua chen giành giật để rồi có khi còn cả đi đến giết hại lẫn nhau thì thôi mình cứ làm con chim để hót cho mọi người nghe, làm ngọn gió thổi cho mọi người được mát, làm tia nắng để sưởi ấm các cụ già nơi xứ lạnh giữa mùa đông hay làm tàng cây để cho chim đậu, để cho người đục nắng che mưa, như thế chắc còn có lợi ích hơn nhiều.

Tóm lại, cũng như những gì Đức Phật Thích Ca đã nói trong Kinh Kim Cang là “Bồ Tát không phải Bồ Tát mới là Bồ Tát”, “Chúng sanh không phải chúng sanh mới thật là chúng sanh”. Đức Chí Tôn và Đức Hộ Pháp khi muốn dạy “chúng ta không phải là chúng ta” thì cũng trong ý nghĩa đó.

Ngài muốn chúng ta đừng cứ mãi làm phàm phu mê lầm mà phải làm Hiền, làm Thánh tỉnh thức thấy được sự thật, thấy rõ Chân Lý, thấu rõ thân tâm này chỉ là giả tướng huyễn hóa, có rồi không, đến rồi đi, còn rồi mất.

Có thấy được như vậy thì chúng ta sẽ không còn khư khư Chấp Ngã, tham đắm sắc thân này, ai có chạm đến ta thì nào có hề hấn gì, ai có chửi bới ta thì cũng chẳng có ý nghĩa chi, chẳng có mất mát chi cả, vì thân này mà còn không có thật thì tiếng khen, tiếng chê, tiếng chửi nào có thật được đâu.

Có thấy được thân mình không thật, các Pháp thế gian cũng đều không thật, tất cả chỉ là “Nhược thiệt nhược hư “Thị không thị sắc” nên “Bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa”, “Vô vi nhi dịch sử quần linh” thì đó mới là cái nhìn đúng chân lý, cái thấy đúng sự thật, một cái thấy và cách thấy đầy tỉnh thức, chẳng vô minh mê lầm, để cố lo tinh tấn tu tập lập thân, trở về với thân Phật, thân Trời, hết còn mê đắm kiếp phàm phu lấm lẩn gian truân nhiều đau khổ, ai chửi không buồn, ai chê không giận, như vậy mới đúng là “thị danh cư sĩ”, tức “cư trần mà bất nhiễm trần” là cách tu của tín đồ Cao Đài ở tại gia, tu tại thế mà vẫn đắc Đạo, thế thì khi còn sống giữa cảnh trần hoàn này, làm sao không thể nói rằng ta sống bình an hạnh phúc, rồi đến khi từ già cõi đời này

nếu không giải thoát thì ít nhất cũng được siêu thăng, có được một kiếp số hậu lai hay hậu đời sắp đến ít nhất là cũng ở cõi Lục Dục Thiên, nếu không hơn thì cũng chẳng kém.

3- LÝ DO THỨ BA:

Đây là lý do quan trọng nhất mà Đức Hộ Pháp muốn nhắc nhở chúng ta. Đó là “trong thú thân này của chúng ta còn có Ông Trời ở trong, Ông đồng sống với nó” mà trong đêm thuyết Pháp 18 tháng 6 năm Kỷ Sửu (1949) tại Đền Thánh, Đức Hộ Pháp có nói rõ như sau: “Chúng ta ngó thấy trong mình chúng ta có Thần, có Thú, vì cơ nên triết lý định thất tình duy chủ, muốn làm Phật thì làm, muốn làm thú thì làm, bởi nó định theo tình dục của nó”.

Lời nói trên đây của Đức Hộ Pháp chẳng khác Lục Tổ Huệ Năng trong Pháp Bảo Đàn Kinh đã bảo “Phàm phu tức Phật”, cũng không ngoài ý nghĩa này.

Nói rõ hơn, theo như lời của Đức Hộ Pháp cũng như Lục Tổ thì trong xác thân của mỗi chúng ta vừa có phàm phu mà cũng vừa có Phật. Như vậy trong việc tu hành để sửa đổi và để thăng hoa, chúng ta phải làm sao lìa hẳn được cái chất phàm phu luôn luôn cố bám thân xác mình, để trở về với Pháp Thân, Phật Tính, cũng ở ngay trong thân này. Nói khác hơn là chúng ta phải làm sao cho chúng ta không còn là chúng ta, có nghĩa là không còn khí chất hay Tính chất phàm phu. Chúng ta phải làm sao cho chúng ta không phải là chúng ta tức chúng ta dù đang sống giữa thế giới ta bà nhưng tâm Tính của chúng ta không phải là Tâm Tính của một kẻ “Ta bà khổ”, của một kẻ phàm phu nữa. Đã không còn là phàm phu nữa theo như lời dạy trên đây của Đức Chí Tôn và Đức Hộ Pháp, chúng ta có thể làm được hay không?

Chắc chắn chúng ta có thể làm được vì một khi chúng ta thấy rõ thế gian vô thường, vạn Pháp vô Ngã, thân này huyễn hóa không thật cũng như tất cả các Pháp cũng đều huyễn hóa không thật thì như thế chúng ta đã phá được Chấp Ngã và Chấp Pháp rồi. Một khi Ngã, Pháp đều đã phá được thì đó là lúc chúng ta đã

bước vào hàng Sơ Địa Bồ Tát để trở về quả Phật, tức con đường giải thoát từ từ hiển lộ, do việc chúng ta đã làm đúng như lời Đức Chí Tôn và Đức Hộ Pháp dạy, đó là “chúng ta không phải là chúng ta”, có nghĩa là chúng ta hoàn toàn xóa bỏ được thứ chất phàm phu của chúng ta để trở về với Chơn Thể, đó là Tánh Phật, là “Ông Trời ở trong con thú này”.

Đến đây vấn đề đặt ra là phải làm sao chắc chắn lìa bỏ được con thú này ở trong chúng ta để cho Bản Thể Trời hay Bản Tánh Phật hiển lộ.

Nhằm thực hiện được việc này, chúng ta phải làm sao nhận rõ được sự thật hay chân lý để có thể hoàn toàn phá Chấp.

Phá Chấp ở đây gồm có phá Chấp Ngã và phá Chấp Pháp. Đó là hai thứ Chấp mà từ lâu chúng ta đã buộc chặt ta với số kiếp phàm phu, làm cho chúng ta cứ mãi là chúng ta, chớ chẳng thể “chúng ta không phải là chúng ta”, như lời Đức Hộ Pháp đã dạy. Nói khác hơn, để chúng ta không phải là chúng ta như hiện giờ với hình Tướng hiển lộ của một khách phàm phu, mà chúng ta phải là chúng ta thật sự, là Bản Thể của chúng ta, là căn Trời, là cốt Phật thì chúng ta phải triệt để phá được mọi cái “Chấp”. Xin trước tiên được trình bày về hiện trạng chúng sinh đang Chấp và tiếp theo là làm sao “Phá Chấp”.

II- CHẤP.

Chúng sanh sống ở thế gian không được an nhàn tự tại, thân tâm chẳng an lạc mà lại còn lắm phiền não khổ đau, đó chẳng qua là do Chấp mà ra cả.

Chính vì Chấp mà trong cuộc đời hiện tại chúng sinh hoàn toàn thiếu hẳn hạnh phúc, và khi rời bỏ cuộc đời này, thế gian này, chúng sinh lại một lần nữa mất hẳn tự do, đó là tự do để thăng hoa, hay nói rõ hơn là tự do để siêu thăng giải thoát và hậu quả tất nhiên là cứ mãi trôi lăn trong lục đạo luân hồi, nhiều đau lắm khổ.

Nỗi trôi lăn trong lục đạo luân hồi đó có nguồn gốc từ việc

chúng sinh không tỉnh thức mà luôn vẫn cứ vô minh. Chúng sinh cứ mãi mê lầm, tưởng rằng thật sự có một cái ngã hay cái ta hiện hữu, thế rồi cứ bám víu vào nó, biến nó thành bản Ngã, tức cho ta là nó, cho nó là ta, làm cho nó thành ta, nhưng thật sự cái ta hay cái ngã đó chỉ là một ảo giác của vọng tâm, một ảo ảnh, một giả danh, một giả Tướng mà thôi.

Nói khác hơn, vì si mê hay vô minh mà chúng sinh lầm Chấp. Chúng sinh lầm Chấp thân, Chấp tâm, Chấp văn tự, ngôn ngữ và ngoại cảnh trần hoàn, nghĩa là chúng sinh hầu hết và hầu như luôn luôn Chấp ngã và Chấp Pháp. Đây là nguyên do và nguồn gốc của nhiều nỗi truân chuyên, lắm bước gập ghềnh trong cuộc đời hiện tại, và ở tương lai thì không làm sao rời được kiếp số phàm phu mà có khi lại còn đọa lạc.

Để tránh khỏi phải mãi làm kiếp phàm phu, tử sanh sanh tử, cũng như để trong hiện đời chúng sinh sống được hoàn toàn an nhàn hạnh phúc, điều quan trọng là chúng sinh phải dừng Chấp, dứt Chấp, mà để dừng Chấp dứt Chấp thì trước tiên chúng sinh phải biết làm sao phá Chấp.

Chúng sinh có thể phá Chấp bằng cách làm thế nào không bỏ lỡ những cơ hội có thể tiếp cận, thâm nhập và mở mang văn huệ, làm sao thực hành được và đúng những câu Kinh:

“Đại Từ Phụ xin thương khai khiếu,
Giúp trẻ thơ học hiểu văn từ.
Gần điều nên, tránh lẽ hư
Nương gương thân huệ đặng trừ nghiệt căn”.

Để có được chánh kiến, chánh tư duy và chánh niệm, tức thấy rõ được Chân Lý, lẽ thật, lý thật, cũng như nghĩ đúng, nói đúng, niệm đúng, tu đúng, nhằm đập phá tan cái giả danh của ngôn ngữ, cái giả Tướng của Ngã và Pháp, hầu xa rời giả tướng, giả danh để trở về với Chân Như Bản Thể hay Chân Tướng, với chân thường, chân lạc, chân Ngã, chân tịnh là bốn đức Vô vi hay bốn đức Niết Bàn. Mà trong giáo Pháp tiệm tu tiệm ngộ,

hay tiệm tu đốn ngộ, hoặc đốn tu tiệm ngộ hay đốn tu đốn ngộ của Đạo Cao Đài gọi đó là “Tùng Tướng Nhập Tánh” hay “Nương Sự Hiển Lý, Lý Sự Viên Dung”.

III- TÙNG TƯỚNG NHẬP TÁNH.

Xin trước hết được nói vắn tắt đến giáo Pháp “Tùng Tướng Nhập Tánh” hay “Nương Sự Hiển Lý” của Đạo Cao Đài nhằm giúp cho sự trình bày đạo hạnh pháp Cháp có phần dễ dàng hơn.

Đạo Cao Đài có giáo Pháp tu “Nương Thể Pháp để đạt Bí Pháp” hay Tùng Tướng Nhập Tánh” là Pháp môn tu không xa Đời lại đến được với Đạo để rồi đạt Đạo mà Đức Hộ Pháp đã dạy qua những lần Thuyết Pháp tại Đền Thánh vào đêm 5 tháng 4; 9 tháng 4; 13 tháng 4 và 12 tháng 5 Kỷ Sửu / 1949. Đây là một Pháp môn tu mà có nhiều vị chưa tìm hiểu thấu đáo giáo lý Đạo Cao Đài thì lại cho rằng cách tu của Đạo Cao Đài không cao siêu vì chưa xa lìa thế tục mà chư vị đó cho là “thiếu cái Dũng” hay “cái Hạnh từ bỏ” cũng có nghĩa là chẳng xuất gia.

Cách thấy trên đây bắt nguồn từ một cách nhìn ở một góc độ mà việc đúng hay sai người viết xin được phép không luận bàn đến để tránh mắc phải thị phi, đúng sai, phải quấy, thấp cao. v.v. . Người viết chỉ xin được nói rõ là với cách tu này hay Pháp môn này, Đạo Cao Đài nào có xa rời tinh túy giáo lý của Tam giáo nhất là Khổng Giáo hay Nho Giáo và Phật Giáo.

Với Phật giáo thì giáo lý trên đây của Đạo Cao Đài chẳng khác chi giáo lý “Nhị Đế Dung Thông Tam Muôi Ấn” hay giáo lý trong Kinh Như Lai Viên Giác của đạo Phật dạy “Tri huyễn ly huyễn”.

Tri huyễn có nghĩa là biết đó là tạm, là giả, chỉ có rồi không mà tự điển Phật Học gọi đó là ảo ảnh.

Để biết có thật là tạm, là giả, là ảo ảnh hay không và trong cái tạm, cái giả này khổ đau hay hạnh phúc ra sao, người tu không còn cách nào thiết thực hơn là phải sống với cái tạm và cái giả

đó thì mới thấy được thật ra nó như thế nào rồi mới tu hay có thể hướng dẫn người khác tu.

Đây là cách tu mà ngày nay Phật Giáo Phát Triển hay Phật Giáo Đại Thừa Nhật Bản đang tu.

Nói rõ hơn là cách tu của Phật Giáo Đại Thừa Nhật Bản cũng có những điểm không khác chi cách tu hiện tại của Đạo Cao Đài, mà cách tu của Đạo Cao Đài rõ nét “Tùng Tượng nhập Tánh” hay ly Tượng để nhập Tánh tức nương sự hiển lý để cho lý sự viên dung.

Đây là cách tu thiết thực, một cách tu cần phải băng qua ngoại cảnh trần hoàn như các nhà sư Đại Thừa Nhật Bản, để tri huyền rồi mới chắc chắn ly huyền được, như Kinh Như Lai Viên Giác đã dạy, bằng không thì e rằng mọi lời nói hay giáo lý sẽ khó diệu dụng vì không phải từ thực nghiệm và do thực chứng thì như vậy cũng có thể gây nguy hại và dễ làm hỏng đời tu mà một học giả lỗi lạc hiện thời, một nhà nghiên cứu tôn giáo với nhiều nhiệt tâm và nhiệt huyết, với kiến thức uyên thâm hầu như là kết quả của thực chứng, có nói nhiều câu nói cần được lưu ý và ghi nhận như sau: “Có một điều là muốn tìm ra con đường nội tâm, trước hết phải băng qua ngoại cảnh trần hoàn xác thân. Nói thế có nghĩa là phải hướng ngoại trước rồi mới hướng nội sau, phải đi ra ngoài đời trước rồi mới đi vào Đạo sau.

Những con người muốn đốt giai đoạn, trốn tránh sự đời từ thuở còn thơ, rất khó mà tìm được con đường nội tâm, vì lòng họ càng ngày càng luyến tiếc thế sự, luyến tiếc những thú vui trần hoàn, bị vẩn vật vì những khát khao không được thoả mãn . . . Một căn do làm cho nhân loại khổ đau chính là vì đã lãng quên mất giá trị vô biên của mình, dòng dõi sang cả của mình, tưởng rằng Trời Phật cách xa mình. Có biết đâu rằng Trời Phật hiện tiền trong đáy thẳm lòng sâu của mình. Trời Phật chính là bản thể của mình nhưng đã bị bụi trần hoàn che phủ mất. .

Chúng ta sinh ra đời không phải để sùng bái, ca tụng Trời Phật mà chính là để thực hiện Trời Phật . . . Muốn gặp Trời Phật

chẳng cần đợi tới lai sinh. Chỉ giữ được lòng mình trong trắng thanh cao, hư không định tĩnh, là sẽ phối hợp được với Trời, với Đạo, là sẽ nhập Niết Bàn, (Tinh hoa các Đạo giáo - Nhân Tử Bác Sĩ Nguyễn Văn Thọ - Giáo sư Đại Học Văn Khoa Sài Gòn - Nhà xuất bản Nhân Tử Văn - USA 2002 - Trang Tựa III, đoạn 5, 8, 9, 10)

Tóm lại với những gì được trình bày trên đây cũng như với phát biểu của vị học giả khả kính, tất cả đều không ngoài mục đích là làm sao cho thấy rõ được Sự Thật. Mà muốn thấy rõ được sự thật thì không có cách nào khác hơn là phải sống với thực tế, tức phải Tùng Tướng. Có Tùng Tướng mới tận tri được Tướng, mới chân tri được huyền và mới chắc chắn, hay ít nhất mới có nhiều cơ may hơn để ly huyền được.

Nói cách khác là phải Tùng Tướng tức có sống với cuộc đời trần thế, rồi ly Tướng, thì mới có nhiều cơ may Nhập Tánh, tức trở về với Bản Thể Chơn Như hay Bản Thể Phật Trời được. Đây chính là điều mà Đức Hộ Pháp đã cố công dạy qua những đêm thuyết Pháp 5 tháng 4; 9 tháng 4; 13 tháng 4 và 12 tháng 5 Kỷ Sửu 1949 nêu trên.

Đến đây lại nói về nhập Tánh.

Để nhập Tánh thì giáo lý của Đạo Cao Đài hay Pháp môn tu nhập Tánh của Đạo Cao Đài cũng không đi ra ngoài tinh túy giáo lý của Nho Giáo hay Khổng Giáo và cả Phật Giáo. Chỉ có phần rõ hơn, đó là Giáo Lý Đạo Cao Đài lại triển khai xa hơn, bằng cách dung hợp giáo lý của hai Tôn giáo trên liên quan đến Tánh.

Nói về Tánh theo Khổng giáo hay Nho giáo thì “Tánh là nguồn gốc của vạn vật” (Tính giả vạn vật chi nhất nguyên) mà Mạnh Tử trước kia và Vương Dương Minh sau này lại nói rõ hơn.

Theo Mạnh Tử thì “Tánh là bản nguyên tức Thiên lý chí linh chí diệu mà Trời phú cho người”. Còn theo Vương Dương Minh, nếu ở Trời thì đó là Thiên Lý; mà Trời phú cho người lại được gọi là

Mệnh. Người bầm lấy, tức người nhận vào ta thì đó lại là Tánh; còn lúc làm chủ cho thân thì được gọi là Tâm (Ngữ Lục I: Tự kỳ hành thể dã vị chi Thiên, lưu hành dã vị chi Mệnh, phú chi nhân dã vị chi Tính, chủ ư thân dã vị chi Tâm).

Nói rõ hơn, theo Khổng giáo hay Nho giáo thì Tâm hay Tánh có nguồn gốc từ Thiên Lý tức từ Trời và con người từng Tướng rồi ly Tướng để nhập Tánh, đó là xa lìa phàm phu để trở về hay thể nhập với Trời hay với Phật đó là Bản Thể của mình.

Khổng giáo hay Nho giáo mặc dù có quan niệm và có nói như vậy, nhưng để lập thành công dụng Phối Thiên thì Nho gia hay Khổng Mạnh đã không khai triển đến nơi đến chốn, tức về Nhập Tánh thì Khổng giáo hay Nho giáo, dù có nói đến Tánh nhưng không khai triển và chỉ dẫn cách nhập, cách tu. Cũng như Phật giáo, sau khi Phật nói Kinh Như Lai Viên Giác về tri huyền và ly huyền thì phần được khai triển nhiều nhất lại là ly huyền để giải thoát, tức chú trọng về phần Tiên Thiên (Essentialisme) hơn là Hậu Thiên, tức phần hiện sinh, hiện thực, hiện tại là Sống, là Tướng (Existentialisme) là ngoại cảnh trần hoàn cần phải băng qua.

Riêng Đạo Cao Đài, với tôn chỉ Tam Giáo Qui Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhất và với đường lối tu Nhơn Đạo Đại Đồng, Nho Tông Chuyển Thế, có nghĩa là không xa rời tinh túy giáo lý Tam giáo, nhưng chú trọng về phần Nhơn Đạo trước rồi Thiên Đạo sau, nên Đức Chí Tôn và Đức Hộ Pháp đã dạy tín đồ rất rõ về cách tu “nương sự hiển lý” trong giáo Pháp dâng Tam Bửu để giải thoát, mà để thực hiện giáo Pháp này tức từng Tướng và ly Tướng để nhập Tánh thì tín đồ Cao Đài trước tiên phải Sống, tức là ở trong Đời, nghĩa là phải băng qua ngoại cảnh trần hoàn rồi mới đi được đến Linh, có nghĩa là Linh hơn Vạn Vật, mà đó chính là Thánh Tâm, Phật Tánh hay là Mệnh Trời, là Đạo.

Nói rõ hơn, muốn từ Sống đến Linh, từ Đời đến Đạo, từ Thế Pháp đến Bí Pháp, tín đồ Cao Đài phải biết ly. Ly đây có nghĩa là ly Tướng, là buông bỏ, là không còn bám víu, không còn Chấp trước, cũng có nghĩa là phải hoàn toàn phá Chấp, phá

Chấp ngay cái đã được tri là huyền, đó là cái sắc thân, cái giả Tướng của chính mình, để rồi ly huyền đạt Đạo, sẽ được trình bày ở phần kế tiếp sau đây.

IV- PHÁ CHẤP.

Giáo lý Đạo Cao Đài có chỉ thẳng các phần phải phá Chấp. Đó là phá Chấp Ngã, phá Chấp Pháp và đặc biệt nhất là phá Chấp danh ngôn hay văn tự ngôn ngữ.

Về phá Chấp danh ngôn hay văn tự ngôn ngữ thì Luật Tạng của Đạo Cao Đài đã chỉ rõ những phần danh ngôn mà người tín đồ Cao Đài phải phá. Cứ nhìn thẳng vào đó mà phá, mà xa rời, mà tu, mà chứng, bằng không thì việc phá Chấp Ngã, phá Chấp Pháp tiếp theo nói riêng, hay việc tu hành nói chung sẽ chỉ là việc nói suông để nghe mà thôi.

Để phá Chấp danh ngôn, xin đọc “Giới, đường tới Thiên Đàng” của cùng tác giả (do Ban Thế Đạo Hải Ngoại xuất bản tháng 08-2009). Riêng phần viết ở bài này chỉ xin giới hạn vào việc luận giải lời dạy của Đức Chí Tôn cũng như của Đức Hộ Pháp về việc phá Chấp ngã và Pháp.

A- PHÁ CHẤP NGÃ VÀ PHÁ CHẤP PHÁP.

Trong lời chỉ dẫn Dâng Tam Bửu để giải thoát, Đức Hộ Pháp dạy tất cả Tín Đồ phải hiến dâng tất cả, xác thân, trí não tinh thần và linh hồn của mình, tức phải hoàn toàn hiến dâng cái Ngã, cũng có nghĩa là hoàn toàn và triệt để phá Chấp Ngã.

Phải phá Chấp ngay cái ta, cái Ngã, hay nói rõ hơn là cái giả Tướng hiển lộ của mỗi chúng ta. Phá Chấp bằng cách với toàn tâm toàn ý hiến dâng trọn vẹn nó cho Đức Chí Tôn để Ngài làm phương tiện phục vụ Vạn Linh. Dạy là dạy như vậy, nói là nói như vậy, nhưng với việc thực hành thì có dễ hay không? Làm sao để có thể hiến dâng với toàn tâm toàn ý?

Để có thể thực hiện được lời dạy của Đức Hộ Pháp, cũng như lời nói của Đức Chí Tôn với toàn tâm toàn ý, người tu phải làm sao thấy được thật rõ cái nguồn cơn bất tịnh, cái lẽ vô thường,

cái lý duyên hợp và vô ngã của xác thân mình. Phải thấy rõ như vậy để không còn cho rằng đó là ta, đó là Ngã, rồi sẵn sàng hiến dâng cái ta, cái ngã bất tịnh, duyên hợp, vô thường đó, đem nó ra để phụng sự vạn linh như nói theo Đạo Cao Đài hay giác tha như nói theo đạo Phật.

1- Phá Chấp với Lý Vô Thường Vô Ngã.

Có một câu chuyện sau đây được ghi lại trong Kinh điển Tam giáo.

Chuyện kể rằng vào thuở xa xôi kia, ở tại một vương quốc nọ có một nàng công chúa. Công chúa vì là con một nên rất được Vua và Hoàng hậu nuông chiều.

Vào một buổi sáng mùa hè nọ, trời mưa và công chúa ngồi nhìn những hạt mưa rơi tí tách từ mái nhà. Những hạt mưa rơi xuống, xuyên qua ánh sáng, lung linh vá óng ánh muôn màu chẳng khác nào những hạt kim cương khiến cho lòng công chúa ước mơ có được một xâu chuỗi làm bằng những hạt mưa long lanh đó. Công chúa muốn như thế song vì là con cưng nên nàng chỉ nằm yên trên giường và không nói gì hết. Hoàng hậu thấy công chúa buồn và biếng nói tưởng rằng con bệnh nên ân cần hỏi han liên tục, nhưng công chúa vẫn cứ mãi lặng im.

Vua cha hay tin, tưởng công chúa bệnh nặng, vô cùng lo lắng và vội vàng đến thăm. Vua vỗ dành hỏi mãi và sau cùng công chúa mới thổ lộ rằng: “Con muốn có xâu chuỗi hạt mưa. Nếu có con đeo vào thì con sẽ hết bệnh ngay, bằng không con sẽ không ăn cơm và nhịn đói cho đến chết.”

Vua và Hoàng hậu hết hoảng chẳng biết phải làm sao, sợ công chúa nhịn đói chết thật đành phải hứa sẽ tìm người xâu chuỗi bằng hạt mưa cho nàng. Hôm sau, khi lâm triều, Vua truyền lệnh các quan tìm người xâu chuỗi cho công chúa và nếu ai có thể làm được thì sẽ trọng thưởng.

Có một ông lão nghe lệnh Vua truyền, khăn gói đến tâu rằng ông có thể xâu được xâu chuỗi hạt mưa. Nhà Vua nghe vậy, quá mừng bèn đưa ông ta đến gặp ngay công chúa.

Công chúa nghe ông già cho biết có thể xâu được chuỗi bằng

hạt mưa cho mình đeo nên vui mừng ngồi dậy và hỏi bao giờ bắt đầu. Ông lão đáp rằng ông có thể xâu hạt chuỗi nước mưa nhưng tiếc thay vì tuổi quá già, mắt mờ sờ sệt, vậy thì ngày mai công chúa chịu khó ra đường lựa những hạt mưa nào đẹp mà công chúa thích rồi đưa cho ông và ông sẽ xâu cho. Công chúa rất vui mừng bằng lòng ngay.

Sáng hôm sau, trời cũng mưa, công chúa thức dậy sớm, đích thân ra mái hiên nhà đứng lựa những hạt mưa, còn ông già thì đứng bên cạnh chờ công chúa đưa hạt mưa mà cô đã lựa xong để ông xâu chuỗi.

Công chúa thấy những hạt mưa lóng lánh chiếu sáng đang rơi, liền đưa tay nắm bắt, nhưng hết hạt mưa này đến hạt mưa khác cứ tuần tự vô tình len qua kẽ các ngón tay mà trôi lăn đi mất. Cứ như vậy, từ sáng đến trưa, không nắm bắt được một hạt mưa nào cả, công chúa quá mệt mỏi sanh ra chán nản rồi giận dữ đến nói với nhà Vua: “Thưa phụ vương, con không còn muốn đeo xâu chuỗi hạt mưa nữa”. Nhà Vua lúc ấy quá mừng bèn bảo sẽ cho công chúa một xâu chuỗi kim cương và Vua truyền lệnh cho cận thần mang đến xâu chuỗi kim cương thật. Công chúa liền nhận và vui vẻ đeo vào cổ và hết bệnh.

Câu chuyện trên đây có ý muốn nói với chúng ta rằng, trên thế gian này, những của báu được cho là đẹp, là quý, trong đó có luôn sắc thân này của mỗi chúng ta, tất cả đều là những gì đến rồi đi, chẳng khác nào như những hạt mưa óng ánh muôn màu muôn vẻ kia mà một khi muốn nắm bắt, muốn giữ nó thì nó sẽ liền luôn lách len lỏi qua kẽ những ngón tay để rồi sau cùng biến mất.

Câu chuyện cũng còn muốn nói thêm rằng ở đời này người ta thường nghĩ hễ cái gì sang, cái gì đẹp, cái gì phú quý vinh hoa. .v. v. thì đó là hạnh phúc, là sung sướng. Nhưng hãy cứ thử bình tâm nhìn kỹ lại xem có sự sung sướng nào lâu dài mãi đâu. Trò đời dâu bể, có khác nào bèo hợp rồi tan, trăng tròn rồi khuyết, cũng như con người gặp nhau để rồi ly biệt.

Cứ hợp rồi tan, tan rồi hợp, còn rồi mất, có rồi không, chẳng

khác nào như những hạt mưa, càng cố nắm bắt thì nó lại càng len lỏi luồn lách qua kẽ tay để rồi biến dạng, để rồi cuộc đời thì những gì mà thế gian mê đắm, đuối đeo, bám víu cho là hạnh phúc, cho là sung sướng đều không còn. Càng đeo đuối nó chừng nào thì lại càng mệt mỏi chán chường chừng nấy, cuối cùng rồi tất cả chỉ là không, vì bản chất của tất cả những gì ở thế gian này đều là vô thường và duyên hợp.

Xác thân của con người cũng vậy, nào có khác chi đâu!

Xác thân của con người cũng vô thường duyên hợp nào khác chi những hạt mưa rơi từ những mái nhà. Thoạt nhìn thì thấy nó xinh tươi, đẹp đẽ, mơn mớn, nhơn nhơn vào lúc trẻ tuổi thanh xuân, nhưng với thời gian trôi qua mau lẹ, thế rồi nó cũng sẽ lụn tàn và tan biến đi trải dài qua năm tháng. Chỉ có điều là hạt mưa tan biến nhanh, còn xác thân mạng sống của con người thì lại chậm hơn phần nào đó mà thôi. Tất cả đều phải rã tan, tất cả đều phải lụn tàn.

Có gì là thường hằng, có gì là bền vững. Có ai mà cao sang đẹp đẽ hay trẻ mãi được đâu. Hạt mưa óng ánh như kim cương đó là sự kết hợp tạm thời của ánh sáng xuyên qua từng giọt nước chiếu soi, một sự kết hợp của những thứ vô thường, vô Ngã, có khác nào xác thân của mỗi chúng sanh, nó cũng vô thường, khổ, không và vô ngã.

Tất cả đều nhược thiết nhược hư, có rồi không, còn rồi mất, chỉ có khác nhau phần nào là mất sớm hay mất muộn.

Vậy thì thôi, tham đắm làm chi bám víu làm gì, cố ôm ấp càng cố Chấp để rồi cuối cùng còn có được gì đâu. Càng đam mê lại càng phiền não, càng tham đắm lại càng khổ đau. Tham ái, đam mê, bám víu, Chấp nê, đó là trạng thái tâm hồn của những ai còn mê mờ chưa tỉnh thức, chưa thấy được sự thật với cái lý vô thường vô ngã và tất cả chẳng qua là chỉ tùy duyên. Chỉ khi nào con người thấy được sự thật, thấy được mọi vật bốn Tánh vốn không thì lúc đó con người mới tri túc, thiếu dục, không còn đam mê tham ái, chấp nhận bỏ và buông thì lúc đó hạnh phúc chân thường mới thực sự đến mà thôi. Hạnh phúc chân thường ở cạnh

bên ta, ngay tại nơi ta, chỉ có điều là ta không chịu thấy, không chịu nhận và không chịu hưởng mà thôi.

2- Phá Chấp với lý duyên hợp vô ngã.

Liên quan đến việc phá Chấp với lý duyên hợp vô Ngã, có một câu chuyện liên hệ đến một vị Bồ Tát tiền thân Đức Phật Thích Ca, đã được chính Đức Phật kể lại với Ngài Tu Bồ Đề như sau:



“Này Tu Bồ Đề!
Kiếp trước khi ta còn tu hạnh Bồ Tát, ta thường ngồi thiền ở trong núi sâu. Một hôm, khi ta đang nhắm mắt thiền định nơi một hang động, thì bỗng nghe có tiếng cười lạnh lạnh. Ta mở mắt ra nhìn thấy trước mặt có một đám cô nương, dáng người diễm lệ, trang phục cao sang, dáng vẻ giống như những kẻ ở trong Hoàng cung. Họ chạy đến ta vừa cười vừa hỏi ta đang làm

gì ở nơi chốn rừng núi hoang lạnh không sợ hùm beo thú dữ hay sao?

Ta ôn tồn nói với họ rằng ta không hề thấy sợ khi một mình ở nơi thâm sơn cùng cốc này, vì nếu ở thành thị, nơi đầy dẫy những thú vui vật chất, của tiền, sắc dục, cộng thêm với uy quyền hà khắc của những bậc vua quan thì sự độc ác và nguy hiểm có khi còn hơn cả hổ báo thú dữ nơi chốn rừng sâu này nữa.

Nghe ta nói như thế các cô nương có vẻ an lòng. Họ đổi ngay thái độ cũng như cách cư xử và lại còn yêu cầu ta nói Pháp cho

họ nghe.

Ta bèn chỉ một đóa hoa trước mặt rồi hỏi họ có thấy gì không?. Ta nói với họ rằng đây là một đóa hoa sớm nở tối tàn và cuộc đời của con người thì cũng chẳng khác chi hơn. Với vạn vật hữu vi thì theo luật tuần hoàn là phải sinh trụ di diệt, còn với con người thế gian thì lẽ sinh lão bệnh tử là sự đương nhiên. Con người hay vạn vật tất cả đều cũng như nhau. Tất cả cũng đều đến rồi đi, sinh rồi tử, vì sinh là nhân, tử là quả, và cái ta hay cái ngã vốn vô thường và hoàn toàn duyên hợp. Như vậy, điều quan trọng là con người cần phải biết chân lý đó và cần phải biết lo tu. Tu để được đời sống an nhàn hạnh phúc khi còn ở thế gian này và sau khi từ giả nó để ra đi thì cũng sẽ hoàn toàn được tự do, tự do thăng hoa hay siêu thăng giải thoát.

Khi ta vừa nói đến đó và định tiếp tục nói thêm thì bỗng có một lão già ăn mặc theo lối vương giả, đầu đội mũo cao, gươm đeo lưng lẳng bên hông tiến đến ta với một vẻ mặt hăm hừ giận dữ, hét lên và nạt ta rằng:

- Lão thầy tu kia, sao lại dám đùa cợt với đám cung nữ của ta. Người chẳng biết ta đây là Ca Lợi Vương sao? Người há chẳng từng nghe oai danh của ta à?. Người tu gì mà ngồi đây? Chờng nào mới đắc đạo?

- Ta đáp: Thưa Đại vương, người tu hành vô ngã và nhẫn nhục, không khi nào lớn tiếng và mắng trở lại Đại vương đâu. Nhưng xin Đại vương đừng dùng ác khẩu vì hễ ác ngôn ở đâu thì ác nghiệp sẽ liền theo đó. Đại vương nên thận trọng.

Nhà vua cười ha hả và nói tiếp: Người tu hạnh nhẫn nhục và vô ngã à? Vậy để ta chặt đứt tay chân người, phân thân người ra coi người có còn vô ngã và nhẫn nhục thật không?

Vừa nói xong, Ca Lợi Vương chặt tay chặt chân ta, xẻo mũi, xẻo tai, móc mắt ta, còn ta vì biết rõ rằng thân này vốn vô thường và duyên hợp nên tu hạnh nhẫn nhục và thực hành vô ngã đối với chúng sanh, do đó mà ta hoàn toàn buông xả không có một chút cảm tức hay giận hờn gì cả.

Trên đây là câu chuyện của một vị Bồ Tát tiền thân Đức Phật Thích Ca. Đức Phật mặc dù lúc đó chưa thành Phật và Ngài vẫn còn tu hạnh Bồ Tát, nhưng Ngài đã thấy rõ sự thật, thấy rõ Chân Lý, thấy cái lý vô thường và duyên hợp của vạn vật cũng như của sắc thân, thấy rõ rằng:

“Thân như điện ảnh hữu hoàn vô,
Vạn vật xuân vinh thu hựu khô.
Nhậm vân thanh suy vô bố úy,
Thanh suy như lộ thảo đầu thô”.

Nghĩa là thân Ngài nào có khác chi lần điện chớp, có rồi không, chẳng khác nào như cây cối mùa xuân thì tốt tươi mà thu đến lại héo tàn. Biết như vậy thì thôi còn phải lo gì cho sự thanh suy, còn mất, vì thân con người thanh suy hay còn mất nào có khác chi là hạt sương trên đầu ngọn cỏ, long lanh đó rồi cũng biến dạng đó ngay dưới vầng dương.

Chỉ với sự tâm chứng chân lý vô ngã này mà vị Bồ Tát tiền thân Đức Phật Thích Ca đã nhẫn nhục, xả Chấp để cho vua Cát Lợi mặc tình dày xéo phanh thây Ngài. Đó chẳng qua là vì Ngài đã biết rõ cái lý vô thường và duyên hợp của cái xác thân giả Tướng giả tạm, nên Ngài đã phá Chấp và buông bỏ được hoàn toàn. Đây đúng là một bằng chứng mà cũng là một thí dụ điển hình của hạnh tu phá Chấp ngã với lý duyên hợp.

Cũng như câu chuyện của nàng công chúa và xâu chuỗi, đó cũng là thí dụ điển hình của hạnh tu phá Chấp Pháp với lý vô thường. Cả hai có mục đích nhằm lý giải cho thấy rõ để rồi chỉ rõ việc thực hành Thánh giáo của Đức Chí Tôn mà Đức Hộ Pháp lập lại để dạy tín đồ. Đó là “Đức Chí Tôn bảo chúng ta không phải là chúng ta mà chúng ta không phải là chúng ta thì quả kiếp ấy không phải là chúng ta”.

Xin được tìm hiểu thấu đáo lời dạy này mà mục đích không chỉ khác hơn là nhằm phá Chấp.

B- PHÁ CHẤP THEO LỜI DẠY CỦA ĐỨC HỘ PHÁP

Để có thể phá Chấp theo lời dạy của Đức Hộ Pháp trong giáo

Pháp Dâng Tam Bửu, chúng ta thử tìm hiểu thật rõ lời nói của Đức Chí Tôn do Đức Hộ Pháp lập lại.

Đức Chí Tôn bảo: “Chúng ta không phải là chúng ta, mà chúng ta không phải là chúng ta thì quả kiếp ấy không phải là của chúng ta, tức nhiên ta đã đạt cơ giải thoát”.

Lời nói này của Đức Chí Tôn gồm có 2 phần:

Phần thứ nhất đó là “chúng ta không phải là chúng ta” và phần thứ hai nói rằng: “mà chúng ta không phải là chúng ta thì quả kiếp ấy không phải là của chúng ta tức nhiên ta đã đạt cơ giải thoát”.

Vậy xin được tìm hiểu từng phần một, bắt đầu bằng phần thứ nhất: “Chúng ta không phải là chúng ta”.

Phần thứ nhất: “Chúng ta không phải là chúng ta”.

Trong phần này có hai chữ (word) hay hai nhóm chữ (phrase) quan trọng. Đó là chữ “chúng ta” và chữ “không”. Xin được tìm hiểu chữ “không” trước rồi đến nhóm chữ “chúng ta không phải là chúng ta” sau.

1- Không.

Để hiểu rõ được lý vi diệu của chữ “không” trong lời dạy của Đức Hộ Pháp, xin được nhờ đến giáo lý của Đạo Lão qua quyển Đạo Đức Kinh.

Đạo Đức Kinh Lão giáo có nói rằng:

- “Ba mươi cây cắm xe hợp lại để tạo thành cái bánh xe, nhưng chính nhờ khoảng “không” trong bánh xe, nên xe mới hữu dụng.”

- “Nặn đất sét để làm chén bát, nhưng chính nhờ ở chỗ không của chén bát mà chén bát mới tiện dùng”.

- “Đục cửa ngõ, tạo buồng the để làm nhà ở, chính nhờ chỗ “không” của cửa, của buồng the mà cái nhà mới là nơi để dung thân.”

(Tam thập phúc công nhất cốc, đương kỳ vô, hữu xa chi dụng. Duyên thực dĩ vi khí, đương kỳ vô, hữu khí chi dụng. Tạc hộ dĩ dĩ vi thất, đương kỳ vô, hữu thất chi dụng. Đạo Đức Kinh, chương 11).

Với chương 11 - Đạo Đức Kinh, Đức Lão Tử đã diễn tả sự diệu

dụng của cái lý “không” một cách hết sức tài tình. Ngài đã chỉ cho thấy rõ hai yếu tố “có” và “không” mà nói rộng hơn là Tướng và Tánh, thân và tâm hay xác thân và linh hồn, cùng chung nhau, xen vào nhau, quện với nhau, nhưng rõ ràng cái “có” chỉ là cái hiện tượng, cái giả Tướng thành trụ hoại không, sinh, trụ, di, diệt hay sinh, lão, bệnh, tử, còn cái “không”, cái chẳng thấy được, cái không Tướng như tâm hay linh hồn, đó mới là cái trường tồn, cái cần thiết, cái chánh yếu, cái vi diệu và diệu dụng hơn hết (Cổ, hữu chi vĩ di lợi, vô chi vĩ di dụng, Đạo Đức Kinh, Chương 11).

Chính cái diệu dụng này mà con người bất cứ ai ai cũng đều cần đến. Đó chính là mục đích cuối cùng của mọi việc làm, mọi hành động, mọi ý tưởng, mọi suy nghĩ và cũng là mục đích ở đời hay mục đích của mỗi một cuộc đời.

Ở đời ai mà lại không muốn có một cuộc sống hạnh phúc và bình an, cũng như trong mục đích cuối cùng của mỗi cuộc đời ai mà lại không mong được hoàn toàn tự do, tự do trong ý nghĩa để thăng hoa, để siêu thăng và giải thoát.

Con người có sống trong hiện tại được hạnh phúc không và với kiếp đời kế tiếp có được tự do hay không, tự do để đến Thiên Đàng, hay nói cách khác là kiếp sau có hơn được kiếp này không thì đó mới là cái mục đích tối thượng, mới là cái diệu dụng của những hành động, những ý nghĩ mà chúng ta đang nghĩ, đang làm, nói rõ hơn là những ý nghĩ hành động phát xuất từ cái xác thân Tướng thể hình hiện này.

Cái Tướng thể này của chúng ta tức cái xác thân tứ đại, ngũ hành âm dương tương hợp của chúng ta, nó hình hiện chẳng khác chi bộ cãm bánh xe, đất sét nắn trộn, việc đục cửa xây phòng, mà người đời luôn luôn hằng tâm chăm lo xây đắp. Người đời cứ mãi mê mà làm cái cãm bánh xe, vành tròn bánh xe, nắn cái chén, xây cái tường, cũng như lo nâng niu ôm ấp, vun bồi cái xác thân hình Tướng hiển lộ của mình mà quên hẳn đi cái diệu dụng của nó, tức cái mục đích cuối cùng của nó mà mình cần phải nhắm tới và cần phải đạt đến. Đó là niềm hạnh phúc, sự an

bình, như cái bánh xe phải chạy cho êm, cho thông, cái chén phải đựng cho nhiều, cho không chảy, cái nhà phải thật mát và rộng rãi, nhất là có nhiều chỗ để ở. .v. .v. .chẳng khác chi mục đích tối thượng của mỗi cuộc đời là kiếp sau phải làm thế nào cho hơn kiếp trước, được như thế thì đó mới đúng là diệu dụng, mà diệu dụng như Đức Lão Tử nói thì nó nằm ở chỗ chữ “Không” hay “Lý không”

Mặc dù cái “lý không” lắm diệu dụng nhưng tiếc thay người đời lại có thói quen là hễ nghe nói đến “không” thì thường hay lo hay sợ. Người đời lo sợ vì chữ “không” hàm ý “chẳng có” hay “chẳng còn gì cả”.

Chẳng hạn như khi nghe nói “chúng ta không phải là chúng ta” thì người đời cứ liên tưởng ngay đến việc chúng ta mất đi, đến việc chúng ta không còn, chúng ta không có, và cái ý nghĩ đó làm cho người ta lo sợ mất mình, một nỗi lo sợ làm cho nhiều người có thể hoảng loạn mà hậu quả là không dám tìm hiểu cho thấu đáo cái “không”, hay cái “lý không”, hoặc chẳng dám nghĩ đến nó nữa.

Nhưng chẳng phải như vậy!

Chữ “không” hay “lý không” với Đức Lão Tử trong Đạo Đức Kinh là để chỉ cho con người thấy rõ diệu dụng của cái không hình tướng, cái chẳng có Tướng thể, không Tướng mạo tức phi Tướng như linh hồn. Còn với Đức Hộ Pháp thì “không” lại càng để chỉ rõ hơn. Đó là Thánh Tâm, Phật tánh, Thiên trong Nhơn tức Bản Thể Trời trong con người, mà mỗi chúng ta ai ai cũng đều có. Cái đó chúng ta không hay, hầu như không biết vì không thấy mà giờ đây Đức Hộ Pháp muốn nhắc cho chúng ta hay, nói cho chúng ta biết, chỉ cho chúng ta thấy và một khi đã hay, đã biết, đã thấy được rồi để cố lo dụng công tu trì hồi phục thì hạnh phúc trong hiện đời sẽ có ngay, cũng như sự tự do để có một kiếp sau hơn kiếp này, hay tự do để đến Thiên Đàng, để siêu thăng giải thoát sẽ là một kết quả đương nhiên và tất yếu.

Tóm lại, nói “không” hay “lý không” là để nói lên hay diễn tả

cái không tướng, phi Tướng mà đó chính là thật tướng, khác với cái hữu Tướng hữu vi thật ra chỉ là cái giả Tướng hư vọng mà thôi.

Cái thật Tướng và cái giả Tướng này sẽ được thấy rõ hơn và hiểu rõ hơn qua việc phân tích nhóm chữ “chúng ta không phải là chúng ta” mà Đức Hộ Pháp đã dạy.

2- Chúng ta không phải là chúng ta.

Với lời dạy “Chúng ta không phải là chúng ta” mục đích của Đức Hộ Pháp là để phá tan sự Chấp ngã cũng như Chấp Pháp qua việc “thắng thắng phủ nhận chúng ta” tức cái Tướng hiển lộ của chúng ta, nói khác hơn là cái “giả Tướng ta” hay cái “ngã”, cái “ta” là cái Pháp hữu vi mà Kinh Kim Cang của Phật Giáo đã trình bày rất rõ.

Thật vậy, cũng không khác giáo Pháp phủ nhận “chúng ta không phải là chúng ta” của Đạo Cao Đài, Kinh Kim Cang của Đạo Phật lại còn phủ nhận mạnh mẽ chẳng kém, phủ nhận tất cả những gì hiện hữu trên thế gian này mà Kinh gọi là hữu vi Pháp.

Đối với các Pháp hữu vi, Kinh dạy hai điều tổng thể rất quan trọng. Trước tiên Kinh nói: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư Tướng phi Tướng tức kiến Như Lai”. Rồi kế tiếp theo đó Kinh lại còn giải thích rõ hơn nữa với câu: “Nhất thiết hữu vi Pháp như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệt như điện, ưng tác như thị quán”, có nghĩa là phàm hễ cái gì có Tướng thì đều là huyễn hoá hư vọng tức chỉ là giả Tướng thôi chớ đó chẳng phải là thật Tướng (phàm sở hữu Tướng giai thị hư vọng).

Nói rõ hơn là bất cứ sự gì, vật gì, bất cứ Pháp trần nào, kể cả hình Tướng hiển lộ của chúng sinh tức xác thân, vọng tâm, vọng thức, vọng niệm của chúng sinh, tất cả chỉ là những gì không thật, tạm có chớ không trường tồn, chẳng khác nào như bọt nước đầu gành, như giọt sương mai buổi sáng, có đó rồi tan biến đó, chẳng khác chi lần điện chớp, như ảnh như bóng, có rồi không, nói khác hơn là những Pháp hữu vi trên thế gian đều là giả có, là không Tướng trong ý nghĩa Tướng chẳng thật mà bất cứ ai

biết được như vậy, có chánh kiến như vậy, tư duy như vậy không khác, và có được niệm cũng như định đúng như vậy thì đó là người đã thấy Tánh Phật của mình rồi (nhược kiến chư Tướng phi Tướng tức kiến Như Lai).

Nói tóm lại, hay cũng có thể gọi là tạm kết luận hai câu nói quan trọng trong Kinh, thì đây chẳng qua là phần tổng quát mà Kinh nói chung vậy thôi. Riêng về chi tiết, với 32 chương của Kinh Kim Cang cũng như với nhiều bộ Kinh khác mà Đức Phật Thích Ca đã dạy đệ tử, đặc biệt nhất là Ngài Tu Bồ Đề, thì tất cả không gì khác hơn là cũng toàn phủ nhận, phủ nhận rất chi tiết, phủ nhận gần như trọn vẹn, phủ nhận từ danh ngôn đến ngã, Pháp.

a)- Thứ nhất với Danh ngôn.

Phật phủ nhận hoàn toàn những gì mà Phật đã giảng qua 49 năm.

Phật nói:

“Thị tùng thành đạo hậu
Chung chí Bạt Đề Hà.
Ư thị nhi trung gian.
Vị thường thuyết nhất tự.”

Nghĩa là:

“Từ khi ta thành Đạo
Cho đến lúc nhập Niết Bàn.
Trong khoảng thời gian đó
Ta chẳng có thuyết một lời.”

Bảo rằng chẳng có nói một lời tức là Phật đã phủ nhận danh ngôn, mà nói rõ hơn là Phật phủ nhận ngay cả những gì mà chính Phật thật sự đã có nói rõ ràng.

b)- Thứ hai với Pháp.

Qua rất nhiều Chương, mà rõ nhất là ở chương 13 - Kinh Kim Cang, Phật nói rõ như sau: “Này Tu Bồ Đề, các vi trần Như Lai nói không phải vi trần ấy gọi là vi trần. Như Lai nói thế giới không phải là thế giới, ấy gọi là thế giới” (Tu Bồ Đề! Chư vi trần, Như Lai thuyết phi vi trần, thị danh vi trần. Như Lai thuyết

thế giới phi thế giới thị danh thế giới.)

Như vậy là ở đây, rõ ràng Phật phủ nhận từ cái rất nhỏ như vi trần, như hạt bụi, rồi đến cái rất lớn là thế giới thì Phật cũng phủ nhận luôn, có nghĩa là từ danh ngôn đến tất cả các Pháp thì Phật đều phủ nhận. Thế còn Ngã tức ta, tức chúng ta thì Phật thấy thế nào.

c)- Thứ ba với Ngã.

Cuối cùng với Ngã hay ta, mà nói rộng hơn là chúng ta hay chúng sanh thì trong Kinh Kim Cang lại cũng cùng chung số phận với danh ngôn hay muôn Pháp.

Nói rõ hơn là cũng giống như ngôn và Pháp, cái Ngã, cái ta hay chúng ta hoặc nói rộng hơn là chúng sanh tất cả đều cũng bị Phật phủ nhận triệt để, phá Chấp hoàn toàn.

Như tại chương 21 Kinh Kim Cang Phật nói: “Này Tu Bồ Đề! Chúng sanh, chúng sanh ấy Như Lai nói chẳng phải chúng sanh, gọi là chúng sanh” (Tu Bồ Đề! Chúng sinh, chúng sinh giả, Như Lai thuyết phi chúng sinh thị danh chúng sinh.)

Đây là một câu nói rất vắn tắt nhưng lại rất rõ về việc phá Chấp ngã. Câu này cũng giống như câu nói của Đức Hộ Pháp trong Bí Pháp Dâng Tam Bửu của Đạo Cao Đài. Đức Hộ Pháp nói: “Đức Chí Tôn bảo chúng ta không phải là chúng ta, mà chúng ta không phải là chúng ta thì quả kiếp ấy không phải là của chúng ta”.

Với câu nói này, phần thứ nhất “chúng ta không phải là chúng ta” đã được tạm trình bày như trên nhưng chưa đầy đủ. Còn phần thứ hai với đoạn “mà chúng ta không phải là chúng ta thì quả kiếp ấy không phải là của chúng ta”. Phần này cần được làm sáng tỏ hơn bằng cách phải tìm hiểu cho thật rõ.

(còn tiếp)

Giới, Đường tới Thiên Đàng Precepts, The Way to Paradise

“Giới, Đường tới Thiên Đàng” soạn giả Hiền Tài Lê Văn Thêm vừa được Ban Thế Đạo Hải Ngoại xuất bản. Sách dày 120 trang, song ngữ Việt Anh, được trình bày trang nhã, đẹp mắt. Nội dung rất xúc tích, dễ hiểu.

“ Người trên đời ai ai cũng mong được sống tròn đầy hạnh phúc và hoàn toàn tự do, tự do và hạnh phúc ngay trong cuộc đời này cũng như tự do và bình an sau khi cuộc đời mình đã mãn.

.....
Khi đọc quyển sách này, người đọc sẽ thấy vui tươi an lạc, không còn phiền não, vơi bớt khổ đau, sống tự tại an nhàn và sau khi tách bước ra đi sẽ có được an vui và tự do thật sự hay nói rõ hơn là sẽ được siêu thăng giải thoát.”



Cửu Trùng Thiên

Sách được **Biếu Không- Không Bán**. Chỉ còn một ít số lượng sách còn lại. Quý đồng đạo, thân hữu, cơ sở có yêu cầu, xin vui lòng liên lạc Ban Thế Đạo Hải Ngoại.

Trân trọng giới thiệu cùng quý đồng đạo, thân hữu và quý cơ sở.
San Jose, tháng 10-2009

Ban Thế Đạo Hải Ngoại



Việc Liên Lạc

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Để việc liên lạc với Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại, các Ban Quản Nhiệm địa phương và Tập San Thế Đạo được dễ dàng và nhanh chóng, xin quý Hiền Huynh' Hiền Tỷ liên lạc theo những cách như sau:

I- Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo Hải Ngoại:

- 1- Địa chỉ : 3076 Oakbridge Dr., San Jose , CA. 95121
- 2- HT. Nguyễn Ngọc Dũ, Phone : (408) 238-6547.
Fax# (408) 440-1372 E- mail: dutani@comcast.net
- 3- HT. Nguyễn văn Cầu E-mail: caunguyencd@gmail.com
- 4- HT. Mai văn Tim, Phone: (425) 265-1095.
E-mail: Timmai@juno.com.

II- Tập San Thế Đạo

-Tập San Thế Đạo : 3076 Oakbridge Dr., San Jose,
CA. 95121- 1716

- 1- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bắc Cali:
HT Nguyễn Đăng Khích, Phone: (408) 729-3922
- 2- Đại-Diện Tập San Thế Đạo tại Nam Cali:
HTDP Huỳnh Mãng, Phone: (714) 544-5698
- 3- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Bang Georgia:
HTDP Trần văn Tánh, Phone: (678) 422-2588
- 4- Đại Diện Tập San Thế Đạo tại Tiểu Bang Ontario,
Canada: HTDP Lê Đăng, Phone: (416) 780-1874
Fax: (416) 780-1829

III- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại:

1- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Washington & bang Oregon:

HTDP Trần Trung Dung Phone:(253) 815-1846

2- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Texas:

HTDP Trần Công Bé Phone:(817) 244-7322

3- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Louisiana:

HT. Trần Huyền Quang Phone:(504) 347-9326

4- Đại Diện Ban Thế Đạo tại bang Georgia:

HT Cao Văn Bảy Phone:(770) 638-4616

HT Văn Công Cộg Phone:(678) 422-1946

5- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Florida:

HT Huỳnh Công Khanh Phone:(727) 544-9484

6- Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Toronto, Canada

HTDP Phan Văn Tông Phone: (905) 794-8200

HTDP Lê Đăng Phone:(416) 780-1874

7- Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại Pháp:

HTDP Nguyễn Chí Hiền Phone:01-4852-6017

IV- Ban Thế Đạo Úc Châu:

HT. Nguyễn Kim Triệu, Phone: (612) 9726-9684.

V- Ban Thế Đạo Bắc California:

HT Nguyễn đấng Khích, Phone: 408-729-3922

Email: tn_ndk@yahoo.com

VI- Ban Thế Đạo Nam California

HT Bùi Văn Nho. Phone :(951) 710-7766.

VII- Yểm Trợ tài chánh:

Chi phiếu hoặc money order xin gửi về:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

3076 Oakbridge Dr

San Jose, CA 95121-1716

:



Phân Ưu

Vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:

Đạo Hữu

Lê Hồng Cải

Thuộc Bộ Chỉ Huy
Cảnh Sát Quốc Gia Tây Ninh

đã qui vị ngày 15 tháng 09 năm 2009 (nhằm ngày 27 tháng 07 năm Kỷ Sửu) tại thành phố Garden Grove, California.

Hưởng thọ 75 tuổi

Chúng tôi thành kính phân ưu cùng tang quyến.
Nguyên cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu cùng các Đấng
Thiên Liêng độ rỗi hương linh cố Đạo Hữu Lê Hồng Cải sớm
được trở về cõi Thiên Liêng Hằng Sống.

Thánh kính phân ưu.

Châu Đạo California
Tộc Đạo, Thánh Thất, ĐTPM Orange.
Tộc Đạo Little Saigon.
Tộc Đạo Santa Clara.
Tộc Đạo San Diego.

Đại Đạo Thanh Niên Hội California.
Tây Ninh Đồng Hương Hội.
Trung Tâm Việt Ngữ Minh Đức.

Ban Thế Đạo Nam California.
Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.



Phân Ưu

Vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:
Thân mẫu của Hiền Huynh Đặng Châu và cũng là Nhạc
Mẫu của Hiền Huynh Lê Vụ Lê Ngẫu Nại, Thánh Thất Cao-
Đài Wichita, Kansas là:

Thính Thiện Huỳnh Thị Thuận

đã qui vị lúc 5.20 AM ngày 14 tháng 08 năm 2009 (nhằm ngày
24 tháng 6 năm Kỷ Sửu) tại huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh
Việt Nam.

Hưởng thọ 89 tuổi.

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng gia đình Hiền huynh
Đặng Châu, Hiền Huynh Lê Ngẫu Nại và tang quyến.
Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng
Liêng chan rưới hồng ân cho hương linh Cố Thính Thiện Huỳnh
Thị Thuận sớm được siêu thăng về cõi Thiêng Liêng Hằng
Sống.

Thành kính phân ưu.

- *Thánh Thất Cao Đài Wichita, Kansas.
- *Thánh Thất & ĐTPM Mountain View, Dallas, TX.
- *Gia đình HTDP Nguyễn Sao Đáp, Garden city, KS.
- *Gia đình Hiền Huynh Lê Hồng Ngọc, Garden City, KS.
- *Gia đình Ô.Bà Nguyễn Thanh Ba, Wichita, KS.
- *Gia đình Ô.Bà Đinh Lộc.
- *Gia đình Ô.Bà Phạm Hữu Khanh.
- *Gia đình Ô.Bà Đặng Hoàng Trân.
- *Gia đình Ô.Bà Đoàn Hùng.
- *Gia đình Ô.Bà Mã Cẩm Vững.
- *Châu Trần Đạt.



CẢM TẠ

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

- *Bàn-Tri-Sự và đồng đạo Thánh Thất Cao-Đài Wichita, Kansas
- *Ban Thế Đạo Hải Ngoại và Tập San Thế Đạo
- *Quý Chức Sắc, Chức việc và Đồng Đạo: Thánh-Thất và Điện Thờ Phật Mẫu MountainView, Dallas, Texas
- *Ông Bà Đoàn Thanh Sun: Chủ Tịch Cộng-Đồng VN, thành phố Wichita và vùng phụ cận
- *Ông Nguyễn Văn Đáng: Hội Trưởng Hội Ái Hữu Cảnh Sát Quốc Gia, thành phố Wichita, Kansas
- *Ông Nông Văn Thắng: Chủ Tịch Hội Cựu Quân Nhân QLVNCH, thành phố Wichita, KS
- *Ông Nguyễn Văn Sáng: Gia Trưởng Gia Đình Hải Quân VNCH, thành phố Wichita, KS.

- *Gia đình Hiền Huynh Hiền Tài Dự Phong Nguyễn Sao Đáp, thành phố Garden City, KS
- *Gia đình Hiền Huynh Lê Hồng Ngọc, Thành phố Garden City, KS
- *Gia đình Ô. Bà Nguyễn Thanh Ba, thành phố Wichita, KS
- *Gia đình Ô. Bà Đinh Lộc, thành phố Wichita, KS
- *Gia đình Ô. Bà Phạm Hữu Khanh, thành phố Wichita, KS
- *Gia đình Ô. Bà Đặng Hoàng Trân, thành phố Wichita, KS
- *Gia đình Ô. Bà Đoàn Hùng, thành phố Wichita, KS
- *Gia đình Ô. Bà Vũ Như Quỳnh, thành phố Wichita, KS
- *Gia đình Ô. Bà Mã Cẩm Vững, thành phố Wichita, KS

*Toàn thể quý bạn hữu và thân bằng quyến thuộc gần xa cùng các cháu: Hồ Trung-Lên, Hồ Tùng, Hồ Thủy-Dũng, Lê Minh Lê Long, Nguyễn Dũng, và Trần Khương.

Đã đến chia buồn, tham dự LỄ THỌ TANG VÀ CẦU SIÊU cho:

Mẹ, Bà Nội, Bà Ngoại, Bà Cố của chúng tôi tại Thánh-Thất Cao-Đài Wichita là:

Thính Thiệm
Huỳnh Thị Thuận

qui vị lúc 5giờ 20 sáng ngày 24 tháng 6 năm Kỷ Sửu nhằm ngày 14 tháng 8 năm 2009 tại Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, VN.

Hưởng thọ: 89 tuổi

TANG GIA ĐỒNG CẢM TA

*Trưởng Nam: Đặng Châu, vợ và các con cháu, thành phố Wichita, KS

*Thứ Nam: Đặng Văn Dụ, vợ và các con cháu, Tây Ninh, VN

*Thứ Nam: Đặng Văn Đổ, vợ và các con, Tây Ninh, VN

*Thứ Nam: Đặng Văn Nín, vợ và các con, Tây Ninh, VN

*Thứ Nam: Đặng Văn Sấn, vợ và các con, Tây Ninh, VN

*Thứ Nam: Đặng Văn Mãng, vợ và các con, Tây Ninh, VN

*Trưởng Nữ: Đặng Thị Khe, chồng: Lê Ngẫu Nại và con cháu



Phân Ưu

Vô cùng thương tiếc nhận được tin buồn:
Dưỡng Phụ Hiền Tỷ Trần Thị Ngọc Cang ngụ tại Hayward,
California là:

Đạo hữu

Võ Văn Thơm

đã qui vị vào ngày 25 tháng 07 năm 2009 (nhằm ngày 04 tháng
06 năm Kỷ Sửu) tại Hayward, California

hưởng thọ 89 tuổi.

Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng Hiền Tỷ Trần Thị Ngọc
Cang và tang quyến.

Nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng
Liêng hộ trì cho hương linh của cố đạo hữu Võ Văn Thơm được
sớm an nhàn nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Thành kính phân ưu.

Tộc Đạo Santa Clara , Thánh Thất San Jose, CA
Điện Thờ Phật Mẫu San Jose.

Ban Thế Đạo Bắc California.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại & Tập San Thế Đạo.

**Danh Sách Đồng Đạo / Thân Hữu/
Cơ Sở yểm trợ Tập San Thế Đạo
(từ ngày 13-07-2009 đến ngày 11-10-2009)**

| STT | Đồng đạo / Thân hữu / Cơ sở | USD |
|------------|--|------------|
| 01 | Đoàn Điền Trung, Antelope, CA..... | 20.00 |
| 02 | Nguyễn Thị Đẹp, Milpitas, CA | 20.00 |
| 03 | Võ Văn Mỹ, Long Beach, CA | 30.00 |
| 04 | HT Lê Thành Hưng, Huntsville, AL | 100.00 |
| 05 | Dương Văn Thành, Irving, TX | 20.00 |
| 06 | Nguyễn Hữu Thành, Garden Grove, CA..... | 20.00 |
| 07 | Võ Văn Đình, Stanton, CA..... | 20.00 |
| 08 | Từ Văn Nghĩa, San Jose, CA..... | 45.00 |
| 09 | Nguyễn Văn Lợi, Anaheim, CA | 20.00 |
| 10 | Hồ Thị Đạm, Louisville, KY | 30.00 |
| 11 | Dương Thị Huỳnh, San Jose, CA | 20.00 |
| 12 | Dương Quang Lên, Oakland, CA..... | 10.00 |
| 13 | CTS Mai Ngọc Tuyết, San Jose, CA..... | 30.00 |
| 14 | Cao Minh & Kim Anh, San Jose, CA | 40.00 |
| 15 | Hồ Văn Thôi, San Ferancisco, CA | 20.00 |
| 16 | CTS Hà Thị Nết, Orange, CA | 20.00 |
| 17 | CTS Nguyễn Văn Rài, San Jose, CA | 30.00 |
| 18 | Lâm Thái, San Jose, CA..... | 20.00 |
| 19 | Đặng Châu, Wichita, KS | 40.00 |
| 20 | HTDP Nguyễn Vạn Năng, San Jose, CA | 20.00 |
| 21 | PTS Đình Văn Thật, Baton Rouge, LA | 50.00 |
| 22 | HT Đặng Bá Nhị, Carrollton, TX | 50.00 |
| 23 | HTDP Phan Phú Nghiệp, Kennesaw, GA | 100.00 |
| 24 | Trần Tánh, San Jose, CA | 20.00 |
| 25 | Thánh Thất Cao Đài Wichita, KS | 100.00 |
| 26 | CTS Đỗ Danh Dự, San Jose, CA | 20.00 |
| 27 | HT Ngô Văn Vội, Austin, TX..... | 25.00 |
| 28 | Tường Nguyễn, DDS & Huệ Tô, DDS, San Jose, CA | 200.00 |
| 29 | Nguyễn Đức, Milpitas, CA | 20.00 |

| | | |
|-----|--|--------|
| 30 | HT Trần Văn Ba, San Antonio, TX ----- | 30.00 |
| 31 | HTDP Trần Công Bé & HTDP Võ Ng. Diệp, TX | 50.00 |
| 32 | HTDP Nguyễn Sơn & HTDP Trần Ngọc Trang, TX..... | 30.00 |
| 33 | Nguyễn Thị Yến, San Jose, CA..... | 40.00 |
| 34 | TSự Mai Văn Liêm, Arlington, TX | 20.00 |
| 35 | Lê Văn Bé, Arlington, TX | 20.00 |
| 36 | HTDP Trần Văn Lào, Seattle, WA | 50.00 |
| 37 | CTS Phan Thị Sáu, Houston, TX | 40.00 |
| 38 | HTDP Trần Văn Tánh, Morrow, GA | 20.00 |
| 39- | Trần Minh Khiết , DDS, San Jose, CA | 200.00 |
| 40- | Trương văn Thi, Seattle, WA ----- | 20.00 |
| 41 | -Jimmy H. Võ, Spanaway, WA ----- | 10.00 |
| 42- | HT Cao Văn Bảy, Lawrenceville, GA ----- | 50.00 |
| 43- | Phạm Bằng Tường, San Jose, CA ----- | 20.00 |
| 44- | Pod Jame T. Nguyễn, San Jose, CA ----- | 40.00 |
| 45- | Lê Trung Trực, San Diego, CA ----- | 20.00 |
| 46- | Nguyễn Hiếu Liêm, Morrow, GA ----- | 30.00 |
| 47- | CTS Lê Văn Tiết, Kent, WA ----- | 20.00 |
| 48- | HTDP Huỳnh Kim Triều, Cypress, TX ----- | 50.00 |
| 49- | CTS Nguyễn Xuân Sơn, Salt Lake City, UT ----- | 50.00 |
| 50- | HT Phạm Văn Cờ, San Jose, CA ----- | 30.00 |
| 51- | Nguyễn Thị Huệ, Lawrenceville, GA ----- | 50.00 |
| 52- | Phạm Bạch Tuyết, Reston, VA ----- | 40.00 |
| 53- | CTS Đỗ Văn Tâm, Syracuse, NY ----- | 50.00 |
| 54- | Lý Quang Tú, Marietta, GA ----- | 20.00 |
| 55- | HT Trần Văn Hát, Harvey, LA ----- | 50.00 |
| 56- | Lê Văn Minh, Riverside, CA ----- | 50.00 |
| 57- | Nguyễn Minh, Harvey, LA ----- | 20.00 |
| 58- | Nguyễn Bé, Seattle, WA ----- | 50.00 |
| 59- | Trình Kim Nhan, Renton, WA ----- | 30.00 |

Niên Liễm

| | | |
|-----|---|-------|
| 60- | HT Lê Ngọc Thọ, Montreal, Canada (100 đôla Canada) ----- | 89.85 |
| 61- | HTDP Võ Ngọc Diệp, Fort Worth, TX ----- | 60.00 |
| 62- | HT Mai Văn Tim, Everett, WA ----- | 60.00 |

Úc Châu

| | |
|--|---------|
| 63 - CTS Châu Huệ Ân, NSW, Úc ----- | 42.18 |
| 64 - HTDP Lê Đình Ngọc Thảo & Lê Đình Ngọc Sương HTDP Lê Đình Trí & HTDP Lê Đình Ngọc Bích HT Lê Văn Thêm & Nguyễn Thị Ngọc Diệp . . . | 1200.00 |

Canada

| | |
|---|-------|
| 65 - Võ Thành Trân, Guelph, O n, Canada ----- | 20.00 |
| 66 - T. Văn Nguyễn, Canada (50 đôla Canada)----- | 44.79 |
| 67 - Nguyễn Ngọc Chúc, Vancouver, Canada (100 đôla Canada)----- | 89.58 |
| 68 - Tri Vương, Mississauga, Canada (25 đôla Canada) - | 22.44 |

Tổng cộng: 3,988.84

Tổng cộng số tiền đồng đạo, thân hữu, cơ sở yểm trợ từ ngày 13 tháng 07 năm 2009 đến ngày 11-10-2009 là Ba ngàn chín trăm tám mươi tám đôla tám mươi bốn xu (**USD 3,988.84**)

San Jose, ngày 11-10-2009

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Yểm Trợ Đại Hội Hiến Tài Texas

(tính đến ngày 01-10-2009)

| | |
|---|--------|
| 01 - Đề Đốc Trần Văn Chơn, San Jose, CA | 100.00 |
| 02 - HTDP Sơn Nguyễn & HTDP Trần Ngọc Trang Fort Worth, TX ----- | 50.00 |
| 03 HTDP Trần Công Bé, Fort Worth, TX | 100.00 |
| 04 CTS Nguyễn Văn Rài, San Jose, CA ----- | 50.00 |
| 05 HT Nguyễn Ngọc Dũ, San Jose, CA | 100.00 |

Cộng: 400.00

**Đối thoại của hai cây đại thụ trên
văn đàn Trung Quốc:
Kim Dung và Vương Mông**

Anh Tú

Ngày 24-11-2003, hai cây đại thụ trên văn đàn Trung Quốc Kim Dung và Vương Mông lần đầu gặp gỡ bàn chuyện triết lý làm người. Hàng trăm thính giả ngồi chật hội trường Đại học Xâm Hội Hồng Kông bỗng chốc lại vui vẻ tán thưởng cùng những tràng vỗ tay vang dậy.

Kim Dung mới từ Tây Nhạc Hoa Sơn thuộc tỉnh Thiểm Tây về, ông là người phóng khoáng, thần sắc tươi tắn thu hút được sự ái mộ của hàng vạn dân ghiền Kim Dung. Tỉnh Thiểm Tây vừa mở một hội thảo lấy tên Kim Dung Hoa Sơn luận kiếm bàn về các tác phẩm của Kim Dung lấy bối cảnh núi Ngũ Nhạc và những hệ phái võ lâm của vùng núi này. Theo thống kê trong 15 bộ tiểu thuyết của Kim Dung có đến 13 bộ dựa vào Tây Nhạc Hoa Sơn mà sáng tác.

Tác gia Vương Mông lâu nay ẩn mình sáng tác, ít chịu xuất đầu lộ diện. Điều đó làm cho độc giả càng muốn biết về ông. Tác phẩm mới của ông: “Triết học cuộc sống”, Nhà Xuất bản Văn học Bắc Kinh vừa tung ra thị trường thì nhà xuất bản ở Đài Loan lại in tiếp. Gần đây hơn 100 tác gia từ 18 quốc gia đến Sơn Đông, Trung Quốc gặp gỡ trò chuyện về vấn đề: Sáng tác văn học của Vương Mông đối với nền văn học quốc tế. Thế là một kiếm khách từ Ngũ Nhạc trở về, một tác gia từ miền biển Sơn Đông gặp nhau ở Hồng Kông, trong một bầu không khí Nho gia bàn chuyện đời người.

Kim Dung: Hôm nay tôi được hân hạnh giới thiệu với các bạn một quyển sách hay, tác phẩm mới nhất của tác gia Vương Mông: Vương Mông tự thuật: Triết học cuộc sống. Ở lục địa Trung Quốc đây là sách gối đầu giường của thanh niên. Ông Vương kém tôi

10 tuổi. Tôi yên ổn sống ở Hồng Kông. Còn Vương tiên sinh thì phải đương đầu với biết bao tai nạn, nào là bị chụp mũ phái hữu, bị kết tội trong Cách mạng Văn hóa. Quyển sách với 4 chữ Triết học cuộc sống xem ra thật khô khan song nó sinh động, tươi tắn biết bao.

Tôi đang giảng bài ở Đại học Nhân văn Triết Giang. Khi giảng Kinh Thi, có sinh viên hỏi tôi: Thưa thầy, trong Kinh Thi thầy thích nhất câu nào. Tôi nói: Luận Ngữ có câu: Học nhi thời tập chi, bất diệc thuyết hồ và câu: Nhân bất tri, nhi bất uẩn, bất diệc quân tử hồ (tạm dịch: Học thì phải làm không chỉ nói suông. Người ta không hiểu mình, mình không giận, mới là người quân tử). Quyển sách của Vương Mông nói đến nhân cách tốt đẹp của lý tưởng truyền thống Trung Quốc. Tôi dùng 5 chữ sau đây để khái quát nhân cách đó: Người quân tử vui vẻ. Đã là quân tử nhất định phải vui vẻ, nếu suốt ngày cứ mặt mày ủ dột cau có, trong lòng luôn tị hiềm tìm cách đả kích chê bai người khác, ton hót báo cáo láo thì không khi nào được vui vẻ, không thể là người quân tử. Có loại người luôn tìm cách hạ bệ người khác, muốn người khác gặp bất hạnh, mong họ rớt đài, con người đó cũng không thể nào vui vẻ được. Người quân tử phải luôn vui vẻ, nếu không vui vẻ không thể là người quân tử.

Wương Mông: Tôi xin cảm ơn Kim Dung tiên sinh đã quá yêu quảng cáo cho tác phẩm của tôi. Chữ Người quân tử vui vẻ, nếu tôi sớm biết ắt sẽ đặt tên cho tác phẩm này, lại được Kim Dung tiên sinh đề tựa nữa thì vinh hạnh biết mấy. Tên sách này tôi vốn đề là Trí tuệ trong sáng, song nhà xuất bản muốn có 2 chữ triết học sách dễ bán chạy hơn...

Kim Dung: Muốn làm người quân tử thật khó. Mục tiêu cuộc sống của con người là tìm hạnh phúc. Theo tôi, trong lòng luôn vui vẻ là hạnh phúc lớn nhất. Có nhiều tiền mà không vui xem như tai họa, làm quan cao mà luôn lo sợ bị tước bỏ uy quyền, lo lắng có kẻ tranh giành phải tìm cách đối phó, trong lòng tất nhiên không vui vẻ. Trong lòng luôn thông dong phơi phơi làm người quân tử vui vẻ thật không dễ dàng. Trong tác phẩm này

Vương tiên sinh dùng lời lẽ thật rõ ràng giảng giải cái đạo lý làm người đó. Trong Luận Ngữ, Lão Tử đã nói với các học giả rằng: Trước hết phải học tập. Khổng Tử lại nói: “Phải luôn học tập, chuyên cần luyện tập, đó là niềm vui lớn nhất. Nếu người ta vì không hiểu mình mà sinh ra hiểu lầm, anh không nên vì đó mà mất vui”. Có người hỏi tôi: “Vương Sóc viết sách thóa mạ thầy, tại sao thầy vẫn nói: Người ta không hiểu mình, mình vẫn không giận”. Ta trả lời: Ta mong muốn làm được việc. Người khác hiểu lầm viết lách công kích, ta không tức giận. Ta chưa phải là quân tử song cũng đã có vài bước tiến gần người quân tử”.

Vương Mông: Trong sách, trước hết tôi nói đến học tập. Hiện nay ở Trung Quốc cũng như trên quốc tế đang có sự biến động dữ dội. Những điều anh cho là có giá trị thì người kia lại chê bai. Tôi muốn rằng: Trong quan niệm về cuộc sống chúng ta cần tìm một mẫu số chung lớn nhất. Bất kể anh là doanh nhân, cán bộ hay nhà giáo, chúng ta cần có một quan niệm chung nào đó để thắp sáng tinh thần, có thể làm cho chúng ta yên tâm làm việc, dù cho chúng ta lâm vào nghịch cảnh vẫn giữ được tâm lý ổn định. Tôi nghĩ đi nghĩ lại đành lấy hai chữ học tập, gọi nó là triết học của đời sống, không gian sinh sống và phong cách con người.

Kim Dung: Làm người quân tử vui vẻ, Vương tiên sinh nhấn mạnh tinh thần tự cường không ngừng học tập, luôn tự nâng cao. Người ta đả kích mong mình rơi đài, mình cũng xem như không. Trong mọi tình huống đều phải làm người quân tử vui vẻ Vương tiên sinh còn viết: Bạn chớ tranh giành với người khác thì trên thế giới này không có ai có thể tranh giành được với bạn. Câu này tôi hết sức tán đồng. Mục tiêu cao nhất của Khổng Tử là được làm người quân tử. Qua hội thảo ở Hoa Sơn Ngũ Nhạc có người hỏi tôi: Thế nào là người tốt, thế nào là người xấu. Tôi nói: Làm người tốt thật khó, song ta không làm người xấu là được rồi? Vương tiên sinh lại viết: Ta cần tránh làm việc nên tránh. Việc cần tránh mà cứ dám làm đó là người xấu. Làm việc chỉ nên làm đến vài phần, ăn cơm chỉ nên ăn đến nửa bụng, mọi công việc không nên làm đến cực đoan. Điều này tôi và

Vương tiên sinh chưa từng bàn mà ý đã hợp. Gần đây tôi sửa chữa truyện Anh hùng xạ điêu. Đoạn Giáng Long thập bát chưởng, Hồng Thất Công với bản lĩnh cao siêu đã đánh hạ người ta rồi mà còn tỏ ra hối hận. Ông ta chỉ xuất một phần sức mạnh còn chín phần giữ lại. Sức lực lớn nhất phải để dành lại ở phía sau, nếu đối phương phản đòn ác liệt đến mấy cũng không sợ. Làm người cũng phải như vậy, không nên làm việc gì đến cực đoan. Nếu cần khi la rầy chửi mắng người khác chỉ cần nói vừa đủ nghe, nên dừng lại đúng lúc, người ta hiểu được lẽ phải là tốt rồi.

Vương Mông: Kim Dung tiên sinh nói: Chỉ cần xuất ra một phần sức lực, điều này tôi chưa làm được. Trong sách tôi đã viết: Chỉ cần xuất ba phần sức lực, không nên cạnh tranh. Song không phải bất cứ việc gì ta cũng co người lại để người ta ức hiếp mình. Nếu người ta ức hiếp mình cứ để cho họ ra tay, đợi đến trình độ nhất định ta chỉ cần xuất ba phần sức lực để phản đòn. Giải quyết xong ta không cần mất thời gian với họ nữa mà nên quên đi để làm việc của mình. Người tốt có rất nhiều việc để làm.

Kim Dung: Đúng quá rồi, ta chớ nên lãng phí thời gian với họ.

Vương Mông: Tôi rất bận. Có được chút thời gian là lao vào viết. Người ta muốn tôi bị hạ đài, tôi càng mừng, càng tự tại. Tôi có nhiều việc cần làm, không vì chuyện bị hạ đài mà bó tay ngồi yên. Cần nhún mình, không nên cất cao giọng đưa lòng ham muốn của mình lên quá cao, không nhất định làm được mà trở thành mục tiêu cho người ta chê cười. Có người hỏi tôi: Trong cuộc sống có quá nhiều vấn đề không giải quyết được, vậy ta phải làm sao? Tôi trả lời một cách rõ ràng: Chẳng có cách nào khác cả. Chúng ta phải cùng nhau thừa nhận rằng trong đời sống có nhiều vấn đề không giải quyết được, có những vấn đề làm ta không vừa ý, không công bằng. Những vấn đề này vĩnh viễn tồn tại. Tồn tại ngày nay, 100 năm sau cho đến cả 1.000 năm sau nữa. Những vấn đề đó sẽ chung sống suốt đời với ta. Song ta không để nó áp đảo ta, trái lại ta phải nhìn thẳng để áp

đảo nó, có lúc cần phải quên nó đi song khi nào cần có thể moi nó ra để chế ngự. Có như vậy bạn sẽ là con người có nghị lực, có thể sống tự nhiên với khó khăn, với ưu phiền mà vẫn vui vẻ. Cuộc sống đó đáng giá biết bao.

Kim Dung: Người quân tử suốt đời bị kẻ tiểu nhân ức hiếp Vương tiên sinh đã viết: Làm người quân tử ắt phải trả giá. Kẻ tiểu nhân thấy ta được hạnh phúc, ta đỗ đạt cao, ta có người yêu xinh đẹp liền mang lòng tị hiềm tìm cách đối phó ta. Ta cứ thông dong dàng hoàng, trước những lời công kích luôn tỏ ra bình thản như không, đó là người quân tử vui vẻ.

Vương Mông: Người quân tử khác xa kẻ ngu đần. Người quân tử cần có bản lĩnh. Đúng như lời Kim Dung tiên sinh đã nói: Người quân tử tránh điều không nên làm, kẻ tiểu nhân thì không tránh gì cả. Kẻ xấu có nhiều vũ khí có thể tùy tiện tung tin nói xấu mà ta thì không khi nào làm. Tôi luôn tin tưởng rằng: Tuy ta có ít vũ khí song kiếm pháp của ta cao siêu hơn nhiều.

Anh Tú

(Theo Tuần Báo Á Châu)

A-Z Pro, Inc

* Chứng nhận chữ ký tại nhà.

* Có làm Loan Modification, Short Sale.

* Mua, Bán Nhà.

* Xin giảm tiền thuế đất.

Đạt Huỳnh

Phone# 408-489-1158.

Email: Huynhdattan@yahoo.com

586 North First Street, Suite # 111, San jose, CA 95112



Thông Báo & Tin Tức Tóm Lược

SƠ ĐỒ ĐỊA ĐIỂM HÀNH LỄ:

MIỀN TRUNG LIÊN LẠC

- HT Lâm Sơn Hà 432.754.9879
- CTS Phạm Văn Sơn 281.764.7109
- CTS Đỗ Thị Anh 432.668.3943
- HTDP John Trish 713.530.3743

SƠ ĐỒ TỔNG THỂ VÀ ẢNH HẬU DIỆN THÁNH THẤT CAO ĐÀI HOUSTON TEXAS

CHỈ CHỈ LƯU Ý RIÊNG

Nhào Lê Khánh Thành Phụ Đốc
 Ủy Lệ Khâm Công Xây Thánh Thất
 Tầng Mâu Lê Thanh Giảng, 2 Đợt
 Hội Đồng Long Trọng, 16 Chín Tại
 TTCD Houston Texas:

- * Đợt Hội Cơ Quan Đại Giáo Cao Đài
 Tòa Thánh Tây Ninh Lần I
 (Ngày 27 & 28 Tháng 11 Năm 2009)
- * Đợt Hội Hoa Ban Quán Niệm
 Ban Thai Đạo Bang Texas
 (Ngày 29 Tháng 11 Năm 2009)

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
 Ban Thiệp Từ Niên
 Tòa Thánh Tây Ninh

Thiệp Mời

LỄ KHÁNH THÀNH HẬU DIỆN
 LỄ KHỞI CÔNG XÂY CHÁNH ĐIỆN

**Thánh Thất Cao Đài
 Houston Texas**

Ngày Thứ Bảy 28-11-2009
 (12-10-Kỷ Sửu)

Ban Thế Đạo Hải Ngoại **ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ**
3076 Oakbridge Dr **Bát thập tứ niên**
San Jose, CA 95121-1716 **Tòa Thánh Tây Ninh**

Số 026 /VP/BTĐHN/09 San Jose, ngày 01-08-2009

Ban Thế Đạo Hải Ngoại,

Kính gửi: Quý Hiền Huynh Hiền Tỷ HT/HTDP bang Texas.

Trích yếu:v/v: Đại Hội Hiền Tài bang Texas.

Thưa quý Hiền Huynh Hiền Tỷ,

Ban Thế Đạo Hải Ngoại được thành lập từ tháng 12-1995 tính đến nay đã được hơn 13 năm 6 tháng. Ngoài một số thành quả hoạt động, về mặt tổ chức, đến nay Ban Thế Đạo Hải Ngoại đã thành lập được các Ban Thế Đạo địa phương như: Nam California, Bắc California, Úc Châu và một số Ban Đại Diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại các Quốc gia tại hải ngoại, tạo điều kiện cho đa số Hiền Tài và Hiền Tài Dự Phong có thể chung sức cùng nhau thực hiện nhiệm vụ “Giúp Đạo Trợ Đời “ của Hội Thánh giao cho Ban Thế Đạo.

Riêng tại địa phương Bang Texas, theo đà phát triển chung của nền Đạo, tính đến nay tổng số Hiền Tài và Hiền Tài Dự Phong đã lên đến con số 46 vị. Đó là nhờ vào công sức của những vị Đại diện Ban Thế Đạo Hải Ngoại tại bang Texas như HT. Lâm Hoàng Minh, HTDP. Trần Công Bé, cố HTDP. Lý Trường Thọ và đặc biệt là sự giúp đỡ của quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ Hiền Tài, Nhân Sĩ, Chức Việc BTS các Thánh Thất, các Hương Đạo tại Dallas, Houston, San Antonio, Austin, Chức Việc Điện Thờ Phật Mẫu tại Dallas, Houston cùng sự yểm trợ tận tình của HT

Trịnh Quốc Thế, Trưởng Ban Phổ Tế Cơ quan Đại Diện Cao-Đài Tòa Thánh Tây Ninh tại Hải Ngoại.

Thực hiện chủ trương chung và căn cứ bản Nội Luật Ban Thế Đạo, nay Ban Thế Đạo Hải Ngoại quyết định tổ chức Đại Hội Hiền Tài toàn Bang Texas để thành lập Ban Thế Đạo Texas vào dịp Lễ Tạ Ơn năm 2009. Trong việc tổ chức Đại Hội này, Ban Thế Đạo Hải Ngoại đã nhờ sự yểm trợ của địa phương và rất vui mừng được HH. HT Trịnh Quốc Thế cùng Hành chánh Đạo, Điện Thờ Phật Mẫu tại Houston - Texas hoan hỉ nhận lời đứng ra lo việc tổ chức.

Nay Ban Thế Đạo Hải Ngoại xin thông báo cùng quý Hiền Huynh Hiền Tỷ các chi tiết chính về tổ chức Đại Hội như sau:

I- Mục đích Đại hội:

- * Thành lập Ban Thế Đạo bang Texas thuộc Ban Thế Đạo Hải Ngoại.
- * Bầu Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo bang Texas.
- * Thảo luận và biểu quyết Kế hoạch hoạt động của Ban Thế Đạo bang Texas trong 3 năm 2009-2012.

II- Về Tổ Chức

1)- Tên gọi Đại Hội:

Đại Hội có tên gọi là: Đại Hội Hiền Tài bang Texas 2009.

2)- Thời gian- Địa điểm:

- Thời gian: Từ 18.00 PM-22.00 PM ngày Thứ Năm 26-11-2009
- Địa điểm: Thánh Thất Cao Đài Houston Texas
8415 S. Breeze Dr
Houston, TX 77071.

3)- Thành phần tham dự:

Quý Hiền Huynh/ Hiền Tỷ Hiền Tài/ Hiền Tài Dự Phong trong bang Texas.

4)- Ban Tổ Chức Đại Hội:

- Trưởng Ban: HT. Trịnh Quốc Thế
- Phó Trưởng Ban: HTDP. Trần Công Bé.
- Các Tiểu Ban chuyên môn, đặc trách . .(Thành phần các Tiểu Ban trong Ban Tổ Chức Đại Hội do Trưởng Ban quyết định sau).

III- Về Tài Chánh Tổ Chức Đại hội

Do hạn hẹp và khó khăn về tài chính hiện nay, Ban Thế Đạo Hải Ngoại rất mong được sự yểm trợ tài chính tùy theo khả năng của Quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ để trang trải chi phí tổ chức Đại Hội.

Mọi sự yểm trợ tài chánh (check hoặc money order) xin vui lòng gửi về Ban Tổ Chức Đại Hội theo địa chỉ sau:

Người nhận: HT. Trịnh Quốc Thế
3222 Braesview Dr
Pearland, TX. 77584

Nơi memo xin đề: Yểm trợ Đại Hội HT. Texas.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại xin chân thành cảm ơn quý Hiền Huynh Hiền Tỷ và nguyện quyết tâm chung sức bảo vệ và phát triển Đạo, thực hiện nhiệm vụ Hội Thánh đã giao cho Ban Thế Đạo.

* * *

Trên đây là một số chi tiết căn bản về Đại hội Hiền Tài bang Texas Ban Thế Đạo Hải Ngoại xin thông báo cùng quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại rất hoan nghinh những ý kiến đóng góp của quý Hiền Huynh Hiền Tỷ và những ý kiến đóng góp nếu có, xin quý Hiền Huynh Hiền Tỷ vui lòng liên lạc:

1- HT. Nguyễn Ngọc Dũ - Điện thoại: 408-238-6547, Fax: 408-440-1372

Email: dutani@comcast.net

2- HT. Trịnh Quốc Thế - Điện thoại 281-489-1770.

3- HTDP. Trần Công Bé - Điện thoại: 817-244-7322.

Trân trọng xin thông báo quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ và kính chúc quý Hiền Huynh Hiền Tỷ và quý quyến tu tiến trên đường lập vị.

TM. Ban Thế Đạo Hải Ngoại.

Tổng Quản Nhiệm,

(đã ký tên và đóng dấu.)

HT. Nguyễn Ngọc Dũ

Đính kèm

* “Thư mời tham dự Đại Hội”

Đồng kính gửi:

* Quý Hiền Huynh Hội Đồng Điều Hạp - Quý Hiền Huynh Tham Vấn &

* Quý Hiền Huynh, Hiền Tỷ Ban Khảo Cứu Vụ, Ban Giám Sát, Ban Phổ Tế, Ban Phước Thiện thuộc Cơ Quan Đại Diện Cao-Đài TTTN/ Hải Ngoại.

* Quý Hiền Huynh Hiền Tỷ Chức Sắc, Chức Việc BTS Thánh Thất , Tộc Đạo Dallas-Fort Worth (CaoDai of Texas)

* Quý Hiền Huynh Hiền Tỷ Chức Sắc, Chức Việc BTS Thánh Thất & Điện Thờ Phật Mẫu Mountain View Texas.

* Quý Hiền Huynh Hiền Tỷ Chức Sắc, Chức Việc BTS Thánh Thất, và Hương Đạo CaoĐài Houston, TX.(CaoDai Temple Houston Texas).

* Quý Hiền Huynh Hiền Tỷ Chức Sắc, Chức Việc BTS Thánh Thất và ĐTPM HoustonTexas (Caodaism)

* Quý Hiền Huynh Hiền Tỷ Chức Việc Điện Thờ Phật Mẫu Houston, Texas.

* Quý Hiền Huynh Hiền Tỷ Chức Việc BTS Thánh Thất và Hương Đạo San Antonio, Texas.

* Quý Hiền Huynh Hiền Tỷ Chức Việc BTS Hương Đạo Austin, Texas.

và:

* Quý Hiền Huynh Hiền Tỷ Ban Chấp Hành Tây Ninh Đồng Hương Hội Texas.

“ Để kính mời tham dự”

TIN TỨC TỐM LƯỢC

1- Tin Thánh Thất Cao Đài Houston, Texas.

Theo tin tức chúng tôi nhận được vào dịp lễ Tạ Ơn (Thanksgiving) 2009 tại Thánh Thất Cao-Đài Houston, TX tọa lạc tại 8415 S. Breeze Dr, Houston, Texas sẽ có một cuộc Lễ và 2 Đại Hội trong ba ngày từ Thứ năm đến hết thứ bảy (24-26/12/2009) như sau:

3.1-Lễ khánh thành Hậu điện Thánh Thất và Lễ Đặt Viên Đá Đầu Tiên Xây Dựng Thánh Thất Cao-Đài Houston, Texas.

3.2-Đại hội Hiền Tài bang Texas để bầu Ban Quản Nhiệm Ban Thế Đạo bang Texas.

Hiện nay tổng số Hiền Tài và Hiền Tài Dự Phong bang Texas đã lên đến con số 46 vị và Đại hội này sẽ do HT Trịnh Quốc Thế và HTDP Trần Công Bé tổ chức với sự giúp đỡ của Hành chánh đạo địa phương và đồng đạo.

3.3-Đại hội Cơ Quan Đại Diện Cao-Đài Tòa Thánh Tây Ninh tại Hải Ngoại lần thứ nhất.

Cơ quan Đại Diện Cao-Đài Tòa Thánh Tây Ninh tại Hải Ngoại đã được thành lập vào ngày 02 và 03-09-2006 tại San Jose, California. Cơ Quan này được lãnh đạo bởi 9 thành viên trong hội Đồng Điều Hợp trong đó có 2 vị Giáo Hữu Thiên Phong và 2 vị này là Đồng Chủ Trưởng của Cơ Quan.

Theo qui định trong Bản Quy Điều của Cơ Quan thì cứ 3 năm sẽ có một Đại hội của Cơ quan để Cơ Quan duyệt lại những việc đã làm và hoạch định những việc làm cho 3 năm tới. Do đó vào Lễ Tạ Ơn năm 2009 này sẽ có Đại Hội của Cơ Quan lần thứ nhất được tổ chức tại Thánh Thất Cao-Đài Houston, TX và Ban Tổ Chức sẽ do HT Nguiễn Thừa Long, Đệ 2 Phó Chủ Trưởng Cơ quan đảm trách với sự trợ giúp của Hành Chánh Đạo, Điện Thờ Phật Mẫu, quý vị Hiền Tài/ HTD Dự Phong và đồng đạo tại Houston, Texas.

2-Tin Thánh Thất & Điện Thờ Phật Mẫu Dallas- Fort Worth, Texas.



Thánh Thất Dallas-Fort Worth

Sau một thời gian dài cố gắng, tận tâm tận lực và quyết tâm xây dựng cho được Thánh Thất để có nơi cúng kiếng thờ phượng Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng, Tộc Đạo Dallas-Fort Worth và đồng đạo địa phương hầu như đã hoá thành việc xây dựng Thánh Thất.

Ban Thế Đạo Hải Ngoại và Tập San Thế Đạo rất hân hoan và xin chia sẻ niềm vui cùng Tộc Đạo, quý Chức Sắc, Chức việc và đồng đạo tại Dallas-Fort Worth khi nhận được Thiệp Mời tham dự Lễ An vị vào ngày 15 tháng 08 năm Kỷ Sửu (tức ngày 03-10-2009).

Ban Thế Đạo Hải Ngoại và Tập San Thế Đạo xin chúc quý Chức Sắc, Chức Việc Tộc Đạo và Thánh Thất, Điện Thờ Phật Mẫu Dallas-Fort-Worth dồi dào sức khỏe để phục vụ Đạo và rất mong đến ngày Khánh Thành Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu .

3- Tin Thánh Thất Wichita, Kansas.



Một tin vui kế tiếp Tập San Thế Đạo xin thông báo đến đồng đạo và thân hữu được rõ, theo một nguồn tin tin cậy, việc xây dựng Thánh Thất Wichita, Kansas cũng sắp hoàn thành.

Với số đồng đạo tại địa phương thường xuyên đến công quả hơn một tháng nay, công trình xây dựng Thánh thất cũng sắp hoàn thành. Hiện nay, đồng đạo công quả đã tu sửa những hạng mục còn thiếu hụt của công trình, đã hoàn chỉnh phần Chánh điện, lắp ráp và an vị các tượng Phật Di Lạc, Tuy Văn, Tuy Võ, các hoa văn trên nóc của Bát Quái Đài, Hiệp Thiên Đài, lầu chuông, lầu trống, trang trí bao lơn, cột phượng. . . .

Đồng đạo cũng đang thực hiện hạng mục bãi đậu xe, nhà vệ sinh và đổ đất chung quanh mặt bằng Thánh Thất..

Một lần nữa, Tập San Thế Đạo cũng xin chia vui cùng Chức Sắc, Chức Việc Bàn Trị Sự và đồng đạo Thánh Thất Wichita, Kansas và chúc tất cả quý Hiền Huynh Hiền Tỷ sức khỏe Khang an để phục vụ cho Đạo và rất mong đến ngày Khánh Thành Thánh Thất.

4-Hương Đạo tạo mái ngôi nhà để làm nơi thờ phượng

Hương đạo Sacramento thuộc Châu Đạo California là một Hương Đạo gồm vài chục gia đình tín hữu Cao Đài. Nay với sự cố gắng vượt bậc, Hương đạo đã mua được một căn nhà giá 75.000 đôla nhưng còn thiếu nợ 45.000 đôla.

Chúng tôi xin đăng Tâm Thư của Hương Đạo Sacramento để đồng đạo và thân hữu yểm trợ và giúp đỡ.

Châu Đạo California
Tộc Đạo Santa Clara
Hương Đạo Sacramento

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỒ ĐỘ
(Bát Thập Từ Nhiên)
TÒA THÁNH TÂY NINH
Hương Đạo Sacramento
5810 Bellevue Avenue, Sacramento CA 95824



Tâm Thư (số 1)

Kính gửi: - Quý Thánh Thất, Điện Thờ Phật Mẫu, Các Cơ Sở Đạo.
- Quý Chức Sắc, Chức Việc, quý Đồng Đạo hải ngoại.
- Quý Mạnh Thường Quân, chủ nhân các cơ sở kinh doanh thương mại.
- Quý đồng hương và thân hữu gần xa.

Niềm mơ ước và hoài bão của chức sắc, chức việc, cùng toàn Đạo nơi địa phương Sacramento hơn sáu năm qua là lập nên Thánh Thất để thờ phượng Đấng Thượng Đế toàn năng, chúa tể của loài người và vạn vật, ngõ hầu để cho nhơn sanh tế bái, cầu nguyện Đấng Chí Linh ban ơn và cứu rỗi cho toàn nhơn loại trong thời kỳ Hạ Ngươn Mặt Phấp.

Kính thưa quý liệt vị,

Tâm nguyện của chúng tôi được sự chứng giám của các Đấng Thiêng Liêng nên tin vui đi đến. Hiện tại Ban Trị Sự (BTS) Hương Đạo Sacramento đã có cơ hội mua được căn nhà tọa lạc tại số 2628 33 Avenue, Sacramento CA 95822 với giá \$75,000. Nhưng bằng số tiền ít ỏi hiện có được là \$30,000, chúng tôi cần phải có thêm \$45,000 nữa mới đủ chi trả cho toàn bộ chi phí. Đứng trước sự khó khăn nan giải nên BTS mạo muội ghi bức tâm thư này kính gửi toàn thể quý liệt vị để xin quý vị mở rộng lòng từ tâm đóng góp công đức ủng hộ ngõ hầu giúp chúng tôi đạt thành tâm nguyện.

Chúng tôi thành tâm ngưỡng nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng hộ trì và ban ân lành đến quý liệt vị cùng thân quyến được thần tâm thường lạc, vạn sự kiết tường. Trân trọng kính chào.

Sacramento, ngày 4 tháng 6 năm Kỷ Sửu
(DL, ngày 25 tháng 7 năm 2009)

TM Ban V.Động Tài Chính

TM BTS Hương Đạo Sacramento



Hiền Tài Võ T. Bạch Tuyết
ĐT: 916 722-4372

Chánh Trị Sự Nữ Nguyễn Thị Hương
ĐT: 517 962-9079

Chánh Trị Sự Nữ Nguyễn Thị Hương
ĐT: 916 595-6155

Chi Phí ủng hộ xin gửi về: **Hương Đạo Sacramento, 5810 Bellevue Avenue, Sacramento CA 95824**

I-Xây dựng Thánh Thất Đôn Thuận, Xã Đôn Thuận, huyện Trảng Bàng, Tây Ninh.

Họ Đạo Đôn Thuận (Bời Lời) cách huyện Gò Dầu 15 km về hướng Bắc Đông Bắc và mới được thành lập từ tháng 09-2006.Họ Đạo có một ngôi Thánh thất tạm cây cột thô sơ, mái lợp bằng tranh và tole, đất có diện tích 1130m2 do đồng đạo hộ hiến.



Qua cuộc vận động tài chánh vừa qua Họ Đạo đã nhận được một số tiền yểm trợ là USD 1,980.00 của những vị hảo tâm nơi hải ngoại .Nay Họ Đạo xin cảm ơn và kính mong đồng đạo nơi hải ngoại tiếp tục hỗ trợ để việc xây cất Thánh Thất sớm được hoàn thành.

Mọi sự yểm trợ xin gửi về:

Lễ Sanh Thượng Ru Thanh
Ban Cai Quản Họ Đạo Đôn Thuận
Ấp Bến kinh, Xã Đôn Thuận,
Huyện Trảng Bàng , Tỉnh Tây Ninh, VN
Đ/T: 01675664618

Thư Cảm Tạ

(dăng theo yêu cầu)

Chức sắc, Chức việc và đồng đạo Thánh Thất Đôn Thuận Trảng Bàng (Tây Ninh) xin chân thành cảm tạ quý cơ sở Đạo và quý ân nhân hải ngoại đã hỉ hiến một số tiền để xây dựng Thánh Thất Đôn Thuận theo danh sách như sau:

- * Đồng đạo Thánh Thất Seattle tiểu bang Washington
- * CTS Lê Văn Tiết \$100.00
- * CTS Nguyễn Thị Dầy \$100.00
- * CTS Võ Thị Tòng \$150.00
- * Thính Thiện Trình Thị Kim Nhan \$ 50.00

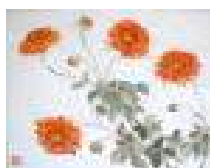
- * Đồng đạo Thánh Thất San Antonio tiểu bang Texas
- * CTS Võ Ngọc Hiệp \$210.00

- * Đồng đạo Thánh Thất New Orleans tiểu bang Louisiana
- CTS Nguyễn Văn Y và 32 đồng đạo \$970.00

- * Đồng đạo Thánh Thất Wichita tiểu bang Kansas
- * Niên trưởng Lai Văn Lộc \$515.00

- * Đồng đạo bang Texas:
- * Gia đình Hiền Tỷ Nguyễn Thị Hiệp \$200.00
- * Gia đình HH Trần công Bé \$150.00
- * Gia đình Trần Ngọc Trang \$ 50.00

Tổng cộng : \$2,495.00



**II- Xây cất ngôi Điện Thờ Phật Mẫu Họ Đạo Vĩnh Bình,
Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.**



(Tóm lược Thư Ngõ ngày 04-07-2009 của Họ Đạo Vĩnh Bình)

Họ Đạo Vĩnh Bình xây dựng ngôi Điện Thờ Phật Mẫu mà theo thiết kế công trình xây dựng ngôi Điện Thờ và những hạng mục khác dự toán kinh phí vào khoảng 1,6 tỷ đồng. Dù Họ Đạo đã cố gắng hết sức mình để vận động sự yểm trợ của đồng đạo nhưng vì kinh tế khó khăn, đồng đạo tuy đạo tâm rất cao nhưng vì còn quá nghèo nên số nợ hiện nay vẫn còn hơn 400 triệu đồng.

Nay Ban Cai Quản họ Đạo Vĩnh Bình thiết tha kêu gọi đồng đạo, quý đạo tâm gần xa tùy duyên ủng hộ, giúp đỡ Họ Đạo về tinh thần cũng như vật chất để Họ Đạo sớm trả dứt số nợ mà Họ Đạo đang cứu mang.

Cuối thư ngõ, Ban Cai Quản và đồng đạo Họ Đạo Vĩnh Bình, Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang xin thành tâm tri ân và cầu nguyện Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng ban bố hồng ân cho quý đồng đạo, quý Đạo tâm cùng quý bửu quyến tinh thần mãn huệ, quý thể khang cường và đầy hạnh phúc.

Địa chỉ liên lạc:

Lễ Sanh Thượng Ân Thanh
(Nguyễn Ngọc Ân)

Thánh Thất Vĩnh Bình, Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang
ĐT: 0919875936 + 073.3537009

III- Xây cất Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu Họ Đạo An Khê, Thị Xã An Khê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

(Tóm lược bức tâm thư ngày 10-08-2009 của Bàn Cai Quản Họ Đạo An Khê, Thị Xã An Khê, Tỉnh Gia Lai do Lễ Sanh Thượng Bình Thanh, Phó Cai quản ký)

Vị trí An Khê:

Nếu đi từ Gia Lai đi xuống thì theo quốc lộ 19, qua đèo Mang Yang. Nếu đi từ bình Định lên thì có đèo An Khê, như hai con rồng uốn khúc, lượn mình trong núi rừng hùng vĩ mùa xuân mây phủ trùng trùng, có dòng nước ngọt sông Ba, có vực Hương vực Trâu trắng, có đỉnh Tây Sơn Thượng đạo, Đồng cô Hầu đốc tướng, Thành Gia Long có vườn cam ngọt, núi Ông Bình, núi Ông Nhạc, núi Hoàng Đế có eo gió thổi mát 4 mùa, có hố Trời sâu thăm nước mưa bão đổ xuống không đọng nước, An Khê có nhiều di tích lịch sử kể không siết.

Đạo Cao Đài được xuất hiện tại An Khê vào mùa Xuân năm Canh Thìn (1940) mà người truyền Đạo là Ông Nguyễn hữu Hào mà sau này đã lên đến phẩm Phối Sư (Phối sư Thái Hào Thanh).

Đạo Cao Đài tại An Khê đã trải qua bao cuộc thăng trầm và được hoạt động trở lại kể từ ngày 26-11-2007 (16 tháng 10 năm Đinh Hợi).cùng thời điểm đó có 4 nhà đạo tâm đã hiến Đất cho Đạo để xây cất Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu với tổng số diện tích là 17.876.50 m² (gần 1 mẫu 8).

Họ Đạo đã xin phép xây cất và Sở Xây Dựng Tỉnh Gia Lai đã cấp giấy phép xây dựng số 61/SXD-GP ngày 18-08-2009 và ngày 08-09-2009 (20 tháng 07 năm Kỷ Sửu) Họ Đạo Làm Lễ Đặt Viên Đá Đầu Tiên xây dựng Thánh Thất.

Công trình xây dựng

Theo giấy phép xây dựng nêu trên, Công trình xây dựng se 4 có các hạng mục sau:

1-Thánh Thất mẫu số 4, tổng kinh phí Ba tỷ hai trăm triệu đồng VN (3.200.000.000 \$VN)

2- Ngôi Điện Thờ Phật Mẫu mẫu số 5, tổng kinh phí 2 tỷ 5 trăm triệu đồng VN (2.500.000.000 đ VN).

Đồng đạo tại địa phương công sức và đạo tâm thì có thừa nhưng tại vùng cao nguyên nẩy hạn hán kéo dài, hết hạn hán lại mưa bão triền miên, hoa mầu gieo trồng có làm mà ít hưởng , cho nên việc xây dựng chắc là gặp khó khăn to lớn quá sức giải quyết.

Do những yếu tố trên, Họ Đạo an Khê tha thiết kêu gọi đồng đạo, những nhà đạo tâm giúp đỡ họ Đạo An Khê xây dựng được hai ngôi thờ Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu .

Họ đạo An Khê nguyện cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, chư Phật, Tiên, Thánh, Thần ban ân lành cho quý đồng đạo, quý nhà mạnh thường quân thân tâm thường an lạc, phước đức trùng trùng, hiệp hòa gia đạo thịnh, niên trường hạnh phúc.

Địa chỉ liên lạc:

Họ Đạo Cao Đài An Khê, Thị Xã An Khê- Gia Lai
Tài khoản ngoại tệ USD : 0291372239530
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Gia Lai- PGD An Khê.
Mã mạng: BF TVVNVX 029.
Tel: 059.3538.255 Fax: 059.3538.241

Họ Đạo Cao Đài An Khê, Thị Xã An Khê- Gia Lai
Tài khoản VNĐ: 0291002239511
Địa chỉ:: 600 Quang Trung- Thị Xã An Khê- Tỉnh Gia Lai
Tel: 059.3538.255 Fax: 059-3538.241

Tìm Hiểu Về ĐẠO CAO ĐÀI

LƯỢC SỬ KHAI ĐẠO (Kỳ thứ 7)

Sưu tầm tài liệu để biên soạn phần “Lược Sử Khai Đạo”, chúng tôi có một ước vọng nho nhỏ là có thể giúp ích được cho một số Quý Vị muốn tìm hiểu sơ lược về nền Tân Tôn Giáo này, đặc biệt là giúp cho những Tín Hữu mới nhập môn mà không có điều kiện thời gian để đọc nhiều sách Đạo.

Chúng tôi tin chắc việc biên soạn còn nhiều khiếm khuyết, kính mong Quý Huynh Tỷ chỉ cho những chỗ sai sót để chúng tôi điều chỉnh lại và có dịp học hỏi thêm.

Hiền Tài Nguyễn Trung Đạo

HỘI THÁNH NGOẠI GIAO

* * *

Sau khi Đức CHÍ TÔN ra lệnh tổ chức Lễ Khai Đạo vào ngày Rằm tháng Mười năm Bính Dần (19-11-1926), Đức Hộ Pháp vâng lệnh Đức Chí Tôn xin nghỉ làm việc 6 tháng (để lo việc Lễ Khai Đạo tại Thánh Thất Gò Kén) đến cuối tháng 3 năm Đinh Mão (1927) là hết hạn. Khi ấy, Đức Hộ Pháp bạch hỏi Đức Chí Tôn :

- Con nên xin nghỉ luôn để lo cho Đạo hay trở lại làm việc nơi Sở Thương Chánh của chánh quyền Pháp ?

Đức Chí Tôn đáp :

- “ Con chưa cần phải xin nghỉ ngay lúc này, con cứ trở lại làm việc rồi sẽ có chuyện hay “.

Đức Hộ Pháp trở lại Sở Thương Chánh trình diện, xin tái phục vụ, thì Chánh Quyền Pháp đổi Ngài lên làm việc ở Nam Vang. Ngài Thượng Trung Nhật mới bạch với Đức Chí Tôn là

việc Đức Hộ Pháp đi Nam Vang có phải là Thánh ý chăng.

Đức Chí Tôn cười và bảo :

- “ Chẳng nét nào không nơi Thầy đặng, nó cũng nên an lòng : Sau sẽ thấy máy huyền vi... “.

1.- THÀNH LẬP HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO

Đầu tháng 4 năm Đinh Mão (1927), Đức Hộ Pháp đi Nam Vang (thường gọi là Kim Biên), ở đậu nơi nhà Ngài Cao Đức Trọng (anh ruột của Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang) trong một dãy phố 8 căn. Những người ngụ trong dãy phố này đều là công tư chức người Việt Nam, hằng đêm thường tụ tập trước sân nhà Ngài Cao Đức Trọng để chuyện trò. Ban ngày, Đức Hộ Pháp đến Sở Thương Chánh làm việc như các công chức khác. Ban đêm, Đức Hộ Pháp tụ tập với bạn bè trước sân nhà Ngài Cao Đức Trọng. Trong dịp này, Đức Hộ Pháp thuật lại việc xây bàn thỉnh Tiên, những sự huyền diệu, những điều tiên tri về nước Việt Nam, làm cho quý vị nơi đây rất thích thú và muốn được chứng kiến các việc này.

Thế là Đức Hộ Pháp cùng với Ngài Cao Đức Trọng tổ chức xây bàn tại nhà Ngài Cao Đức Trọng, rồi lần lần chuyển qua cầu bằng Tiểu Ngọc Cơ cho mau hơn.

Trong những bận đến chơi, có người xin hỏi về gia đạo, về tương lai, về việc nước, ... Tất cả đều được Ôn Trên giáng điển trả lời bằng một bài thơ 4 câu hoặc 8 câu. Những vị được cho thơ, đọc đi đọc lại, tự biết việc mình, thấy Ôn Trên nói rất trúng, nên khen ngợi vô cùng, cho là rất linh thiêng, tỏ vẻ rất kính trọng. Tiếng đồn lan rộng nên càng lúc càng có nhiều người đến cầu hỏi mỗi đêm.

Đức Hộ Pháp nảy ra ý kiến : Những người muốn cầu hỏi điều chi thì phải viết điều cầu hỏi lên một tờ giấy rồi đội lên đầu cầu khấn khi hầu đàn. Cơ giáng thì kêu tên từ người ấy và cho thơ trả lời việc cầu hỏi.

Huyền diệu thay ! Mỗi kỳ đàn như vậy có đến một hai chục người cầu hỏi, làm sao biết tên họ hết của mỗi người, mà mỗi bài thơ trả lời đều có gọi tên người đó ở đầu bài thơ, và bài cơ tiếp được trả lời đúng theo sở cầu của mỗi người, nên họ hết sức

bái phục.

Đó là bước đầu để tạo đức tin về cơ bút cho các nguyên nhân tại Kim Biên, sau đó Đức Chí Tôn dẫn lần vào đường Đạo.

Trong đàn cơ ngày 29-6 Đinh Mão (27-7-1927) tại Kiêm Biên, Đức Hộ Pháp và Ngài Cao Đức Trọng phò cơ, Đức Chí Tôn ân phong các vị sau đây vào hàng Chức Sắc :

- Lễ Sanh Thượng Chử Thanh (Đặng Trung Chử)
- Lễ Sanh Thượng Vinh Thanh (Trần Quang Vinh)
- Lễ Sanh Thái Cửa Thanh (Phạm Kim Cửa)
- Giáo Hữu Thượng Bảy Thanh (Lê Văn Bảy)
- Giáo Hữu Thượng Lắm Thanh (Nguyễn Văn Lắm)
- Giáo Hữu Ngọc Sự Thanh (Võ Văn Sự)
- Giáo Hữu Hương Phụng (Bà Batria Trần Kim Phụng)
- Giáo Hữu Hương Huệ (Hiền nội của ông Lê Văn Bảy)
- Giáo Hữu Hương Hạt (Thân mẫu của ông Chử)
- Lễ Sanh Hương Trọng (Hiền nội của ông Chử)
- Tiếp Đạo Hiệp Thiên Đài : Cao Đức Trọng.

Đức Chí Tôn chỉ ban phẩm, rồi Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng đàn chấm phái.

Quý vị Chức Sắc nam nữ trên đây là những Chức Sắc đầu tiên của Đạo Cao Đài tại Nam Vang. Nhờ số Chức Sắc này, Đức Hộ Pháp lập thành Cơ Quan Truyền Giáo Hải Ngoại, thường được gọi là Hội Thánh Ngoại Giáo, trụ sở đặt tại Nam Vang, có nhiệm vụ truyền bá Đạo Cao Đài nơi Ngoại Quốc, đặc biệt là độ Nhơn sanh ở Nam Vang gồm có : Việt Kiều, Hoa Kiều và người Cao Miên.

Hội Thánh Ngoại Giáo được đặt dưới quyền điều khiển vô vi của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo), với chức vụ : Chưởng Đạo do Đức Chí Tôn phong, và dưới sự bảo trợ hữu hình của Đức Phạm Hộ Pháp.

Cũng trong năm 1927, Giáo Hữu Thượng Bảy Thanh được bổ nhiệm làm Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo tại Nam Vang. Nhờ có Hội Thánh Ngoại Giáo, việc truyền Đạo tại Nam Vang có kết quả nhanh chóng, chỉ trong vòng một năm, số tín đồ nhập môn vào Đạo Cao Đài có đến hơn mười ngàn người.

Năm 1937, Giáo Hữu Thượng Bảy Thanh được thăng lên Giáo Sư, rồi được Hội Thánh bổ đi truyền Đạo tại Hà Nội. Năm sau, Ông đi truyền Đạo ở nước Tàu nhưng không thành công.

GHI CHÚ : Theo quyển Hồi Ký của Ngài Phối Sư Thượng Vinh Thanh thì Đức Hộ Pháp lưu lại Nam Vang chừng 1 năm, trở về Tòa Thánh vào thượng tuần tháng 4 năm 1928. Nhưng theo Bộ Thánh Ngôn Sư Tập của Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng thì Đức Hộ Pháp có phò loan với Đức Cao Thượng Phẩm vào ngày 7-2 Mậu Thìn (27-2-28) và trong những lần kế tiếp nữa ; như vậy Đức Hộ Pháp lưu lại Nam Vang chỉ vào khoảng 10 tháng

Vì những hoạt động truyền giáo mà Đức Hộ Pháp lại bị chánh quyền Pháp chuyển trở về Việt Nam, rồi lại định đổi ra Trung. Đức Hộ Pháp mới đưa đơn xin từ việc và về Tòa Thánh Tây Ninh phết đời hành đạo kể từ đó.

Xin nhắc lại lời Đức Chí Tôn dạy Đức Hộ Pháp trước khi Đức Hộ Pháp lên đường đi Nam Vang :

“ Con chưa cần phải xin nghỉ ngay lúc này, con cứ trở lại làm việc rồi sẽ có chuyện hay ...

Chẳng nét nào không nơi Thầy đặt, nó cũng nên an lòng : Sau sẽ thấy máy huyền vi ... “.

Chuyện Hay và Máy Huyền Vi là việc thành lập được Hội Thánh Ngoại Giáo Nam Vang.

2.- THÁNH THẤT NAM VANG

Sau khi Giáo Sư Thượng Bảy Thanh được Hội Thánh bổ đi truyền Đạo ở Hà Nội, Ngài Tiếp Đạo Cao Đức Trọng, đang làm việc ở Nam Vang, được bổ nhiệm làm Chủ Trưởng Hội Thánh Ngoại Giáo. Thời gian về sau, nối tiếp theo Ngài Cao Tiếp Đạo, quý vị sau đây lần lượt được Hội Thánh bổ nhiệm làm Chủ Trưởng Hội Thánh Hải Ngoại tại Nam Vang, kể từ năm 1937 đến năm 1941 :

- Bà Giáo Sư Hương Phụng,
- Giáo Sư Thượng Chử Thanh,

- Giáo Sư Thượng Vinh Thanh,
- Giáo Sư Thái Gấm Thanh,
- Giáo Sư Thái Phấn Thanh.

Năm 1937, Hội Thánh Ngoại Giáo làm Lễ Khánh Thành Thánh Thất Nam Vang trong ba ngày 21,22, 23 tháng Năm. Lễ Khánh Thành gây được nhiều tiếng vang trong giới báo chí Đông Dương.

Nhật báo La Presse Indochinoise ngày 22-5-1937 nói về cuộc viếng thăm Thánh Thất Cao Đài Nam Vang như sau :

“Thánh Thất Cao Đài Nam Vang tọa lạc gần góc đại lộ Pasquier và đường Verdun. Khi xưa, cách nay 8 năm, Thánh Thất này chỉ là một ngôi nhà lá đơn giản làm chỗ trú ngụ cho những nhà truyền giáo đầu tiên.

Sau nhiều cố gắng đáng khen của việc truyền giáo, số tín đồ Cao Đài tại Nam Vang có được hơn hai chục ngàn người nam nữ, trong đó đếm được nhiều người Âu Châu và cả ngàn người Trung Hoa.

Nhờ lòng hy sinh và thiện tâm của tất cả tín đồ mà ngôi thờ hôm nay trở thành một tòa nhà lộng lẫy ... Ở giữa là Chánh Điện trang nghiêm, sắp đặt một cách giản dị, không trang trí thừa, có một Quả Càn Khôn bằng giấy, một Con Mắt vẽ lên trên, kế đó, theo thứ tự đẳng cấp, sắp đặt các tượng của Đức Phật Thích Ca, Đức Chúa Jésus, các vị Thánh. Bên phải của chúng tôi là tượng Quan Công với gương mặt đỏ tươi đang đọc sách, bên trái của chúng tôi là tượng của Đức Phật Bà Quan Âm đang cầu nguyện... “.

3.- PHÁ VỠ THÁNH THẤT NAM VANG

Vào hạ tuần tháng 7 năm Tân Tỵ (1941), Giáo Sư Thượng Bửu Thanh tự trở về Nam Vang tiếp tục cầm quyền cơ Đạo cho đến ngày Thánh Thất Nam Vang bị chánh phủ bảo hộ Pháp sung công và phá vỡ vào năm 1943.

Năm 1951, Hội Thánh lập Bộ Đạo, kiểm điểm số tín đồ chính

thức của Hội Thánh Ngoại Giáo Nam Vang, kết quả như sau :

- Người Việt Nam : 64.954 người

- Người Cao Miên : 8.210 người

* Tổng cộng : 73.164 người

***Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn Từ Chức**

Sau khi Đức Hộ Pháp tự lưu vong sang Cao Miên thì vào ngày 13-8 Bính Thân (17-9-1956), Đức Ngài cùng Ngài Hồ Bảo Đạo phò loan tại Báo Ân Đường Nam Vang, Đức Quyền Giáo Tông Tông giảng cơ cho biết : Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn đã từ bỏ Hội Thánh Ngoại Giáo vì một số vị trong Hội Thánh bất lực và bội phản Đức Hộ Pháp.

Sau khi Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn từ bỏ chức vụ Chưởng Đạo Hội Thánh Ngoại Giáo, Đức Hộ Pháp giải tán Hội Thánh Ngoại Giáo và thành lập Tông Đạo Kim Biên.

Ghi Chú :

Nước Cao Miên (Campuchia) có thủ đô là Phnom-Penh, phiên âm ra tiếng Việt là Nam Vang, nhưng trong Đạo Cao Đài thường gọi Nam Vang là Kim Biên, nước Cao Miên là Tần Quốc, người Cao Miên là Tần Nhơn.

*** Tái Lập Cơ Quan Truyền Giáo Hải Ngoại**

Vào ngày 3-7 Quý Sửu (1-8-1973), Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức, Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài, ra Thánh Lệnh số 65/TL tái lập Cơ Quan Truyền Giáo Hải Ngoại, và cử Ngài Hồ Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa làm Chủ Trưởng Cơ Quan này.

Tìm Hiểu Về ĐỨC NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN (1802 – 1885)

Nguyệt Tâm Chơn Nhơn là Đạo hiệu của một Đấng Thiêng Liêng ở Bạch Vân Động. Ngài nhận lệnh Đức Chí Tôn làm Chưởng Đạo cầm quyền điều khiển Hội Thánh Ngoại Giáo của

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

1.- BẠCH VÂN ĐỘNG

Bạch Vân Động là một Động Thánh nơi cõi thiêng liêng, là nơi ở của các vị Thánh mà Động chủ là Bạch Vân Hòa Thượng, Thánh danh là Thanh Sơn Đạo Sĩ. Bạch Vân Hòa Thượng chuyển kiếp làm dân Việt Nam với tên là Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm.

Đức Hộ Pháp giải thích về Bạch Vân Động như sau :

“Từ cổ, Thần Thoại đã mệnh danh Nguyệt cầu là Bạch Vân Động (Cung Quảng Hàn). Xưa nay người ta vẫn coi Nguyệt cầu là nơi dừng chân của những vị Thánh, Thần, trước khi xuống trần giới đầu thai. Các vị đó phải ở lại Nguyệt cầu ít lâu để liên lạc với Địa cầu và với các Thần linh ở Địa cầu, để quen lặn với đời sống ở thế gian này... Như vậy Bạch Vân Động là Cung trăng hay Mặt trăng, mà Mặt trăng là vệ tinh của Địa cầu, nên nó là trạm chuyển tiếp từ Địa cầu đi vào Càn Khôn Vũ Trụ, hay từ các cõi của Càn Khôn Vũ Trụ đi đến Địa Cầu. Trên Cung trăng không có sinh vật sống, nên chỉ làm nơi trú ngụ cho các Đấng Thiêng Liêng mà thôi...”

Trong thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, các vị Thánh của Bạch Vân Động lãnh lệnh Đức Chí Tôn giáng trần để Chí Tôn lập thành Hội Thánh giúp Chí Tôn khai đạo, làm hình thể của Đức Chí Tôn tại thế mà hoằng dương Chánh pháp, giúp tay vào công cuộc Chuyển thế, gọi là Nho Tông Chuyển Thế...”.

2.- ĐẠI VĂN HÀO VICTOR HUGO

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn có một kiếp giáng trần ở nước Pháp là Đại Văn hào Victor Hugo.

Victor Hugo sanh tại Besancon, Pháp Quốc, vào ngày 26-2-1802 (đầu thế kỷ 19) và liêu đạo vào ngày 22-5-1885, hưởng thọ được 83 tuổi.

Năm 1852, Victor Hugo tới đảo Jersey và tham gia vào các cuộc xây bàn. Có một Chơn linh giáng bảo Victor Hugo hãy đặt trọn

đức tin vào Thượng Đế. Tiếp tục xây bàn, Victor Hugo thông công được với các Đấng Danh Nhân của thời trước. Kể từ đó, Victor Hugo rất tin tưởng những vấn đề về siêu hình học, sự bất diệt của linh hồn, sự hiện hữu của Thần linh.

Ngoài ra, Victor Hugo là một đại Văn Thi Sĩ có thiên tài độc đáo nhất của nước Pháp vào thế kỷ thứ 19. Khi hay tin Victor Hugo qui liễu, cả Thượng Viện và Hạ Viện đều ngưng họp để tưởng niệm Ông. Nước Pháp làm lễ Quốc Táng cho Ông, linh cữu được đặt tại Khải Hoàn Môn và được an táng trong Đền Panthéon, là nơi an nghỉ của những danh nhân có công lớn với dân tộc Pháp.

Khi Victor Hugo thoát xác thì Chơn linh của Ngài trở về Bạch Vân Động (Quảng Hàn Cung) nơi cõi thiêng liêng vì Ngài là một vị Thánh ở trong động đó, hiệu là NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN.

3.- ĐỨC NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

a.- Chưởng Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn

Khi Đức Chí Tôn mở Đạo Cao Đài tại nước Việt Nam vào năm 1926, thì qua năm 1927, Đức Hộ Pháp bị Chánh Quyền Pháp đổi Ngài lên làm việc ở Nam Vang. Ngài lợi dụng hoàn cảnh này để mở Đạo và thành lập Hội Thánh Ngoại Giáo tại đó, trụ sở đặt tại Thánh Thất Nam Vang.

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn lãnh lệnh Đức Chí Tôn làm Chưởng Đạo cầm quyền điều khiển Hội Thánh Ngoại Giáo.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (Q2, trg189, in năm 1972), Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ có dạy như sau :

“Bần Đạo khi đắc lệnh làm Chưởng Đạo lập Hội Thánh giáo đạo tha phương thì từng lòng bác ái của CHÍ TÔN, mở rộng thế cho Nhơn sanh dân công đổi vị. Bần Đạo chẳng kể là Nguyên nhân, Hóa nhân hay là Quỷ nhân, ví biết lập công thì thành Đạo”.

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn thường giảng cơ điều hành Hội

Thánh Ngoại Giáo và chuyện văn cùng Đức Hộ Pháp. Những điều Đức Hộ Pháp thắc mắc thường được đem ra hỏi Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn và được Đức Ngài giải đáp thỏa đáng

Vào năm 1935, vâng lệnh Đức Chí Tôn, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn có giáng cơ ban cho Đạo Cao Đài 6 bài Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo sau đây :

1. Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối
2. Kinh Khi Đã Chết Rồi
3. Kinh Tấn Liệm
4. Kinh Đưa Linh Cữu
5. Kinh Tắm Thánh
6. Kinh Hôn Phối.

Ngoài ra, Đức Nguyệt Tâm còn giúp chỉnh văn 10 bài Kinh Thế Đạo do Đức Hộ Pháp ban cho.

b.- Victor Hugo và Hai Người Con

Năm 20 tuổi, Victor Hugo cưới vợ là cô Adèle Foucher. Hai người con trai của Victor Hugo và Adèle Foucher là : Charles Hugo và Francois Hugo. Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, hai người con của Ông Bà Victor Hugo đầu kiếp ở Việt Nam.

- Charles Hugo đầu kiếp là Ông Đặng Trung Chử.
- Francois Hugo đầu kiếp là Ông Trần Quang Vinh

Năm 1934, cả hai vị đều đắc phong phẩm Giáo Sư phái Thượng, và về sau cả hai đều được vinh thăng lên Phối Sư.

Ngày 16-2-1933, tại tư gia của Ngài Cao Tiếp Đạo ở Nam Vang, Đức Hộ Pháp và Ngài Cao Tiếp Đạo phò loan, Bà Victor Hugo nữ danh Adèle Foucher có về cơ nói chuyện với hai con là Charles Hugo và Francois Hugo, tức Thượng Chử Thanh và Thượng Vinh Thanh.



NGUỒN GỐC VÀ Ý NGHĨA CÁC CỔ PHÁP ĐẠO CAO ĐÀI

HT Mai Văn Tâm sưu tầm

Cổ Pháp là bửu pháp xưa của các Tôn giáo. Ở đây ta phải hiểu theo nghĩa tổng hợp, dùng bửu pháp xưa của các Tôn giáo là để biểu tượng chánh pháp ngày nay và nhất giữ luật lệ theo Tam giáo.

- Theo Tân Luật Pháp Chánh Truyền có ba Cổ Pháp của Tam giáo là : Bình Bát Vu, Cây Phất Chủ và Bộ Xuân Thu gọi là Cổ Pháp Hộ Pháp.

- Cổ Pháp của Thượng Phẩm là Long Tu Phiến và Cổ Pháp của Thượng Sanh là Thư Hùng Kiếm và Phất Chủ ,

- Gộp chung các Cổ Pháp Thượng Phẩm, Thượng Sanh gọi là Cổ Pháp Giáo Tông.

I- CỔ PHÁP GIÁO TÔNG

Như trình bày trên, Cổ Pháp này gồm có : Long Tu Phiến ở giữa, Phất Chủ bên trái (trong nhìn ra) và Thư Hùng Kiếm bên mặt.

1- Long Tu Phiến : Long Tu là râu rồng, Phiến là quạt tức quạt râu rồng, nhưng thật sự chỉ làm bằng 36 lông cò trắng kết thành. Về Bí pháp thì Đức Cao Thượng Phẩm giải thích như vậy :

“ Long Tu Phiến là cây quạt do điển khí của Tam Thập Lục Thiên kết thành, quạt ấy tiết ra một điển lực có ảnh hưởng đến cuộc tiến hóa của quần linh. Chơn thần nào trong sạch thì nương theo đó mà siêu nhập Cực Lạc Thế Giới.

“ Trái lại, Chơn thần nào luyến ái tà mị thì phải lánh xa, mà đi lần đến U Minh cảnh giới. Cả cơ “thu” và cơ “ xuất” của Long Tu Phiến với Chơn thần đều do luật đồng khí tương cầu mà thành tựu, nghĩa là, nếu chơn thần Đạo Đức thì Long Tu Phiến hấp dẫn đến gần và đưa vào Cực Lạc thế giới, còn nếu Chơn thần nào trọng trước thì Long Tu Phiến đẩy ra xa và lần hồi đi đến cảnh U Minh đen tối” (Bà Đầu Sư Hương Hiếu, Đạo Sử Xây Bàn, 1967)

2- Phất chủ : Phất chủ hay phất trần là cây chổi quét sạch bụi trần gian, vốn của Thái Thượng Lão Quân.

Phất chủ là điển khí của Thất Bửu Điều Trì Cung kết hợp dùng để sửa trau chơn thần trở nên thanh khiết (Bà Đầu Sư Hương Hiếu, Đạo Sử Xây Bàn, 1967). Nếu xét theo từ nguyên : Phất là quét, chủ là con chủ. Phất chủ là cây chổi quét làm bằng lông đuôi con chủ. Một loài thú họ nai, hình vóc như con hươu mà lớn hơn. Thường con chủ đi trước, đàn hươu theo sau. Vì đuôi nó dài chấm đất nên đi đến đâu nó quét bụi đến đó. Vì thế, các vị Tiên thường dùng lông đuôi con chủ làm phất trần (quét bụi trần), một bửu bối của Thái Thượng Lão Quân, giáo chủ Lão giáo.

3- Thư hùng kiếm : Thư hùng kiếm gồm hai cây : gươm thư (mái) và gươm Hùng (trống) trong Nữ Trung Tòng Phận có câu: Gươm thư giúp sức gươm Hùng,

Điểm tô nghiệp cả con Rồng cháu Tiên.

Điều đó chứng tỏ Gươm này trị thế. Theo văn thư số 264-TQTS của Ngài Bảo Thế. Chưởng Quản Ban Thế Đạo có thích nghĩa Thư Hùng Kiếm là gươm Thần Huệ nghiêm trị xảo trá, khử trừ tà mị.

Theo Thánh Giáo dạy thì Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung ngươn linh là Lý Ngưng Dương, Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư ngươn linh là Hồn Chung Ly (tên Quyền) và Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang ngươn linh là Lữ Đồng Tân .

Theo lịch sử Bát Tiên, Lý Ngưng Dương là học trò của Lão Tử (tên Lý Nhĩ) mà Lão Tử vốn là ngươn linh Thái Thượng Lão Quân nhật giữ Phất chủ. Vì muốn cho Lý Ngưng Dương học Đạo Tiên nên Lão Tử xui khiến cho học trò của Lý Ngưng Dương đốt xác thầy, khi trở lại trần gian, Lý Ngưng Dương phải nhập vào xác của 1 người ăn mày có bầu rượu và gậy tre. Đức Lý Ngưng Dương mới biến hai vật ấy thành bầu hồ lô và gậy sắt và trở thành hai Bửu pháp. Hai Bửu pháp này đắp trên nóc lâu chuông và lầu trống.

Lý Ngưng Dương thành Tiên thứ nhất nơi Bồng Lai đảo vì Bồng Lai có 8 động nên cần 8 Tiên chủ sự. Do đó, mà Lý Ngưng

Dương độ được học trò là Chung Ly Quyền đời Hối nên gọi là Hối Chung Ly. Hối Chung Ly thường dùng Long Tu Phiến và sau độ được học trò là Lữ Đồng Tân, Lữ Đồng Tân vốn người tài hoa, Hối Chung Ly (tự Vân Phòng) phải làm phép huỳnh lương (nấu bắp) cho Lữ Đồng Tân nằm chiêm bao thấy vía đi thi, đỗ Trạng, cưới vợ giàu rồi bị vu oan, giết mình tỉnh mộng mới chịu đi tu Tiên.

Bình thời Lữ Đồng Tân thối tiêu, nhưng thường dùng Thư Hùng Kiếm để trừ gian trá như việc quăng gương pháp giết hai con của Long Vương khi Ma Yết ăn cắp Ngọc Bảng của Lam Thể Hòa (người linh của Ngài Phối sư Thái Bính Thanh) (Lời xác nhận của Ngài Khai Pháp, chiều mừng 2 Tết Giáp Dần). Đức Hộ Pháp nhấn mạnh rằng đó chỉ là thể pháp có giới hạn để tượng trưng cái Bí pháp vô cùng .(Đại Đạo Bí Sử).

Người Đạo nên xem đó là những biểu tượng, là cái móc mà con người nhắm để đạt đến hoặc tránh xa chớ không nên xem là cứu cánh. Ai trong chúng ta đã thấy Dạ Xoa hay quỷ sứ hoặc Satan. Nhưng khi cần nói cái xấu thì người ta cho rằng xấu như dạ xoa, dữ như quỷ sứ, ác như Satan, ta liền thấy ngay cái xấu, sự dữ, sự ác đến cùng tột.

Tất một lời, Cổ Pháp Giáo Tông đã thể hiện đầy đủ chủ thuyết “ Đạo Đời tương đắc” về bí pháp cũng như Thể pháp.

II - CỔ PHÁP HỘ PHÁP

Như trình bày trên, Cổ Pháp này là Cổ Pháp tượng trưng cho Tam giáo gồm có : Bình Bát Vu, Cây Phát Chủ và Bộ Xuân Thu.

1- Bình Bát Vu : Bình Bát Vu là Cổ Pháp của Phật giáo, cái bình của Khất Sĩ Tịnh độ tông, là y bát Chánh Truyền của Ngũ Tổ tức Hoàng Nhẫn Sư Tổ (Đại Đạo Sử Cương, Quyển 2)
“ Phật học từ điển” có kể chuyện một vị Đạo nhơn già tên Tài Tùng đến Cầu Đạo nơi Ngài Tứ Tổ Đạo Tín Thiên Sư. Nhưng

vì Tài Tùng già nên Tứ Tổ không dạy Đạo mà phải thực hiện chữ nhẫn đầu thai kiếp sau. Tài Tùng bèn đến ngủ nhờ nhà con gái người họ Châu khiến nàng này thọ thai hoang, nên bị cha mẹ đuổi đi. Nàng nhẫn nhịn chịu khổ sau sinh một trai. Lúc đứa nhỏ 7 tuổi, hai mẹ con đi xin ăn, gặp Tứ Tổ gọi đứa nhỏ là “vô tánh nhi” đứa nhỏ đáp là “Ngã Phật tánh” (Tôi họ Phật). Nhờ đó, Tứ Tổ nhớ lời hứa xưa mà xin đứa trẻ về nuôi đặt tên là Hoàng Nhẫn và truyền y trang, Bát Vu cho đặng làm tổ thứ năm (Ngũ Tổ). Đời Đường Cao Tông (661), Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn truyền y bát cho Lục Tổ Huệ Năng, ba năm sau thì tịch (663). (Đoàn Trung Côn, Phật Học Từ Điển, tập II, 1967)

Theo “Pháp bảo Đàn Kinh” Huệ Năng sinh vào đời Đường Thái Tông (638) năm 24 tuổi ngộ Đạo đến trụ trì tại chùa Bảo Lâm (Trung Hoa) được Ngũ Tổ truyền y bát để làm Lục Tổ theo Đông Độ (còn theo các Tổ Sư thì Huệ Năng là Tổ thứ 33). Khi mang Bình Bát Vu đi khát thực là để xin cái Pháp, cái Đạo để nuôi lấy cái Huệ mạng. Việc khát thực do Phật truyền cho chư đệ tử xuất gia là thực hiện Đạo trung thứ để diệt hai điều thái quá là : tránh xa sung sướng thái quá và khổ hạnh thái quá. Theo “Kinh An Lạc” việc khát thực của Phật đem lại 10 điều lợi ích cho nhân sanh: dứt khổ, đặng vui, dứt kiêu ngạo, nguyện đầy bát, cúng thí phân phát; những chúng sanh bị ngăn ngại thì đặng gặp Phật, năng trì bát, làm nghi thức cho chúng sanh, dứt sự chê bai, trừ sự tham ái.

2- Phất chủ : là Bửu Tháp của Lão giáo, còn gọi là Phất trần, kết bằng lông đuôi hươu.

Về ý nghĩa xin xem ở trên.

3- Kinh Xuân Thu : là Cổ Pháp của Khổng giáo.

1- THỜI ĐẠI XUÂN THU :

Thời Đại Xuân Thu (722- 480 trước Tây lịch) khởi thủy từ khi nhà Châu lên ngôi Thiên Tử. Đây là chế độ phong kiến, chia thiên hạ ra 70 nước để phong thưởng cho các công hầu, hoàng tộc làm chư hầu. Các nước chư hầu thời đó đều được quyền tự chủ. Tuy nhiên hằng năm phải triều cống phẩm vật cho Thiên tử

nhà Châu. Thêm vào đó khi có chinh phạt nước nào, thì phải theo lệnh Thiên tử đem quân đi tòng chinh. Các nước chư hầu lớn thì độ bằng hai tỉnh ở nước ta, còn nhỏ thì bằng một vài quận. Vì nước Trung Hoa thuở ấy ở quanh vùng sông Hoàng Hà.

Từ khi nhà Châu suy vong dời đô về miền đông xứ Lạc Ấp lệnh của Thiên tử không còn ai theo. Các chư hầu lại nảy nở thêm 160 nước. Thế nên chiến tranh dành đất, dành nhân dân ngày càng khốc liệt, cương thường đạo lý suy vi, nhân dân đồ thán. Các nước Tấn, Tề, Tống, Tần, Sở, Ngô, Việt xưng bá rồi nước này xâm chiếm nước kia. Thiên tử nhà Châu không đủ quyền lực ngăn cấm. Sử Tàu gọi thời này là Xuân Thu thời đại. Nguyên nhân thúc đẩy Đức Khổng Phu Tử soạn ra Kinh Xuân Thu là vì đời loạn, đạo Đế Vương chinh nghiêng con người mê sa công lợi, không còn ai nghĩ đến nghĩa nhân. Để cứu vớt thiên hạ, để sửa đổi giềng mối, nên Đức Khổng đưa ra học thuyết mới phát minh đạo Thánh hiền lấy nhân, nghĩa, lễ, trí, tín mà dạy đời, lấy cương thường mà hạn chế dục vọng.

2- TRIẾT LÝ KINH XUÂN THU

“Xuân Thu dĩ Đạo danh phận” : Sách Xuân Thu là để nói danh và phận (Trang Tử), đó là ý kiến của bậc đại hiền triết thời đại chiến quốc, chớ không phải là bộ sách đơn thuần chép sử như người đời thường hiểu. Ba chủ đích của sách là : chính danh tự, định danh phận và ngụ bao biếm. Chủ ý của Đức Khổng là tôn Thiên Tử nhà Châu, định chế độ quân chủ. Vì theo quan niệm của Ngài : trong một nước không thể không có quyền quân chủ. Nhưng Ngài lại lo rằng những bậc Vua Chúa thường hay lạm dụng quyền lợi của mình mà làm những điều tàn bạo. Thế nên Ngài mới lấy cái nguyên của dương khí mà thống trị Trời Đất, lấy Trời mà nghiêm trị Vua, Chúa. Vì đó, sách trình bày một cách đặc thù hạn chế quyền của nhân quân. Để thực hiện điều này Ngài mới nương theo các điều thiên tai dị thường như nhật nguyệt thực, hiện tượng sao chổi, động đất, hỏa sơn Để cảnh giác những bậc nhân quân, Ngài muốn những bậc ấy thấy các điềm dữ đó mà kinh sợ rồi tự tu tỉnh, tự cứu làm những điều nhân nghĩa.

Ngài còn đưa ra thuyết đổi loạn ra trị, tránh những bạo hành và trừng trị kẻ gian ác. Có người trách Ngài biến việc của Thiên tử, hoặc nhờ Ngài phổ hóa những điều tai dị để mê hoặc người Đồi vì nhân gian cho Ngài là Vua không ngôi. Chính cái khổ tâm đó mà Ngài nói : “ Tri ngã giả kỳ duy Xuân Thu hồ, tội ngã giả kỳ duy Xuân Thu hồ” : người biết ta cũng chỉ ở Kinh Xuân Thu, người trách tội ta cũng chỉ ở Kinh Xuân Thu (Mạnh Tử - Đằng Vân Công hạ). Bởi lẽ không hiểu rõ cái uyên thâm cốt cán ấy mà các Hán nho chú trọng cái thuyết âm dương Ngũ Hành tạo nên các mê tín dị đoan.

Hàm súc ý nghĩa sâu xa như vậy, nên các danh nho xưa nay vẫn kính trọng bộ sách ấy, Cao Đài Giáo coi là một Cổ Pháp cũng vì lẽ ấy. Chủ thuyết quân chủ, các nước Á-Đông hầu hết hấp thụ ít nhiều tinh thần Kinh Xuân Thu. Các sử gia cũng thường theo lối biên niên mà chép sử.

3- NGÔN TỪ TRONG KINH XUÂN THU

Chúng ta phải xác nhận rằng dân tộc Việt Nam nói chung và Đạo Cao Đài Giáo nói riêng đã tiềm ẩn xác nhận tinh thần dùng chữ trong Kinh Xuân Thu. Mỗi chữ Đức Khổng đều cân nhắc dùng đúng chỗ, đúng nghĩa. Sự khen chê là cốt ở những chữ Ngài dùng. Chỉ một chữ chê thì tiếng xấu muôn đời, một chữ khen mà danh nêu vạn cổ, nên kẻ đương thời mới nhận định : “ Nhất tự chi bao, vinh ư hoa cỏn, nhất tự chi biếm, nhục ư phủ việt” một chữ khen thì vinh như cái áo hoa cỏn Vua ban, một chữ chê thì nhục hơn tội búa rìu.

Bàn về chữ chết thì Thiên Tử chép là băng, chư hầu chép là hoãng, Vua cướp ngôi mà chết thì chép là tô, quan ngay chính mà chết thì chép là tốt, quan nịnh thì chép là tử. Về danh phận người nào chính đáng thì ghi rõ chức phẩm và tên tự, còn danh không chánh thì dấu làm phẩm trật nào cũng chỉ ghi có tên tục mà thôi

4- CAO ĐÀI GIÁO VỚI KINH XUÂN THU :

Chủ thuyết của Cao Đài Giáo là rút tinh hoa của các tôn giáo chính truyền. Vì hấp thụ được tinh thần nhân nghĩa trị loạn của Kinh Xuân Thu mà Kinh Xuân Thu được liệt hạng vào hàng Cổ

Pháp, trong Cổ Pháp Hộ Pháp. Đạo Cao Đài lại được khai vào thời hạ ngưng mặt kiếp loạn lạc, con người đánh mất lương tâm, xã hội không còn giai tầng quân, sư, phụ, con mắng cha, lừa mẹ, dân nước không tuân lệnh nhà cầm quyền, nhà lãnh đạo chẳng lấy nhân nghĩa, lẽ phải trị nước. . .Xem thế, xã hội hôm nay băng hoại có khác chi thời đại Xuân Thu.

Hình ảnh Xuân Thu xuất hiện trong Cao Đài Giáo như một cảnh tỉnh, con người đã đánh mất lương tri, tìm tràn đầy thù hận thì chỉ có gương thương yêu nhân nghĩa mới có thể kéo họ ra khỏi vực thẳm. Ngày nay, người ta còn nhắc đến điềm lạ như vĩ tinh xuất hiện, chọn ngày lành tháng tốt để xây dinh thự, để khánh thành; đó chẳng qua là tiềm lực của Kinh Xuân Thu thúc đẩy con người hãy coi chừng Trời phạt.

Nhưng có một điều làm cho tất cả chúng ta phải suy nghĩ : đó là chủ đích của Kinh Xuân Thu tôn trọng quân quyền, còn khi lập Cao Đài Giáo, Đấng Chí Tôn ban hai câu liên “ Cao Thượng Chí Tôn Đại Đạo Hòa Bình Dân Chủ Mục; Đài Tiên Sùng Bái Tam Kỳ Cộng Hưởng Tự Do Quyền”, thì chủ trương dân chủ. Như vậy đâu là lý ứng của sự kiện ?

Đi sâu vào tinh thần Kinh Xuân Thu thì chúng ta mới thấy là quân quyền. Đức Khổng Tử quan niệm một cách rộng rãi ; “ Phàm người ta đã quần tụ với nhau thành xã hội thì tất phải có quyền tối cao để giữ kỷ cương cho cả đoàn thể. Cái quyền ấy gọi là quân quyền, tức là quyền chủ tể cả một nước.

Ở trong nhà thì con phải hiếu với Cha, Mẹ ; ở trong nước thì thần dân phải trung với quân. Hai chữ trung quân không nên theo như người ta thường vẫn hiểu là chữ trung với người làm đế làm vương mà thôi, nhưng có thể theo nghĩa là ta trung với cái quân quyền trong nước. Theo nghĩa rộng ấy thì bất cứ ở vào thời đại nào, hai chữ trung quân vẫn có nghĩa chính đáng. Có lòng trung ấy thì dân mới yêu và nước mới trị, miễn là quân quyền không trái với lòng dân là được” (Trần Trọng Kim, Nho Giáo , quyển Thượng, Sài Gòn, Tân Việt in lần thứ 4).

Xem thế thì quân quyền theo Đức Khổng Tử không khác với dân quyền; miễn là làm sao trị dân cho dân được no ấm, chính sự được công bình,. Tư tưởng chính trị của Khổng giáo là tư tưởng dựa trên nền tảng phụ hệ và dân chủ ... xem dân chúng là nguồn trí tuệ cao nhất, lấy dân chúng làm căn bản. (Trần Quang Thuận, Tư Tưởng Chính Trị Trong Triết Học Khổng Giáo, 1961)

Cao Đài Giáo tổ chức theo chế độ nào ? Tuy hai là một, tuy một mà hai. Bất cứ ở tôn giáo nào cũng phải tôn trọng thần quyền, muốn được vậy thì phải có triều nghi tế lễ Trời Đất, cái việc mà ngày xưa chỉ có Thiên tử mới được trần thiết. Về hình thức thì Cao Đài Giáo, có triều nghi có giai tầng đẳng cấp, áo mũ các tín đồ gần như chế độ quân chủ ngày xưa.

Dân chủ hay quân chủ cũng không thể gán ghép cho một tôn giáo. Tôn giáo muôn đời vẫn là tôn giáo có cái đặc thù riêng của nó, có những bí pháp chính truyền, hóa dân bằng luân lý, bằng đường lối đạo đức bất di bất dịch.

Với Kinh Xuân Thu, Cao Đài Giáo đã nhận được những gì ? Nhìn tổng hợp lấy tinh thần để phân tích, chúng ta thọ hưởng bao giá trị.

1/ Định chế nhân nghĩa :

Về điểm này Đức Khổng Tử đã nói : “ Ngô đạo nhất dĩ quán chi”. Đạo của ta suốt từ đầu tới cuối chỉ có một mà thôi. Đạo nhất quán ấy gọi là trung thứ hay nhân nghĩa cũng đều do đạo nhân mà ra cả. Có nhân thì thông suốt cái thiên lý thuần nhiên quán xuyên từ tư tưởng đến hành động không có cái gì là không hợp với cái Đạo nhất thể. Từ ngữ nhân nghĩa được coi là một định chế trong chủ thuyết của Cao Đài Giáo. Một định chế được coi như là một định đề hằng đúng mà tất cả mọi tín hữu phải noi theo.

2/ Giá trị danh xưng :

Điều này hiển nhiên, không ai chối cãi trong Cao Đài Giáo hằng loạt từ ngữ danh xưng từ thấp lên cao ; tiểu đệ, tiểu muội,

hiền đệ, hiền muội, hiền huynh, hiền tỷ. Đại huynh từ Phối sư trở lên : “ Trong Thánh Thể của Chí Tôn, từ Giáo Hữu tới Đầu sư, Chưởng Pháp, chỉ Giáo Tông mới được quyền là Anh Cả mà thôi”. (Đức Hộ Pháp, thuyết đạo ngày 15-4-Quý Ty). Còn về danh phận, ai dù phẩm trật cao mà không phước đời hành đạo vẫn không được liệt vào lịch kỷ niệm.

3/ Thuyết loạn trị trật tự xã hội :

Muốn tạo lập một xã hội trật tự có cơm ăn áo mặc, những giáo điều khuyên răn, gương nhân từ khiêm cung của hàng giáo lãnh không, chưa đủ, mà phải hành động, phải biết đau cái đau của nhân loại, phải biết khổ cái khổ của người bần hàn. Vả lại, Đạo Cao Đài lại nêu câu cứu khổ :

“ Phật vì thương đời mà tìm cơ giải khổ
Tiên vì thương đời mà bày cơ thoát khổ
Thánh vì thương đời mà dạy cơ thọ khổ
Thần vì thương đời mà lập cơ thắng khổ
Hiền vì thương đời mà đoạt cơ từng khổ”

Đức Hộ Pháp đã nói : “ Cây cờ cứu khổ của Đạo Cao Đài là thương yêu và công chánh. Phải thực hiện được hai điều ấy thì Hòa bình và Hạnh phúc mới đến với chúng ta đặng”.

Tóm lại, các cổ pháp trong Đạo Cao Đài lấy những bảo vật của Tam giáo thuộc hữu vi làm hình thức để biểu tượng các vô vi, vô ảnh cho nhân sanh hình dung mà tu tâm dưỡng tánh hầu tiến tới Đạo mà đạt đến cái lý mầu nhiệm của tạo đoan.

Xin kết lại rằng : **CÁC CỔ PHÁP ĐẠO CAO ĐÀI:**

I. Cổ Pháp Giáo Tông

- 1-Long Tu Phiến,
- 2-Phất Chủ,
- 3-Thư Hùng Kiếm).

II. Cổ Pháp Hộ Pháp

- 1.Bình Bát Vu (Phật giáo)
2. Phất Chủ (Lão giáo)
3. Kinh Xuân Thu (Khổng giáo)

Tài liệu tham khảo:

- CÁC CỔ PHÁP ĐẠO CAO ĐÀI (HT Trần Văn Rạng)

QUAN NIỆM TU THÂN THEO NHO GIA

Tác giả: Nhân Tử (BS. Nguyễn văn Thọ)

* * *

Có thể nói được rằng Nho giáo là một Đạo giáo có nhiều bộ mặt nhất. Trong suốt 2500 năm nay, Nho giáo đã được khai thác về nhiều lãnh vực như: Luân lý, tín ngưỡng, chính trị, gia đình, xã hội, từ chương, khoa cử, thuật số, tu dưỡng, đạo đức v.v...

Cũng vì thế mà xưa nay, có rất nhiều nhận định khác nhau về Nho Giáo. Người thì cho rằng Nho Giáo là một Đạo nhập thế, người thì cho rằng Nho Giáo thiên về chính trị, người thì cho rằng Nho Giáo chỉ chú trọng đến luân lý, cương thường. Cũng có người chủ trương Nho giáo chỉ biết dạy con người Nhân Đạo, nghĩa là chỉ biết dạy con người ăn ở cho xứng đáng với danh nghĩa con người, chứ không dạy con người làm Thần, Thánh.

Những người theo Tam giáo ở Trung Hoa cũng như ở Việt Nam thường chủ trương:

Nho là Nhân đạo.
Lão là Tiên đạo.
Thích là Phật đạo.

Và như vậy, dĩ nhiên là:

- Đạo Nho kém nhất.
- Đạo Lão thời trung bình.
- Đạo Phật là đệ nhất hạng.

Quan niệm này được thấy rải rác trong nhiều sách vở bàn về Tam Giáo. Dưới đây, xin đan cử một trường hợp điển hình: Thiển sư Tông Bản, chùa Diên Khánh, đời nhà Tống bên Tàu, tác giả bộ sách Qui Nguyên Trực Chỉ đã nhận định như sau: “Theo Vô Tận Cư sĩ, thì Đạo Nho trị bệnh ngoài da, Đạo Lão trị

bệnh trong huyết mạch, Đạo Phật trị bệnh trong mỡ xương.”(1)
Theo Hoàng đế Hiếu Tôn thì : “Lấy Đạo Phật để trị Tâm, lấy Đạo Lão để trị thân, lấy Đạo Nho để trị đời.” (2)

“Người học Nho chết rồi thì hết, chẳng qua khoảng 100 năm thôi. Người học Đạo vụ cầu sống mãi, chẳng qua ngàn muôn năm mà thôi. Người học Phật dứt mãi mãi với sự sống chết, trong trẻo hoai, chẳng qua trải khắp số kiếp nhiều như bụi cát, mà không có cùng tận vậy”.(3)

“Nho như một cái thếp đèn, soi sáng một đêm, khi chuông ngân, hồ cạn, thời dầu khô, đèn tắt vậy.

-Đạo Tiên như một ngọn đèn trăm năm của vua A Xà Thế làm ra, để soi Xá Lợi của Phật, khi 100 năm đã mãn, thì đèn đó liền tắt vậy.

-Phật như mặt Trời sáng rỡ, chiếu diệu, muôn đời thường sáng, hể lặn phía Tây, thì mọc phía Đông, xây vòng không nghỉ vậy.

Đó là lời luận xa gần của Tam Giáo, có cái đại lược về cái ý lớn của Tam Giáo...” (4)

Đọc những lời nhận định trên của sách Qui nguyên trực chỉ ta thấy ngay rằng chúng thiếu vô tư, thiếu căn cứ và có mục đích tuyên truyền cho Phật Giáo rõ ràng. Theo tôi, một thái độ thiên vị như vậy không thể giúp ta nhận định được rõ ràng những ưu khuyết điểm của các Đạo giáo.

Sau nhiều năm khảo cứu Đạo Nho, tôi đã nhận chân được rằng: Nếu xưa nay, người ta người ta có những quan niệm sai lầm về Nho Giáo, thì cũng không lạ.

Trước hết, muốn hiểu Nho Giáo, thực ra không phải là chuyện dễ. Đọc và hiểu hết toàn bộ Tứ Thư, Ngũ Kinh không phải là một công trình vài tháng, vài năm; ấy là chưa kể đến Bách Gia, Chư Tử.

Sau nữa, một người dẫu giỏi chữ Hán mấy nếu người đó chỉ chú trọng đến văn chương, nếu người đó chỉ dùng đạo Nho như một

công cụ để bước vào con đường công danh, hoạn lộ, thì người đó chắc chắn sẽ chẳng nắm được phần nghĩa lý, phần căn cốt, chính truyền của Nho Giáo.

Khi còn ở Trung Việt, tôi có quen một Cụ Phó Bảng. Một hôm, tôi muốn cùng Cụ bàn bạc về nghĩa lý Kinh Dịch. Cụ tâm sự với tôi chẳng qua Cụ chỉ giỏi về văn chương, thi phú, còn nghĩa lý cao xa thì không biết, nhất là nghĩa lý kinh Dịch. Đó là vì, khi còn trẻ, đi học thì lo học thuộc lòng để đi thi. Vả hồi đó, trong chương trình thi, lại không có Kinh Dịch. Sau khi đã thi đỗ ra làm quan, thì xếp dần sách vở, lo làm, lo ăn, lo chơi. Khi về già thì học Địa lý để mua vui. Có vậy thôi. Những lời tâm sự của Cụ Phó Bảng nói trên làm tôi hết sức suy tư. Mới hay, giỏi chữ Nho không phải là giỏi Đạo lý, cũng như giỏi tiếng Pháp, tiếng Anh không phải là giỏi nghĩa lý, đạo đức...

Hôm nay, với Đề tài “Tu Thân theo Nho Gia”, tôi muốn biện minh rằng Nho Giáo không hề có thiếu phần Tu Tâm, Dưỡng Tánh, và Thánh hiền Nho Giáo, ngoài việc lo đắp xây hoà bình, thái thịnh cho đời, còn cố công tu luyện Tâm tính, đúng với tôn chỉ “Nội Thánh, Ngoại Vương chi Đạo”.

Trong bài thuyết trình này, tôi không nhất thiết dựa vào Tứ Thư, Ngũ Kinh, mà cũng còn tham khảo thêm đời sống và quan niệm về Tu Dưỡng của các bậc danh Nho lịch đại. Làm như vậy, cốt là để cống hiến quý vị một cái nhìn nhất quán về Nho Giáo, cũng như về công phu tu thân của Nho giáo.

Trong bài thuyết trình này, tôi lần lượt trình bày:

- 1- Chủ trương then chốt của Nho Giáo,
- 2- Quan niệm Tu Thân theo Nho Giáo gồm ba đề mục:
 - Lý do Tu thân.
 - Phương pháp Tu thân.
 - Mục đích Tu thân.

I- CHỦ TRƯỞNG THEN CHỐT CỦA NHO GIÁO.

Nho giáo, nói chung, công trình Tu thân nói riêng, cũng như các

vấn đề chính trị, xã hội khác đều dựa trên một chủ trương căn bản này, đó là: “Con người có Thiên Tính”.

- Thiên Tính ấy được gọi là Đạo Tâm theo Kinh Thư. (Kinh Thư, Đại Vũ Mô, 5)
- Thiên Mệnh, hay Tính Mệnh theo Trung Dung (Trung Dung, I)
- Minh Đức, theo Đại Học (Đại Học, I)
- Di, Tắc theo Kinh Thi (Kinh Thi, Đại Nhã, Đãng, 6)

Từ ngữ tuy có khác nhau, nhưng chung qui vẫn nói lên một Chân Lý cốt cán rằng: “Dưới những hiện tượng tâm tư, có Bản Thể Trời làm căn cốt”.

Vì Bản Tính Người là Trời, cho nên Nho Giáo mới dám nói: “Tính con người vốn tốt”. (Luận Ngữ, V, 12; XVII, 2; Mạnh tử, Đằng Văn Công Chương Cú thượng, 2; Cáo Tử Chương Cú thượng v.v...)

Bản tính ấy là gốc, mọi việc khác như tâm tư, thân xác, gia đình, xã hội, thiên hạ sự v.v. . là thân, là cành, là ngọn. Không biết được gốc, làm sao mà trị được ngọn, không hiểu được Trời, làm sao hiểu nổi được Người.

Trung Dung viết:
Biết người, trước phải biết Trời,
Hiểu Trời chẳng nổi, hiểu người làm sao?
(Tư tri nhân, bất khả dĩ bất tri Thiên. (Trung Dung, XX)

Cho nên người quân tử phải cố gắng học hỏi, mài miệt suy tư để tìm cho ra cái Khuôn Trời, cái Gốc Trời nơi mình, rồi mới có thể “Chính Tâm, Thành ý, Tu thân, Tề gia, Trị quốc, Bình thiên hạ.” được.

Vì con người đã có sẵn Thiên Chân, đã có sẵn mầm mống hoàn thiện nơi mình, cho nên con người có bổn phận làm triển dương mầm mống hoàn thiện ấy cho đến chỗ tinh vi, cao đại. Mọi người sinh ra đời này đều có bổn phận nỗ lực tiến tới mục tiêu cao cả ấy và phải góp phần vào công cuộc đại hoá, đại tạo

của đất Trời.

Tất cả chủ trương trên đã được trình bày ngay nơi đầu sách Đại Học. Đại Học viết:

Đại Học có mục phiêu rõ rệt,
Đuốc lương tâm cương quyết phát huy.
Dạy dân lối sống tân kỳ,
Chưa nơi hoàn thiện còn đi chưa ngừng.
Có mục phiêu, rồi lòng sẽ định,
Lòng định rồi, nhẹ gánh lo toan.
Hết lo, lòng sẽ bình an,
Bình an, tâm trí rộng đàng xét suy,
Suy xét rộng, tinh vi thấu triệt,
Thấu sự đời, ngành ngọn đầu đuôi.
Trước sau đã rõ khúc nôi,
Thế là gần Đạo, gần Trời còn chi.
Muốn đức sáng truyền đi thiên hạ,
Người xưa lo cải hoá dân mình,
Trị dân, trước trị gia đình,
Gia đình muốn trị, sửa mình trước tiên,
Muốn sửa mình, tâm nên sửa trước,
Sửa tâm hồn, trước cốt ý hay.
Ý hay, phải học cho dày,
Dày công học vấn sẽ hay Khuôn Trời,
Hay Khuôn Trời, ắt thôi thấu triệt,
Thấu triệt rồi, ý thiết, lòng ngay,
Lòng ngay ta sẽ hoá hay,
Ta hay, gia đạo mỗi ngày một yên,
Nhà đã yên, nước liền thịnh trị,
Nước trị bình, bốn bể bình an,
Từ vua cho tới dân gian,
Tu thân một mực lấy làm căn cơ.

II-QUAN NIỆM TU THÂN THEO NHO GIÁO.

Trong phần này, tôi sẽ lần lượt bàn về:

- Lý do tu thân theo Nho giáo.
- Phương pháp tu thân theo Nho Giáo.
(Đại Học, I)

- Mục đích tu thân theo Nho Giáo.

A- Lý do tu thân theo Nho giáo.

Hiểu được chủ trương nòng cốt nói trên của Nho Giáo, ta sẽ hiểu rõ tại sao con người cần phải tu thân.

Tu Thân là gì? Tu thân là sửa mình.
Sửa mình là gì? Là sửa tâm hồn cho nên tốt đẹp.
Tại sao phải sửa tâm hồn cho nên tốt đẹp?

Thưa vì trong mỗi người chúng ta đều đã có Thiên Tính, cho nên đều đã có lẽ chí thiện, chí mỹ của Trời đất tiềm ẩn bên trong, vì thế nên con người cần phải tu thân, để thực hiện lẽ chí mỹ, chí thiện ấy.

Đổng Trọng Thư, một danh nho đời Hán, đã cho rằng Tính như con kén, như cái trứng. Trứng được ấp rồi mới nở con, kén đợi ươm rồi mới thành tơ, Tính được dạy rồi mới thiện, thế gọi là Chân Thiện. Trời sinh ra dân, cho cái Tính có thiện chất, mà chưa có thể thiện được, rồi vì dân mà lập ra vua để làm cho thiện, ấy là ý Trời vậy. (5)

Ông còn viết: “Con người sinh ra chưa phải là con người, vì con người thời hoàn toàn như Trời vậy. Người mà làm người thời gốc ở Trời. Trời là Cụ, Ông, Cha của người vậy. (6)

Thế tức là, khi sinh ra, con người mới chỉ có khả năng để trở nên toàn thiện, chứ chưa phải là đã hoàn thiện, Con người còn cần phải dùng thời gian, hoàn cảnh, cần tốn công phu tu luyện, rồi ra mới trở nên toàn thiện được. Cho nên Sinh chưa đủ, còn cần phải Thành nữa, mới được vẹn toàn. Vì thế, đối với Thánh Hiền, người ta vừa mừng ngày Đản Sinh, vừa mừng ngày Thành Đạo. Hiểu như thế, nên khi bình về các số Sinh (1, 2, 3, 4, 5), và các số Thành (6, 7, 8, 9, 10) trong Hà Đồ, tôi đã làm mấy vần thơ sau:

Sinh, Thành dùng số nói lên,
Lẽ Trời sau trước nói liền huyền linh.
Âm Dương khi đã phân trình,
Nếu không kết cấu sao thành hóa cơ?

Âm Dương nếu những hững hờ,
Trời, Người xa cách bao giờ có hay ?
Lẽ Trời cảm ứng xưa nay,
Muôn phương hoà hợp, phơi bày tình anh,
Có Sinh nhưng cũng có Thành,
Không tu, hồ dễ Trời dành phẩm tiên?
Mới Sinh, như gốm chưa men,
Như vàng chưa luyện, như duyên chưa Thành.
Cho nên phải tập, phải tành,
Phải trau, phải chuốt, tình anh mới toàn...
Đã sinh ra ở trần hoàn,
Phải dùng thời thế Trời ban cho mình,
Lao lung rồi mới hiển vinh,
Chớ đừng để mặc thế tình đẩy đưa...

B- Phương pháp tu thân.

1- Lập chí.

Muốn tu thân, phải lập chí.

Theo Nho Gia chân chính, lập chí là thực tâm ước nguyện, là đốc chí học hành, quyết tâm tu tập để trở thành Thánh Hiền.

Học để biết phương pháp tu luyện.

Hành để mà chỉnh trang tâm hồn, cải thiện tâm hồn.

Nhiều bậc đại Nho, sau khi đã đỗ đạt cao, đã bỏ hẳn cái học cầu danh, tranh lợi, mà theo đòi cái lối học để tìm cầu Đạo lý, trở thành Thánh hiền.

Chu Hi (1130-1200), một danh Nho đời Tống, đỗ Tiến sĩ năm 18 tuổi, ra làm quan được ít lâu, bỏ về. Năm 28 tuổi, nghe tiếng Lý Đổng, một danh nho thụ đắc được đạo lý chính truyền Nho Giáo, ông bèn đi bộ mấy trăm cây số đến xin thụ giáo, và Ông đã theo học Trung Dung với Lý đổng trong vòng 5 năm, cho tới khi Lý Đổng mãn phần.

Chu Hi viết: “Người đời nay, tham lợi lộc, mà không tham Đạo lý, muốn làm người quý mà không muốn làm người tốt, đó là cái bệnh ở sự không lập chí.” (7)

Lục Tượng Sơn (1139-1192), một danh Nho đời Tống, cũng cho rằng “Chỉ có những bậc thiên tư đỉnh ngộ, thấy rõ Đạo lý, mới quyết chí về đường tu dưỡng, còn ngoại giả chỉ là đua theo thói đời, mượn tiếng Thánh Hiền, vậy cái danh thì có, cái thực thì không.” (8)

Gương lập chí sáng tỏ nhất để thành Thánh Hiền, ta thấy được nơi Vương Dương Minh (1472-1528), một danh nho thời Minh.

Vương Dương Minh, thuở nhỏ thông minh lạ thường, ở nhà nghe tổ phụ là Trúc Hiên Công đọc sách. Nghe đến đâu, nhớ đến đấy. Năm 11 tuổi đi học, một hôm hỏi ông Thầy rằng: “Ở đời việc gì là hơn cả? “Thầy nói rằng: “Chỉ có học rồi thi đỗ là hơn cả”. Ông không chịu và nói rằng: “Chỉ có học để thành Thánh hiền là hơn.” (9)

Và từ đấy cho đấy cho đến lớn, ông tha thiết suy tư, học hành, tầm sư, cầu Đạo. Năm 17 tuổi, cưới vợ, là con gái quan tham nghị Chư Dương Hoà.

Ngay hôm sắp làm lễ hợp cẩn, ông đi chơi đến Thiết Trụ Cung, thấy một Đạo sĩ đang ngồi tu luyện. Ông vào nghe nói về thuyết Trường sanh, rồi ngồi đối thoại với Đạo sĩ ấy suốt đêm, quên cả việc đi cưới vợ.

Năm 28 tuổi, Ông đỗ Tiến Sĩ, rồi ra làm quan, nhưng mà vẫn vẫn vợ nuốn xuất gia. Ông chê lối học từ chương của các bè bạn đương thời. Ông học Phật, học Lão, học Nho, để cố tìm cho ra con đường tiến tới Thánh Hiền. Mãi tới năm 34 tuổi khi bị triều đình đày ra Long Trường, một vùng hoang vu, man mợi, một hôm nửa đêm ông mới chợt tỉnh ngộ ra cái nghĩa “Cách Vật Trí Tri” của Đại Học, và nhận chân được rõ ràng rằng Đạo chẳng ngoài Tâm và Lương tri tức là Đạo, là Trời.

Từ đấy Ông mới sáng lập ra được một học thuyết riêng biệt và chủ trương Trí Lương Tri, để đưa người vào đường Thánh Học. Ta thấy một người như Vương Dương Minh mà cũng phải tốn nhiều năm tháng, nhiều công phu mới trở thành Thánh Hiền, mà mãi tới năm 34 tuổi, khi bị lao lung, đày ải, xa cách hẳn với

thế giới văn minh, xa cách hẳn với từ chương sách vở, ông mới tìm ra được ánh sáng Trời, chiếu rọi ở Tâm Linh. (10)

2- Học hỏi, suy tư.

Sau khi đã lập nguyện, lập chí, nhất định dùng cuộc đời mình để tu luyện và trở thành Thánh Hiền, các bậc danh Nho mới ra công học hỏi, suy tư.

Mà học hỏi suy tư lúc này là không còn là cái học để thêm kiến văn, kiến thức nữa, mà chính là để tìm lại Thiên Tâm, Thiên Tính, Bản Tâm, Bản Tính của mình.

Khảo về phép học của Nho Giáo, ta thấy có 2 đường lối:

- Một là tìm lẽ Nhất Quán ở ngoài Tâm.

- Hai là tìm lẽ Nhất Quán ở trong Tâm.

Tìm lẽ Nhất Quán ở ngoài Tâm, là cái học chi li, phiền tạp. Học theo lối đó sẽ hưởng ngoại, sẽ lệ thuộc ngoại cảnh, sách vở, sẽ thích nghị luận, biện bác. Đó là cái học “Cầu lấy biết để mà nói”.

Tìm lẽ Nhất Quán ở trong Tâm là cái học giản dị, nhưng bao quát. Nó cốt ở sự đơn giản, phác thực, tự chứng, tự nghiệm, tự đắc. Mục đích của sự học là “Cầu lấy biết để mà hành” mà tu cho tâm thần ngày thêm linh sáng.

Hai đường lối học hỏi trên, tuy cao thấp khác nhau, nhưng thực ra bổ khuyết lẫn cho nhau. Và thường thì ai cũng phải đọc sách trước, rồi mới “quán tâm” được.

Tóm lại, học hỏi cốt là “Cùng lý, trí tri”.

Trình Tử bàn về cách học hỏi suy tư để tìm cầu cho ra nghĩa lý như sau:

“Cùng lý cũng có nhiều cách: hoặc đọc sách để giảng minh nghĩa lý, hoặc nghị luận nhân vật xưa nay để biện biệt điều phải trái, hoặc ứng tiếp sự vật mà thuận lẽ đương nhiên.” (11)

Trình Tử còn cho rằng: “Không suy nghĩ chín chắn, không thể đến được cõi Đạo lý. “Không suy nghĩ chín chắn mà đắc Đạo ,

thì sự đắc Đạo ấy cũng dễ mất” và “Tư lự lâu ngày, sự minh tuệ tự nhiên sinh ra.”(12)

Ông cũng hiểu rằng: điều sở đắc của người học Đạo phần nhiều do ở trực giác hơn ở sách vở và thầy bạn. Cho nên Ông ta thường nói: “Đại phạm học vấn, do sự nghe biết, đều không thể gọi là tự đắc. Muốn tự đắc phải mặc thức, tâm thông... Nghe thấy mà biết không phải là sự hiểu biết của đức tính. Sự hiểu biết của đức tính không mượn ở kiến văn.” (13)

Nói thế, tức là “Học Đạo phải tuần tự, trước sau, có gần, có xa, có thấp, có cao, có dễ, có khó, không thể nhất đán đã lĩnh hội được Đạo thể. Người mới bắt đầu học Đạo, mà muốn được “Mặc thức Tâm thông” ngay, cũng chẳng khác gì kẻ muốn đứng trên đỉnh núi, nhưng không muốn leo núi, muốn ở bên kia sông, mà chẳng vượt sông: chỉ là những chuyện hão huyền, không thể nào thực hiện được.” (14)

Trên đây, nói rằng học hỏi, suy tư để tìm ra lẽ “Nhất quán” của Trời Đất, để “Cùng lý, tận tính”. Thay vì dùng những danh từ văn chương hoa dạng ấy, ta có thể nói nôm na như sau:

Người xưa học hỏi để tìm cho ra Lẽ Một chi phối hoàn vũ.

- Ở vũ trụ bên ngoài, thì Lẽ Một hay Trời sinh xuất ra vạn tượng, vạn hữu.

- Ở vũ trụ bên trong Tâm thần ta, thì Lẽ Một hay Trời sinh xuất ra vạn tình, vạn niệm .

Cho nên, tìm ra được Lẽ Một ấy nơi Tâm, tức là tìm ra được phần linh thiêng nhất của Tâm thần chúng ta.

Cái phần linh thiêng nhất ấy Nho gia xưa gọi là Tính, là Mệnh, là Minh Đức, là Trung, là Đạo, là Thiên Lý...

Nhưng nói cho nôm na hơn, cho cụ thể hơn, thì cái phần Linh Thiêng ấy chính là Lương Tâm của mỗi người chúng ta.

Tôi nhận định rằng, nếu chúng ta cứ dùng những chữ như Thiên Tính, Thiên Lý, Minh Đức, ta sẽ thấy phần Linh Thiêng ấy trở

nên xa vời với chúng ta, và rất khó lĩnh hội được, y thức như khi ta dùng những danh từ Chân Như, Phật Tánh hay Bản Lai Diện Mục của Đạo Phật.

Cho nên, từ lâu, để giản dị hoá vấn đề, tôi đã chủ trương như Vương Dương Minh:

Học là để tìm lại Lương Tâm,
Tu là để sống theo đúng Lương Tâm.

Wang Yang Ming cho rằng: Lương Tâm hay Lương Tri cũng chính là Đạo, là Trời. Ông viết: “Cái Bản Thể của Tâm là Thiên Lý, cái chiếu minh linh giác của Thiên Lý gọi là Lương Tri.” (15) “Tâm tức là Đạo, Đạo tức là Trời. Biết Tâm thì biết Đạo, biết Trời.”

Ông còn nói:

Thiên thánh giai quá ảnh,
Lương tri nãi ngô sư.

Tạm dịch:

Thần Thánh ngàn xưa đều quá vắng,
Lương tri mới thực chính Thầy ta.

Ông cũng còn làm bài thơ sau:

Lương tri tự thị độc tri thì,
Thử tri chi ngoại cánh vô tri.
Nhân nhân đô hữu lương tri tại,
Tri đắc lương tri khước thị thùy? (16)

Tạm dịch:

Lương tri thấy được lúc độc tri,
Ngoài biết ấy ra há biết gì?
Ai mà chẳng có lương tri sẵn?
Hồ dễ mấy ai biết lương tri?

Tìm ra được Lương Tâm, Lương Tri rồi, chúng ta sẽ nhận thấy rõ

ràng rằng: Ở nơi mỗi một con người, chúng ta ai cũng có hai phần khác biệt sau đây:

- Lương Tâm.
- Tư Tâm.

Và chúng ta sẽ suy ra một cách dễ dàng rằng: Tư tâm mỗi người chúng ta hết sức khác nhau; tư Tâm người da vàng khác tư Tâm người da đỏ, người da đen và người da trắng. Tư Tâm người bây giờ khác tư Tâm người xưa.

Nhưng Lương Tâm chúng ta đều giống nhau. Lương Tâm da vàng, da đen, da trắng là một. Lương Tâm người xưa và nay là một. Lương Tâm ta và lương tâm Phật Thánh xưa nay là một.

Như vậy, chúng ta khác Thánh, Hiền, Tiên, Phật ở chỗ nào? Thưa chính là ở điểm này:

- Tư Tâm và Lương Tâm Phật, Thánh hoàn toàn giống nhau. Ở nơi các Ngài, tư tâm đã hoàn toàn biến thành Lương Tâm.

- Còn ở nơi chúng ta, thì Tư Tâm và Lương Tâm khác nhau như trời vực, như ngày với đêm, như nóng với lạnh, như nước với lửa. Ở nơi chúng ta, thì tư Tâm và Lương Tâm thường cãi vã nhau, chống đối nhau như Ông nói gà thì Bà nói vịt, y như trống đánh xuôi mà kèn thì thổi ngược vậy.

Như vậy ở nơi phàm phu tục tử thì Lương Tâm đã bị tư Tâm làm khuất lấp, y như một bầu trời vân vũ dày đặc, làm cho mất ánh dương quang. Họ y như là những người đã ký giấy cho Lương Tâm nghỉ dài hạn, để tha hồ tác yêu, tác quái.

Tư Tâm họ có thể ví như những máy vô tuyến truyền hình đã hỏng hết bóng đèn, không còn bắt được những tiếng nói và những hình ảnh từ trung tâm truyền hình Lương Tâm phát đi. Họ là những người đã chẳng ít, thì nhiều đã làm mất lương tâm, đã tán tận Lương Tâm.

Chính vì thế mà Mạnh Tử khuyên ta đi tìm Lương Tâm đã thất lạc về: Học vấn chi đạo vô tha: Cầu kỳ phóng Tâm nhi dĩ hĩ.

(17)

Triết nhân là những người trông thấy rõ hai phần tách biệt trong con người: Một bên là Lương Tâm, là Bản thể con người, là khuôn vàng, thước ngọc Trời ban cho con người. Một bên là tư Tâm, còn đầy ám hôn, khiếm khuyết, cần phải được khai quang và cải thiện.

-Thánh hiền đặc Đạo là những người tư Tâm chẳng còn, niềm tây đã hết, chỉ còn thuần có Lương Tâm, thuần có Thiên Lý hoạt động bên trong.

Cho nên, trong chương trình cầu học của Nho gia, cái điều quan trọng nhất là tìm lại được Lương Tâm cho mình và cho người.

Mạnh Tử viết: “Nhân là Lương Tâm con người, nghĩa là con đường chính đạo của người. Những ai bỏ con đường chính đạo của mình mà chẳng theo, những kẻ để thất lạc lương tâm mình mà chẳng biết tìm nó lại, thật đáng thương hại thay! Mỗi khi con gà, con chó của họ chạy lạc, thì họ biết đi kiếm mà đem về. Nhưng tới chừng cái Lương Tâm của họ thất lạc, thì họ chẳng biết cách tìm nó trở lại. Người học vấn đạo lý chỉ có cái mục đích này mà thôi: tìm cái lương tâm thất lạc của mình.” (18)

Hồ Hoàng (?-1163, một danh Nho đời Tống cũng nói: ”Đạo sẵn trong Tâm người ta, suy ra thì rất tốt lành. Nhưng khốn nạn vì Tâm bị phóng mà chẳng biết cầu lại mà thôi. Tai nghe, mắt thấy, làm che lấp được mình; cha con vợ chồng làm lụy được mình; y cầu ẩm thực làm say mê được mình. Đã mất bản Tâm của mình rồi, còn dám nói rằng ta có biết, đau đớn thiệt.” (19).

Vương Dương Minh (1472- 1528) chủ trương đại khái như sau:

Sao lo lắng, lo suốt ngày, suốt buổi?
Sao học hành, bàn cãi mãi làm chi?
Bao nghi nan, mâu thuẫn của vấn đề,
Dùng trực giác, sẽ phá tan trong chốc lát.
Lòng người có chỉ nam từ sơ phát
Trong lòng người đã sẵn sẵn đấng muôn trùng,

Có mọi sự trong kho báu đáy lòng,
Sao ta vẫn ăn xin từng cửa ngõ? (20)

3- Cư kính: Kính sợ Trời như thể có Trời ẩn áo giáng lâm.

Khi đã tìm ra được Bản Tâm, Bản Tính, đã trực diện được với Lương Tâm, đã hiểu được rằng Lương Tâm là Đạo, là Trời, lúc đó người quân tử sẽ trở nên trang kính.

Sự trang kính ấy, tùy từng giai đoạn, sẽ có thể là:

- Kính sợ Trời như thể có Trời ẩn áo, giáng lâm.
- Kính sợ Trời tiềm ẩn đáy lòng.
- Tự trọng vì nhận ra nơi mình cũng có Bản Thể Thần Minh, y thức như ở nơi thánh hiền kim cổ.
- Trọng người vì nhận ra được rằng người cũng có bản thể Thần Minh như mình.

Có kính, có trang kính, con người mới dễ dàng tu sửa tâm hồn cho nên hẩn hoi, ngay ngắn.

Chính vì thế mà Kinh Thi mới viết:

Chái Tây Bắc, góc nhà thanh vắng,
Đừng làm chi đáng để hổ người,
Đừng rằng tằm tối chơi với
Đừng rằng tằm tối ai người thấy ta.
Thần giáng lâm, ai mà hay biết,
Nên dám đâu, khinh miệt để người? (21)

Trung Dung cũng viết:

Bản Tính cũng chính là Thiên Mệnh,
Đạo là noi theo tính Bản Nhiên,
Giáo là cách giữ Đạo nẹn,
Đạo Trời sau trước vẫn liền với ta.
Rời ta được, đâu là đạo nữa,
Thế cho nên, quân tử giữ gìn,
E dè cái mắt không nhìn,

Tai nghe không nổi cho nên hãi hùng.
Càng ẩn áo, lại càng hiện rõ,
Càng siêu vi, càng tỏ sáng nhiều.
Nên dù chiếc bóng tịch liêu,
Đã là quân tử chẳng siêu lòng vàng.(22)

Luận Ngữ viết:

“Ra khỏi nhà thì như đón khách quý,
Đối với dân, thì trang nghiêm như cử hành đại lễ” (23)
Quan niệm kính Trời của Nho Gia sau này cũng đã được du nhập vào các tiểu thuyết Trung Hoa.
Đọc bộ Thuận Trị quá giang, ta thấy ngay ở hồi đầu có câu:
Nhân gian tư ngữ, Thiên văn như lời,
Ám thất, khuy tâm, thần mục như điện. (24)

Tạm dịch:

Nhân gian thâm thĩ với nhau,
Trời nghe tỏ rõ, tưởng đâu sấm rền.
Lòng riêng, buồng kín tối đen,
Mắt Thần soi tỏ, như in chớp lòn.

Truyện Phán Đường kể tích truyện sau:

Địch Nhân Kiệt, trên đường lai kinh ứng thí, đến huyện Lâm Thanh vào quán trọ nghỉ ngơi. Đêm đến, có một quả phụ xinh đẹp, đến gặp Ông trong phòng ngủ, tố tụng tình, nài ép chuyện trăng hoa. Địch Nhân Kiệt, mới đầu cũng động tình, vì thấy nàng nọ nhan sắc diễm kiều, lại ăn nói mặn mà duyên dáng, nhưng sau Ông chợt nghĩ đến câu Hoàng Thiên bất khả khi, nghĩa là không thể lừa dối Trời được, nên Ông đã làm một bài thơ khẳng khái cự tuyệt.

Ngày hôm sau, ở Kinh sư, vua Đường Thái Tôn hỏi Quân sư là Lý Thuần Phong xem kỳ này ai sẽ đỗ Trạng Nguyên. Lý Thuần Phong về trai giới, rồi thiếp đi, lên Thiên đình xem bảng Trời.

Khi hoàn hồn, Ông tâu cho vua biết: Trên bảng Trời có 6 chữ: (triết tự) là chữ Địch và chữ Kiệt, và bên cạnh bảng có một lá

cờ, có ghi một bài thơ Tứ tuyệt. Ông chép lại bài thơ ấy dâng lên Vua. Vua đem niêm phong, cất đi, để chờ ứng nghiệm.

Đến khi Dịch đỗ Trạng Nguyên vào triều kiến, vua Đường Thái Tôn mới vỡ lẽ ra rằng sáu chữ mà Lý Thuần Phong chép trên bảng Trời bữa trước, chính là tên của Dịch Nhân Kiệt viết theo lối triết tự, còn bài thơ Tứ tuyệt chính là bài thơ mà Dịch Nhân Kiệt đã làm trong quán vắng đêm nọ, để cự tuyệt với quả phụ kia. Vua tôi đều thất kinh. Mới hay đúng là Hoàng Thiên bất khả khi vậy. (25)

4- Theo tiếng Lương Tâm cải hoá tư Tâm.

Sau khi đã nắm chắc được rằng: Lương Tâm con người là Bản Tính, là Đạo, là Trời, là Thái Hư, là Thiên Địa Chi Tính, là gương mẫu hoàn thiện; còn Tư Tâm Khí Chất chi Tính, có thanh, có trọc khác nhau, có hay, có dở khác nhau, Nho Gia liền gia công: Noi theo Lương Tâm, cải hoá Tư Tâm.

Công phu này Nho gia gọi là Chính Tâm: Làm cho Tâm Hồn trở nên ngay thẳng, hay là Hàm Dưỡng, hay là Tồn Tâm Dưỡng Tính. Chung qui chỉ là biến hoá cái “Khí Chất chi Tính” theo từ ngữ của Trương Hoàn Cừ.

Biết biến hoá cái khí chất chi tính, biết cải hoá cái Tâm của mình, tức là biết áp dụng lẽ Dịch vào phương pháp tu thân vậy. Mà Dịch dạy chúng ta những gì?

Dịch dạy chúng ta:

- Hãy rũ bỏ những gì tư tà.
- Hãy hoành dương những gì công chính.
- Hãy bỏ nơi ti tiện mà vươn lên cho tới chỗ thanh cao.
- Hãy từ bỏ sự tối tăm mà trở về với ánh sáng.
- Hãy tài bồi những gì còn khuyết điểm để đi đến chỗ viên mãn.
- Hãy rũ bỏ tần phiến, mà trở về giản dị.
- Hãy tránh rối loạn mà trở về sống trong qui tắc, trong trật tự...

Áp dụng những lẽ Dịch trên vào công cuộc tu thân, ta sẽ tìm ra được những đường lối, những tôn chỉ sau:

- Tâm ta dễ loạn động, phải biết giữ cho định tĩnh.
- Tâm ta dễ phá tán, cần phải biết thu nhiếp, biết tập trung.
- Tâm ta rất dễ bị ngoại vật làm cho hôn ám, cần phải giữ cho nó được thanh hư, quang sáng.
- Tâm ta thường khuy khuyết, phải lo tài bồi cho ngày một thêm viên mãn.
- Lương Tâm là công chính, là Thiên Lý hằng cửu, bất biến. Tư Tâm là tà nguy, là Nhân dục biến thiên. Vì vậy ta cần sống theo sự công chính, theo những định luật vĩnh cửu của Trời đất, và cố tránh những gì nhân vi, nhân tạo, biến thiên, chất chửơng.
- Hãy mở rộng tầm kích tâm hồn, cho nó ngày một thêm bao la rộng rãi, ngày một thêm khoan quảng hoà đồng. Tầm kích tâm hồn chúng ta phải là tầm kích vũ trụ.

Sau khi dùng Dịch Lý để tìm ra những Tôn chỉ có thể dùng làm kim chỉ nam cho công cuộc tu thân, ta sẽ tìm xem Nho gia bàn về Tu Thân, Chính Tâm ra sao?

Luận Ngữ chủ trương: Khắc kỷ, phục Lễ. Thế tức là con người phải theo Thiên Lý mà sửa nhân tình, theo Lương Tâm mà sửa Tư Tâm. Nhu vậy là Nhân Đức.(26)

Công Đô Tử hỏi Mạnh Tử: “Cũng đều là người, nhưng tại sao có người thành Đại Nhân, có người hoá ra tiểu nhân? Mạnh tử đáp rằng:” Ai noi theo cái Đại thể của mình, thì là bậc Đại nhân; ai noi theo cái Tiểu thể của mình, thì là kẻ Tiểu nhân.” (27)

Đối với Mạnh Tử, thì ngũ quan là phần Tiểu thể, còn tâm hồn là phần Đại thể. Cái bụng, cái miệng là phần Tiểu thể, còn cái phần tinh thần là phần Đại thể. (28)

Mạnh Tử cũng còn nói rằng: “Cây cối trên núi Ngưu Sơn (Về phía Đông Nam nước Tề) ngày xưa vẫn tốt tươi. Nhưng vì ở vào một chỗ giáp nối với một nước lớn, cho nên thường bị búa rìu (của những kẻ tiểu phu) bửa đốn. Như vậy có thể nào giữ vẻ tốt

tươi được chăng?

Nhưng nhờ còn sức mạnh nhựa lưu thông ngày đêm, lại được mưa sương tắm nhuận, cho nên mới đâm chồi, nảy mộng, rồi thì bò chiên kéo nhau từng đoàn đến ăn phá, vì vậy mà cảnh núi ấy trở nên trơ trụi, ai cũng ngỡ là núi ấy chưa từng sản xuất tài mộc (tức là những cây to lớn dùng trong việc kiến trúc). Như thế, há nên đổ lỗi cho bản tính của núi hay sao?

Cái Bản Tính tồn tại nơi người cũng thế. Người ta há chẳng có nỗi lòng Nhân nghĩa sao? Nhưng vì họ “Mê sa theo cái sở dục” mà buông mất tấm lòng lương thiện của họ đi, cũng như cảnh núi trở nên trơ trụi, vì cây cối bị búa rìu bửa đốn hết vậy. Mỗi ngày, họ cứ sát phạt tấm lòng Nhân Nghĩa của họ mãi, thì lòng dạ họ có thể nào tốt đẹp như xưa chăng?

Tuy vậy, cái sức lành từ nơi Bản Tính của họ vẫn còn sanh nảy ngày đêm. Cái khí lực ấy thật chẳng bao nhiêu, nhưng vào buổi sáng sớm, nó có thể phát sinh ra lòng thương ghét một cách phải thế gần giống với lòng người lương thiện. Rồi từ sáng cho đến chiều, trong mọi hành vi, cử chỉ của họ, họ lại ngăn bít và bỏ phế lòng lành rất yếu ớt của họ nữa. Ngày này, tháng kia, năm nọ, họ vẫn cứ ngăn bít và bỏ phế như vậy mãi, rồi ra cái khí lực về đêm chẳng còn đủ sức bảo tồn cho cái lòng lương thiện của họ khỏi tiêu ma.

Khi mà cái khí lực về đêm chẳng còn đủ sức bảo tồn cho cái lòng lương thiện họ khỏi tiêu ma, bấy giờ họ chẳng khác loại cầm thú bao nhiêu vậy. Thấy họ chẳng khác gì cầm thú, ai nấy đều ngỡ rằng họ chưa từng có những thiên tài. Như vậy, há nên đổ lỗi cho chân tình, thật tính của họ sao?

Cho nên nếu khéo bồi dưỡng, thì vật nào cũng sanh nảy thêm ra; còn như chẳng chịu bồi dưỡng thì vật vào cũng phải tiêu mòn.” (29)

Trương Hoàn Cừ (1020-1077) cho rằng: “Con người sở dĩ

không đem Tâm hợp với Thái Hư được là vì để cho cái tính khí chất nó sai khiến. Vậy nên học giả phải lấy sự biến hoá Khí chất làm mục đích cho sự học của mình”. Muốn biến hoá được cái khí chất, thì trước hết phải có chí... (30)

Đông Lai, Lữ Tổ Khiêm (1113-1181) ví sự tu thân như là cách chữa bệnh. Người mắc bệnh phải tìm cho rõ bệnh căn để chữa mới lành. Kẻ học Đạo phải tìm cho thấy những nhược điểm của mình, để tài bồi, mới được tấn ích. Vậy nên đối với Đông Lai, người muốn theo học Thánh hiền, trước hết phải dùng công phu ở sự biến hoá khí chất của mình. Kẻ nào nhu nọa, phải tập cho được cương cường, kẻ nóng nảy, phải nên tập cho khoan hoà. Cứ tìm chỗ thiên lệch mà dụng lực. (31)

Theo Thượng Thái (1950-1103), thì Thiên Lý và Nhân dục là hai lẽ tương đối; người ta có một phần Nhân dục là mất một phần Thiên Lý. Có một phần Thiên Lý tức là thắng được một phần Nhân dục. Khi người ta đã trừ bỏ được tất cả dục vọng ở trong lòng, thì phần còn lại tức là Thiên Lý. Bởi vậy, đối với Thượng Thái, kẻ học Đạo muốn được giác ngộ, không cần phải tìm những điều xa xôi, hư phí, chỉ biết khắc kỷ phục Lễ, để giữ toàn Thiên Lý là đủ. (32)

Luận về phương diện tu thân, **Lục Tượng Sơn (1139- 1192)** đưa ra 4 cương lĩnh: Lập chí, Tiến học, Tri bản và Thu thập tinh thần.

- Lập chí, Tiến học trên đây ta đã bàn tới rồi.

-Tri bản là hiểu cho được Bản Thể của Tâm, rồi cố dùng công phu để trừ bỏ điều tư dục, cho Tâm trở nên trong trệch thanh minh.

- Sau khi Tri Bản, học giả nên tiến thêm một bước nữa là Thu Thập Tinh Thần.

Tượng Sơn bảo rằng: “Thu được tinh thần ở trong đáng trác ẩn thì trác ẩn, đáng tu ố thì tu ố, ai khi được người? ai đối được người? Phương pháp Thu Thập Tinh Thần của Tượng Sơn là ngồi thẳng, chấp tay, tự làm Chủ tể, tức muôn vật đều có đủ ở thân. Tượng Sơn thường dạy học giả nên tĩnh tọa, để tổn bản

tâm, không cần lời biện thuyết vô ích. (33)

5- Phương pháp kiểm chứng.

Trong công cuộc tu thân, cần phải biết xét mình, biết kiểm thảo, kiểm chứng.

Tăng Tử xưa đạ lấy sự xét mình làm trọng. Ông nói: “Hằng ngày ta hãy xét mình về 3 điều này:

- Làm việc cho ai, ta có hết lòng chẳng?
- Kết giao với bằng hữu, ta có thành tín chẳng?
- Đạo lý do Thầy ta truyền dạy, ta có học tập chẳng? (34)

Luận Ngữ cho ta phương pháp kiểm chứng như sau:

- Người Trí không lầm.
- Người Nhân không buồn,
- Người Dũng không sợ. (35)

Luận Ngữ còn thêm rằng:

“Nếu xét mình mà chẳng thấy điều gì lầm lỗi, thì việc gì mà buồn, mà sợ? (36)

Trung Dung, Đại Học, Mạnh Tử đều cho rằng: “Có đức độ bên trong, thì sẽ biểu lộ ra bên ngoài”.

Trung Dung viết: “Hoàn thiện rồi sẽ hiện ra ngoài hình sắc.” (37)

Đại học cho rằng:

“Giàu thời nhà cửa khang trang,
Đức thời thân thể khang an, rạng ngời,
Lòng mà khoan quảng hẳn hoi,
Rồi ra sẽ thấy tốt tươi hình hài.” (38)

Mạnh Tử cho rằng:

“Người quân tử lập chí ở Đạo, nếu chưa thấy phát huy được Đạo ra bên ngoài, thì chưa đạt Đạo.” (39)

Như vậy, theo Nho giáo, nếu một người mệnh danh là tu mà lời

ăn, tiếng nói còn thô lỗ, cục cằn; cách đi, điệu đứng còn tất tưởi, ám hôn; cốt cách còn phàm phu, ti tiện, chưa được trang nhã, cao siêu; tinh thần còn ám hôn, bì quyện, chưa được quang minh, thanh sảng; thì chắc chắn tâm hồn người ấy chưa đẹp đẽ là bao nhiêu, kết quả tu trì của người ấy hãy còn ít ỏi, chưa đáng kể.

C- Mục đích Tu thân theo Nho Giáo.

Theo Nho giáo, tu thân không phải để Trị quốc, Bình thiên hạ không mà thôi, mà còn là để trở thành Thánh hiền.

Nho giáo không muốn cho con người dừng lại nửa chừng trên con đường tu Đạo, tinh tiến, vì thế mà Đại Học chỉ cho con người ngừng lại sau khi đã tiến tới mức hoàn thiện.

Trong bài bình giải Chương I, Trung Dung, Chu Hi đã cho thấy rằng tất cả công phu tu thân, dưỡng, tồn, tĩnh, sát, của người chính nhân quân tử đều có mục đích đưa tới chỗ “Thánh Thần công hoá chi cực”

Thánh nhân theo Nho giáo là mẫu người lý tưởng của nhân loại, là những người thông minh, duệ trí phi phàm, là những người đã thể hiện được sự toàn thiện.

Chu Hi đã bình luận về Thánh Nhân như sau:

“Thánh Nhân có một đời sống hoàn toàn phù hợp với Thiên Lý. Có thể nói được Thánh nhân có thể được mệnh danh là “Thành”, vì đã sống một cuộc đời hoàn toàn phù hợp với tính Bản Nhiên, với Thiên Lý, và vì vậy, đã hợp được với Trời đất, đã sánh được với Trời đất.”

Chu Liêm Khê (Chu Đôn Di 1017-1073), một đại danh Nho đời Tống, đã làm sống động lại Nho học, và chính là người đứng đầu Chu Nho thời Tống, cho rằng “chữ Thành đồng nghĩa với chữ Thái Cực, chữ Lý”. Thái Cực hay Lý ấy, bất kỳ ai cũng có, nhưng khi Thái Cực hay Lý đã lồng vào hình hài, khí chất không tinh tuyền, thì ảnh hưởng sẽ bị giới hạn lại.

Chỉ có Thánh Nhân sống theo Tính Bản Thiện của mình, nên

thần trí người nhận định được hằng tính của mỗi vật, mỗi sự; ý chí người hướng về Chân, Thiện, Mỹ không chút khó khăn và sống trong đường Nhân, nẻo Đức, trong trật tự, trong bốn phận, không chút chi vấp vả...

Thánh Nhân sở dĩ có cái nhìn tinh tế, thấu triệt vì lòng không bợn tư tà, dục vọng, cho nên mới nhìn thấu đáo được những điều tinh vi, huyền diệu.

Thánh Nhân không bị dục tình quấy nhiễu, nên lúc nào cũng ung dung, thanh thản. Thiên Lý, Thiên Đạo được thể hiện nơi Ngài một cách sáng tỏ, để soi đường dẫn lối cho kẻ khác. Ảnh hưởng của Thánh Nhân thực là vô biên, như ảnh hưởng của Trời.

Chu Hi nói: “Cũng như xem bốn mùa vẫn xoay, xem vạn vật sinh hoá, thì biết được Thiên Lý biến dịch ở khắp nơi, mà chẳng cần Trời phải nói lên lời. Ở nơi Thánh Nhân cũng vậy, động hay tĩnh, nhất nhất đều khả minh Nguyên lý huyền diệu: sự hoàn thiện, tinh tuyền sẵn có nơi người.”

Và Chu Hi kết luận bằng những lời hào hứng như sau: “Thánh Nhân là hiện thân của Trời.”(40)

Trung Dung có rất nhiều Chương nói về Thánh Nhân. Ví dụ, nơi Chương XXXII, Trung Dung viết:

Chỉ những Đấng chí Thánh trong thiên hạ,
Mới có thể vì đời sang sửa đại kinh.
Mới có thể xây căn bản cho xã hội quần sinh,
Mới thấy rõ luật Đất trời sinh hoá,
Những bậc ấy hết cần nương tựa,
Trí tuệ Ngài thâm uyên,
Tâm hồn Ngài mang nhiên,
Nên trừ phi bậc thông minh duệ trí,
Trừ những ai đạt đức Trời tuyệt mỹ,
Ai là người hiểu được khúc nôi?

Dịch Kinh bình luận về Thánh Nhân như sau:

Đại nhân đức hạnh bao la,
Như Trời, như đất, bao la khôn cùng.
Sáng như nhật nguyệt hai vừng,
Sống đời tiết tấu, hợp khung bốn mùa.
Những điều lành dữ, ghét ưa,
Quỉ thần đường lối, đem so khác nào.
Trước Trời, Trời chẳng trách đâu,
Sau Trời, cho hợp cơ màu thời gian.
Trời không trách cứ, phàn nàn,
Thời người còn dám than van nỗi gì?
Trời, người chẳng trách, chẳng chê,
Quỉ thần âu cũng chẳng hề oán than. (41)

TỔNG KẾT.

Để thu tóm lại quan niệm về Tu Thân của Nho Gia, ta có thể mượn lại lời lẽ giản dị của Trung Dung và của Mạnh Tử.

Trung Dung, Chương XX viết:

“Muốn thông thái không ngoài học vấn,
Muốn tu thân, phải gắng công lao.
Muốn nên hùng dũng, anh hào,
Hai câu liêm sỉ ghi vào thâm tâm,
TRÍ, NHÂN, DŨNG tu thân ấy Lý,
Biết Tu Thân ắt trị nổi người,
Trị người hiểu biết khúc nôi,
Con thuyền thiên hạ âu tài đẩy đưa.”

Trung Dung, Chương XI viết:

“Tìm bí ẩn làm điều quái dị,
Cốt mong cho hậu thế người khen,
(Xá chi chuyện ấy nhỏ nhen,)
Đã là quân tử chẳng thêm quan tâm,
(Làm trai quyết chí tu thân,
Đường đường quân tử ta tuân Đạo Trời.
Giữa đường dứt gánh, trở lui,
Bán đồ nhi phế có đời nào đâu.

Trung Dung quân tử trước sau,
Dẫu không tâm tiếng không râu lòng ai.
Thánh nhân ấy Thánh nhân rồi.”

Mạnh Tử viết trong thiên Tận Tân, Chương Cú thượng:

“Thấu triệt lòng sẽ hay biết Tính,
Hay biết Tính, nhất định biết Trời.
Tồn Tâm, dưỡng Tính chẳng rời,
Thế là giữ Đạo thờ Trời chẳng sai.
Yếu hay thọ không thay lòng dạ,
Cứ tu thân một thửa đợi Ngài,
Đó là theo đúng mệnh Trời...
Mệnh Trời đó chớ rời gang tấc,
Theo ý Trời, ta chắc không sai.
Cho nên kẻ biết Mệnh Trời,
Tường long, vách lở là nơi chẳng gân.
Sống trọn Đạo đến cùng rồi chết,
Thế là theo đúng hết mệnh Trời.
Gông cùm chết uổng một đời,
Thế đâu phải chính ý Trời muốn đâu?
Muốn có Ngài tìm cầu sẽ có,
Muốn mất Ngài, cứ bỏ Ngài đi.
Những điều lợi ích, tinh vi,
Lòng ta, ta kiếm, ta đi ta tìm.
Tìm cầu Ngài, ta liền có Đạo,
Có được Ngài, trọn hảo Mệnh Trời.
Tìm điều vật chất bên ngoài,
Ngoài mình tìm kiếm sẽ hoài mất công.
Cả vạn vật ở trong ta đó,
Quay về ta, ta cố tinh thành,
Kiện toàn hoàn thiện tinh anh,
Vui nào hơn được vui mình đương vui...
Cố đối với mọi người tử tế,
Muốn tìm Nhân ấy thế là Nhân,
Vẫn mang Ngài mà thân chẳng hiển,
Vì quá quen nên khiến chẳng suy.

Suốt đời Ngài độ ta đi,
Nhưng mà dung tục biết chi Đạo Ngài...

Nói giản dị, vấn tắt hơn, ta thấy rằng Đạo Nho chỉ dạy con người “Khử nhân dục, tồn Thiên Lý”

Mà khử nhân dục là:

- Đừng bao giờ làm điều tà khuất.
- Đừng bao giờ suy niệm những điều tà khuất.
- Đừng bao giờ hại mình, hại người.
- Đừng làm gì đến nỗi phải che dấu, đậy điếm.
- Đừng làm gì khiến cho mình phải phàn nàn, xấu hổ.

Mà tồn Thiên Lý là:

- Làm những điều quang minh, công chính, suy nghĩ những điều thanh tao, đẹp đẽ.
- Làm những điều ích mình, ích người.
- Làm những gì mình có thể làm được nơi thanh thiên, bạch nhật, mà mọi người có thể trông thấy, nghe thấy, mà mình không phải vì thế mà hối hận, phàn nàn.

Nói cho vấn tắt hơn nữa, ta thấy Nho Gia chỉ dạy con người “Sống theo đúng tiếng gọi của Lương Tâm”.

Giờ đây, chúng ta có thể dựa vào những tiêu chuẩn tu thân của Nho giáo, để kiểm điểm lại xem tại sao chúng ta chưa tiến được bao lăm trên đường Nhân, nẻo Đức.

Sở dĩ chúng ta không tiến hoá được mấy, là vì:

1- Chúng ta thiếu lập chí cho hẳn hoi. Chúng ta đã không có gan dám lập chí để nên Thánh hiền.

2- Chúng ta đã không dốc tâm cầu Đạo, không cố gắng học hỏi, suy tư hết mình.

Những người thế gian cầu công danh, lợi lộc, có thể học hành, có thể làm lụng suốt ngày đêm, đến quên ăn, quên ngủ, thế mà những con người cầu Đạo lại chưa hề đã say Đạo đến mức độ

quên ngủ, quên ăn để học hỏi, suy tư.

Chúng ta học hành phát phối, thì làm sao nắm được nghĩa lý sâu xa?

Chúng ta suy tư hời hợt, thì làm sao khai trí, phát huệ?

3- Chúng ta, chẳng nhiều, thì ít, đã đánh mất Bản Tâm, đã đánh rơi, đánh mất Lương Tâm, mà chẳng biết tìm nó lại.

Chúng ta có thể có một sự hiểu biết rất sâu rộng về các Đạo giáo, các triết thuyết, các phép tu, lối luyện Đông Tây. Ấy thế nhưng lại có một sự hiểu biết hết sức là nông cạn, hời hợt về con người, về bản thân chúng ta.

Chúng ta tưởng rằng Tâm ta chỉ toàn có những tình cảm vụn vặt, những niệm lự phù phiếm, những tình dục hư hèn, mà chẳng có gì là tinh hoa, cao đại. Chúng ta tưởng rằng bao nhiêu cái hay, cái đẹp mà ta hiện có trong tâm trí ta là của xã hội, của Đạo giáo bên ngoài đổ vào.

Chúng ta chỉ chú trọng đến những tiếng khen chê của thế nhân bên ngoài, mà không chú trọng đến lời khen chê của Thần Lương Tâm bên trong. Chúng ta lại cho rằng Lương Tâm chúng ta có thể sai lầm, còn những vị lãnh Đạo giáo, chính trị, xã hội bên ngoài của chúng ta, mới thần thông, quảng đại, không thể sai lầm.

Thế là mặc nhiên, chúng ta đã bị các tổ chức chính trị, xã hội, Đạo giáo bên ngoài moi móc mất Chân Tâm rồi, như vậy dù Trung Nghĩa như Tử Can, chúng ta làm sao mà sống đời, sống Đạo một cách đích thực được?

Chính vì đã đánh mất Chân Tâm, cho nên nhiều khi chúng ta trở nên vẩn vơ, phờ phạc, bần thần, hoang mang, ngơ ngác, u muội, đành lòng để cho ngoại cảnh cuốn lôi, như những chiếc lá khô trước cơn gió lốc.

Ví vậy, trong công trình tu Đạo, điều cần thiết là “phải tìm lại Lương Tâm”, làm hoà với Lương Tâm.

4- Chúng ta đã không sống gần Trời, sống với Trời. Chúng ta đã để cho Trời sống trên các tầng Trời cao thẳm, hay trong các Đền đài miếu mạo u linh, mà chẳng cho Trời sống trong đền thờ Tâm Hồn chúng ta. Và như vậy, chúng ta đã mất một người hướng dẫn chân thành nhất, sáng suốt nhất, tài năng nhất.

5- Chúng ta đã không biết đặt trọng tâm cải thiện Tâm tư mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút, mà coi Đạo giáo như là một cuộc hành xác phũ phàng, như là một cuộc mặc cả bán buôn, điều đình hơn thiệt giữa ta và Trời.

Tại sao chúng ta hằng ngày biết dọn nhà, dọn cửa, quét sân, quét sương, tại sao chúng ta hằng ngày biết tắm rửa, làm sạch, làm đẹp cho xác thân, mà lại quên chuyện chỉnh trang lại tâm hồn chúng ta? Sao chúng ta lại trọng xác mà khinh hồn như thế vậy?

Khảo lại quan niệm tu thân theo Nho gia, ta thấy nó rất trong sáng và giản dị. Các bậc Thánh hiền Nho Giáo trước sau chỉ khuyên chúng ta:

- Lập chí cho cao siêu, lập chí trở thành Thánh hiền.
- Sống theo Lương Tâm.
- Cố gắng cải thiện nội tâm.
- Cố gắng học hỏi, suy tư để tiến dần tới Chân, Thiện, Mỹ.

Ước gì quan niệm về tu thân theo Nho Giáo sẽ góp phần làm bùng cháy lên ngọn lửa Thiên Chân hiện còn đang âm ỉ, nhen nhúm trong lòng chúng ta và nhắc nhở chúng ta bốn phạm then chốt của cuộc đời, đó là cố gắng tu thân để tiến tới Chân, Thiện, Mỹ.

Ước gì chúng ta hết thấy tìm lại được Bản Tính Trời nơi ta.

Ước gì chúng ta luôn sống trực diện với Thiên Nhan.

Ước gì chúng ta luôn sống theo tiếng gọi Lương Tâm.

Ước gì chúng ta trở nên những hiện thân của Thượng Đế, nên những mẫu người lý tưởng, thể hiện được Chân, Thiện, Mỹ cho đến mức toàn vẹn.

Mong lắm thay!

Hết

*** CHÚ THÍCH:**

1 Qui Nguyên Trực Chỉ, Đỗ Thiệu Lăng dịch, tr. 317.

2 Qui Nguyên Trực Chỉ, Đỗ Thiệu Lăng dịch, tr. 317

3 Qui Nguyên Trực Chỉ, Đỗ Thiệu Lăng dịch, tr. 335

4 Qui Nguyên Trực Chỉ, Đỗ Thiệu Lăng dịch, tr. 335

5 Trần Trọng Kim, Nho Giáo II, tr. 39.

6 Vi sinh bất năng vi nhân, vi nhân giả Thiên dã. Nhân chi vi nhân bản ư Thiên. Thiên diệc nhân vi tăng tổ phụ dã.

(Như vậy, đối với Đổng Trọng Thư, khi sinh ra con người chưa phải là người, chỉ mới là “nửa người, nửa ngợm, nửa đười ươi” như ta thường nói. Phải đến khi nào hoàn thiện, mới thực là người.)

Trần Trọng Kim, Nho Giáo II, tr. 35.

7 Trần trọng Kim, Nho Giáo, quyển hạ, tr. 167.

8 Trần trọng Kim. Nho Giáo II, tr. 178-189-

9 Trần trọng Kim. Nho Giáo II, tr. 229

10 Trần trọng Kim. Nho Giáo II, tr. 231

11 Bửu Cầm, Tống Nho, Đại Học Tùng thư, Nhân Văn, Huế, 1952, tr. 92. 12 Ibidem 92. 13 Ibidem, tr. 92-93.

14 Ib. tr. 93.

15 Wang Tch'ang Tche S.J. La Philosophie Morale de Wang Yang Ming, p. 1a.

16 Lương tri tức thị độc tri thì,

Thử tri chi ngoại, cánh vô tri.

Thùy nhân bất hữu lương tri tại,

Tri đắc lương tri khước thị thùy?

Léon Wieger, Textes philosophiques, tr. 259-260.

Trung Quốc nhất chu, kỳ 682, tr. 8.

17 Mạnh tử, Cáo tử chương cú thượng, 11.

18 Mạnh tử, Cáo tử chương cú thượng, 11

19 Phan Bội Châu, Khổng học đăng, tr. 704.

20 Pourquoi vous tourmenter ainsi à longueur de journée?

Pourquoi tant lire, tant étudier, tant discuter?

Toutes les incertitudes et les contradictions des Maitres.

Le savoir inné les tranche en un moment.

De naissance, tout homme a une boussole dans son coeur,

Ou mieux, il a dans son coeur même, la racine et la source de

tout,

Alors que vous avez tout dans votre trésor,

Pourquoi quêtez-vous des miettes, de porte en porte?

(Wang Yang Ming), Henri Bernard Maitre, Sagesse Chinoise et Philosophie chrétienne, p. 87)

21 Kinh Thi, Đại Nhã, Úc thiên. 22 Trung Dung, I.

23 Xuất môn như kiến đại tân, sử dân như thừa đại tế.

Luận Ngữ, XII, 2.

24 Thuận Trị quá giang. 25 Xem Phán Đường.

26 Khắc kỷ phục lễ vi nhân. Luận Ngữ, XII, 1.

27 Mạnh Tử, Cáo Tử thượng, 15.

28 Ib. chương XIII, XIV, XV.

29 Mạnh Tử, Cáo Tử thượng, 8.

30 Nho giáo, Trần trọng Kim, q. hạ, tr. 137.

31 Tống Nho, Bửu Cầm, tr. 166.

32 Tống Nho, Bửu Cầm, tr.102.

33 Tống Nho, Bửu Cầm, tr. 177-178'

34 Luận Ngữ, I, 4. 35 Luận Ngữ, IX, 27.

36 Luận Ngữ, XII, 4.

37 Thành tắc hình; hình tắc trứ, trứ tắc minh; minh tắc động; động tắc biến; biến tắc hoá. Trung Dung, XXIII.

38 Đại học, VI.

39 Mạnh tử, Tận Tâm chương cú thượng, 24.

40 Stanislas le Grall, Le Philosophe Tchou Hi, sa doctrine, son influence, page 63 và tiếp theo.

41 Kinh Dịch, Quẻ Kiên, Văn Ngôn, Hào Cửu Ngũ.





Nho giáo đại cương

Nguyễn Ước

(tiếp theo số trước)

3. Nguyên Nho

Vó ngựa Mông Cổ đạp đổ thành trì của Trung Hoa. Lần đầu tiên trong lịch sử, người Hán mất trọn vẹn chủ quyền. Suốt 90 năm, toàn đất nước Trung Hoa chịu sự thống trị của nhà Nguyên (1277- 1367) mà họ xem là một trong các rợ phương bắc.

Người Mông Cổ cai trị Trung Hoa theo chính sách hà khắc, chia để trị và cực kỳ tàn nhẫn. Thế rồi vua quan nhà Nguyên càng ngày càng bị Hán hóa. Năm 1313, vua Thần Tông hạ chiếu qui định Ngũ kinh Tứ thư là sách chính dùng cho khoa cử và sĩ tử phải theo đúng lời chú thích của Chu Hi. Có lẽ sự kiện ấy góp phần củng cố ảnh hưởng của Tống nho, khiến cho Tống nho được xem là đại biểu độc nhất của Nho giáo, một vai trò chưa hẳn đã nằm trong ý nguyện của những người khai sáng và tập đại thành nó.

Tình trạng độc tôn của Tống nho tiếp tục kéo dài tình trạng từ chương và suy đồi do khoa cử mang lại, kéo dài qua các đời Nguyên Minh Thanh cho tới ngày Trung Hoa hủy bỏ chế độ khoa cử năm 1905. Trần Trọng Kim tổng luận về Nguyên nho như sau: “Nho giáo trong đời nhà Nguyên tuy so với các đời trước thì không bằng, nhưng cũng có cái vẻ thịnh đạt. Những học giả như Triệu Phục, Hứa Hành và Hứa Khiêm đều là người có đức hạnh rất xứng đáng, đủ làm tiêu biểu cho nhân vật trong một thời. Song cái học của Nguyên nho chỉ bó buộc trong phạm vi Trình Chu mà thôi, vì rằng ai cũng cho Nho học đến đó là cùng cực rồi. Kết quả thành ra là ngoài sự học để giữ lấy cái

danh tiết cho trong sạch, thì không ai phát triển ra được điều gì cao minh hơn nữa”.

4. Minh Nho

Học phong hủ bại

Tổng nho về sau triển khai thành nhiều học phái khác nhau, mỗi nhà nhấn mạnh một điểm riêng nhưng rồi tất cả vẫn gặp gỡ nhau ở một điểm chung, như đã nói trên, là do bởi quá thịnh vượng trong khoa cử nên bị xem là đại diện độc quyền cho Nho giáo khiến tư tưởng bị khai thác một cách từ chương tới khô kiệt. Vì thế, nói như Huỳnh Thúc Kháng trong Khổng học đăng: nó đưa tới học phong hủ bại.

Sang tới thời nhà Minh (1368-1643), may mắn thay, Nho giáo lại sinh động bằng một chuyển biến tư tưởng mới, với một triết gia ta không thể không đề cập, đó là Vương Thủ Nhân (1472-1528).

Trong Khổng học đăng, quyển Hai, trang 727, Phan Bội Châu viết về bối cảnh, con người và thành tựu của họ Vương như sau:

“Khổng-học-phái đời Minh, từ lúc có pho ‘Ngũ-kinh Tứ-thư đại tuyền’ ra đời, dùng bản sách này thi tấn sĩ. Học giả trong thiên hạ chuyên đem ‘Trình, Chu tập chú’ làm mỗi cân đai. Ngoài ‘Trình, Chu tập chú’ họ chẳng biết một tý gì. Nhưng mà họ há phải say ở Trình, Chu đâu! Chỉ bốn chữ ‘thăng quan phát tài’ là mục đích của họ. Khổng học thời bây giờ thành ra một đám đồng cỏ rậm. Ở trong đám đồng hoang cỏ rậm ấy mà mở ra một đường lối quang minh, gieo vào một hạt mộng tân tiến tốt đẹp, khiến cho Khổng học lại rục rờ tinh thần, thiết phải qui công cho người khẩn hoang và gieo mộng.

“Người ấy là ai?

“Tức là thầy Vương Dương Minh. Thầy chẳng những học lý đã tinh, mà võ công cũng trội. Kể học thuyết thời tri hành nhất trí. Kể sự nghiệp thời văn võ song tuyền. Thiết là một con người đích phái thừa tự ở trong Khổng học”.

Đôi nét về người và tính

Vương Thủ Nhân tự là Bá An, người Dư Diêu (nay thuộc tỉnh Triết Giang), vì làm nhà ở Dương-minh động, cách Hàng Châu 20 dặm nên các học giả thời đó gọi ông là Dương Minh tiên sinh. Thuở nhỏ, ông say mê tập võ, và lập chí học văn để làm thánh hiền. Trước hôm sắp cưới vợ, mãi nghe đạo sĩ nói về thuyết trường sinh, ông quên lễ cưới. Vương Dương Minh thi đỗ Tiến sĩ năm 27 tuổi. Sau đó khi làm đại tướng dẹp loạn, khi làm thượng thư bộ Binh, trong vai trò nào ông cũng biểu lộ đủ tài đức.

Lúc còn trẻ, Vương Dương Minh nhiệt thành theo học phái Trình Chu. Ông từng đem lời dạy của Chu Hi ra ứng dụng, ngồi quan sát cái Lý của cây tre suốt bảy ngày bảy đêm mà chẳng chứng nghiệm được gì. Vì dưng sớ xin tha cho gián quan, ông bị đày cho chết bằng cách bắt ra coi trạm Long Trường (Quý châu), nơi sơn lam chướng khí rất độc, dân toàn mừng mán không biết tiếng Tàu. Nhờ tâm chí quyết sống bên bờ tử sinh mà ông đại ngộ, rồi được tái trọng dụng để dẹp loạn.

Gần 60 năm sau khi họ Vương mất, học thuyết của ông mới được công nhận là chính thống. Năm 1584, vua Thần Tông đem ông vào tòng tự ở miếu thờ Khổng Tử, tôn là tiên nho Vương tử. Các đệ tử của ông ghi chép lại tư tưởng của thầy thành Vương Văn Thành Công toàn thư, trong đó tác phẩm quan trọng nhất về triết học là Truyền tập lục, Đại học vấn.

Tâm học Vương Dương Minh

Điểm xuất phát của học thuyết Vương Dương Minh là hình nhi thượng của Nho giáo, nơi cái đạo của Khổng Tử và Mạnh Tử cùng là một với cái đạo của Lão Tử, đều lấy lý Thái cực làm gốc của vũ trụ, nhưng vì thực hành khác nhau nên có điều đồng dị.

Ông quan niệm rằng vũ trụ vận hành không ngừng nghỉ nhưng trong đó, vì có cái chủ thể nên nó mới ung dung tự tại và có trật tự. Lý là chủ thể ấy và Khí là sinh hóa. Vũ trụ là một toàn thể tâm linh, trong đó chỉ có một thể giới thực tại hữu hình mà chúng

ta có thể chứng nghiệm. Bởi vậy, không có chỗ cho cái “Lý” trừu tượng Chu Hi thường nhấn mạnh. Do đó, đạo là cái cao siêu, không thể thấy bằng mắt, nghe bằng tai, chỉ có thể biết thông suốt bằng linh giác. Phải lý hội bằng cảm nhận rồi để tâm bỏ sức suy ngẫm mới có thể sở đắc.

Tu, học để cầu tâm

Vương Dương Minh khẳng định rằng ngoài tâm không có lý nào khác, ngoài tâm không có vật nào khác; tâm với tính là một. Tâm sáng tỏ tức là lý của ta, muốn biết rõ tâm thì phải bỏ nhiều công sức để hiểu rõ cái tính. Dựa trên cơ sở “Trí tri: hiểu cho thấu đáo” của Khổng Tử và “Lương tri, Lương năng: khả năng bẩm sinh biết đúng và làm đúng” của Mạnh Tử, Vương Dương Minh dùng thuyết Trí lương tri làm phương cách hiểu rõ Tính, cái ông cho là bản tính tự nhiên và đồng nghĩa với thiên mệnh: thiên mệnh chỉ vị tính.

Trí là minh giác của tâm, lương tri lương năng là bản thể của tri hành. Ông cho rằng tâm của con người và của thánh nhân chẳng khác gì nhau, và học là chỉ để cầu cho được cái tâm, “cũng như trồng cây vậy, tâm là rễ, học là vun đắp tưới bón, tỉa cành cắt lá, không gì là không vì cái rễ”.

Tự tu dưỡng là tâm điểm của Nho giáo để làm người quân tử, nhưng riêng với Vương Dương Minh, tu dưỡng là nhằm tìm lại cái tâm, để đạt cảnh giới “vạn vật nhất thể”, do đó, chữ Lương tri của ông bao hàm ý nghĩa tri hành hợp nhất.

Tri hành hợp nhất

Bản thể tự nhiên của tâm thì không thiện không ác, căn nguyên của thiện và ác chính là cái động của ý thức. Vì thế, muốn khôi phục bản thể của tâm, phải cách vật trí tri. Tri hành phải hợp nhất vì nếu quá thiên về công phu thực dụng thì bỏ mất bản thể của lương tri, còn nếu quá thiên về bản thể của lương tri thì bỏ mất công phu thực dụng.

Tác phong tra vấn tới cùng, quan điểm tâm là mọi sự và tri hành hợp nhất của Vương Dương Minh khiến ông có một vị trí tách

biệt với các Nho gia cùng thời, vì kể từ Chu Hi, người ta xem việc sở đắc tri thức trong kinh điển như một chuẩn mực cho người thi đỗ, ra làm quan. Sau một khoảng thời gian chói lọi, học thuyết tuy cao vời mà thực tế của Vương Dương Minh lại bị cái học của Trình Chu lấn áp. Mãi tới cuối thời Minh, nó mới có ảnh hưởng sâu rộng trở lại, lan xa tới Nhật Bản.

5. Tạm kết luận

Trước khi quay trở lại một số chủ đề chính trong học thuyết Nho giáo, ta thử tóm kết về nội dung bị ảnh hưởng cùng tác động của Tân Nho giáo lên tư tưởng Trung Hoa như sau:

a-Tân Nho giáo nói tới việc càng ngày càng hội nhập một cách hòa hợp với toàn thể vũ trụ;

b-Một số thành phần của Tân Nho giáo, thí dụ khái niệm về Khí có vẻ âm hưởng câu nói của Trang Tử: “Suốt thiên hạ là một Khí vậy”;

c-Một số thành phần của Tân Nho giáo, thí dụ khái niệm Âm Dương, nghe như thể mang bản sắc Âm Dương gia;

d-Một số thành phần của Tân Nho giáo, thí dụ thẩm tra các điều kiện, truy tầm tâm tính, nghe như thể mang bản sắc Phật giáo Đại thừa;

e-Các thành phần ấy hòa nhập thành một nền triết học tổng thể và đơn nhất, tạo được ảnh hưởng sâu rộng trong tư tưởng và văn hóa Trung Hoa.

f-Tuy thế, do bởi ảnh hưởng của khoa cử, Tống nho vẫn chiếm giữ vai trò độc tôn cho tới đầu thế kỷ 20.

VII. Bản ngã và xã hội

Các nguyên tắc đức hạnh

Theo Khổng Tử, Lễ tìm thấy phương cách diễn tả nó trong năm vòng quan hệ của người đời, được tượng hình bằng năm vòng tròn vây bọc: quân thần (vua tôi); phụ tử (cha con); phu phụ (vợ chồng); huynh đệ (anh em); bằng hữu (bầu bạn). Tới thời Hán, Đổng Trọng Thư rút từ căn bản Ngũ luân ấy ra Tam cương — ba

giềng mối chính phụ, cao thấp: vua là cương của tôi, chồng là cương của vợ, cha là cương của con.

Ngoài Ngũ luân, Khổng Tử còn phân biệt dân chúng bậc trung thành hai hạng loại khác nhau: người quân tử và kẻ tiểu nhân. Đó là sự phân biệt không chỉ liên quan tới địa vị xã hội mà còn bởi ý tưởng cho rằng có những người này phải sống theo các định chuẩn đạo đức cao hơn những kẻ kia. Các yêu cầu đạo đức đặt ra cho người cai trị thì cao hơn những gì kỳ vọng vào người dân thường.

“Bậc quân tử có ba cái lo: lo rằng mình không nghe biết nhiều. Lo rằng mình đã biết nhiều nhưng không học được (những điều biết ấy). Lo rằng mình đã học được nhưng không thực hành được (những điều đã học). Quân tử có năm điều lấy làm tự sỉ nhục: ở vị trí ấy mà không dám nói những lời xứng đáng với vị trí (của mình), quân tử lấy làm nhục. Nói được mà không thực hành được, quân tử lấy làm nhục. Làm được nhưng rồi lại để hỏng mất, quân tử lấy làm nhục. Đất đai rộng rãi mà để dân không đủ (ăn), quân tử lấy làm nhục. Mọi người đều được chia ít mà riêng mình được nhiều, quân tử lấy làm nhục”. Kinh Lễ, Chương Tạt Ký Hạ (Nguyễn Tôn Nhan dịch).

So với triết Tây

Ở đây, ta có thể thăm dò những điểm tương đồng thú vị với cuộc tìm kiếm công bằng của Plato trong cuốn Republic (Nền cộng hòa), giữa những gì kỳ vọng vào giới lãnh đạo và chiến sĩ trong tưởng quốc của ông và vào người quân tử của Khổng Tử.

Lễ phản ánh Nhân

Nhưng Lễ là cái biểu hiện, xuất ra ngoài của phẩm tính bên trong, cái là Nhân, lòng nhiệt thành hoặc tình thương yêu. Kẻ tràn đầy đức Nhân với mọi người thì tự động biểu lộ trong Lễ, cái không có hàm ý hình thức hoặc máy móc chủ nghĩa. Trong trạng thái tốt nhất, Lễ phản ánh quá trình tu dưỡng phẩm tính bên trong và sự liêm chính của hành động.

Khổng Tử nghĩ rằng người cầm quyền không nên cai trị bằng hăm dọa hoặc bằng sức mạnh:

“Khổng Tử nói: Dùng chính lệnh để dẫn dắt dân, dùng hình pháp để giữ trật tự, dân tránh khỏi tội nhưng chưa biết hổ thẹn. Dùng đức để dẫn dắt, dùng lễ để giữ trật tự, dân biết hổ thẹn mà tiến đến chỗ tốt lành” (Luận ngữ, II:3).

Nhưng nếu những kẻ cai trị cứ nhất định hà khắc vô đạo, gây tác hại cho nhân nghĩa thì sao? Mạnh Tử cho rằng lúc đó, người dân có quyền nổi loạn lật đổ chúng. Hành động ấy được thể hiện trên căn bản thuyết Chính danh, dựa vào cơ sở rằng những kẻ cai trị ấy không hành xử đúng với tư cách và bổn phận của người cai trị, và vì thế, chúng bất xứng. “Vua xem bầy tôi như chó như ngựa, thì bầy tôi xem vua như người lạ trong nước. Vua xem bầy tôi như đất như cỏ, thì bầy tôi xem vua như giặc như thù”. (Mạnh Tử, Ly Lôu, Hạ). Và “Kẻ làm hại điều nhân gọi là tặc, kẻ làm hại điều nghĩa gọi là tàn. Tôi có nghe chuyện giết một kẻ thất phu tên Trụ, chưa chưa hề nghe chuyện giết vua bao giờ”. (Mạnh Tử, Lương Huệ Vương, Hạ).

So với triết Tây

Ở đây, Mạnh Tử có nhiều điểm tương đồng với Thomas Hobbes về việc người dân có quyền chống đối kẻ cai trị họ. Nói chung, trong mạch tư tưởng chính trị này, Nho giáo nhấn mạnh vai trò của một đấng minh quân, tương ứng với kỳ vọng của Plato về một vị vua triết gia lý tưởng.

Định mệnh và bản tính

Trong hệ thống đạo đức của Nho giáo, định mệnh đóng vai trò rất quan trọng. Trong khi Phật giáo xem các biến cố xảy ra trong kiếp người là thao tác của tư nghiệp cá nhân hay cộng nghiệp

của tập thể, thì Nho giáo xem các biến cố ấy được quyết định bởi định mệnh, chứ không là kết quả của tình trạng thiếu hay đủ

’ phẩm tính đạo đức. Vì thế, tư tưởng Nho giáo khuyến khích con người nhất quyết làm điều nhân nghĩa, đừng tính tới hậu quả của nó. Mặc Tử dĩ nhiên phản đối chủ trương ấy; như đã nói ở phần trên, ông cho rằng nó không thực tế vì con người vốn có thiên hướng nghĩ tới tư lợi.

Trong vấn đề đánh giá đạo đức và ta có thể hay không thể kỳ vọng điều gì vào hành động của cá nhân, vẫn còn một câu hỏi căn bản: “Bản tính con người vốn tốt hay xấu?” Khổng Tử không chịu đưa ra câu trả lời; ngài chỉ nói tới đức Nhân nội tại của con người. Mạnh Tử quả quyết chúng ta tính vốn thiện, thiện một cách tự nhiên. Tuân Tử cho rằng tính người vốn ác, ác bẩm sinh. Dù hai quan điểm trái ngược nhau ấy song hành một thời gian khá dài trong Nho giáo, cuối cùng, cái nhìn tích cực của Mạnh Tử trở thành quan điểm chính thống. Do đó, sự chuyển dịch của con người từ trạng thái tự nhiên đến việc được xã hội giáo hóa có thể tóm tắt bằng câu dưới đây trong Kinh Lễ, chương Trung Dung:

“Mệnh trời gọi là Tính, làm theo Tính ấy gọi là Đạo, tự tu sửa mình gọi là Giáo [dạy dỗ]. Đạo ấy, không thể rời xa một khoảnh khắc nào, khi đã rời xa được thì không phải là Đạo [thật]”.

Nghi lễ

Nghi lễ, hoặc các chuẩn mực giao tế - Lễ - có mục đích lập nên khung sườn cho xã hội và xác định động thái của con người văn minh. Thí dụ, có những nghi lễ để bày tỏ lòng tôn kính tổ tiên, qua đó củng cố mối dây thân tộc. Nói chung, Khổng Tử tin rằng đất nước sẽ phồn vinh nếu người dân thể diện chính xác các nghi lễ thích đáng. Như chúng ta đã thấy, khái niệm Lễ về sau còn được Chu Hi gom vào trong Lý, thuật ngữ dùng để nói tới bản tính tối hậu của vạn vật trong tự thân chúng.

Lục nghệ

Về mặt thực tiễn, lục nghệ là sáu khoa mục mà học sinh thời nhà Chu cổ đại phải học. Sáu môn ấy gồm:

1-Lễ. Qui tắc xử thế; cách bày tỏ ý tưởng tôn kính trong lễ lạc và giao tế.

- 2-Nhạc. Âm nhạc; sử dụng nhạc cụ.
- 3-Xạ. Bắn cung.
- 4-Ngự. Điều khiển xe ngựa.
- 5-Thư. Viết chữ.
- 6-Số. Các phép tính. Cách tính toán.

Về mặt kinh điển, Lục nghệ cũng có ý nói tới lục kinh của Nho giáo: Lễ, Nhạc, Thi, Thư, Dịch và Xuân Thu.

Trong sách Sử ký, thiên Hoạt kê ngoại truyện, có ghi lời của Khổng Tử rằng: “Lục nghệ đối với tác dụng trị bình là một. Lễ để qui định hành vi của con người. Nhạc để tạo sự hòa hợp. Thư để nói đến việc. Thi để diễn đạt ý tưởng. Dịch để tỏ sự biến hóa. Xuân thu để hiểu đạo nghĩa”.

Ở đây, chúng ta chỉ đề cập tới Lục nghệ về mặt thực tiễn. Lục nghệ có nguồn gốc từ trước thời Khổng Tử, được tìm thấy trong các kinh điển vừa kể, trừ Kinh Xuân thu, và làm thành cơ sở của văn hóa Trung Hoa.

Nghệ đầu tiên là Lễ, đã được chúng ta mô tả nhiều lần bằng nhiều cách khác nhau ở các đoạn trên. Sang tới thời Khổng Tử, ngài mở rất rộng chữ Lễ để gồm vào đó mọi qui tắc của động thái văn minh và trở thành chuẩn mực thăng tiến của nho sĩ. Địa vị của một người sẽ tăng tiến nếu người ấy biết giữ Lễ một cách thích đáng, vì Lễ là sự phô bày ra bên ngoài những gì con người suy nghĩ và sở hữu bên trong về cuộc đời và người đời.

Âm nhạc đứng hạng thứ hai vì trong tư tưởng của Khổng Tử, nó có tầm quan trọng đặc biệt. Bản thân ngài là người thích nhạc, hay đàn và mê thơ. Ngài nói:

“Người ta hưng khởi tâm hồn là nhờ đọc kinh Thi, lập được ý chí, không sa ngã theo vật dục là nhờ đọc kinh Lễ, thành tựu được đức hạnh của bậc quân tử là nhờ ở âm nhạc và kinh Nhạc”. (Luận ngữ, VIII:9).

Nhạc được xem là thao tác từ bên trong con người, không giống như Lễ chỉ thao tác bên ngoài và phản ánh các thái độ bên

trong. Do đó, Nhạc được đánh giá là sức mạnh để điều hòa và hưởng thưởng cảm xúc. Tuân Tử cho rằng người nào lắng nghe âm nhạc thì lòng tràn đầy cảm giác tôn kính hòa hợp. Một khi đức vua, triều thần và quan chức, các phân tử trong gia đình, thanh niên và cao niên, mọi người đều nghe nhạc thì kết quả xã hội sẽ hòa hợp và đưa dẫn người dân vào con đường Đạo duy nhất. Nói cách khác, Tuân Tử tán trợ ý tưởng cho rằng âm nhạc là công cụ để điều hưởng xã hội và văn minh hóa dân chúng.

Ta nên để ý tới mối quan hệ hữu cơ giữa thái độ bên trong và sự thể hiện ra bên ngoài. Các nghi lễ bên ngoài vừa gây ảnh hưởng vừa cho thấy sự phô bày các thái độ bên trong của con người. Cũng thế, âm nhạc, cái thao tác trên cảm xúc bên trong, được sử dụng giúp cho xã hội bên ngoài cố kết chặt chẽ. Chủ trương ứng dụng và tác động hỗ tương của Lễ Nhạc dường như tiêu biểu khái quát cho tư tưởng Trung Hoa, vốn cho rằng mục đích của minh triết là hòa hợp các khía cạnh bên trong với các khía cạnh bên ngoài của thực tại.

Nghệ thứ tư, là Ngự, có nguồn gốc từ đời Thương. Thời ấy chưa có kị binh và bộ binh, chỉ có xe trận mỗi chiếc chở 3 người, ra đánh nhau. Người đánh xe và chiến sĩ trên xe là giai cấp thượng lưu. Lính là thường dân đi bộ theo để làm cần vụ, đào hào, bắc cầu, v.v...

So với Tây phương

Trường dạy Lục nghệ có nhiều điểm tương đồng với loại trường gymnasium thời đế quốc La Mã tại các thành phố mang bản sắc Hi Lạp vùng Địa Trung Hải và Tiểu Á vào mấy thế kỷ trước và sau C.N. Trường dạy con em từ 7 tới 20 tuổi của giới thượng lưu, để chúng trở thành người quân tử cao nhã hành xử đầy tín nhiệm trong đời sống kinh tế, chính trị và xã hội của thành thị.

Nội dung giảng dạy có các môn văn hóa, nhưng chú trọng chủ yếu tới thể lực. Một gymnasium điển hình gồm khu đất lộ thiên rộng rãi để luyện tập và tranh đua, bao quanh bởi các cột và



những phòng nhiều kích thước khác nhau để lưu giữ dụng cụ hoặc đọc sách, thuyết giảng hay thảo luận. Tên gymnasium có gốc từ tiếng Hi Lạp gymnos, chỉ sự “trần truồng”, ngụ ý việc các học viên khỏa thân khi rèn luyện thể lực.

Vào thế kỷ 19, triết gia Hegel (1770–1831), từng làm hiệu trưởng một trường loại đó tại Đức.

Năm đức hạnh chủ yếu

Trong các phần trên đã xuất hiện rải rác năm đức hạnh này, nay chúng ta tập hợp chúng lại ở phần dưới với tên gọi chính thức là Ngũ thường. Đây là năm tín điều trong đạo đức học Nho giáo, chúng cho thấy phẩm chất có tính chuẩn mực và bất biến của Nho gia.

1-Nhân. Chương Thái Bá (VIII), tiết 6 của sách Luận ngữ kể rằng:

“Tử Trương hỏi Khổng Tử về vấn đề thi hành Nhân chính, Khổng Tử nói rằng: Có thể làm được năm điều đối với mọi người trong thiên hạ, là thi hành Nhân chính vậy.

“Xin hỏi về những điều đó.

“Khổng Tử nói: Đó là cung kính, khoan dung, thành tín, cần mẫn và có ơn huệ. Cung kính thì không khinh nhờn. Khoan dung thì được lòng mọi người. Thành tín thì được người tín nhiệm. Cần mẫn thì nên công. Có ơn huệ thì dễ sai khiến người”.

Đạo Nho là đạo Nhân. Nhân là muốn làm cho kẻ khác điều ta muốn làm cho ta; từ đó, tiến tới việc tán thưởng nhu cầu của kẻ khác. Mạnh Tử quả quyết rằng lòng vị tha phải hoàn toàn vô vị lợi: bạn nên làm điều phải vì chính nó chứ không vì muốn được tiếng tốt hoặc được khen ngợi.

2-Nghĩa. Nghĩa đen là thích hợp, hành động thích hợp với Nhân, hợp với đạo lý của Nho giáo, đối lập với lợi. Nghĩa tức là thể hiện Nhân bằng hành động. Nho giáo nguyên thủy xem Nghĩa là tiêu chuẩn của mọi hành động. Nho gia chuyên chú theo điều nghĩa, không mưu lợi lộc, chỉ vì muốn làm sáng đạo mà không

tiếc công sức.

“Khổng Tử nói: Người quân tử rành về điều nghĩa, kẻ tiểu nhân rành về điều lợi”. (Luận ngữ, IV:16).

3-Lễ. Giữ đúng mọi nghi lễ làm nên lối sống thiện hảo của con người. Chúng nhiều tới độ ở đâu cũng thấy Lễ. Kinh Lễ có 300 qui định chính về nghi thức, nghi lễ và 3000 qui định phụ về động thái. Ở cấp cụ thể, Lễ có ý nói tới những mô tả “khách quan” về thái độ, phong tục, tập quán ràng buộc người sống và kẻ chết với nhau trong một mạng lưới bao gồm những vai trò tương tác trong gia đình, ngoài xã hội và liên quan tới cả thế giới bên kia.

Kinh Lễ, chương Lễ khí, nói tới nguồn gốc, tính cách và công dụng của đức Lễ như sau:

“Cho nên bậc quân tử có lễ thì bề ngoài hài hòa vui vẻ bên trong không oán hận. Vì vậy không điều gì là không có lòng nhân và nhờ đó quý thân cũng được hưởng đức.

“Các tiên vương chế ra lễ vừa có gốc vừa có văn vẻ bên ngoài. Trung Tín là gốc của lễ; Nghĩa lý là văn vẻ của lễ. Không có gốc thì không thể đứng, không có văn vẻ (bề ngoài) thì không phổ biến được.

“Người biết lễ (thì) hợp với thời của trời, bày ra tài lợi cho đất, thuận với quý thân, hợp với lòng người, hiểu được vạn vật. Cho nên thời của trời là sinh, lý của đất là nền, tài của người là nước, chất của vật là lợi. Vì vậy trời (mà) không sinh, đất (mà) không nuôi (thì) quân tử không cho là lễ và quý thân không hưởng thụ. Ở núi rừng mà áp dụng lễ của loài tôm cá, ở đầm nước mà áp dụng lễ của loài nai hươu (thì) quân tử cho rằng là không biết lễ”. (Nguyễn Tôn Nhan dịch).

Sách Luận ngữ hầu như dành trọn chương Hương đảng để nói về sinh hoạt đây “Lễ tín” của Khổng Tử, làm kiểu mẫu cho nho gia. Thí dụ ở tiết 16:

“Ngủ không nằm cứng đờ. Ở nhà không trau chuốt dung mạo. Gặp người mặc tang phục, tuy quen thân ngài cũng đổi sắc mặt. Gặp người đội mũ cùng với người mù lòa, tuy quen thuộc, ngài cũng tỏ vẻ kính cẩn. Đang đi xe, gặp người để tang, ngài liền chào kính. Gặp chức việc đang ôm sổ sách đi làm, ngài cũng chào kính cẩn. Thấy tiệc lớn dọn ra, ngài đổi sắc mặt và đứng dậy. Sấm dậy, gió dữ, ngài biến sắc. Bước lên xe, ngài đứng thẳng, nắm lấy sợi dây vịn. Trong xe, ngài không ngoái nhìn đằng sau, không nói liến thoắng, không chỉ trở”.

4-Trí. Óc khôn ngoan, sáng suốt. Cảm giác đúng và sai. Biết tiên liệu, tính toán để hành động hợp đạo lý.

5-Tín. Giữ đúng lời hẹn, thực hành đúng những gì mình đã hứa, xứng đáng với lòng tin tưởng của người khác.

Như đã đề cập, năm đức tính cơ bản ấy được gọi là Ngũ thường. Chúng được nêu ra rõ ràng và xem đó là năm loại đạo đức thường hằng, có tính nội sinh và không thay đổi mà Nho gia, cách riêng bậc quân tử và kẻ trị quốc phải thường xuyên tu dưỡng. Trong chương Cáo tử thượng, Mạnh Tử tóm kết: “Lòng trắc ẩn, đó là Nhân; lòng hổ thẹn và biết ghét điều xấu, đó là Nghĩa; lòng cung kính, đó là Lễ; biết phân biệt phải trái đúng sai, đó là Trí. Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí không phải từ bên ngoài đức nên, ta vốn có vậy”.

Tín và trung quân

Xét theo lời ấy, ta thấy Mạnh Tử chỉ đề cập tới bốn đức. Thực tế, đức thứ năm “Tín” được thêm vào bởi Đổng Trọng Thư, người tuyệt đối đề cao hệ thống Tam cương, Ngũ luân, tạo gốc rễ cho Nho giáo đời Hán và vận động để Nho giáo trở thành quốc giáo. Qua chủ trương “thiên nhân tương dữ” với lập luận “nguồn gốc lớn của đạo là ở trời”, trời không thay đổi thì đạo cũng không đổi, từ đó đưa tới “quân quyền thần thụ” với hàm ý triết để tôn quân quyền, “một cách tự nhiên, con người có quan hệ với nhau và thần trao quyền cho vua”, Đổng Trọng Thư mở đầu cho thời kỳ Hán nho, trong đó Nho giáo bị khai thác tối đa khái niệm trung quân, trở thành công cụ hữu hiệu củng cố chế độ quân chủ do nhà Hán mới thiết lập thay cho chế độ phong kiến thời Tiên Tần.

Mười ba thế kỷ sau, tới thời Tống nho, nhà Lý học Trần Thuần (1159-1223), đệ tử của Chu Hi, mới khôi phục chủ ý nguyên thủy của Mạnh Tử bằng câu nói: “Trong tính người chỉ có Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, mà không có Tín, bởi vì đạo lý chân chính đích thực của Nhân, Nghĩa, Lễ và Trí đã là Tín rồi” (Bắc Khê Tự nghĩa).

Tính dục trong tư tưởng Nho giáo

Nói chung, đối với tư tưởng Nho giáo, giá trị ứng dụng duy nhất của tính dục là thụ thai con cái, đặc biệt con trai; đó là đứa có khả năng nối dõi tông đường, làm vẻ vang dòng họ và cúng giỗ ông bà tổ tiên cha mẹ. “Hôn lễ là sự kết hợp tốt đẹp hai họ với

nhau, để trên thì thờ tông miếu, dưới thì nối truyền cho đời sau, cho nên người quân tử rất coi trọng nó” (Kinh Lễ, chương Hôn Nghĩa).

Đối với Khổng Tử, tuy ngài cho rằng Đức là thuộc tính của con người, nhưng Sắc mạnh hơn rất nhiều: “Khổng Tử than rằng: Ta chưa thấy ai háo đức bằng háo sắc”. (Luận ngữ, IX:17).
Nữ sắc là điều đầu tiên người quân tử phải cảnh giác:

“Khổng Tử nói: Người quân tử có ba điều phải răn ngừa: lúc còn trẻ, huyết khí chưa ổn định, cần răn ngừa về nữ sắc”. (Luận ngữ. XVI:7).

Người ta có cảm giác rằng năng lượng nam tính của Nho gia bị hao tổn nếu phung phí trong tính dục hôn nhân - điều này có điểm tương đồng với chủ trương của Đạo giáo - và rằng đàn ông có thể bị kiệt quệ thể lý, suy thoái đạo đức nếu để cho mình miệt mài trong sinh hoạt tính dục. Tứ Thư của Nho giáo ghi lại rất nhiều ý tưởng cảnh giác người trẻ tuổi, thậm chí bậc quân tử đối với vấn đề sắc dục. Hơn nữa, sự mê đắm sắc dục của người cai trị, kể cả một quốc chủ, có thể được nêu lên như một lý do chính đáng để truất quyền kẻ đó.

Tính dục trong hôn nhân chỉ để có người nối dõi. Tính dục ngoài hôn nhân là đại tội, phải chặn đứng mọi “nguy cơ”. Thế nên quan hệ giữa nam và nữ, thậm chí giữa vợ chồng cũng phải theo đúng khuôn phép cực kỳ nghiêm ngặt. Kinh Lễ, chương Nội tắc viết:

“Là đàn ông không nên bàn việc trong phòng khuê (tức việc của đàn bà), là phụ nữ không được bàn việc bên ngoài (tức việc của đàn ông). Nếu không phải ngày tế lễ hoặc ngày tang chế, trai gái không được đưa cho nhau những vật dụng (vì tránh chạm vào tay nhau). Nếu có trao, người nữ phải cầm một cái thúng (để nhận vật ấy); không có thúng thì hai bên (trai gái) phải quỳ xuống đặt vật (định trao) xuống đất rồi người nữ nhận lấy.

“Ngoài và trong không được chung dụng, (trai gái) không được tắm chung, không được ngồi chung chiếu ngủ chung giường, không

được ăn chung. Trai gái không được mặc chung áo quần. Những việc trong phòng khuê không được nói ra ngoài, những việc bên ngoài không được cho lọt vào (phòng khuê). Trai vào phòng khuê không được nói cười chỉ chỗ, đang đi đâu phải cầm đuốc, nếu không có đuốc thì không đi. Đi trên đường cái, trai đi bên phải, gái đi bên trái”. (Nguyễn Tôn Nhan dịch).

Nói chung, từ cái nhìn thiên vị nam giới trong kinh sách của Nho giáo và qua các tác phẩm của Nho gia, sinh hoạt tính dục được xem là một vấn đề quá độ. Có lẽ để hiểu thấu đáo điều đó, ta nên xét theo tình huống xã hội, bối cảnh của triết học Nho giáo thời kỳ đầu. Tuy thế, sang tới Tống nho với các ý tưởng về sự quân bình và hòa điệu có tính vũ trụ được phản ánh trong sự quân bình tương tự về Âm/Dương, đực/cái trong tính dục, có thể được xem như đang ở trong một quá trình kỳ vọng sẽ có nhiều cải tiến, tuy rất chậm, trong một xã hội mấy ngàn năm trọng nam khinh nữ và nghiêm khắc về lễ giáo trong quan hệ nam nữ.

Tổ tiên

Tâm điểm của đạo đức học Nho giáo là gia đình với sự kính trọng triệt để dành cho người lớn tuổi đang sống hay đã chết. Việc thờ cúng ông bà là một hình thức con cháu bày tỏ lòng tôn kính với tổ tiên đang ở thế giới bên kia, xem hương hồn của họ như vẫn có mặt trong thế giới bên này. Tổ tiên vẫn đang sống theo cách nào đó và đang quan sát hết thảy con cháu trong dòng họ, vì thế từ trong gia đình tới ngoài xã hội, không ai được làm bất cứ điều gì xúc phạm hoặc gây thương tổn cho người khuất mặt.

Giống với nhiều đặc điểm thực dụng khác của Nho giáo, cái có vẻ là niềm tin siêu hình được thật sự chứng minh dưới dạng củng cố kết cấu của cộng đoàn. Bày tỏ lòng tôn kính, thờ phượng tổ tiên ở thế giới bên kia tức là làm bền vững thêm cảm giác về bản sắc, tinh thần gắn bó đoàn kết và hành động cụ thể hỗ trợ nhau của thân tộc trong thế giới bên này. Dù duy trì tinh thần ấy suốt mấy ngàn năm, tư tưởng Nho giáo vẫn không đưa lời đoán chắc rằng đối tượng của lòng tôn kính ấy tiếp tục hiện hữu sau

khi chết. Bản thân Khổng Tử cũng chỉ trả lời qua loa các câu hỏi về cái chết. Luận ngữ, chương XI, tiết 11, kể:

“Quý Lộ hỏi về việc thờ quỷ thần, Khổng Tử nói rằng: Thờ người còn chưa nổi, làm sao thờ được quỷ. “

“Thưa: Dám hỏi về sự chết.

“Khổng Tử nói: Sống còn chưa biết rõ, làm sao biết được sự chết”.

Sang tới thời Tống nho, Chu Hi tin rằng ý thức của con người chấm dứt với cái chết. Tuy thế, trong Nho gia, cũng có niềm tin siêu hình khi cúng tế tổ tiên cha mẹ. Người ta cho rằng trong thời gian hành lễ, tinh thần của những vị đã khuất sẽ tụ tập về, sau đó, lại phân tán.

Tính vốn thiện của bản ngã

Ít nhất ba lần trong chương này, chúng ta đã đề cập tới quan điểm xung khắc của Mạnh Tử và Tuân Tử về chủ đề này. Mạnh Tử quả quyết rằng con người bẩm sinh tính vốn thiện, chỉ cần tu dưỡng phát huy thiện tính ấy. Ngược lại Tuân Tử cho rằng loài người tính vốn ác, cần một mặt giáo dưỡng họ trong cái thiện, một mặt dùng luật pháp để kiềm giữ không cho họ làm điều ác. Vì thế, theo Tuân Tử, Lễ có tính qui ước cho con người chứ không có tính nội sinh trong con người.

Hai chủ trương ấy mang hai nội hàm giáo dục khác nhau. Theo quan điểm của Mạnh Tử, giáo dục là khai thác cái sẵn có trong con người. Về mặt đạo đức, chúng ta đã sẵn biết cái gì đúng và thế nào là đúng, chỉ cần cơ hội suy gẫm và hành động theo nó. Quan điểm của Tuân Tử thì cho rằng giáo dục có nghĩa là làm cho quần chúng thấm nhuần cái thiện của xã hội. Bên cạnh đó, ta thấy có vẻ Lão giáo có quan điểm gần với Mạnh Tử hơn.

Thế nhưng ở đây phát sinh một vấn đề triết lý căn bản. Phải chăng đối với vũ trụ, có một cấu trúc đạo đức tận nền tảng, như Khổng Tử có ý nói khi ngài gọi hệ thống đạo đức của ngài là “thiên đạo: đạo của trời” và khi ngài đề cập tới khái niệm về

Lẽ? Nếu có, thì đạo đức phải phù hợp cấu trúc ấy để cho người dân sống đúng với bản tính của họ, và cũng hàm ý rằng đạo đức có tính cố định vì thực tại nền tảng ấy không bao giờ biến đổi theo tình huống. Hoặc phải chăng đạo đức là cái được thiết lập chung cho cả xã hội, một nỗ lực áp dụng lý trí lên trên các khát vọng phi lý và có tính hủy diệt của con người, và do đó có thể tùy nghi biến đổi cho thích hợp với các tình huống xã hội khác nhau?

So với triết Tây

Ở đây, ta có thể thăm dò các điểm tương đồng trong cuộc tranh luận của Mạnh Tử/Tuân Tử với cuộc thảo luận về lý thuyết đạo đức học Tây phương giữa những kẻ dùng lối tiếp cận theo Luật Tự nhiên (vì thế chấp nhận nguyên tắc rằng có những sự việc sai tuyệt đối, bất chấp ý nguyện của những người liên hệ, đơn giản chỉ vì chúng vi phạm cái cứu cánh cốt tủy của hành động đang được cân nhắc), và những người thiết thực dùng lối tiếp cận theo tương đối chủ nghĩa trong đạo đức học, cho rằng hạnh phúc cùng ý nguyện của những người liên hệ và của xã hội như một toàn bộ, quyết định cái ta cần phải làm.

Biến đổi xã hội và trật tự tự nhiên

Tân Nho giáo cùng phát triển một dọc với Đạo giáo và Phật giáo, nhưng thái độ của nó khác tận nền tảng so với hai truyền thống kia. Là một học thuyết thực dụng và tích cực, Nho giáo thời nào cũng cho rằng cái thiện của một cá nhân được đánh giá trong liên quan tới sự đóng góp của người ấy vào cái thiện tổng thể của xã hội, cho dầu cái thiện của con người có tính bẩm sinh hoặc phải được thấm nhuần bởi giáo dục và luật pháp. Vì thế, Nho gia luôn luôn có khuynh hướng muốn triển khai quan niệm tích cực ấy để cải thiện xã hội.

Ngược lại, Đạo giáo và Phật giáo đều có khuynh hướng bắt đầu từ cá nhân với niềm khao khát tăng tiến tâm linh cá thể. Thật thế, cả hai khuynh hướng ấy đôi lúc xem là thứ vị những tình

huống kỳ quái nhất của cá nhân, nhằm bẻ gãy lối tư duy qui ước.

Trình bày theo cách khác

Cứ chấp nhận nguy cơ cho rằng quá đơn giản hóa, ta có thể nói:

1-Tân Nho giáo vẫn thấy sứ mệnh của Nho gia là cải thiện xã hội để qua đó góp phần giúp đỡ cá nhân.

2-Phật giáo và Đạo giáo cải thiện cá nhân để qua đó góp phần giúp đỡ xã hội.

Đổi thay là phản tự nhiên

Thế nhưng ta không thể bỏ qua một phương diện khác của Nho giáo. Nếu theo Lễ, các mối quan hệ giữa con người và xã hội có tính cố định - thí dụ Ngũ luân theo truyền thống hay Tam cương như Hán nho thiết định - thì những đổi thay trong trật tự xã hội là vi phạm luật tự nhiên. Như vậy, dù Nho giáo luôn luôn quan tâm tới phúc lợi của xã hội, đó vẫn là loại phúc lợi chỉ phát sinh từ sự áp dụng các mối quan hệ đã được lập sẵn đó. Do đó, cùng với thời gian, Nho giáo càng ngày càng bị nhìn như một chướng ngại đang đề kháng sự đổi thay xã hội.

Đối với người Đạo giáo và người Phật giáo, đổi thay xã hội có thể được biện minh trong chừng mực nó cho phép cá nhân trong xã hội tự triển khai và phô diễn bản thân. Đối với người Nho giáo, các mối quan hệ xã hội đã được xác định và thiết lập sẵn. Bất cứ đổi thay nào không phù hợp với các mối quan hệ ấy, cho dầu có cho phép cá nhân tự phô bày nhân cách của mình, đều được nhìn về lâu về dài là nguy cơ cho sự hòa hợp xã hội.

So với triết Tây

Dù Nho giáo có vấn đề đối với đổi thay xã hội, trên nguyên tắc nó không phủ định đổi thay như một thực tại. Trong tư tưởng Trung Hoa, không có cảnh giới “hàng cửu” tách biệt - cái là thật - tương phản với cái phi thực tại của kinh nghiệm hằng ngày.

Ngược lại, trong tư tưởng triết học Hi Lạp, cái có thật hiện hữu qua bản tính không biến đổi. Cách riêng đối với Plato, các “Hình

thái” là những thực tại hằng cửu của những sự vật đặc thù vốn là những bản sao bất toàn. Tư tưởng Trung Hoa hoàn toàn không nhìn các sự vật theo cách đó.

VIII. Nho giáo và Cộng hòa Trung Hoa

Nho giáo không thuộc về “thế giới khác”; nó liên quan tới một truyền thống minh triết phát triển suốt 2.500 năm, góp phần xây dựng nên và tiềm tàng trong đức hạnh của con người. Do đó, nó kết hợp mật thiết với bối cảnh văn hóa trong đó nó phát triển và được tăng thêm sức mạnh nhờ thực tế Ngũ kinh Tứ thư, đặc biệt qua chú giải của

thức chấp nhận là cho thanh thiếu niên bị thi cử cho các sĩ tử



Tống nho, được chính sách giáo khoa tất yếu và tài liệu cơ bản chuẩn muốn tham chính.

Năm 1905, Trung cuộc cách mạng Tân Hợi 1911 chấm dứt chế độ Cộng hòa mất cơ sở chính trị và

ảnh hưởng hiện tiền của nó bị biến mất nhanh chóng. Lúc đó, người ta lệ làng đồng hóa nó với chế độ phong kiến, đặc biệt sự kiện các khái niệm hiếu thảo và trung thành của nó đã củng cố các chế độ quân chủ cùng toàn bộ cung cách sống bị đánh giá là áp bức. Tuy thế, nhiều đặc tính đạo đức thấm nhuần qua hàng thế kỷ Nho giáo vẫn tiếp tục được cá nhân theo đuổi.

Hoa bỏ khoa cử. Kế đó, triều đại Thanh, thành lập Trung Hoa, Nho giáo bị xã hội từng hỗ trợ nó, và

Mặt khác, Mạnh Tử từng quả quyết rằng phải đặt phúc lợi của người dân ở trước và cao hơn phúc lợi của kẻ cai trị, đồng thời dân chúng có quyền thay đổi kẻ cai trị nếu y tỏ ra là người không công chính. Đặc điểm ấy trong các “lời thánh hiền” của Nho giáo được dùng để biện minh cho những đổi thay xã hội hồi đầu thế kỷ 20. Tuy thế, khi chế độ cộng sản cầm quyền với việc bác bỏ toàn bộ tôn ti trật tự xã hội, triệt để thay thế hệ tư tưởng Nho giáo bằng một hệ tư tưởng độc quyền khác, đã đặt dấu chấm hết cho Nho giáo như một căn bản thao tác của xã hội.

Đạo đức học Nho giáo, cách riêng liên quan tới tính chuyên cần và lòng trung thành với gia đình thân tộc có thể hỗ trợ cho các nền kinh tế thương mại và kỹ nghệ đang nổi lên ở Đông Á. Nhưng đối với nhiều người, trong thời hiện đại, tiềm năng của Nho giáo chủ yếu liên quan tới phúc lợi của cá nhân trong một nền triết học khích lệ con người phải có thời gian tĩnh lặng, suy gẫm đạo đức, và lấy sự tu dưỡng bản thân làm điểm xuất phát cho mọi hành động của mình.

Ngày nay, đang có mối quan tâm mới mẻ tới Nho giáo, nhưng chủ yếu về phương diện bảo tồn văn hóa Trung Hoa và đương cự những tác động tiêu cực trong quá trình toàn cầu hóa, thời sơ khai. Đặc biệt, người ta nhấn mạnh rằng dù Nho giáo là một triết học về cuộc đời hàm chứa các quan điểm chính trị, ngày nay những người còn theo nó không muốn quay trở lại trật tự xã hội xưa cũ.

IX. Nho giáo tại Việt Nam

Nho giáo bắt đầu lan tới xứ Giao Chỉ từ thời Hán Vũ đế vào thế kỷ thứ nhất trước C.N., là thời điểm nước ta bắt đầu chịu Bắc thuộc (111 tr.C.N-905 s.C.N.). Suốt ba đợt Bắc thuộc trong hơn một nghìn năm ấy, có lẽ nội dung chính của Nho giáo mà người Việt hấp thu là Hán nho, chủ yếu qua tầng lớp quan chức từ chính quốc sang đảm trách công tác cai trị và bình định. Tới trước thời Tam Quốc, thế kỷ 3 sau C.N, sự kiện có ít nhất ba người bản xứ thi đỗ mậu tài hoặc hiếu liêm (cử nhân), được bổ làm quan bên Trung Hoa, chứng tỏ Hán Nho đã khá phổ biến.

Thời kỳ Nho giáo bắt đầu thịnh tại nước ta được tính từ khi thái thú Sĩ Nhiếp (187-226) tích cực mở mang việc học. Ông là người xin đổi Giao Chỉ thành Giao Châu, và về sau được Trịnh Tạc (1657-1682) phong là “học tổ Nam Bang”. Lễ của Nho giáo qua các lương lại người Hán thấm nhuần vào phong tục tập quán của Giao Chỉ và Cửu Chân, tuy số lượng Nho sĩ hẳn không đông và trình độ học vấn hẳn chưa cao.

Cho tới thế kỷ 11, Phật giáo vẫn thịnh hơn Nho giáo và Đạo

giáo. Bằng chứng là sau khi nước ta thu hồi độc lập, nhà Lý sơ còn phải dùng các vị sư Phật giáo để giao thiệp với sứ Tàu. Sang tới đời Trần, Nho giáo bắt đầu thịnh hơn cả và cứ thế tiếp tục dưới các triều đại Lê, Mạc rồi Nguyễn.

Đóng góp về học thuật

Xét về phương diện triết học, cho tới nay, chưa tìm được bằng cứ cho thấy Nho gia Việt Nam có đóng góp nào đáng kể về học thuyết như các nhà tư tưởng Trung Hoa. Trong Nho giáo quyển Hạ, trang 380, Trần Trọng Kim đưa nhận xét rằng:

“Song về đường học thuật và tư tưởng thì xưa nay ta chỉ theo có mấy lối học của Tàu truyền sang: trong đời nhà Lý và nhà Trần, thì sự học của ta theo lối huấn hỡ của Hán nho và Đường nho, rồi từ đời nhà Lê về sau, thì theo lối học của Tống nho, lấy Trình Chu làm tiêu chuẩn. Ta chỉ quanh quẩn ở trong cái phạm vi hai lối học ấy, chứ không thoát ly được mà sáng lập ra cái học thuyết nào khác.

“Sự học của ta có chỗ kém ấy là bởi khi xưa sự giao thông không được tiện lợi, sách vở không có đủ mà kê cứu. Hãy xem như ở bên Tàu, trong đời nhà Minh và nhà Thanh, có bao nhiêu học phái ta cũng không biết. Một cái học như Dương-minh-học [tâm học Vương Dương Minh] đầy khắp cả nước Tàu và tràn sang đến Nhật-bản, mà ở bên ta không thấy ai nói đến. Hoặc giả có người nào biết mà nói ra, thì cũng không có ảnh hưởng gì đến sự học thuật”.

Huỳnh Thúc Kháng đưa ra những phân tích quyết liệt hơn trong bài “Lối học khoa cử và lối học của Tống nho có phải là học đạo Khổng Mạnh không?” in ở cuối cuốn Khổng học đấng của Phan Bội Châu, Tập II, Phụ lục, tt.780-781:

“Lối học Tống nho đã nhờ thế lực quân Minh truyền bá sang xứ ta mà bao nhiêu tinh túy của học giới ta từ đời Trần trở lên, đều bị quân Minh quét sạch, gói đi, không còn dấu tích gì, nên từ triều Lê trở đi, chỉ lựa có một thứ học Tống nho với văn khoa cử. Văn học đời Lê, người ta cho rằng đời Lê Thánh Tôn là thanh nhứt, mà xem ông Thánh Tôn, cùng mấy bác văn thân luận học, có giải thích hai chữ ‘đạo lý’ (đạo là chỗ dĩ nhiên, lý là chỗ sở dĩ

nhiên, v.v...) rành là cái giọng Tống nho. Xem thế đủ rõ cái học Tống nho in sâu là ngần nào!

“Điều khốn nạn nhất là học khoa cử, phải theo thuyết Tống nho, mà lại nhận học Tống nho là học đạo Khổng Mạnh! Từ đó bao nhiêu giẻ rách canh thừa của Tống nho, do học trò đời Minh đời Thanh phô trương thêm dẹt thêm, làm mối hàng đất mà bán sang cho ta, nào là Đại toàn, Thể chú, Giảng giải [...]... gì gì đủ thứ, đều là giống thuốc ‘nhồi sọ’ mà người mình vẫn tôn phụng là khuôn mẫu thánh hiền, lầm lạc đến thế là cùng”.

Thấm nhuần trong văn hóa Việt

Trong số các sách bị quân Minh mang về đất Tàu, theo danh sách Phan Huy Chú lập trong Lịch triều hiến chương văn tịch chí, chỉ thấy có duy nhất một cuốn có nhan đề hẳn liên quan tới kinh điển Nho gia, đó là Tứ thư thuyết ước của Chu Văn Trình (Chu Văn An). Sự yếu kém về học thuật là một thực tế, nhưng còn một thực tế khác không thể phủ định. Đó là sự tiếp nhận của quảng đại quần chúng với mấy ngàn năm thấm đẫm lễ nghĩa Nho giáo trong sinh hoạt văn hóa, phong tục tập quán bản địa của người Việt.

Lễ tắc của Nho giáo được chất lọc và Việt hóa, làm thành các nghi thức quan hôn tang tế, và đạo nghĩa là nội dung tu thân tề gia, tiếp nhân xử thế. Tuy chịu ảnh hưởng hài hòa của cả Nho Phật Đạo, nhưng từ gia đình, thân tộc cho tới làng nước, ở đâu cũng thấy người Việt lấy đạo đức Nho giáo làm chuẩn mực giao tiếp. Thậm chí cho tới ngày nay, trong việc kết hôn, cúng giỗ, tang ma, hầu hết người theo các tôn giáo khác vẫn giữ những nét chính của nghi lễ Nho giáo.

Nước ta từng có một chuỗi Văn Miếu từ trung ương cho tới các tỉnh, hiệp cùng với đình làng trong các thôn xã lớn, làm thành một hệ thống miếu đền của Nho giáo. Văn Miếu tại kinh đô Thăng Long được xây dựng từ năm 1070 đời Lý Thánh Tông, trong đó thờ Khổng Tử, Chu Công ở giữa, và Tứ Phối: Mạnh Tử và Tăng Tử ở hướng tây, Nhan Uyên và Tử Tư ở hướng đông. Bên cạnh đó, còn thờ Thất Thập Nhị Hiền: bảy mươi hai người

đệ tử tinh thông Lục nghệ của Khổng Tử. Năm 1075, Lý Nhân Tông cho mở khoa thi tam trường để tuyển người văn học vào làm quan. Năm 1076, vua cho lập Quốc tử giám tại Văn Miếu. Thời Nguyễn, Gia Long đặt Quốc tử giám tại Huế và lập nhà Văn Miếu ở các doanh, trấn; riêng ở kinh đô thì xây dựng Văn Miếu và dựng bia tiến sĩ tại Văn Thánh, phía tây chùa Thiên Mụ.

Suốt mười thế kỷ, triết học Nho giáo đã được các trẻ em mới cấp sách đến trường tiếp cận qua những bài học vỡ lòng lấy từ các sách Ấu học ngũ ngôn, Tam thiên tự, Ngũ thiên tự, v.v... Nhà giáo là các thầy đồ, thuộc tầng lớp sĩ phu, đứng đầu trong

năm giai tầng xã hội: sĩ, nông, công, thương và binh.

Nguyên khí và lương tri

Từ kinh đô đến các thôn làng hẻo lánh, tầng lớp Nho sĩ “tiến vi quan, thoái vi sư” thể hiện thiên chức giáo hóa của mình trong vai trò thầy giáo, quan viên hoặc tham vấn nghi lễ, và trên tất cả, các sĩ phu là nguyên khí và lương tri của một dân tộc có văn hiến và thường xuyên cảnh giác về nền độc lập của mình.

Nho giáo đã góp phần tích cực sản sinh rất nhiều Nho gia Việt Nam xuất sắc trên mọi lãnh vực. Đứng đầu trong lãnh vực giáo hóa là Chu Văn An. Nội trị như Lý Đạo Thành, Tô Hiến Thành, Trương Hán Siêu, v.v... Ngoại giao như Mạc Đĩnh Chi, Ngô Thời Nhiệm, v.v... Quân sự như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Thiệp, v.v... và bác học như Lê Quý Đôn, Nguyễn Trung Ngạn, Phan Huy Chú, Nguyễn Trường Tộ, Trương Vĩnh Ký, v.v...

Sang tới thế kỷ hai mươi, có Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Lương Văn Can cùng các nhà nho trong Đông Kinh nghĩa thực, Trần Quý Cáp cùng vô số nho sĩ trong những cuộc vận động chống sưu thuế ở miền Trung, các nho sĩ trong các phong trào Nghĩa sĩ Lục tỉnh Nam kỳ, Cần Vương, Đông du, Tây du, Duy tân, v.v... Và xuyên suốt lịch sử, không thiếu những danh nho

đã dùng cái chết để bảo vệ khí tiết như Nguyễn Biểu, Võ Duy Ninh, Hoàng Diệu, Nguyễn Cao, Phan Thanh Giản, Trần Bích San, Đặng Thái Thân, Xứ Nhu, v.v... Chư vị sĩ phu ấy là quân tử và thánh nhân của người Việt.

Hết

Tư liệu tham khảo:

- Chu Hi, Tứ thư tập chú, Nguyễn Đức Lân dịch và chú giải, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1998.
- Don Reisman (Senior editor), Religions of the World, Third Edition, Nxb St. Martins's Press, New York, 1993.
- Đào Duy Anh, Hán Việt từ điển, Nxb Trường Thi tái bản, Sài Gòn, 1963.
- Hồ Thích, Trung Quốc triết học sử, Huỳnh Minh Đức dịch, Nxb Khai Trí, Sài Gòn, 1970.
- John Bowket (edited), The Oxford Dictionary of World Religions, Nxb Oxford University Press, New York, 1997.
- Kinh Lễ, Nguyễn Tôn Nhan dịch, Nxb Văn Học, Hà Nội, 1999.
- Lao Tử & Thịnh Lệ (chủ biên), Từ điển Nho Phật Đạo, Mai Xuân Hải biên tập bản dịch, Nxb Văn Học, Hà Nội, 2001.
- Lão Tử, Đạo đức kinh, Nguyễn Duy Cần dịch, Nxb Khai Trí, Sài Gòn, 1968.
- Mel Thompson, Eastern Philosophy, Nxb NTC/Contemporary Publishing, Hoa kỳ, 2005.
- Một số Từ điển Triết học bằng Anh ngữ.
- Nguyễn Hiến Lê, Sử Trung Quốc, Nxb Văn Hóa, Hà Nội, 1996.
- Nguyễn Đăng Thục, Lịch sử triết học phương Đông, Nxb TP Hồ Chí Minh, 1997.
- Nguyễn Tôn Nhan, Bách khoa toàn thư: Văn học cổ điển Trung quốc, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2000.
- Đoàn Trung Còn, Tứ thư, Nxb Thuận Hóa tái bản, Huế 1995.
- Phạm Văn Sơn, Việt sử toàn thư, Nxb Khai Trí, Sài Gòn, 1960.

(xin xem tiếp trang 191)

**GIÁO HỘI TIÊN KHỞI:
MỘT BIỂU TƯỢNG CHÓI LÒA NHẤT VỀ Ý NGHĨA
CỦA TÔN GIÁO TRONG XÃ HỘI CON NGƯỜI**

Nguyễn Anh Tuấn

(Bài số 4)

Đôi lời trước khi vào bài:

Tôn giáo là gì, và chính trị là gì trong xã hội con người? Đây là hai câu hỏi đã trở thành một thách thức đối với lương tâm và trí tuệ không chỉ cho mỗi thời đại, mà cho tất cả các thời đại, nhất là đối với tầng lớp trí thức của xã hội. Khi đề cập đến trí thức, con người nghĩ ngay đến kiến thức, học thức, học vị và bằng cấp đại học — nhưng không mấy ai để ý đến giá trị minh triết có hay không nơi người trí thức? Đời sống được hình thành trên các mối liên giao; đặc biệt là giữa tôn giáo, chính trị và trí thức là cái kiềng ba chân của tất cả mọi xã hội.

Tôn giáo là lương tâm của xã hội. Chính trị là lưỡi gươm trừ gian diệt bạo và là chân tay của xã hội. Và trí thức là trí tuệ của xã hội. Khi ba phạm trù giá trị và chức năng của ba thành phần cột trụ này yếu ớt, đời sống của con người sẽ sụp đổ tan vỡ ê chề. Đó là thảm trạng đau đớn và buồn bã của xã hội Việt Nam hiện nay. Hiện trạng đó buộc chúng ta phải tra vấn: tôn giáo có còn là lương tâm xã hội không? Chính trị là lưỡi gươm để trừ gian diệt bạo để làm cho quốc thái dân an, hay chính trị là tên bạo chúa đi gieo rắc khổ đau oán hận cho muôn dân? Còn lại những người trí thức, họ có còn minh triết đủ để là biểu tượng trí tuệ cho xã hội không? Không có tầng lớp trí thức xã hội không thể nào có tiến bộ được. Khi nào xã hội còn cần sự hiểu biết (understanding), còn cần kiến thức (knowledge), và còn cần sự minh triết (wisdom), thì xã hội con người còn cần những người trí thức chân chính.

Tuy nhiên, kể từ thời Phục Hưng cho đến hôm nay (1365-2008),

trước sự thành tựu vượt bậc của văn minh vật chất của thời hiện đại, phần đông tầng lớp người có học thức, kiến thức, học vị và bằng cấp, họ có rất nhiều sự hiểu biết, có rất nhiều kiến thức về rất nhiều phương diện, nhưng họ đã đánh mất sự minh triết. Đó là một sự mất mát quá lớn lao. Minh triết không thể tìm thấy trong học thức, kiến thức, học vị và bằng cấp. Minh triết là ánh sáng của tâm linh và ánh sáng của trí tuệ. Phật giáo gọi là Tuệ Giác, hay trí huệ bát nhã. Kito giáo gọi là ánh sáng thế gian. Lão - Khổng - Mặc gọi là chiêu minh linh giác. Muốn tìm lại minh triết, người trí thức phải quay về với tôn giáo và đạo lý để trùng phùng hội ngộ với con người ĐẠI NGÃ của chính mình. Ánh sáng của minh triết chỉ xuất hiện với con người khi họ có một đời sống trưởng thành chín chắn về đời sống tâm linh hay tinh thần sung mãn mà thôi. Con người chỉ có thể tìm kiếm sự minh triết với chính đời sống tâm linh của mỗi người. Ở đó có đạo lý, có chân lý và có sự sống chân thật và sung mãn tràn đầy. Ngoài ra, tìm kiếm minh triết trong học thức, kiến thức, học vị và bằng cấp là mê sảng là bắt chước ảo vọng hão huyền.

Vì thế, tôn giáo và đạo lý là con đường độc đạo duy nhất mà người trí thức phải trở về nếu họ muốn tìm lại sự minh triết và khả năng sáng tạo tuyệt vời của họ — bởi vì phục hưng hồi phục lại đời sống tâm linh hay tinh thần là một đòi hỏi quá cấp thiết. Đời sống ấy là suối nguồn của tình yêu, suối nguồn của thánh thiện và suối nguồn của hạnh phúc và hy vọng.

Hãy một lần lắng nghe Blaise Pascal nói với tầng lớp trí thức vô thần tại Âu châu khi họ lãng nhệch và phỉ báng tôn giáo. “Các người phải biết, con người kiêu căng hợm hĩnh kia, có biết bao điều nghịch lý khi các người nhìn lại chính mình. Hãy trở nên khiêm tốn. Này, thứ lý trí yếu đuối cạn cợt kia, hãy lắng nghe những bậc thầy nói về thực trạng của chính các người mà các người chẳng biết được bất cứ điều gì cho ra hồn cả. Và — hãy lắng nghe Thiên Chúa.” (Blaise Pascal: “The Living Testament”, p.237).

Vì thế, tôn giáo và đạo lý đã bị ngộ nhận chết người. Người ta thường nghe về quan niệm của con người về tôn giáo và đạo lý

để đồng ý hay không đồng ý với quan niệm ấy. Tôn giáo và đạo lý, cũng như giá trị nhân bản sâu thẳm của con người, thường vượt ra rất xa tất cả những quan niệm hay định nghĩa của con người về hai phạm trù giá trị đó. Tôn giáo và đạo lý không phải là chuyện “thần bí”, hay chuyện tín ngưỡng của mỗi cá nhân; mà tôn giáo và đạo lý là nền móng căn bản để xây dựng con người, xây dựng gia đình, xây dựng quốc gia, và xây dựng nên cộng đồng nhân loại (global community). Nhất là tôn giáo và đạo lý không bao giờ là “thuốc phiện” như người trí thức vô thần Karl Marx đã khẳng định một cách mù quáng và lầm lạc trong Tuyên Ngôn Cộng Sản để xô đẩy bao tử con người sâu xé nhau vì những miếng bánh. Hình ảnh của Marx là một mẫu mực của trí thức thời đại: có học thức, kiến thức, học vị và bằng cấp, nhưng không có minh triết. Marx và tầng lớp trí thức vô thần, và sùng bái khoa học chỉ biết “nuôi thân”, “nuôi trí”, nên đời sống tâm linh, và tinh thần của họ non nớt, yếu đuối, bệnh hoạn, tăm tối, âm u, và lầm lạc. Và sản phẩm trí tuệ của các “nhân tài” này cũng gần với “chữ tai một vắn” như Nguyễn Du đã minh triết nhận ra. Tai và vạ lớn nhất của tầng lớp trí thức này là một thế giới MẠT PHÁP. Làm sao không mạt pháp được khi thế giới chỉ thấy lúc nhúc những NÔ TÀI từ Đông qua Tây. Trong thế giới nô tài và bái vật đó, không phải THƯỢNG ĐẾ ĐÃ CHẾT như Nietzsche đã mê sảng “nói tầm bậy”; mà chính Marx, Voltaire, Nietzsche đã chết; chết thê thảm, chết la liệt — mặc dù họ vẫn ăn, vẫn uống, vẫn đi đứng nằm ngồi, hay viết lách, để xách động phản loạn những con người thật của họ — đó là con người nhân bản tâm linh (spiritual humanism) của họ thì đã chết — chết thật từ lâu rồi. Khi họ nói: “God is dead” có nghĩa là họ tưởng tượng ra Thượng Đế cũng hữu hình, hữu hạn và hữu sinh, hữu tử như họ. Ô! Đúng là những kẻ mê sảng và mù lòa trước chân lý, và mù lòa trước con người.

Vì thế tôn giáo và chính trị ít khi được làm sáng tỏ. Chính tầng lớp trí thức, hiện thân của trí tuệ trong xã hội, có trách nhiệm và bổn phận làm sáng tỏ hai phạm trù giá trị này. Tiếc thay, tầng lớp trí thức vì quá bái vật và vô thần nên xã hội mà họ tạo nên không còn ĐỨC TIN, không còn TÌNH YÊU, và không còn

HY VỌNG nữa. Tất cả đã bị phá hủy để tạo ra một thế giới đổ vỡ và mất mát ê chề như tất cả mọi người đã thấy. Muốn cứu vãn tình thế, tôn giáo phải tiêu biểu và là hiện thân của lương tâm của xã hội (universal human conscience). Và chính trị phải là hiện thân của lưỡi gươm thiêng (divine sword) để thế Thiên hành đạo, và trừ gian diệt bạo. Trong đó, trí thức ngoài học thức và kiến thức phải có minh triết để gây dựng lại Ý THỨC ĐẠO LÝ và Ý THỨC NHÂN BẢN cho con người.

Xưa Lý Đông A có lần nói: nuôi thân sinh nô tài, nuôi trí sinh nhân tài, và nuôi tâm sinh thiên tài. Lý Đông A là người không có học vị và bằng cấp trong thế giới hàn lâm, nhưng nhờ tu tâm đạo mà thành con người minh triết của Đông phương.

Xưa Chúa Jesus ngồi trong rừng vắng để thiền định 40 ngày. Bầy quỷ sứ đã đến cám dỗ. Chúa đã nói với chúng: “Con người sẽ không chỉ sống bằng bánh mà thôi mà còn sống bằng lời được nói ra từ chính miệng của Thiên Chúa (Matt. 3:4).

Tất cả những lời Chúa đều chứa đựng trong Cựu Ước và Tân Ước. Và đây là cuốn sách chứa đựng tất cả luật lệ trong vũ trụ thiên nhiên và siêu nhiên, mà con người muốn sống THUẬN VỚI THIÊN LÝ phải biết đem áp dụng vào đời sống; còn muốn GIẢ VONG hay muốn chết thì cứ sống phản nghịch lại những luật lệ thiên nhiên đó. Và Đức Thế Tôn cũng nói một câu mà những người muốn tìm lại minh triết thì cần nhớ: “Hãy lấy ĐẠI NGÃ làm đuốc soi đường, hãy lấy ĐẠI NGÃ làm nơi nương tựa. Hãy lấy Thánh Kinh hay giáo luật làm đuốc soi đường, hãy lấy giáo luật làm nơi nương tựa. Ngoài ra đừng tin vào ai cả.” Tiếc thay! Tiếc lắm thay! Trí thức thời hiện đại thật hiếm có người biết giáo luật và đại ngã của con người là gì.

Tất cả con người đều có tiểu ngã và đại ngã. Và tất cả các tôn giáo và các dòng đạo lý chỉ muốn hướng dẫn và điều dắt con người về lại với ĐẠI NGÃ của họ. Ở đó, con người đã “cùng trời đất ba ngôi sánh”. Con người vì lầm lạc vô minh mù quáng tưởng cái giả là cái thật, tưởng cái tiểu ngã là mình nên quay mặt trước cái đại ngã của chính mình. Văn minh vật chất thời

hiện đại (Materialistic Civilization of Modern Age) tưởng con người chỉ sống bằng bánh hay chỉ cần “nuôi thân, nuôi xác”, nên chủ nghĩa nhân bản khai sinh ra những con người có xác mà chẳng có hồn. Chủ nghĩa nhân bản thế tục (secular humanism) khai sinh ra cá nhân chủ nghĩa vô thần (atheist individualism), và cuối cùng sinh ra chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa cộng sản. Tất cả đều chống báng tôn giáo và đạo lý, như kẻ tử thù để khai sinh ra một thế giới. Ở đó con người đã trở thành tai vạ hãi hùng khiếp đảm cho con người, và ở thế giới đó, kiếp nhân sinh đã biến thành địa ngục của miền nhân gian. Trời ơi! Sao trong thế giới nhân bản mà sao chỉ thấy nô tài. Trong thế giới đó, không chỉ có sự minh triết của con người đã hoàn toàn biến mất; mà ngay cả bóng dáng của con người cao cả khả kính cũng không còn nữa. Chỉ vì những cái bánh, hay chỉ vì những bất bình đẳng về kinh tế, con người đã cắn xé nhau tởm tã từ bao thế kỷ qua. Trong một xã hội bất công, con người cần tái lập lại trật tự của đạo đức và thực thi công bằng xã hội để chấm dứt sự bất bình đẳng giữa con người

Vì con người thường cư xử bất công với con người, cho nên vai trò và chức năng muôn thủa của tôn giáo và đạo lý là xây dựng những xã hội có trật tự đạo đức và công lý cho con người. Đó là luật của vũ trụ thiên nhiên và siêu nhiên. Vì thế chống báng tôn giáo và đạo lý là vô tình chống trật tự đạo đức và công bằng xã hội. Tôn giáo và đạo lý đến với trần gian tằm tối và khổ đau này để giúp con người tìm lại chính con người — tức là tìm lại cái THIÊN LÝ TẠI NHÂN TÂM của con người ĐẠI NGÃ. Vì thế chống báng tôn giáo và đạo lý là vô tình chống lại luôn cái THIÊN LÝ của chính mỗi con người. Mình chống lại chính mình. Ta chống lại mình, và mình chống lại ta. Đó có phải là những hành động mê sảng của những con người trí thức vô thần của thời đại không? Đời sống con người, chống miết, chống hoài nên đời sống không còn một giá trị nào cả, ngoại trừ giá trị của sự vật để những con người nô tài tiếp tục sâu xé nhau.

Sự minh triết đã bỏ con người ra đi, hay chính con người đã đang tâm tàn phá hủy hoại sự minh triết quá cần thiết và quá cao quý

cho con người. Trong lúc đó, tôn giáo và đạo lý đã và đang nỗ lực không ngừng từ bao ngàn năm qua, liên tục cho đến hôm nay — là làm thế nào để đem lại sự minh triết ấy cho con người. Bởi vì, ngoài đạo lý, ngoài chân lý và ngoài sự sống hòa đồng hợp nhất với vũ trụ thiên nhiên, con người sẽ không bao giờ tìm được sự minh triết. Tại sao giờ đây vẫn còn có những con người tiếp tục chống báng tôn giáo và đạo lý để suốt đời khuất thân làm một kẻ xa lạ với chính mình, xa lạ với anh em, để suốt đời bước đi trên ngưỡng mê lộ và mê cung đầy lầy lội của bóng tối. Muốn hiểu giá trị của tôn giáo và đạo lý là gì thì phải “nuôi tâm”; chứ đừng “nuôi trí” và “nuôi thân”.

Điều nguy hiểm nhất là ở chỗ con người thường có quan niệm riêng tư của họ về tôn giáo và đạo lý. Nhưng tôn giáo và đạo lý thật sự là gì thì con người thường không hiểu, hay hiểu rất lơ mơ. Ngay cả những tầng lớp trí thức tên tuổi lừng lẫy nhất, họ cũng chỉ có một quan niệm rất hẹp hòi và hời hợt về tôn giáo và đạo lý theo cái chủ quan đầy thành kiến, tiên kiến và định kiến vô cùng sai lầm về tôn giáo và đạo lý của họ. Tất cả những ai chủ trương chỉ sống bằng bánh để nuôi thân và nuôi trí thường mù lòa trước đạo lý, chân lý, sự sống đích thực sâu thẳm của đời sống, và mù lòa trước con người. Những con người như thế thường không biết mình là gì, là ai — như vậy họ làm sao hiểu được đâu là sự thật và đâu là lẽ phải.

Chính vì thế, tôn giáo và đạo lý, cũng như các bậc giáo chủ, các nhà hiền triết, các đạo sư, đạo sĩ và những bậc thầy dạy con người về chân lý, thường khuyên con người hãy tự tìm hiểu lấy chính mình. Con người thường tự hào, tự mãn về học thức, kiến thức, học vị và bằng cấp, nhưng họ thường không có minh triết và thường vô ý thức về chính mình. Như vậy họ đề cao, cổ súy và xưng tụng chủ nghĩa nhân bản thế tục thì chính họ lại không hiểu giá trị nhân bản thực sự là gì.

Ngày nay, muốn thay thế và bổ túc cho giá trị NHÂN BẢN của thời Phục Hưng thì phải xây dựng con người NHÂN BẢN TÂM LINH (spiritual humanism) cho thế kỷ XXI. Muốn thế con người phải trở về với thiên lý tại nhân tâm của chính họ để thấy lại ĐẠI NGÃ, tức khuôn mặt ngàn đời thiên thu của chính mình.

Con người phải lấy đại ngã làm đuốc soi đường. Lấy đại ngã làm nơi nương tựa. Hãy lấy giáo luật làm đuốc soi đường, hãy lấy giáo luật làm nơi nương tựa. Ngoài ra đừng tin vào ai cả. Đó là lời dạy của Như Lai.

Nói tóm lại, muốn hiểu tôn giáo và đạo lý là gì thì phải hiểu tôn giáo và đạo lý là luật — luật là tôn giáo và đạo lý. Cựu Ước và Tân Ước đều là luật giao ước (covenant laws). Tất cả kinh điển của Phật giáo, như Đức Phật đã nói — đều là giáo luật. Ấn Độ giáo, Hồi giáo, Lão giáo và Khổng giáo đều có giáo luật — và các giáo luật ấy chính là luật của đạo đức, và luật ấy cũng chính là luật của vũ trụ thiên nhiên và siêu nhiên trong trời đất (natural and supernatural laws). Trong vũ trụ thiên nhiên đó, con người đều là con cái của đấng Tạo Hóa. Con người đều là Phật sẽ thành (becoming Buddha) và đều trở nên giống như đấng Cứu Thế (becoming Christ). Thiên - Địa - Nhân đồng nhất thể. Nói như Trần Cao Vân, “Ta cùng trời đất ba ngôi sánh.”

Con người cần phân biệt tôn giáo khác đạo lý (Religion and True Way of God). Vì thế Chúa Jesus mới phán rằng: “Ta là Đạo, là Chân Lý và là Sự Sống (Ga. 13,6). Một đạo sư (Guru) của Ấn Độ giáo và Phật giáo, hiện nay đã 400 tuổi, đang tu tại Hy Mã Lạp Sơn, tiết lộ với Paul Twitchell, người Kito hữu của nước Anh rằng:

“Here we come to the term used in the New Testament, called “Jesus Christ” which is only another name for Cosmic Power” (Paul Twitchell, “Dialogues with the Master”, 1970, pub. Illuminated Way Press, San Diego, CA, USA. p. 72). Như vậy, Chúa Jesus đã chịu đóng đinh, chịu chết và phục sinh để về trời với “QUYỀN NĂNG VŨ TRỤ”, với thần khí bao trùm trong vũ trụ, con người và muôn sinh vật khắp mọi nơi — một Thiên Chúa vô hình, vô ảnh, vô thanh, vô xứ, vô thủy và vô chung. Trong khi đó phần đông các tín hữu Kito giáo và hầu như tất cả mọi người vẫn nhìn Chúa Jesus qua hình ảnh 33 năm dưới trần gian (the Son of Man), nghĩa là hữu hình, hữu hạn, hữu sinh, hữu tử như mọi người. Đây là một ngộ nhận cực kỳ nguy hiểm về đạo lý, chân lý và sự sống mà quyền năng vũ trụ muốn đem đến

cho tất cả nhân loại, không phải chỉ riêng cho người Do Thái hay Kito giáo. Từ “the Son of Man” của 33 năm dưới thế gian, Chúa đã về lại với ngôi vị “the Son of God” để điều động tất cả quyền năng của vũ trụ thiên nhiên và siêu nhiên. Từ Thiên Chúa hữu hình (the visible God) trở về vương quốc của Thiên Chúa để trở thành Thiên Chúa vô hình, vô ảnh (the invisible God) của thần khí (Holy Spirit), đem lại sự sống cho con người và muôn sinh vật. Đạo học Đông phương gọi đó là ĐỨC HIẾU SINH của TRỜI ĐẤT.

Còn lại tôn giáo chỉ là một nơi tụ tập, gom góp con người lại với nhau để trở thành một giáo hội, để đem lại ĐẠO LÝ CHÂN CHÍNH CỦA THIÊN CHÚA cho con người (The True Way of God). Vì thế chống báng tôn giáo và đạo lý là chống lại sự thật, chống lại lẽ phải và chống lại sự sống chân thật tràn đầy sung mãn và hạnh phúc khi con người không tách khỏi chiếc nôi của sự sống là vũ trụ thiên nhiên và siêu nhiên. Đó là lời dạy của tất cả các chính giáo. Mục đích của tôn giáo và đạo lý là đem đến cho con người ĐỨC TIN, TÌNH YÊU THƯƠNG, và HY VỌNG. Đức tin không phải mê tín, mà đức tin là niềm tin tưởng mãnh liệt vào chân lý tuyệt đối, đạo lý tuyệt đối, thánh thiện tuyệt đối, quyền năng tuyệt đối, sự sống tuyệt đối — một sự sống thiên thu vĩnh cửu, muôn đời của Thượng Đế, đấng Tạo Hóa, hay Thiên Chúa — tất cả chỉ biểu thị một CHÂN LÝ TUYỆT ĐỐI và TỐI THƯỢNG bất khả tư nghị. Thiên lý trong tâm con người đồng một thể với chân lý tuyệt đối đó. Giữ được Thiên lý trong tâm thì con người thành con người ĐẠI NGÃ. Khi Thiên lý trong tâm bị bóng tối âm u của dục vọng che khuất và bủa vây, sự sống của con người trở nên yếu đuối, lầm lạc, mê mờ. Con người trở thành con người của tiểu ngã. Lúc đó con người sống không chỉ không có đức tin vào Thiên Chúa, mà cũng mất niềm tin vào chính mình, và mất luôn niềm tin vào anh em. Và cuối cùng đời sống bị chủ nghĩa hoài nghi thống trị.

Các nhà thần học Hoa Kỳ cho rằng, con người tìm đến với Thiên Chúa bằng ĐỨC TIN, và con người tìm đến với anh em bằng TÌNH YÊU THƯƠNG. Có đức tin và có tình yêu thương mới có

hy vọng. Không có cái này thì không có cái kia. Con người tự đánh mất chính mình, trước khi họ đánh mất Thiên Chúa và đánh mất anh em của họ.

Vấn đề tìm hiểu tôn giáo và đạo lý đã trở nên thần bí, khó khăn và phức tạp - bởi vì người ta đã tách tôn giáo và đạo lý ra khỏi đời sống con người để mong tìm hiểu nó bằng những quan niệm nông cạn, hay bằng những khái niệm triết học trừu tượng, hay bằng một định nghĩa phát phơ nào đó. Để cho vấn đề tôn giáo và đạo lý được sáng tỏ, chúng ta cần tìm kiếm ảnh hưởng của tôn giáo và đạo lý đã tác động như thế nào vào đời sống thực tế của con người qua mỗi chu kỳ của lịch sử đã qua đi suốt bao ngàn năm qua. Trên những dòng sống thực tế đó, con người sống có đức tin hay không có đức tin? Con người sống có tình yêu thương hay không có tình yêu thương? Và con người sống có hy vọng không hay hoàn toàn vô vọng? Đó là tất cả lý do khi chúng ta duyệt xét lại lịch sử và lịch sử đã thể hiện trọn vẹn đời sống của con người.

Ngoài ra chúng ta phải dùng lời Chúa và giáo luật của các tôn giáo làm đuốc soi đường, làm nơi nương tựa, và làm thước đo cho mọi thực tế. Ngoài ra đừng bao giờ tin vào quan niệm hời hợt, nông cạn của con người; cũng như định nghĩa phát phơ của con người. Tất cả chỉ là những “thằng mù sờ voi” trước đạo lý, trước chân lý và trước sự sống tràn đầy sâu thẳm của con người. Giáo luật, kinh điển, và giáo lý soi vào lịch sử để tìm kiếm.

Và Giáo Hội Tiên Khởi đúng là một biểu tượng đầy đủ ý nghĩa nhất về giá trị tôn giáo và đạo lý trong đời sống của con người. Đây là một bài học lịch sử sống động nhất, bi thương hùng tráng nhất, đẫm máu nhất, nhiều mồ hôi và nước mắt nhất. Trong đó ĐỨC TIN, TÌNH YÊU, và HY VỌNG được thể hiện trọn vẹn nơi các Tông Đồ của đấng Cứu Thế. Ở đó họ đã sống và đã chết cho ĐỨC TIN. Ở đó họ đã sống và chết cho TÌNH YÊU để đem đến HY VỌNG cho tất cả con người. Và chúng ta ngày nay muốn hiểu tôn giáo và đạo lý là gì thì không thể không duyệt lại đời sống con người trong lịch sử — bởi vì những con người khai sinh ra Giáo Hội Tiên Khởi ấy không thuyết minh, lý giải, quảng bá, hoằng dương đạo lý của trời cao bằng lời; mà họ sống với muôn vàn cái chết đấng cay trên các núi sọ của cuộc

đời trần thế do chính đồng loại dành cho họ. Tất cả đã sống và đã chết kiêu hùng lắm liệt vì đạo lý, vì chân lý và vì sự sống của đồng loại trên khắp quả địa cầu này. Con người đã đóng đinh họ, đã cho dã thú cắn xé tởm xác thân của họ, đã cho ngựa kéo lê thân xác của họ trên những hòn đá nhọn, đã xô họ vào hầm sulfur, hay đã thiêu sống họ dưới những ngọn lửa vô tri của hận thù mù quáng và vô minh. Thế mà những con người đó, trước khi nhắm mắt lia đời vẫn ngẩng mặt lên trời cao nguyện cầu: “Lạy Chúa, xin đừng kết tội họ, họ không biết về việc họ làm.” Họ chịu khổ hình, khổ nạn và chịu đóng đinh như Đấng Cứu Thế để ngày nay trở thành biểu tượng chói lòa nhất của đức tin, của tình yêu và hy vọng.

Lịch sử và văn minh của tất cả nhân loại từ Đông qua Tây từ bao ngàn năm qua sản sinh ra được bao nhiêu con người như thế? Những con người như thế, với tâm hồn và trí tuệ như thế, sống như thế, hy sinh như thế, và chết đi như thế có gì thần bí đâu. Lịch sử là gì? Có phải lịch sử chính là đời sống của xã hội con người không? Con người vẫn sống bên nhau từ bao ngàn năm qua; tại sao con người vẫn xa lạ bên nhau, vẫn không bao giờ hiểu được nhau nên cũng chẳng bao giờ biết yêu thương nhau. Và con người vẫn thường gây tai vạ khủng khiếp cho nhau và làm thành bi kịch triền miên của kiếp người. Tại sao? Tại sao lại như thế này. Đây là một câu hỏi chưa có câu trả lời.

Vì thế tôn giáo và đạo lý muốn chấm dứt bi kịch trầm luân hãi hùng cho con người nên mới đem lời của Thiên Chúa đến cho con người, cũng như các tôn giáo đã đem giáo luật đến để giúp cho con người tìm lại đạo lý, tìm lại chân lý và tìm lại sự sống đời này và đời sau cho con người, nhất là tình yêu thương chân thật giữa người và người. Thế giới của tình thương yêu cũng là thế giới vô hình. Thượng Đế, đấng Tạo Hóa, hay Thiên Chúa là tình thương yêu. Chối bỏ tôn giáo và đạo lý là chối bỏ yêu thương. Đức tin hay niềm tin tôn giáo được thể hiện mạnh mẽ trong đời sống Giáo Hội Tiên Khởi là vì ở đó con người đã tìm kiếm được đạo lý, tìm kiếm được chân lý và sự thật, cũng như đã tìm kiếm được sự sống không chỉ những lời của Thiên Chúa; mà còn tìm thấy ngay trong đời sống của đại ngã tâm linh của

chính họ.

Vì thế không có tôn giáo và đạo lý đưa đường chỉ lối, kiếp người sẽ muôn đời vận hành trong mê lộ và mê cung của khổ đau và lầm lạc.

Chúng ta cần có tôn giáo và đạo lý bởi vì tôn giáo và đạo lý là ánh sáng và vì trần gian này quá tăm tối và khổ đau. Chúng ta cần tìm lại con người ĐẠI NGÃ TÂM LINH của mỗi người; bởi chúng ta sống không thể thiếu ĐỨC TIN, không thể thiếu TÌNH YÊU, và không thể thiếu HY VỌNG cho ngày mai. Kể từ 6000 năm qua, khi Adam và Eva ăn trái cấm, con người đã bị xua đuổi ra khỏi Vườn Địa Đàng. Mối tương quan máu mủ ruột thịt giữa CHA và CON là con người và đấng Tạo Hóa đã sụp đổ. Tôn giáo và đạo lý chỉ muốn hàn gắn lại mối tương quan sâu thẳm và thiêng liêng đó giữa CHA và CON. Đó là mục tiêu tối hậu của toàn bộ lịch sử nhân loại.

Nguyễn Anh Tuấn



(tiếp theo trang 180)

- Phan Bội Châu, Khổng học đấng, Nxb Khai Trí, 1960.
- Phùng Hữu Lan, Đại cương triết học sử Trung Quốc, Nguyễn Văn Dương dịch, Nxb Thanh Niên, Tp Hồ Chí Minh, 1999.
- Trần Trọng Kim, Nho giáo, Nxb Trung tâm Học liệu, Bộ Giáo dục, Sài Gòn, 1971.
- Trần Trọng Kim, Việt Nam sử lược. Nxb Văn hóa Thông tin tái bản, Hà Nội, 1999.
- Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Lịch sử Việt Nam, Tập I, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1971.
- Will Durant, Lịch sử văn minh Trung Hoa, Nguyễn Hiến Lê dịch, Nxb Văn hóa tái bản, Hà Nội, 1997.

TẬP SAN THẾ ĐẠO

Chủ Trương

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

Chủ Nhiệm

HT Nguyễn Ngọc Dũ

Chủ Bút

Tố Nguyên

Phụ Trách Kỹ Thuật

Ngọc Dao - Thanh Điền

Phụ Trách Phát Hành

Duy Hòa

Cộng Tác Thường Xuyên

B.S Nguyễn Văn Tho - TS Nguyễn Anh Tuấn

Lê Văn Thêm- Mai Văn Tim-Bạch Y

Duy Văn-Nguyễn Trung Đạo-Tố Nguyên

Trần Công Bé-Song Nguyên-Vân Dương

Quang Thông-Đạt Thông Dương Văn Ngừa.

Yểm Trợ

Bài vở gửi đăng & Tài Chánh yểm trợ
Ban Thế Đạo Hải Ngoại/ Tập San Thế Đạo
xin gửi về:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại

3076 Oakbridge Dr

San Jose, CA 95121-1716

Phone: 408-238-6547 & 408-262-4209

Fax# 408-440-1372

Email: dutani@comcast.net

www.banthedao.org



SANDY DENTAL P.C.

served the North West since 1987
1672 McKee Road - San Jose - CA 95116
(góc đường McKee & McDonald Ave, giữa 101 & đường King)
(408-272-3999)

SANDY DENTAL P.C.

Hệ thống nha khoa Việt Nam hoạt động tại nhiều tiểu bang và được sự tín nhiệm của đông đảo đồng bào từ năm 1987, do nhiều Bác Sĩ Nha Khoa Việt Nam trên 10 năm kinh nghiệm điều hành.

Đặc biệt:

- * Game station cho trẻ em và Cable TV.
- * Tẩy trắng răng thật đẹp chỉ \$80, khám và làm sạch răng chỉ có \$35.
- * Giá cả nhẹ nhàng, uy tín, kỹ thuật cao cùng với tinh thần nghệ thuật và tình cảm.
- * Tiếp đãi ân cần, khung cảnh trang nhã có vườn cây, có suối nước, cá vàng và nhạc êm dịu.
- * Nếu đã trên 6 tháng mà quý vị chưa đi làm sạch răng, hãy đến với Sandy Dental P.C. để có một hàm răng trắng đẹp và một nụ cười duyên dáng.

Trung Tâm Nha Khoa
Dentista

SANDY DENTAL P.C.
408-272-3999

Giờ Mở Cửa

Thứ Hai- Thứ Bảy: 9.00AM- 6.00AM

Nhận Các Loại Bảo Hiểm
Medi-Cal, Healthy Family
Santa Clara Healthy Kids



SANDY DENTAL P.C.

1672 McKee Rd, San Jose, CA 95116
(Góc đường McKee & McDonald, đối diện mì Lacay, giữa 101 & đường King)
(408) 272- 3999

SANDY DENTAL P.C.

1672 McKee Rd, San Jose, CA 95116
(Góc đường McKee & McDonald, đối diện mì Lacay, giữa 101 & đường King)
(408) 272- 3999

COUPON

COUPON

* Tẩy trắng Răng
(Tooth Whitening) **\$80**
Giá bình thường \$300

* Khám tổng quát * X-Rays **\$35**
* Làm sạch răng (Cleaning)
* Giá trị cho bệnh nhân đến khám lần đầu. giá bình thường \$151



Hậu Điện Thánh Thất Cao Đài Houston Texas



TẬP SAN THẾ ĐẠO
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Điện thoại : 408-238-6547
Fax 408-440-1372